

WALTER TEVIS



CHIM NHẠI

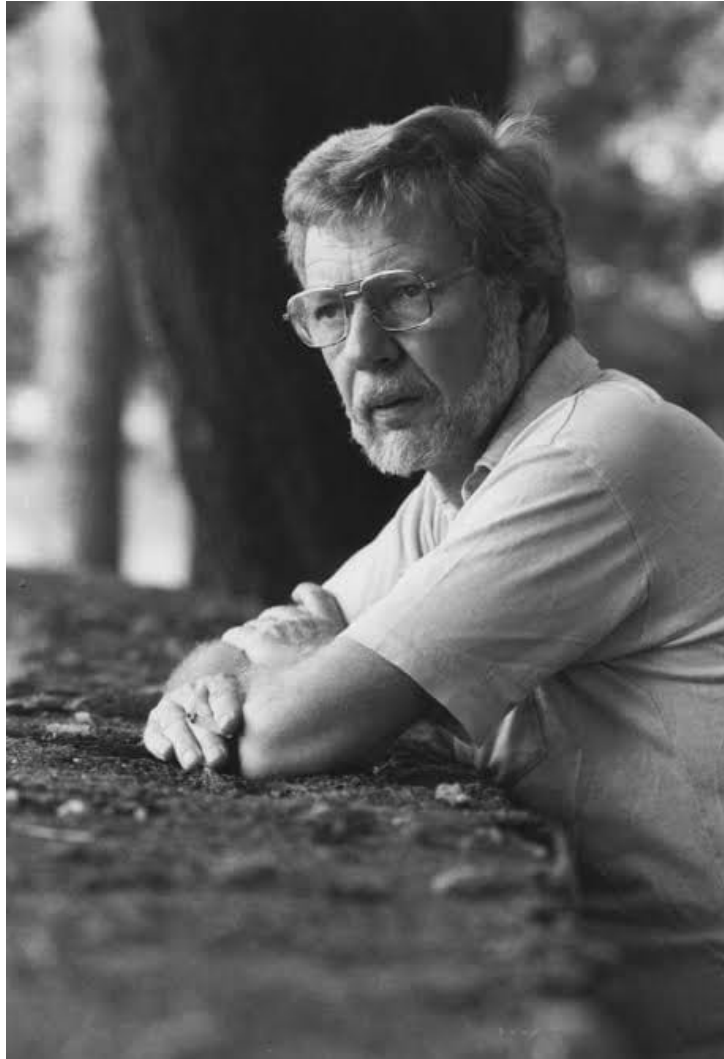
Chỉ có chim nhại hát ở bìa rừng

Người dịch: Hoàng Anh



NHÀ XUẤT BẢN KIM ĐỒNG

Walter Tevis



(1928-1984)

Tiểu thuyết gia và nhà viết truyện ngắn nổi tiếng người Mỹ. Ông dành phần lớn cuộc đời giảng dạy tại Đại học Ohio trước khi chuyển đến New York để trở thành nhà văn toàn thời gian.

Ba tiểu thuyết của ông được dựng thành phim điện ảnh và đoạt nhiều giải thưởng là *Kẻ lừa đảo*, *Màu tiền* và *Hạ phàm*. Năm 2020, một tiểu thuyết khác của ông là *Gambit Hậu* được Netflix chuyển thể thành phim truyền hình ăn khách.

Các tác phẩm:

Kẻ lừa đảo

(1959)

Hạ phàm

(1963)

Gambit Hậu

(1983)

Màu tiền

(1984)

...

Bìa Sau

Thế kỉ 24, trong các đô thị tự động hóa, robot hiện diện khắp nơi, điều hành xã hội theo luật lệ nghiêm ngặt. Bentley - một cá nhân khác biệt giữa thời đại ấy - lần theo dấu vết xã hội loài người đã bị xóa sổ. Anh bí mật xem phim xưa, học chữ để đọc sách, kích hoạt cảm xúc vốn dĩ chỉ hiện diện bên trong con người. Anh bắt đầu cảm nhận được tình yêu. Anh thiết tha gắn bó với một cô gái thông minh táo bạo. Nhưng những điều này lại khiến anh trở thành kẻ phạm luật cần phải giam cầm. Và, hành trình tìm kiếm tự do cùng nhân tính của Bentley - con chim nhại cô độc, khởi đi từ đây.

Chim Nhại, tiểu thuyết khoa học viễn tưởng được nhà văn Walter Tevis viết vào đoạn cuối thế kỉ 20, như một hình dung về nhân loại sau ba trăm năm nữa. Thế nhưng không cần đợi lâu như thế, ngày nay, những vấn đề Walter Tevis đặt ra đã mạnh mẽ trở thành sự thật. Xét cho cùng, robot chỉ được phát minh từ tình yêu mù quáng đối với công nghệ cho phép tạo ra chúng. Chúng giải phóng con người khỏi lao động vất vả, nhưng với trí thông minh nhân tạo không ngừng hoàn thiện, chúng cũng mang theo nguy cơ hủy diệt nhân tính, hủy diệt loài người.

Những quyển sách hay khiến người ta phải suy nghĩ sâu sắc về con người cũng như khả năng tồn tại của họ. Và **Chim Nhại** là một quyển sách như thế.

Dành cho tuổi trưởng thành

MOCKINGBIRD

Copyright ©1980, 2014 BY WALTER TEVIS

This edition arranged with SUSAN SCHULMAN LITERARY AGENCY,
LLC through BIG APPLE AGENCY, INC., LABUAN, MALAYSIA.

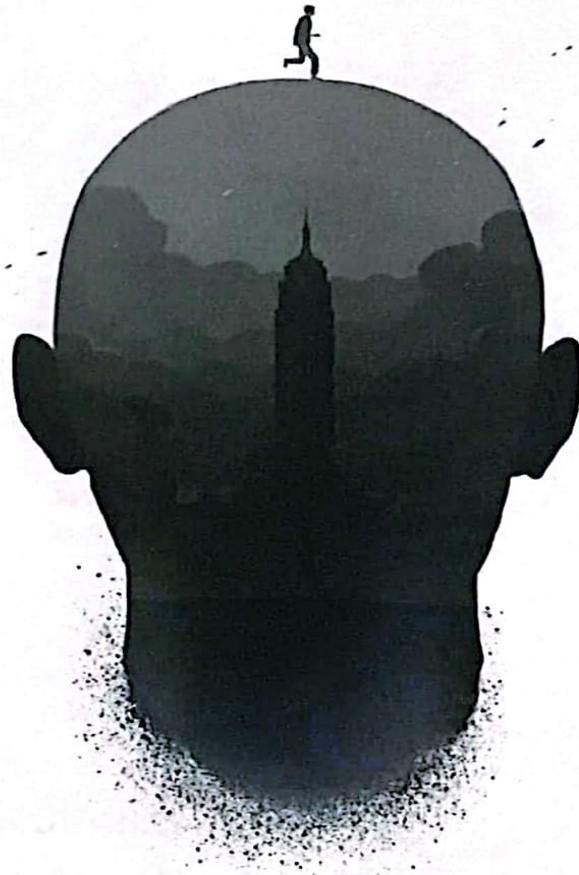
VIETNAMESE edition copyright © 2022 Kim Dong Publishing
House.

All rights reserved.

Xuất bản theo Hợp đồng chuyển nhượng bản quyền giữa SUSAN
SCHULMAN LITERARY AGENCY, LLC và Nhà xuất bản Kim Đồng,
2021.

Bản quyền bản tiếng Việt thuộc về Nhà xuất bản Kim Đồng, 2022.

WALTER TEVIS



CHIM NHẠY

Chỉ có chim nhạy hát ở bìa rừng

Người dịch: Hoàng Anh

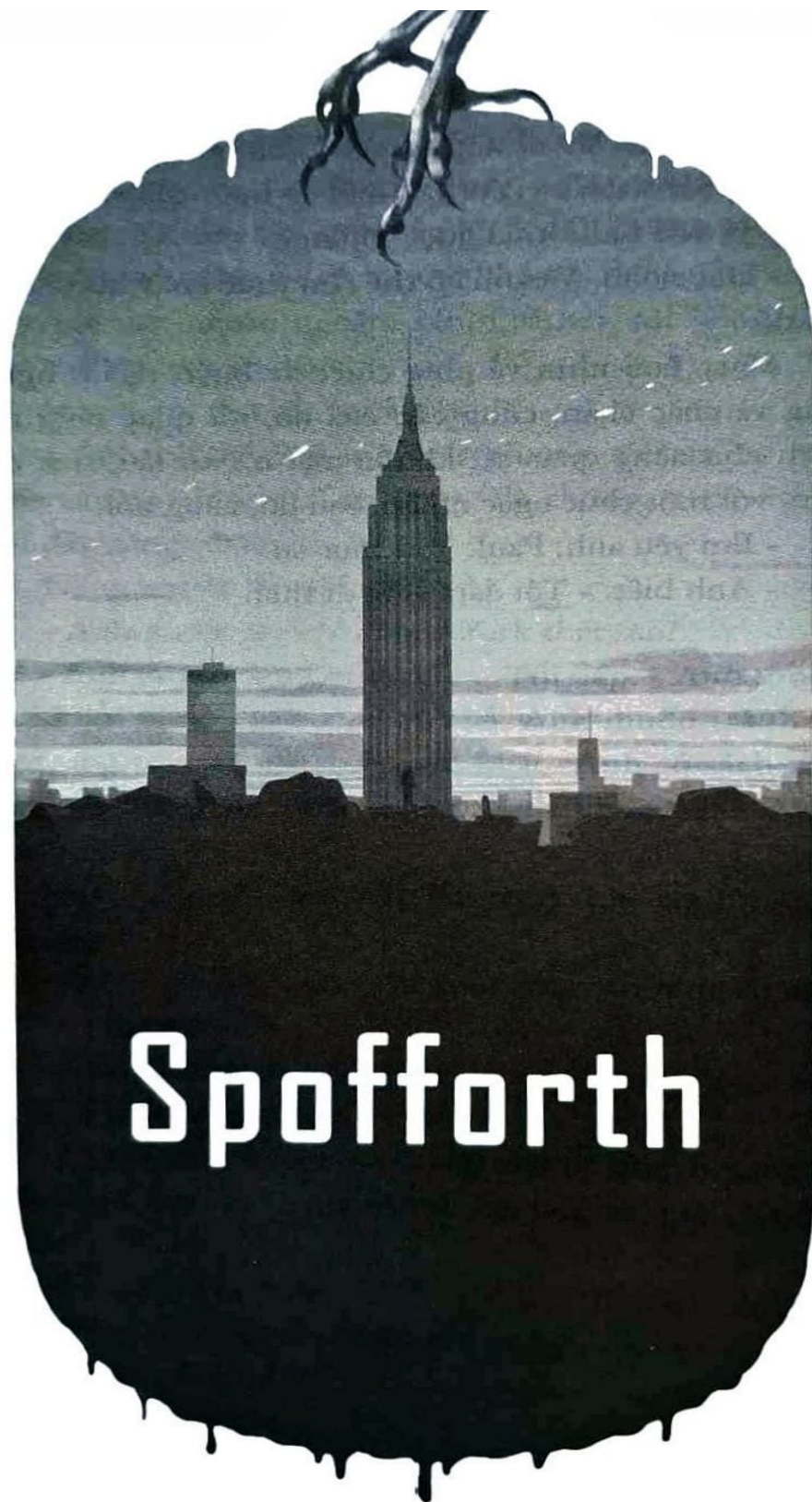
Minh họa: Phúc Niên

NHÀ XUẤT BẢN KIM ĐỒNG

Tặng Eleanora Walkera

*Đời sống nội tâm con người là một cõi rộng lớn, đa dạng,
không chỉ bao gồm những sắp đặt gây kích thích của màu sắc,
hình thù và thiết kế.*

Edward Hopper



Trong khi đi ngược lên Đại lộ số Năm vào lúc nửa đêm, Spofforth bắt đầu huýt sáo. Ông không biết tên của giai điệu, và cũng không muốn biết. Đó là một điệu nhạc phức tạp mà ông thường huýt sáo khi ở một mình. Ngực trần và chân không giày, trên người ông mặc độc quần kaki dài. Bàn chân ông có thể cảm thấy những viên đá lát đường đã mòn nhẵn. Bước đi giữa đại lộ rộng lớn, Spofforth trông thấy nhiều bụi cỏ cao và cây dại mọc hai bên đường, nơi vỉa hè bị nứt vỡ lâu ngày đang chờ những cuộc trùng tu không bao giờ được thực hiện. Từ những mảng cây cỏ ấy vang lên bản hòa ca của những con côn trùng kêu râm ran và giữ cánh. Những âm thanh đó khiến ông khó chịu như mọi khi, vào thời điểm này trong năm - mùa Xuân. Ông đút hai bàn tay to lớn của mình vào túi quần. Sau đó, thấy bất tiện, ông lại rút chúng ra và bắt đầu sải chân chạy những bước dài, thanh thoát, mạnh mẽ, hướng về phía hình bóng đồ sộ của tòa nhà Empire State.

Cửa ra vào tòa nhà có mắt quan sát và giọng nói, nhưng trí não nó là của một thằng khờ - hạn hẹp và vô cảm.

- Đang đóng cửa sửa chữa. - Giọng nói thông báo với Spofforth khi ông đến gần.

- Cầm mồm lại và mở cửa ra. - Spofforth đáp, đoạn nói tiếp. - Ta là Robert Spofforth. Lớp Chín.

- Xin lỗi ngài. - Cánh cửa đáp. - Tôi không thấy...

- Hừm. Mở ra đi. Và bảo cái thang siêu tốc xuống đây đón ta.

Cánh cửa im lặng trong giây lát, trước khi đáp:

- Thang máy không còn hoạt động, thưa ngài.

- Mẹ kiếp. - Spofforth thốt lên. - Ta đi bộ lên vậy.

Cánh cửa mở ra và Spofforth đi vào. Ông băng qua hành lang tối om để tiến đến cầu thang bộ. Ngắt các mạch báo đau ở chân và phổi, ông bắt đầu leo lên. Thôi không huyết sáo nữa, đầu óc tỉnh vì của ông giờ đây chỉ tập trung vào ý định thường niên của mình.

Khi ra đến rìa sân thượng, tại nơi cao nhất thành phố mà người ta có thể đứng, Spofforth mở luồng tín hiệu cho những sợi dây thần kinh ở chân, và cơn đau ập tới. Nó làm ông hơi loạng choạng, một mình trên cao giữa màn đêm không trăng và những ánh sao mờ. Bề mặt dưới chân ông nhẵn nhụi, trơn bóng. Nhiều năm về trước, có lần Spofforth đã suýt trượt chân. *Giá mà chuyện đó xảy ra một lần nữa, ngay tại mép sân này*, ông thất vọng nghĩ thầm. Nhưng điều đó đã không xảy ra.

Spofforth đi tới cách mép sân thượng vài centimet, và không hề có tín hiệu thần kinh, không chú ý, trái với mong muốn, đôi chân ông bỗng ngừng di chuyển. Ông thấy mình bất động như mọi khi, đối diện với Đại lộ số Năm, cách mặt đường đầy mời gọi của nó hàng trăm mét từ trên cao. Ông cúi người trong sự tuyệt vọng, tập trung ý chí vào nỗ lực ngã tới trước, chỉ để đưa cơ thể mạnh mẽ và đồ sộ của mình, cái cơ thể được chế tạo trong nhà máy, ra khỏi tòa cao ốc, xa lìa cuộc sống. Ông gào thét trong lòng đòi được di chuyển, hình dung bản thân ngã lộn nhào, trong một chuyển động chậm rãi, duyên dáng và chắc chắn, xuống con đường bên dưới. Ông khao khát điều đó.

Nhưng cơ thể ông không phải, và cũng không bao giờ là của ông, Spofforth thừa hiểu như vậy. Ông được chế tạo bởi con người, chỉ một con người mới có thể làm ông chết đi. Ông hét lên thật to, quăng quật hai tay, trút giận vào thành phố câm lặng. Nhưng ông không tài nào di chuyển tới trước.

Spofforth đứng đó, đơn độc trên đỉnh tòa nhà cao nhất thế giới, bất động trong suốt phần còn lại của cái đêm tháng Sáu. Thỉnh thoảng hai luồng đèn của một chiếc xe buýt giao cảm lại xuất hiện phía dưới, hơi lớn hơn những ngôi sao một chút, và chậm rãi di chuyển ngược xuôi trên những đại lộ của một đô thị trống rỗng. Không có ánh đèn nào được bật sáng trên các tòa nhà.

Thế rồi, khi vầng dương bắt đầu chiếu sáng vùng trời trên sông Đông và khu Brooklyn nơi không còn cây cầu nào dẫn tới, sự giận dữ Spofforth nguôi ngoai dần. Nếu được trang bị các tuyến lệ, chắc ông đã rơi nước mắt, nhưng ông không thể khóc. Bầu trời sáng rõ hơn giúp ông nhìn thấy đường nét của những chiếc xe buýt trống rỗng bên dưới. Ông có thể thấy một chiếc xe Tầm soát di chuyển dọc theo Đại lộ số Ba. Vầng dương nhợt nhạt của bầu trời tháng Sáu bùng nổ trên khu Brooklyn vắng lặng, lấp lánh phản chiếu qua mặt nước sông trong lành như thuở bình minh của nhân loại. Spofforth lui lại một bước, xa khỏi cái chết mà ông đã tìm đến và luôn tìm kiếm suốt cuộc đời mình. Con thịnh nộ choán đầy tâm trí ông bắt đầu lắng xuống cùng với vầng mặt trời đang mọc lên. Ông sẽ tiếp tục sống, và ông có thể chịu đựng chuyện này.

Spofforth đi xuống cầu thang bụi bặm, lúc đầu còn tương đối chậm rãi, nhưng khi xuống đến sảnh, những bước chân của ông đã lại thoăn thoắt tự tin, đầy sức sống nhân tạo.

Khi rời khỏi tòa nhà, ông nói với cái cửa:

- Đừng có sửa thang máy nhé. Ta thích leo thang bộ.
- Vâng, thưa ngài. - Nó đáp.

Phía bên ngoài, mặt trời đã sáng rực, và đường phố lác đác vài người. Một bà già da đen mặc chiếc váy xanh nhạt vô tình chạm nhẹ khuỷu tay Spofforth và ngược nhìn ông với vẻ mặt lơ đãng. Khi nhìn thấy dấu hiệu của một robot Lớp Chín, bà ta lập tức ngoảnh đi và nói lí nhí:

- Tôi xin lỗi. Tôi rất xin lỗi, thưa ngài.

Bà ta bối rối đứng cạnh Spofforth. Có lẽ bà ta chưa từng nhìn thấy một robot Lớp Chín và chỉ biết đến họ trong chương trình đào tạo trước kia của mình.

- Bà đi tiếp đi. - Ông dịu dàng nói. - Không có chuyện gì đâu.

- Vâng, thưa ngài.

Bà già lục lọi trong túi váy, lôi ra một liều mê dược và nuốt chửng. Sau đó bà ta quay gót, quàng quả bước đi.

Spofforth đi bộ thoăn thoắt dưới nắng về quảng trường Washington, hướng tới Đại học New York, nơi ông làm việc. Cơ thể ông không bao giờ mệt mỏi. Chỉ có tâm trí - bộ não tinh vi, phức tạp và thông thái của ông - là hiểu được ý nghĩa của sự mệt mỏi. Tầm trí ông luôn luôn mệt mỏi.

Bộ não của Spofforth được chế tạo bằng kim loại, còn cơ thể ông được phát triển từ mô sống vào cái thời cách đây đã khá lâu, khi ngành cơ khí tuột dốc nhưng việc sản xuất robot lại là một môn nghệ thuật cao cấp. Thử nghệ thuật đó nhanh chóng suy tàn, để lại thành tựu to lớn nhất là ông. Spofforth là robot cuối cùng của một trăm robot Lớp Chín, những tạo vật mạnh mẽ và thông minh nhất mà con người từng làm ra. Ông cũng là robot duy nhất được lập trình để duy trì sự sống bất chấp mong muốn của bản thân.

Một công nghệ từng tồn tại đã giúp ghi lại mọi kết nối thần kinh, mọi mô thức học tập của một bộ não người trưởng thành để chuyển giao cho bộ não robot. Công nghệ này chỉ được sử dụng cho loạt robot Lớp Chín. Các robot trong loạt này được trang bị những bản sao có điều chỉnh của bộ não một người đàn ông. Người này là một kỹ sư kiệt xuất và đa cảm tên Paisley, nhưng Spofforth không hề quen biết ông ta. Mạng lưới những thông tin và kết nối trong bộ não của Paisley đã được ghi vào băng từ rồi cất trong một két an toàn tại Cleveland. Nhân cách, óc tưởng tượng, cũng như mọi kiến thức của ông ta đã được ghi lại vào năm ông ta bốn mươi ba tuổi, sau đó ông ta rơi vào quên lãng.

Những đoạn băng đã được biên tập lại. Tính cách được xóa tối đa sao cho không ảnh hưởng tới các chức năng “hữu ích”. Chỉ có điều những gì “hữu ích” trong một bộ não lại được quyết định bởi những kỹ sư kém trí tưởng tượng hơn bản thân Paisley. Ký ức của cuộc sống bị xóa đi, và cùng với nó là phần lớn những điều được học hỏi, mặc dù cấu trúc và vốn từ Anh ngữ vẫn được giữ lại. Sau khi biên tập, những đoạn băng chứa một bản sao gần như hoàn hảo của một phép màu tiến hóa - bộ não người. Nhưng một số thứ không mong muốn của Paisley vẫn còn sót lại. Chẳng hạn như khả năng chơi đàn piano, vốn cần một cơ thể có các cánh tay và bàn tay để biểu diễn. Ngoài ra, khi cơ thể robot của ông được chế tạo thì đàn piano đã không còn tồn tại.

Nằm ngoài mong muốn của các kỹ sư tham gia công đoạn sao chép, nhưng không thể tránh khỏi, là những giấc mơ, những khát vọng và mối lo âu vụn vặt. Không có cách nào xóa sạch chúng khỏi các đoạn băng mà không làm tổn hại các chức năng khác.

Dữ liệu sao chép được chuyển vào một quả cầu bạc có đường kính hai mươi ba centimet tạo thành từ hàng ngàn lớp nickel-vanadium cán mỏng và tạo hình bởi các thiết bị tự động hóa. Quả cầu được lắp vào cái đầu của một cơ thể nhân bản chuyên biệt cho nó.

Cơ thể được phát triển một cách cẩn thận trong một bồn thép ở nơi từng là một nhà máy xe hơi tại Cleveland. Kết quả thật hoàn hảo - cao lớn, khỏe mạnh, cường tráng, đẹp đẽ. Đó là cơ thể của một người đàn ông da đen ở giai đoạn rực rỡ nhất trong đời, với những khối cơ sắc nét, phổi và tim khỏe, mái tóc quăn đen nhánh, mắt sáng, cái miệng đẹp với đôi môi dày, và hai bàn tay lớn.

Một số thuộc tính con người cũng được thay đổi: Quá trình lão hóa được lập trình để dừng lại ở ngưỡng phát triển thể chất của tuổi ba mươi, sau bốn năm trong bồn thép. Nó được trang bị để kiểm soát đáp ứng đau của bản thân, và tái sinh trong giới hạn. Chẳng hạn như nó có thể tiếp tục mọc răng mới, ngón tay hoặc ngón chân mới, nếu cần. Nó sẽ không bao giờ bị hói đầu hay mờ mắt, đục thủy tinh thể, xơ vữa mạch máu, viêm khớp. Nó, theo như lời tuyên bố tự hào của các kĩ sư di truyền, là một sự cải tiến công trình của Chúa. Nhưng vì không ai trong số họ có Chúa hiện hữu, lời tự khen ấy nghe thật sai trái.

Cơ thể của Spofforth không có cơ quan sinh dục. “Để tránh xao nhãng,” một trong các kĩ sư đã nói như thế. Vành tai ở hai bên chiếc đầu tuyệt mỹ có màu đen tuyền, nhằm thông báo với bất kì người nào có thể bị kinh ngạc trước sự mô phỏng này rằng ông, xét cho cùng, chỉ là một con robot.

Cũng giống như quái vật Frankenstein, ông được kích hoạt bằng sốc điện. Ông bước ra khỏi bồn thép với cơ thể đã phát triển hoàn

chỉnh và có thể nói được ngay, dù lúc đầu hơi ngọng nghịu. Tại cái phân xưởng rộng lớn và lộn xộn nơi ông được đánh thức đó, đôi mắt đen của ông nhìn quanh với sự sinh động và háo hức. Ông đang nằm trên một chiếc băng ca khi lần đầu tiên trải nghiệm sức mạnh của ý thức như một làn sóng trùn lên thân xác vừa ra đời, trở thành ông. Cổ họng co thắt của ông tắc nghẹn, rồi cất tiếng khóc với toàn bộ sức lực - sức lực để tồn tại trên đời.

Ông đã được đặt tên là Spofforth bởi một trong số ít những người còn biết đọc chữ. Cái tên được lấy ngẫu nhiên từ trong một cuốn danh bạ điện thoại của Cleveland: Robert Spofforth. Ông là robot Lớp Chín, cỗ máy hoàn chỉnh tinh vi nhất từng được chế tạo bởi con người.

Một phần trong chương trình đào tạo năm đầu tiên của ông bao gồm việc giám sát hành lang và làm vài việc vặt vại tại một trường nội trú. Tại đó các thanh niên được dạy những qui định của thế giới mà họ đang sống: Sự hướng nội, Quyền Riêng tư, Sự tự hoàn thiện, Khoái cảm. Chính tại đó, ông đã nhìn thấy cô gái mặc áo choàng đỏ và đem lòng yêu.

* * *

Suốt từ mùa Đông sang đến đầu Xuân, cô gái luôn mặc chiếc áo choàng đỏ thắm phối nhung đen ở ve cổ, màu đen tuyền như than, như mái tóc của cô trên nền lớp da trắng bóc. Màu son đỏ của cô cũng trùng với màu áo. Thời ấy không ai còn đánh son nữa, và việc cô sở hữu vài thỏi son là cả một phép màu. Cô nom thật đẹp khi đánh son. Lần đầu tiên Spofforth trông thấy cô là vào ngày thứ ba ông làm việc tại trường nội trú. Khi đó cô mười bảy tuổi.

Tâm trí ông đã lập tức lưu giữ vĩnh viễn hình ảnh cô. Hình ảnh này đã trở thành một phần chính trong nỗi buồn mà, giữa tiết Xuân tháng Sáu, bắt đầu ngấm sâu vào cơ thể nhân tạo mạnh mẽ của ông.

Lúc được một năm tuổi, Spofforth đã hiểu được cơ học lượng tử, công nghệ robot, và lịch sử các tập đoàn nhà nước ở Bắc Mỹ - tất cả đều được dạy với phương pháp nghe nhìn bởi các robot giáo viên - nhưng ông không biết đọc. Ông cũng không biết tí gì về tình dục, mặc dù có những khao khát mơ hồ trong thứ từng được gọi là trái tim của ông. Thi thoảng, lúc ở một mình trong bóng tối, bụng ông lại nôn nao một cách phiền toái trong vài giây. Ông bắt đầu biết được ở đâu đó trong mình có một cuộc sống bị chôn vùi, một cuộc sống của các cảm xúc. Vào những đêm ấm áp của tháng Sáu đầu tiên trong đời, ông cảm thấy khó chịu thực sự về nó. Ông lang thang từ tòa nhà này sang tòa nhà khác, lắng tai nghe tiếng côn trùng kêu rả rích, và trong màn đêm yên ả của Ohio, ông cảm thấy một sức ép khó chịu trong lồng ngực. Ông đã làm việc cật lực tại trường nội trú, làm nhiều đầu việc chân tay của thứ được gọi là “huấn luyện”, nhưng công việc hiếm khi thu hút được sự chú ý của ông, và sự u uất bắt đầu len lỏi vào đầu ông.

Thỉnh thoảng một số lao công Lớp Bốn bị lỗi, và hình như chẳng bao giờ có đủ máy móc sửa chữa để xử lý các hỏng hóc lật vật ấy. Vài người già được giữ lại để lấp vào chỗ trống khi chuyện đó xảy ra. Một trong số họ là ông già tàn tạ tên Arthur, người thường xuyên bốc mùi rượu gin tổng hợp và chẳng bao giờ mang vợ. Ông ta luôn bắt chuyện với Spofforth theo cách nửa thân thiện, nửa chế giễu khi họ đi ngang qua nhau trong các hành lang hoặc trên một trong những lối đi rải sỏi ngoài vườn. Có lần, khi Spofforth

đang đi thu dọn các gạt tàn thuốc trong cặng tin còn Arthur thì quét sàn, ông già ngừng tay, tựa người vào cây chổi và gọi:

- Ê Bob.

Spofforth ngẩng đầu lên.

- Bob này, cậu là một thằng có tâm trạng. Ta không biết bọn họ cũng chế tạo cả các robot có tâm trạng cơ đấy.

Spofforth không rõ liệu mình có đang bị chế nhạo hay không. Ông tiếp tục bê một chồng gạt tàn nhựa đầy ắp những đầu mẩu cần sa của buổi sáng đến chỗ thùng rác lớn trong góc phòng. Các học viên đã rời đi trước đó ít phút để theo học lớp yoga trên truyền hình.

- Chưa từng thấy robot buồn bã nào trước đây á. - Arthur nói. - Có phải do cặp tai đen thui đó không vậy?

- Tôi là robot Lớp Chín. - Spofforth biện minh.

Lúc đó ông còn trẻ, và việc trò chuyện với con người có thể làm ông cảm thấy không thoải mái.

- Chín cơ à! - Arthur thốt lên. - Khá cao cấp, đúng không? Andy chết tiết điều hành ngôi trường này chỉ mới là Lớp Bảy thôi đấy.

- Andy? - Spofforth hỏi lại, vẫn với chồng gạt tàn trên tay.

- Ờ. Android ấy. Andy là biệt danh mà bọn tôi gọi các cậu hồi tôi còn nhỏ. Hồi đó các cậu chưa nhiều. Cũng chẳng thông minh cho lắm.

- Chuyện đó làm ông thấy phiền à? Chuyện tôi thông minh ấy?

- Không. - Arthur đáp. - Mẹ kiếp, không hề. Ngày nay con người ta ngu dốt đến phát khóc lên được. - Ông già nhìn đi nơi khác, và

đẩy nhẹ cây chổi. - Thông minh là thông minh. Tôi mừng vì quanh đây vẫn còn vài kẻ thông minh.

Nói đoạn ông già ngừng quét sàn và phác một cử chỉ hờ hững quanh gian phòng rộng lớn vắng vẻ, như thể các học viên vẫn còn ở đó.

- Tôi không muốn bắt kì người nào trong số những thằng mù chữ đó lên làm lãnh đạo sau khi rời khỏi đây. - Khuôn mặt nhăn nheo của ông già tỏ rõ sự khinh bỉ. - Một lũ đàn độn bị thôi miên. Rặt những đứa làm biếng. Người ta nên gây mê và nhét thuốc vào mồm chúng nó.

Spofforth không đáp. Có một điều gì đó khiến ông đồng cảm với ông già - mầm mống của một mối quan hệ. Nhưng ông không có chút cảm xúc nào đối với những thanh niên được huấn luyện và dạy văn hóa tại đây.

Ông chẳng có ý niệm cảm xúc nào đối với họ, những nhóm người thường xuyên đờ đẫn, chậm chạp và lầm lì đi từ lớp học này sang lớp học khác, hoặc ngồi một mình trong phòng cá nhân để hút cần và xem những hoa văn trừu tượng trên thiết bị trình chiếu chỉ bé bằng cái ví, tai nghe thứ âm nhạc vô hồn, ru ngủ phát ra từ loa. Tuy nhiên, trong tâm trí ông gần như luôn ngự trị hình ảnh một người - cô gái khoác áo choàng đỏ. Cô đã mặc chiếc áo cũ đó suốt mùa Đông, và vẫn tiếp tục mặc nó vào các đêm Xuân. Đó không phải là khác biệt duy nhất nơi cô. Đôi khi trên khuôn mặt cô có một vẻ lẳng lơ, tự luyến, phù phiếm, khác hẳn những người còn lại. Tất cả bọn họ đều được yêu cầu phát triển “một cách cá nhân”, nhưng ai cũng có vẻ ngoài và cử chỉ giống nhau, với giọng nói lí nhí và khuôn mặt vô cảm. Cô thì đánh hông khi bước đi,

thỉnh thoảng còn cười lớn trong khi những người khác im lặng thu mình. Làn da cô trắng như sữa, và mái tóc cô đen như than.

Spofforth thường xuyên nghĩ đến cô. Đôi khi, nhìn thấy cô trên đường đến lớp, lẻ loi dù được vây quanh bởi những người khác, ông những muốn bước lại gần và chạm nhẹ vào cô, đặt bàn tay to lớn của mình lên vai cô và giữ nó ở đó một lúc, cảm nhận sự ấm áp của nó. Đôi khi ông cảm thấy dường như cô đang nhìn mình bằng đôi mắt sụp xuống, thích thú cười nhạo ông. Nhưng họ không bao giờ bắt chuyện.

- Mẹ kiếp! - Arthur nói tiếp. - Ba chục năm nữa đám robot các cậu sẽ vận hành mọi thứ, con người sẽ không thể tự mình làm cái quái gì được nữa.

Spofforth bèn đáp:

- Tôi đang được đào tạo để điều hành các tập đoàn

Arthur nhìn ông với ánh mắt sắc lẹm, rồi bật cười.

- Bằng cách đi đổ gạt tàn à? Mẹ kiếp! - Ông già lại bắt đầu quét, ấn mạnh cây chổi lớn xuống sàn nhà trắng nhưa. - Ta không biết họ có thể đi lừa một con robot. Lại còn là Lớp Chín nữa chứ.

Spofforth đứng đó với chồng gạt tàn trên tay suốt một phút, mắt nhìn ông già. *Chẳng ai lừa tôi cả*, ông đã nhủ thầm như thế. *Tôi có một cuộc đời phải sống.*

* * *

Vào một đêm tháng Sáu sau cuộc nói chuyện với Arthur một tuần, Spofforth đang đi ngang qua tòa nhà Nghe-Nhìn dưới ánh

trắng thì nghe thấy tiếng sột soạt phía sau bụi rậm bị quên cắt tỉa gần đó. Có tiếng rên của một người đàn ông tiếp nối bằng những tiếng sột soạt khác.

Spofforth dừng chân và nghe ngóng. Có gì đó đang chuyển động, lúc này khẽ khàng hơn. Ông quay người đi vài bước cho đến khi đứng ngay trước bụi rậm um tùm, và nhẹ nhàng vạch đám cây cối ra. Khi nhìn thấy cảnh tượng đó, ông khựng lại, ngỡ người quan sát.

Nằm ngửa phía sau bụi cây là cô gái, với chiếc váy đầm được kéo lên quá eo. Một thanh niên trần truồng, béo tốt đang cưỡi lên người cô ta. Spofforth có thể nhìn thấy những nốt ruồi màu nâu trên làn da hồng hào, giữa hai bả vai của anh ta. Ông cũng nhìn thấy lớp lông mu của cô gái bên dưới đùi của người thanh niên - những sợi lông loăn xoăn đen nhánh trên cặp đùi nuột nà và bờ mông trắng phau, chúng cũng đen như mái tóc, như diềm cổ của chiếc áo choàng màu đỏ mà cô ta đang nằm lên.

Nhìn thấy Spofforth, khuôn mặt cô gái bỗng sa sầm và tỏ vẻ kinh tởm. Cô ta nói với ông, lần đầu tiên và cũng là lần cuối cùng:

- Cút đi, robot! - Cô kêu lên. - Thằng robot chó đẻ! Để bọn tao yên!

Với một bàn tay bấu chặt trái tim nhân bản của mình, Spofforth quay gót và bỏ đi. Chính tại nơi đó ông đã học được một điều mà ông sẽ biết trong suốt phần đời còn lại của mình: Ông không thực sự muốn sống. Ông đã bị lừa - một cách tàn nhẫn - về một cuộc đời thực sự của một con người. Có gì đó trong Spofforth phản kháng lại việc sống cuộc đời đã được gán cho mình.

* * *

Spofforth còn gặp lại cô gái vài lần nữa, nhưng cô ta luôn lảng tránh ánh mắt của ông. Không phải vì xấu hổ, ông biết, tình dục với họ chẳng có gì là xấu hổ cả. “Tình dục chớp nhoáng là tốt nhất”, họ đã được dạy để tin và làm theo như vậy.

Spofforth thấy nhẹ lòng khi được điều từ trường nội trú sang một vị trí công việc có trách nhiệm cao hơn, phụ trách phân phối các sản phẩm sữa tổng hợp tại Akron. Sau đó ông được chuyển tới xưởng sản xuất những chiếc xe hơi nhỏ và điều hành việc chế tạo vài ngàn chiếc xe hơi cá nhân cuối cùng từng được lái bởi bộ phận dân chúng hồi đó còn mê xe. Khi công việc chấm dứt, ông trở thành giám đốc của tập đoàn sản xuất những chiếc xe buýt giao cảm. Đó là những phương tiện vận chuyển với sức chứa tám hành khách, được thiết kế phù hợp cho dân số đang suy giảm. Sau đó ông tới New York để đảm nhiệm chức vụ giám đốc chương trình kiểm soát dân số, làm việc tại văn phòng nằm trên đỉnh của một tòa nhà ba mươi hai tầng, ngày ngày nhìn những chiếc máy tính cổ lỗ thống kê và điều chỉnh tỉ suất sinh của con người. Đó là một công việc nhàm chán, ông phải quản lý những thiết bị cứ liên tục bị sự cố mà không có robot nào được lập trình để hiểu được. Về sau ông được giao vị trí trưởng khoa tại Đại học New York. Cổ máy tính phụ trách điều hành ở đó đã ngừng hoạt động, công việc của Spofforth là thay thế nó và ra những quyết định lật vật giúp vận hành một trường đại học.

Ông tình cờ phát hiện đã có một trăm robot Lớp Chín được nhân bản vô tính và hoạt động với bản sao của cùng một tâm trí

con người. Ông là robot cuối cùng, và những tinh chỉnh đặc biệt đã được thực hiện với các mối liên kết thần kinh trong bộ óc kim loại của ông để ngăn chặn điều đã xảy ra với tất cả những robot cùng lớp: Tự sát. Một số đã biến bộ óc của mình thành những khối đen sì vô định hình bằng thiết bị hàn điện cao thế. Số khác uống dung dịch ăn mòn. Vài robot trở nên điên loạn hoàn toàn, hoảng loạn đi lang thang, đập phá phố phường vào ban đêm và la hét những câu tục tĩu trước khi bị con người phá hủy. Việc sử dụng bộ não người thật làm hình mẫu cho một robot tinh vi là một thử nghiệm. Nó đã được đánh giá là thất bại, và không có robot nào giống như thế được sản xuất thêm. Các nhà máy vẫn tạo ra những robot đơn giản hơn, một số thuộc Lớp Bảy và Tám, để tiếp quản từ con người ngày càng nhiều những chức vụ trong chính phủ, giáo dục, y tế, pháp luật, kế hoạch hóa và sản xuất, nhưng tất cả đều được trang bị bộ não tổng hợp, phi nhân tính, không có chút gì của cảm xúc, nội tâm hay sự tự nhận thức. Chúng chỉ là những cỗ máy tinh xảo, có hình dạng giống con người, được sản xuất kỹ lưỡng, và làm những điều được lập trình để làm.

Spofforth được lập trình để sống mãi, và cũng được thiết kế để không quên một thứ gì. Đội ngũ thiết kế đã không ngồi lại để ngắm xem một cuộc sống như vậy sẽ giống điều gì.

Cô gái mặc áo choàng đỏ sau đó già đi, mập lên và ăn nằm với cả trăm người, đẻ vài đứa con, uống bia như hũ chìm, sống một cuộc đời tầm thường, vô mục đích, đồng thời đánh mất vẻ đẹp của mình. Cuối cùng cô ta chết, được chôn cất và rơi vào quên lãng. Còn Spofforth tiếp tục sống, trẻ trung, khỏe mạnh, đẹp đẽ, nhớ mãi hình ảnh cô ở tuổi mười bảy. Trong khi cô ở độ tuổi trung niên, từ lâu đã quên hình ảnh người con gái khêu gợi, hấp dẫn của mình lúc trước. Ông đã thấy cô, đem lòng yêu cô, và ông chỉ

muốn chết. Nhưng vài tay kỹ sư vô tâm đã làm cho điều đó trở thành bất khả thi đối với ông.

* * *

Hiệu trưởng và trưởng khoa đang ngồi đợi Spofforth khi ông quay về sau cái đêm tháng Sáu thường niên.

Người nhàm chán hơn trong hai người là hiệu trưởng. Tên của ông ta là Carpenter. Ông ta mặc một bộ đồ bằng vải Synlon màu nâu, đi đôi xăng đan cũ mòn, cái bụng tròn lẳn rung rinh lộ rõ sau lớp áo chật theo mỗi bước đi. Hiệu trưởng đang đứng hút cần bên cạnh bàn làm việc lớn bằng gỗ tẻ của Spofforth lúc ông bước vào và nhanh nhẹn tiến đến chỗ ông ta. Carpenter bối rối đứng tránh ra trong khi Spofforth ngồi vào chỗ.

Giây lát sau Spofforth ngược lên nhìn ông ta, không chếch sang phải một chút như phép lịch sự bắt buộc, mà trực diện.

- Buổi sáng tốt lành. - Spofforth nói với chất giọng mạnh mẽ tự tin của mình. - Có vấn đề gì à?

- Ơ... - Carpenter đáp, tỏ ra lúng túng vì câu hỏi. - Tôi cũng không chắc. Ông nghĩ sao, Perry?

Trưởng khoa Perry đưa ngón trỏ lên cạ cạ mũi:

- Có ai đó đã gọi, trưởng khoa Spofforth. Gọi vào đường dây của Đại học. Hai lần.

- Thế à? - Spofforth thốt lên. - Người đó muốn gì?

- Anh ta muốn gặp ông. - Perry đáp. - Về một công việc. Giảng dạy trong dịp Hè...

Spofforth đưa mắt nhìn ông ta:

- Rồi sao?

Perry bối rối ra mặt và lảng tránh ánh mắt của Spofforth.

- Điều mà anh ta muốn dạy là thứ mà tôi không thể hiểu được qua điện thoại. Đó là một thứ mới mẻ... thứ gì đó mà anh ta nói là mới phát hiện cách nay một hoặc hai *hoàng*. - Perry nhìn quanh cho đến khi bắt gặp ánh mắt của người đàn ông mập mạp mặc bộ đồ màu nâu. - Anh ta đã nói thế nào ấy nhỉ, Carpenter?

- Đọc á? - Hiệu trưởng đáp.

- Phải rồi. - Perry nói. - *Đọc*. Anh ta bảo là mình có thể *đọc* được. Chử nghĩa hay cái gì đó. Anh ta muốn dạy chuyện đó.

Spofforth ngồi thẳng người lại:

- Có người nào đó đã học đọc?

Hai người đàn ông quay mặt đi, xấu hổ vì sự ngạc nhiên trong giọng điệu của Spofforth.

- Hai ông có thu âm lại mẫu đối thoại không vậy? - Spofforth hỏi.

Hai người đàn ông nhìn nhau. Cuối cùng Perry lên tiếng:

- Chúng tôi đã quên mất.

Spofforth cố kiềm chế sự bực bội.

- Anh ta có bảo là sẽ gọi lại hay không?

Perry tỏ ra nhẹ nhõm.

- Có, anh ta có bảo như thế, trưởng khoa Spofforth. Anh ta nói sẽ cố gắng liên lạc với ông.

- Được rồi. - Spofforth nói. - Còn gì nữa không?

- Còn. - Perry đáp, tay lại đưa lên cạ mũi. - Lô bóng bồi học phần thường lệ. Ba sinh viên tự tử. Và bản ghi kế hoạch đóng cửa cánh Tây của học khu Vệ sinh Tâm thần đang được cất ở đâu đó, nhưng đội robot không thể tìm thấy. - Perry có vẻ hài lòng khi báo cáo về một sai sót của các robot nhân viên. - Không một robot Lớp Sáu nào biết về chúng, thưa trưởng khoa.

- Là bởi vì tôi đang giữ chúng, trưởng khoa Perry. - Spofforth đáp.

Ông mở ngăn kéo bàn làm việc và lấy ra một trong những quả bóng thép nhỏ, hay còn gọi là bóng bồi, mà người ta vẫn dùng để ghi âm giọng nói. Ông đưa nó cho Perry.

- Nhét cái này vào một robot Lớp Bảy. Anh ta sẽ biết cần phải làm gì với học khu Vệ sinh Tâm thần.

Perry xấu hổ cầm lấy quả bóng và rời phòng. Carpenter cũng nổi gót ông ta. Khi hai người đã đi khỏi, Spofforth ngồi tại bàn một lúc, suy ngẫm về cái tin có người tuyên bố biết đọc. Ông đã nghe nói khá nhiều về việc đọc chữ hồi còn trẻ, và biết kỹ năng ấy đã mất đi trước đó rất lâu. Ông đã từng thấy những cuốn sách - những thứ rất cổ. Vẫn còn sót lại vài cuốn chưa bị phá hủy trong thư viện trường đại học.

Văn phòng của Spofforth rất rộng và tiện nghi. Ông đã tự tay trang trí nó với các bức tranh khắc hình các loài chim biển và một cái tủ trưng bày chạm bằng gỗ sồi mà ông lấy từ một bảo tàng bị giải thể. Trên tủ có một dãy các mô hình robot thu nhỏ, cho thấy phần nào các dạng người máy đã từng được sử dụng trong lịch sử phát triển của ngành nghệ thuật này. Dạng sơ khai nhất, nằm ở

rià trái, là một robot có bánh xe và cơ thể hình trụ, cùng với bốn cánh tay rất thô sơ, lai giữa một thiết bị gia dụng và một sinh vật cơ khí tự hành. Mẫu robot này được làm bằng nhựa Permo và cao khoảng mười sáu centimet. Trong quá trình tồn tại ngắn ngủi của mình, nó được gọi là Wheelie. Nó không còn được sản xuất đã vài thế kỷ nay.

Bên phải Wheelie là một robot có hình dạng giống với con người nhiều hơn và tương đối gần với một mẫu robot thấp cấp hiện nay. Càng nằm về bên phải thì các mẫu robot càng chi tiết và giống con người hơn. Nằm ở đầu mút bên phải là bản sao thu nhỏ của chính Spofforth - tinh xảo, cơ thể con người hoàn chỉnh, đứng thẳng trên hai bàn chân và có đôi mắt sống động của ông, dù chỉ là một mẫu trưng bày.

Một bóng đèn màu đỏ trên bàn làm việc của Spofforth bắt đầu nhấp nháy. Ông ấn vào một cái nút và nói:

- Spofforth đây.
- Tên tôi là Bentley, thừa trưởng khoa. - Giọng nói ở đầu dây bên kia đáp. - Paul Bentley. Tôi gọi tới từ Ohio.
- Có phải anh là người biết đọc chữ? - Spofforth hỏi.
- Vâng. - Giọng nói đáp. - Tôi đã tự học. Tôi có thể đọc được chữ.

* * *

Con khỉ lớn mệt mỏi ngồi trên một chiếc xe buýt lật nghiêng. Thành phố vắng tanh.

Ở trung tâm của màn hình, một cơn lốc xoáy màu trắng xuất hiện và lớn dần. Khi ngừng lại thì nó đã choán hơn một nửa màn hình. Đó là trang nhất của một tờ báo, với một dòng tít to tướng.

Spofforth ngừng máy chiếu khi dòng tít báo đang hiện rõ trên màn hình.

- Đọc đi. - Ông ra lệnh.

Bentley căng thẳng hăng giọng.

- Quái vật khi gieo rắc kinh hoàng trong thành phố. - Anh đọc.

- Tốt. - Spofforth nói, và cho máy chiếu chạy tiếp.

Phần còn lại của bộ phim không có chữ nào xuất hiện. Họ im lặng ngồi xem trò đập phá cuối cùng của con khỉ, màn tỏ tình thất bại, và cái chết của nó, khi con khỉ rơi, gần như lơ lửng, từ tòa nhà cao chọc trời xuống con phố vắng bên dưới.

Spofforth đưa tay bật công tắc, đưa ánh sáng quay lại văn phòng của mình, đồng thời làm cho khung cửa sổ rộng lớn trong suốt trở lại. Căn phòng không còn tối như một phòng chiếu phim nữa. Phía bên ngoài, giữa những bông hoa tươi trên quảng trường Washington, một nhóm sinh viên tốt nghiệp ngồi thành vòng trên bãi cỏ không được cắt tỉa, trong bộ áo thun bằng vải jean. Khuôn mặt họ trở lì như tượng đá. Mặt trời đã lên cao trên bầu trời tháng Sáu. Spofforth đưa mắt nhìn Bentley.

- Thưa trưởng khoa, tôi có được giảng dạy không? - Bentley nói.

Spofforth nhìn anh ta chăm chú một lúc, rồi đáp:

- Không. Tôi rất tiếc, chúng tôi không dạy đọc chữ tại ngôi trường này.

Bentley vụng về đứng dậy:

- Tôi xin lỗi. Tôi cứ tưởng...

- Ngồi xuống đi, thầy Bentley. Tôi tin rằng chúng ta có thể sử dụng năng lực của anh, trong mùa Hè này.

Bentley ngồi xuống. Anh căng thẳng thấy rõ. Spofforth biết sự hiện diện của ông gây áp lực lên người đối diện.

Ông ngả người vào lưng ghế, duỗi cơ, rồi mỉm cười một cách thân thiện với Bentley. Ông hỏi:

- Nói cho tôi biết đi, anh đã học đọc như thế nào?

Bentley chớp chớp mắt nhìn ông trong vài giây, rồi đáp:

- Bằng các tấm thẻ. Tôi đã đọc các tấm thẻ. Và bốn cuốn sách nhỏ: *Những bài tập đọc; Roberto, Consuela và chó Biff*, và...

- Anh lấy mấy cái đó từ đâu?

- Kể cũng lạ. - Bentley đáp. - Trường đại học có một bộ sưu tập các cuốn phim khiêu dâm xưa. Tôi đang tìm chất liệu cho một bài giảng thì bắt gặp một hộp phim cũ còn nguyên niêm phong. Cùng với nó là bốn cuốn sách nhỏ và một bộ thẻ. Khi tôi chiếu phim lên thì nó hoàn toàn không phải là phim khiêu dâm. Nó quay cảnh một phụ nữ đang dạy cho bọn trẻ con trong một lớp học. Có một tấm bảng đen phía sau người phụ nữ, và bà ta viết những kí hiệu màu trắng lên bảng. Chẳng hạn như, bà ta viết từ mà sau này tôi được biết là “phụ nữ”, rồi bọn trẻ đồng thanh đọc to “phụ nữ”. Bà ta lặp lại điều đó với “giáo viên”, “cây” và “nước”, “bầu trời”. Tôi

còn nhớ mình đã xem qua bộ thẻ và thấy hình của một phụ nữ. Phía dưới hình ảnh đó cũng có in những kí hiệu giống y như thứ mà nữ giáo viên đã viết lên bảng. Trong bộ thẻ còn nhiều hình ảnh khác, nhiều kí hiệu khác được viết lên tấm bảng đen cũng như được đọc bởi nữ giáo viên và bọn trẻ. - Bentley chớp mắt, hồi tưởng. - Người giáo viên đó mặc một chiếc váy xanh và có mái tóc trắng, bà ta luôn mỉm cười...

- Rồi anh làm thế nào? - Spofforth hỏi.

- Vâng. - Bentley lắc đầu như thể cố gắng xua tan mẫu kí ức. - Tôi xem đi xem lại đoạn phim đó. Tôi bị nó làm cho mê mẩn, bởi một thứ gì đang diễn ra trong phim mà tôi cảm thấy rất... rất... - Anh luống cuống tìm từ.

- *Quan trọng?* - Spofforth nhắc.

- Đúng vậy. Quan trọng.

Bentley nhìn vào mắt Spofforth trong một thoáng, trái với phép lịch sự bắt buộc. Rồi anh quay mặt đi, nhìn ra ngoài cửa sổ, về phía các sinh viên tốt nghiệp đang ngồi bồn thần trong im lặng, thi thoảng gật gù.

- Rồi sau đó? - Spofforth hỏi tiếp.

- Tôi xem lại đoạn phim nhiều lần đến mức không đếm nổi. Dần dần tôi nhận ra, mặc dù đã biết từ đầu, tôi không hề nhận ra mình biết việc nữ giáo viên và lớp học nhìn vào các kí hiệu trên bảng và nói ra các từ ngữ được diễn đạt bởi các kí hiệu đó. Các kí hiệu cũng giống như hình ảnh vậy. Những hình ảnh thể hiện từ ngữ. Một con người có thể nhìn vào đó và nói ra thành lời. Về sau tôi học được rằng ông có thể nhìn vào các kí hiệu và nghe thấy từ ngữ vang lên

trong đầu. Cũng chính những từ ngữ giống như vậy xuất hiện trong các cuốn sách mà tôi tìm được.

- Và anh đã học được cách hiểu những từ ngữ khác? - Spofforth hỏi với giọng nhẹ nhàng và trung tính.

- Vâng. Chuyện đó cần một thời gian dài. Tôi nhận ra từ ngữ được tạo thành từ các mẫu tự. Các mẫu tự đặc trưng cho những âm thanh riêng biệt. Tôi học hết ngày ngày sang ngày khác. Tôi không muốn dừng lại. Có một sự khoái cảm lạ lùng khi tìm thấy những thứ mà các cuốn sách có thể nói lên trong đầu tôi... - Bentley cup mắt nhìn xuống sàn. - Tôi đã không ngừng lại cho đến khi biết hết mọi từ trong bốn cuốn sách. Chỉ sau đó, khi tìm thấy thêm ba cuốn sách khác, tôi mới phát hiện ra việc mà tôi đang làm được gọi là “đọc chữ”.

Bentley im lặng hồi lâu, trước khi rút rè ngược lên nhìn khuôn mặt của Spofforth.

Ông nhìn anh ta một lúc, rồi khẽ gật đầu:

- Tôi hiểu rồi. Bentley này, anh có nghe nói đến các bộ phim câm bao giờ chưa?

- Phim câm à? - Bentley hỏi lại. - Chưa ạ.

Spofforth nhoẻn cười:

- Tôi không nghĩ có nhiều người biết đến chúng. Phim câm có từ thời rất xa xưa. Một số lượng lớn phim câm đã được tìm thấy mới đây, trong một vụ tháo dỡ.

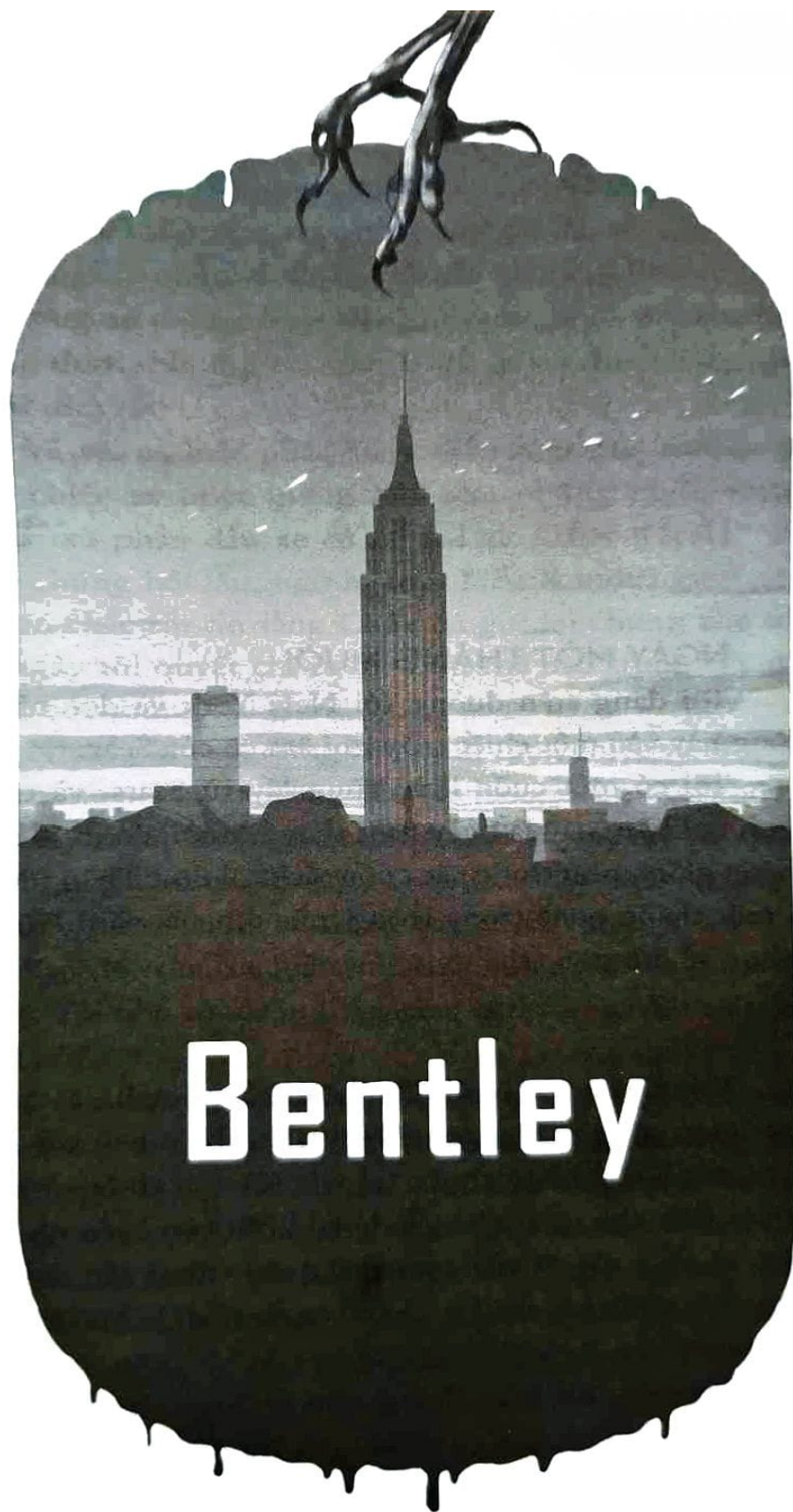
- Thế ạ? - Bentley đáp một cách lịch sự, dù chẳng hiểu gì.

Spofforth chậm rãi nói:

- Vấn đề của các bộ phim câm, là lời thoại của diễn viên không được vang lên, mà được viết ra.

Một lần nữa ông mỉm cười:

- Để hiểu được chúng, người ta cần phải đọc.



NGÀY THỨ NHẤT

Spofforth đã đề nghị tôi công việc này: Nói vào máy ghi âm mỗi buổi tối, sau giờ làm việc, và thảo luận về những gì tôi đã làm trong ngày. Ông đã cấp thêm bóng bồi cho tôi chỉ vì công việc này.

Công việc nhiều lúc buồn tẻ, nhưng dường như có sự tưởng thưởng của nó. Tôi đã làm được đến hôm nay là ngày thứ năm. Đây là lần đầu tiên tôi cảm thấy đủ thoải mái với chiếc máy ghi âm nhỏ để bắt đầu nói về bản thân. Có gì để nói về chính mình nhỉ? Tôi không phải là một người thú vị.

Các cuộn phim rất giòn và phải được nâng niu một cách hết sức cẩn thận. Khi chúng bị gãy - chuyện xảy ra khá thường xuyên - tôi phải mất thời gian tỉ mỉ nối chúng lại. Tôi đã cố gắng yêu cầu trưởng khoa Spofforth phân cho tôi một robot kỹ thuật viên, có thể là một con robot cấp thấp được đào tạo để làm nha sĩ hoặc một loại công việc tỉ mỉ nào đó, nhưng Spofforth chỉ đáp: “Như vậy thì tốn kém quá.” Và tôi tin ông ta nói đúng. Thế nên tôi luôn các cuộn phim vào những chiếc máy cũ kỹ lạ mắt được gọi là “máy chiếu” và đảm bảo rằng chúng được cân chỉnh phù hợp trước khi bắt đầu chiếu lên một màn ảnh nhỏ gắn trên chiếc giường kiêm bàn làm việc của mình. Máy chiếu luôn gây ồn. Nhưng ngay cả tiếng bước chân của tôi hình như cũng ồn ào khủng khiếp dưới tầng hầm của thư viện cổ này. Chưa có ai từng xuống đây, và những bức tường thép không gỉ đã bị rêu phủ đầy.

Khi các từ ngữ xuất hiện trên màn ảnh, tôi dùng máy chiếu và đọc to chúng vào máy ghi âm. Đôi lúc điều này chỉ mất một chút

thời gian, với những chữ như “Không!” hoặc “Hết” chẳng hạn, tôi gần như không do dự khi phát âm chúng. Nhưng những lúc khác, có những cụm từ và cách viết khó hơn xuất hiện, tôi phải nghiên cứu khá lâu trước khi chắc chắn về từ ngữ. Một trong những lần gặp khó khăn nhất của tôi là ngay sau một cảnh phim đầy xúc động, thể hiện một phụ nữ trẻ lo lắng ra mặt. Dòng chữ trên nền đen có nội dung đầy đủ là: “Nếu Bs. Carrothers không đến ngay bây giờ, chắc mẹ sẽ phải từ bỏ các giác quan của mình.” Bạn có thể tưởng tượng những rắc rối mà tôi đã gặp phải với câu đó! Và một trường hợp khác là câu: “Chỉ có chim nhại hót ở bìa rừng” được một ông già nói với một bé gái.

Bản thân các bộ phim đôi khi cũng rất hấp dẫn. Tôi đã xem nhiều bộ phim như thế hơn những bộ còn lại. Tất cả đều là phim đen trắng, và có kiểu chuyển động giật cục giống như của con khỉ khổng lồ trong *Kong trở lại*. Mọi thứ về chúng đều kì lạ, không chỉ là cách các nhân vật di chuyển và phản ứng. Biết nói thế nào nhỉ, có một cảm giác được tham gia vào, cảm giác về những đợt sóng cảm xúc lớn trào dâng trong các cảnh phim. Tuy nhiên, theo những gì tôi biết, chúng đôi khi cũng vô hồn và vô nghĩa như bề mặt nhẵn nhụi của một viên đá. Tất nhiên tôi không biết “chim nhại” là chim gì. Hay “Bs.” nghĩa là gì. Nhưng vượt lên trên những điều làm tôi băn khoăn, trên cả sự lạ lẫm, là ấn tượng cổ xưa của cuộc sống mà chúng truyền tải. Đó là những mẫu cảm xúc mà tôi hoàn toàn không biết đến - những cảm xúc mà tất cả những người thuộc lớp khán giả của những bộ phim xưa này từng cảm nhận, nhưng giờ đã vĩnh viễn mất đi. Sự buồn bã là thứ mà tôi thường cảm thấy nhất. Sự buồn bã. *Chỉ có chim nhại hót ở bìa rừng*. Sự buồn bã.

Tôi thường ăn ngay tại chiếc giường kiêm bàn làm việc. Một bát xúp đậu lăng ăn kèm thịt khỉ xông khói. Hoặc một thanh đậu nành. Robot tạp vụ đã được lập trình để lấy những thức ăn mà tôi yêu cầu từ căng tin trường. Tôi hay ngồi trên giường, tua đi tua lại một đoạn phim và ăn chậm rãi, cố cảm nhận quá khứ mờ tối theo cách của mình. Có những điều tôi đã xem và không thể quên được. Đôi khi đó chỉ là cảnh một bé gái khóc cạnh một ngôi mộ giữa đồng. Hoặc một con ngựa đứng trên phố, với cái mũ rúm ró trên đầu và đôi tai lộ lên. Hoặc cảnh những ông già uống rượu bằng cốc vaj và cười không ra tiếng trên màn ảnh. Mỗi khi xem những thứ như thế, tôi bỗng rơi lệ.

Sau nhiều ngày, tất cả những cảm giác ấy biến mất, và tôi chỉ đơn giản là cố đọc cho hết một bộ phim dài hai cuộn từ đầu đến cuối như một cái máy: “Biograph Pictures hân hạnh giới thiệu bộ phim Những lời ai oán của Margaret. Đạo diễn John W. Kiley. Với sự tham gia của Mary Pickford...” và cứ tiếp tục như vậy cho đến “Hết”. Sau đó, tôi tắt máy ghi âm và lấy quả bóng thép nhỏ ra, đặt nó vào ngăn chứa trong chiếc hộp kín khí màu đen dùng để lưu trữ phim. Rồi tôi chuyển sang bộ phim kế tiếp.

Đó là phần cực nhọc của công việc, khi vượt qua ngưỡng chịu đựng, tôi nâng đỡ bản thân bằng cần sa và những giấc ngủ ngắn.

NGÀY THỨ BA

Hôm nay, lần đầu tiên trong đời tôi chứng kiến một vụ tự thiêu tập thể. Hai người đàn ông và một phụ nữ ngồi trước một tòa nhà sản xuất và buôn bán giày trên Đại lộ số Năm. Hình như họ đã tưới một ít chất lỏng dễ cháy lên cơ thể, vì nhìn người họ ướt. Tôi trông thấy họ đúng lúc người phụ nữ châm một chiếc bật lửa vào

gấu váy jean của mình và những lưỡi lửa nhọt nhọt bắt đầu khép lại quanh họ như những chiếc cánh của một đóa hoa lớn màu vàng. Chắc họ đã được nhồi nhét đầy các loại ma túy, vì không có bất kì dấu hiệu đau đớn nào hiện diện trên khuôn mặt của họ - chỉ có một kiểu cười - từ khi ngọn lửa nhọt nhọt dưới ánh nắng bắt đầu làm họ đỏ rực lên, cho đến khi nó khiến họ hóa đen. Một số người qua đường đã dừng lại để quan sát. Dần dần một mùi khó ngửi bắt đầu bao trùm khu vực, và tôi bỏ đi.

Tôi đã nghe loáng thoáng về những vụ tự thiêu như vậy, luôn theo nhóm ba người, nhưng chưa từng chứng kiến tận mắt trước đây. Nghe nói chúng thường xuyên diễn ra tại New York.

Tôi đã tìm thấy một cuốn sách - một cuốn sách thực sự! Không phải giống như một trong những cuốn sách mỏng mà tôi từng nghiên cứu ở Ohio và chỉ kể về *Roberto*, *Consuela* cùng chú chó *Biff*, mà là một cuốn sách thực thụ, dày, có thể sờ mó được.

Chuyện đó đơn giản là thế này. Tôi tình cờ mở một trong hàng trăm cánh cửa dọc theo hành lang bằng thép không gỉ rộng lớn bên ngoài phòng mình, và tại đó, ở trung tâm của một căn phòng nhỏ trống không, trong một hộp kính, là cuốn sách lớn, dày dặn này. Tôi nhấc phần nắp chụp của cái hộp bám đầy bụi lên và cầm lấy quyển sách. Nó khá nặng, các trang giấy ngả vàng, khô khốc khi chạm vào. Cuốn sách có tên là *Từ điển*. Nó chứa cả một rừng chữ.

NGÀY THỨ NĂM

Giờ đây, khi đã bắt đầu duy trì nhật kí này, tôi nhận ra mình để ý nhiều hơn đến những sự việc lạ lùng diễn ra trong ngày so với

trước đây - để tới đến tôi có thể kể lại vào máy ghi âm, tôi nghĩ thế. Để ý và suy gẫm đôi khi gây căng thẳng và hoang mang đến mức tôi tự hỏi phải chăng người ta đã tính đến điều đó khi làm ra những chiếc máy ghi âm mà các công dân bình thường gần như không thể sử dụng được. Hoặc dạy chúng tôi ngay từ bé câu châm ngôn này: “Nếu nghi ngờ, hãy quên nó đi.”

Chẳng hạn như, tôi đã ghi nhận một điều kì lạ tại vườn thú Bronx, hay đúng hơn là vài điều kì lạ. Tôi đã đi xe buýt giao cảm đến vườn thú vào các ngày thứ Tư trong một tháng liền và nhận ra mình chỉ nhìn thấy năm đứa trẻ ở đó - và dường như luôn là năm đứa trẻ ấy. Tất cả chúng đều mặc áo sơ mi trắng, luôn ăn kem ốc quế, và - có lẽ đây là điều kì quặc nhất - chúng luôn tỏ ra vô cùng vui vẻ hào hứng khi được đến vườn thú. Những khách tham quan vườn thú khác, bằng tuổi tôi trở lên, thường nhìn chúng một cách lơ đãng và mỉm cười, và khi thấy lũ trẻ chỉ về phía một con vật, một con voi chẳng hạn, rồi hét lên “Hãy xem con voi to lớn này!” thì họ quay sang mỉm cười với nhau, như thể được trấn an. Chuyện này có gì đó rờn rợn. Không biết bọn trẻ có phải là robot không nhỉ?

Và đáng sợ hơn, nếu chúng là robot, thì những đứa trẻ thật đâu rồi?

Mỗi khi đi xem Nhà Bò sát, tôi lại thấy một người phụ nữ mặc váy đỏ. Có lúc cô nằm trên một băng ghế gần lũ cự đà, thiếp ngủ, có lúc cô đi qua đi lại một cách nhàn rỗi. Hôm nay cô cầm một chiếc bánh mì kẹp nhân trên tay và quan sát con trăn khi nó trườn qua các nhánh cây giả, phía sau lớp kính của cái chuồng. Bây giờ nghĩ lại, tôi thấy thắc mắc về con trăn. Nó luôn luôn trườn qua mấy cái nhánh cây đó. Và theo như tôi còn nhớ từ rất lâu trước

đây, khi tôi còn nhỏ (cách đây bao lâu, tất nhiên là tôi không có cách nào biết được) những con rắn lớn trong vườn thú thường ngủ say, hoặc cuộn mình thành một đống ở một góc chuồng, trông giống như đã chết. Tuy nhiên, con rắn ở vườn thú Bronx luôn bò trườn và lè lưỡi khiêu khích những người khách tham quan. Có lẽ nào nó là một robot?

NGÀY THỨ MƯỜI MỘT

Tôi bắt đầu thấy ngợp trước những sự việc đã xảy ra. Tôi cảm thấy run rẩy khi ghi lại điều này, khi kể lại những gì tôi nghĩ về ngày hôm nay. Tuy nhiên, nó quá hiển nhiên, quá rõ ràng, ngay khi tôi nhìn thấy nó. Tại sao tôi chưa bao giờ nghĩ đến nó trước đây?

Đó là cảnh trong một bộ phim. Một người phụ nữ lớn tuổi đang ngồi ở hiên trước (tôi nghĩ đây là từ chính xác) của một ngôi nhà nhỏ tối tăm. Bà ta ngồi trên thứ được gọi là “ghế ngựa” và ôm một đứa bé trong lòng. Sau đó, với vẻ lo lắng, bà bế đứa bé lên và cảnh phim biến mất trong giây lát, như thường khi, rồi dòng chữ này xuất hiện trên nền đen: “Em bé của Ellen bị bệnh bạch hầu!” Và khi từ “em bé” xuất hiện trên màn ảnh, tôi chợt nhận ra từ rất lâu, lâu tới nỗi không nhớ nổi, tôi đã không nhìn thấy một em bé thực thụ! Biết bao nhiêu *hoàng*, bao nhiêu *lam*, bao nhiêu *hồng*: Bao nhiêu năm tôi không đếm nổi đã trôi qua, mà tôi chưa từng gặp một đứa bé nào.

Những đứa trẻ đã đi đâu? Và có ai khác từng hỏi câu hỏi này không?

Thế rồi một giọng nói từ quá trình đào tạo thời thơ ấu của tôi cất lên: “Đừng hỏi - Thư giãn đi.”

Nhưng tôi không thể thư giãn.

Tôi sẽ tạm gác vấn đề này sang một bên và dùng một ít mê dược.

NGÀY THỨ MƯỜI CHÍN

Mười chín. Đây là con số lớn nhất mà tôi từng sử dụng. Trong đời tôi chưa có thứ gì cần đếm nhiều hơn thế trước đây.

Nhưng tôi nghĩ vẫn có thể đếm các *lam* và *hoàng* trong cuộc đời của một con người. Chẳng để làm gì, tất nhiên rồi, nhưng tôi có thể làm điều đó.

Thường thì trong các bộ phim tôi thấy những con số lớn. Chúng hay gắn với các cuộc chiến tranh. Con số 1918 đặc biệt thông dụng. Tôi không rõ nó thể hiện điều gì. Có khi nào là một cuộc chiến tranh kéo dài 1918 ngày không? Nhưng chẳng có gì tồn tại lâu đến thế cả. Tâm trí tôi cuống cuống nghĩ ra bất cứ thứ gì lâu dài hoặc to lớn hoặc qui mô như thế.

“Đừng hỏi - Thư giãn đi.” Phải, tôi cần phải thư giãn.

Tôi cần nhớ ăn một vài thanh đậu nành và xốt thịt trước khi dùng mê dược. Hai đêm liền tôi đã quên ăn.

Đôi khi vào ban đêm tôi nghiên cứu cuốn *Từ điển* để học từ mới, và có những lúc điều đó giúp tôi cảm thấy buồn ngủ. Nhưng những lúc khác tôi lại thấy mình bị kích thích bởi chữ nghĩa. Thường thì đó là những từ mà tôi không nắm được định nghĩa - chẳng hạn như “bệnh” hoặc “đại số”. Tôi cứ nhắm đi nhắm lại

chúng trong đầu, và đọc định nghĩa của chúng. Nhưng các định nghĩa này luôn chứa đựng những chữ mà tôi không hiểu nghĩa khác, khiến tôi càng hứng thú hơn. Và tôi buộc phải dùng mê được sau tất cả những chuyện đó.

Tôi không biết làm thế nào để thư giãn.

Vườn thú từng giúp tôi thư giãn, nhưng dạo sau này tôi không tới đó nữa vì bọn trẻ con kia. Không phải tôi phản đối robot, dĩ nhiên rồi. Nhưng mấy đứa trẻ đó rất là...

NGÀY THỨ HAI MƯƠI MỐT

Hôm nay tôi đã đến vườn thú và nói chuyện với người phụ nữ mặc váy đỏ. Cô ngồi trên băng ghế gần chuồng cự đà. Tôi ngồi xuống bên cạnh cô và hỏi:

- Con trần đó là robot à?

Cô gái quay sang nhìn tôi. Có gì đó thật lạ lùng, bí hiểm trong đôi mắt cô - như thể chúng là mắt của một người bị thôi miên. Tôi có thể thấy cô đang suy nghĩ, cô không dùng ma túy. Cô gái không nói gì suốt một lúc lâu, tôi bắt đầu nghĩ cô sẽ không trả lời và sắp thu mình vào trong sự riêng tư trở lại, như cách chúng tôi được dạy khi bị người lạ quấy rầy. Tuy nhiên, ngay khi tôi nhún vai đứng dậy, cô lên tiếng:

- Tôi nghĩ tất cả đều là robot.

Tôi nhìn cô gái, bàng hoàng. Chưa từng có ai nói năng như vậy. Nhưng đó cũng là suy nghĩ của tôi trong nhiều ngày qua. Tôi bối rối đến nỗi đứng dậy bỏ đi, không cả nói lời cảm ơn cô gái.

Khi rời khỏi Nhà Bò sát, tôi lại trông thấy năm đứa trẻ. Chúng đi cùng nhau, tất cả đều cầm kem ốc quế trên tay, đôi mắt mở to đầy háo hức. Tất cả bọn chúng đều nhìn tôi, mỉm cười. Tôi vội quay đi...

NGÀY THỨ HAI MƯƠI HAI

Một trong những điểm hấp dẫn thường xuyên xuất hiện trong các bộ phim là “gia đình”. Đó dường như là một sự thu xếp rất phổ biến vào thời xưa. “Gia đình” là một nhóm người thường xuyên xuất hiện cùng nhau, thậm chí có vẻ như sống cùng nhau. Luôn luôn có một người nam và một người nữ - trừ khi một trong hai người đã chết; nhưng ngay cả như thế thì sau khi chết người đó vẫn thường được nhắc đến, và hình ảnh của người chết (“ảnh chụp”) sẽ được tìm thấy ở gần người sống, trên các bức tường hoặc những thứ tương tự. Tiếp đó là những người trẻ hơn, những đứa con ở nhiều độ tuổi khác nhau. Và điều đáng ngạc nhiên, điều dường như là đặc trưng của những “gia đình” này, nằm ở chỗ người nam và người nữ luôn là *bố mẹ của tất cả những đứa con!* Đôi khi cũng có những người lớn tuổi, và họ hình như luôn là bố mẹ của người nam hoặc người nữ kia! Tôi không biết phải nghĩ thế nào về chuyện này. *Tất cả mọi người dường như đều có liên quan với nhau.*

Không dừng lại ở đó, hầu hết mạch cảm xúc của các bộ phim như vậy dường như đều có mối liên hệ chặt chẽ với sự “có liên quan” ấy. Trong phim chúng được coi là tốt.

Tất nhiên, tôi biết mình không nên cố gắng trở thành người phán xét đạo đức của bất kì ai. Và càng không phải của những người thuộc một thời kì khác. Tôi biết cuộc sống trong phim trái

ngược với phương châm “một mình là tốt nhất”, nhưng đó không phải là thứ làm tôi khó chịu. Nói cho cùng, tôi đã từng dành nhiều ngày bên những người khác - thậm chí đã gặp cùng những học viên hàng ngày trong nhiều tuần. Không phải lỗi Vi phạm Cự li tiếp xúc khiến tôi khó chịu ở những “gia đình” đó, mà có lẽ là việc mọi người chấp nhận những rủi ro như vậy. Họ dường như dành rất nhiều cảm xúc cho nhau.

Tôi bị sốc và cảm thấy buồn vì điều đó.

Và họ nói chuyện rất nhiều với nhau. Môi của họ luôn mấp máy, mặc dù không có tiếng nói nào vang lên.

NGÀY THỨ HAI MƯƠI BA

Đêm qua khi đi ngủ tôi đã nghĩ đến những rủi ro mà người xưa đã chấp nhận trong “gia đình” họ, và sáng nay tôi đã xem bộ phim cho thấy những rủi ro đó có thể nghiêm trọng đến mức nào.

Trên màn ảnh, một ông già sắp chết. Ông ta nằm trên một chiếc giường kì dị kiểu cổ tại nhà - không phải trong một trung tâm chờ chết của bệnh viện - và được bao quanh bởi gia đình mình. Trên tường có treo một chiếc đồng hồ quả lắc. Có những cô gái, chàng trai, đàn ông, phụ nữ, người già - nhiều hơn số lượng mà tôi có thể đếm được. Và tất cả đều không vui, tất cả đều khóc. Thế rồi khi ông ta chết, hai trong số những cô gái trẻ hơn tự quăng mình lên người ông ta và thở hào hển trong những tiếng nấc cảm lạnh. Dưới chân giường có một con chó, và khi người đàn ông chết, nó rúc đầu vào chân tỏ vẻ đau buồn. Rồi chiếc đồng hồ dừng lại.

Toàn bộ cảnh tượng đau đớn không cần thiết đó khiến tôi khó chịu đến nỗi bỏ dở bộ phim và đi đến vườn thú.

Tôi đi thẳng đến Nhà Bò sát, và người phụ nữ đã có mặt ở đó. Ngoài cô chỉ có hai ông già mặc áo len xám đi xăng đan đang hút cần và gật gù trước những con cá sấu trong cái hồ ở trung tâm gian phòng. Cô gái đi lững thững, tay cầm một cái bánh mì sandwich, và dường như không nhìn bất cứ thứ gì.

Tôi vẫn còn chưa hết khó chịu - bởi bộ phim cũng như tất cả những gì đã xảy ra kể từ khi tôi bắt đầu ghi âm nhật kí - và trong một phút bốc đồng, tôi đã đến gần cô để hỏi:

- Tại sao cô luôn ở đây?

Cô gái dừng lại, quay người nhìn tôi với ánh mắt xuyên thấu, bí hiểm đó. Tôi thoáng nghĩ có thể cô đã bị mất trí. Nhưng điều đó là không thể, đội Tầm soát sẽ phát hiện ra nếu cô rơi vào trường hợp đó, và cô sẽ bị tống vào Trại, bị nhồi đầy rượu gin cùng Valium phóng thích kéo dài. Không, cô hẳn phải tỉnh táo. Tất cả những người đi bộ thoải mái giữa những người khác đều tỉnh táo.

- Tôi sống ở đây. - Cô gái đáp.

Không ai sống ở vườn thú cả, theo tôi được biết. Và mọi công việc của vườn thú đều được đảm trách, giống như ở tất cả các cơ quan công cộng, bởi những con robot thuộc loại này hay loại khác.

- Tại sao? - Tôi hỏi.

Đó là một sự Xâm phạm Quyền Riêng tư. Nhưng bằng cách nào đó, tôi cảm thấy qui định đó không áp dụng được ở đây. Có lẽ là do tất cả những loài bò sát đang trườn quanh và uốn éo trong các chuồng kính xung quanh chúng tôi. Cùng những tán lá giả sum suê, xanh mướt trên những thân cây nhân tạo.

- Tại sao không? - Cô hỏi lại, rồi nói tiếp. - Hình như anh cũng đến đây rất nhiều lần.

Tôi cảm thấy mình đỏ mặt:

- Đúng vậy. Tôi đến đây mỗi khi cảm thấy... khó chịu.

Cô gái nhìn tôi chăm chăm:

- Anh không dùng thuốc à?

- Có chứ. Nhưng tôi vẫn đến vườn thú.

- Chà! - Cô gái thốt lên. - Tôi không dùng thuốc.

Giờ thì đến lượt tôi nhìn chăm chăm vào cô. Đó là một chuyện không thể tin nổi.

- Cô không uống thuốc sao?

- Tôi từng làm thế. Nhưng giờ thì chúng làm tôi phát ốm. - Nét mặt cô dịu đi một chút. - Ý tôi là, tôi nôn mửa mỗi khi uống thuốc.

- Nhưng chẳng phải có loại thuốc dành cho chuyện đó hay sao? Ý tôi là, một robot được sỡ có thể...

- Tôi đoán là có. Nhưng không lẽ tôi không thể nôn ra một viên thuốc chống nôn hay sao?

Tôi không biết mình có nên mỉm cười với điều đó hay không, nhưng tôi đã cười. Mặc dù tất cả chuyện này thật sốc.

- Cô có thể tiêm...

- Thôi quên đi. - Cô nói. - Hãy thư giãn.

Đột nhiên cô quay lại và nhìn về phía chuồng cự đà. Những con cự đà, như mọi khi, thật sống động. Chúng nhảy quanh như những

con cóc trong chuồng kính. Cô cắn một mẩu bánh mì và bắt đầu nhai.

- Vậy là cô sống ở đây. Tại vườn thú? - Tôi hỏi.
- Đúng vậy. - Cô ấy đáp giữa những cái nhai.
- Sống như vậy cô không thấy... chán sao?
- Chúa ơi, có chứ.
- Vậy tại sao cô ở lại?

Cô gái nhìn tôi như thể không định trả lời. Tất nhiên, tất cả những gì cô phải làm là nhún vai và nhắm mắt lại, và theo Phép Lịch sự Bắt buộc tôi sẽ để cho cô yên. Bạn không thể xâm phạm Tính cá nhân mà không bị trừng phạt.

Nhưng dường như cô gái quyết định trả lời tôi, và tôi thấy thật cảm kích - tôi không biết tại sao - khi nhận ra cô sẽ trả lời.

Cô đáp:

- Tôi sống ở sở thú. Bởi vì tôi không có việc làm và cũng không có nơi nào khác để sống.

Hình như tôi đã nhìn chăm chăm cô gái trong một phút. Rồi tôi hỏi:

- Tại sao cô không bỏ đi?
- Tôi đã làm điều đó. Tôi đã sống trong Trại lưu giữ Người bỏ cuộc trong ít nhất hai *hoàng*. Cho đến khi tôi bắt đầu nôn mửa vì hút cần và dùng thuốc.

Tất nhiên tôi đã nghe nhắc đến cần sa của Trại lưu giữ Người bỏ cuộc. Nó được trồng trên những cánh đồng rộng lớn bằng thiết bị

tự động và được cho là nặng đến khó tin. Nhưng tôi chưa bao giờ nghe nói có ai phát ốm vì nó.

- Nhưng khi cô tái hòa nhập... cô không được giao việc sao?
- Tôi không tái hòa nhập.
- Cô không...
- Không hề.

Sau đó, cô cho nốt mẩu bánh mì cuối cùng vào miệng và lại quay mặt về phía chuồng cự đà, nhai nhóp nhép. Trong một thoáng, tôi không cảm thấy hoang mang mà chỉ giận dữ. Những con cự đà ngu ngốc nhảy loi choi kia!

Rồi tôi nghĩ, *mình nên tố giác cô ta*. Nhưng ngay lúc đó tôi cũng biết mình sẽ không làm thế. Đáng lẽ ra tôi cũng phải tố giác vụ tự thiêu tập thể, như bất kì người có trách nhiệm nào. Nhưng tôi đã không làm. Có lẽ chẳng ai làm cả. Chẳng ai bị tố giác nữa.

Khi đã ăn xong, cô gái quay sang tôi và nói:

- Tôi bỏ trốn khỏi trường nội trú sau đó tới đây. Hình như không ai để ý đến tôi.

- Nhưng cô sống bằng cách nào? - Tôi thắc mắc.

- Ồ. Dễ ợt. - Đôi mắt của cô gái bốt xuyên thấu đi một chút. - Chẳng hạn nhé, bên ngoài tòa nhà này, có một máy bán bánh mì sandwich. Loại hoạt động với thẻ tín dụng. Và vào mỗi buổi sáng, một robot phục vụ sẽ đến để chắt bánh mì tươi vào máy. Tôi phát hiện ra trong lần đầu tiên đến đây, nửa *hoàng* trước, rằng robot luôn mang theo nhiều bánh mì hơn sức chứa của máy. Anh ta là một robot cấp thấp, vì vậy anh ta chỉ đứng đó với năm chiếc bánh

mì thừa trên tay. Và tôi tước chúng từ anh ta. Đó là những gì tôi ăn trong ngày. Nước thì tôi uống từ các đài phun.

- Và cô không làm việc?

- Anh biết chuyện công ăn việc làm giống như thế nào trong những ngày này rồi đấy. - Cô gái nhìn tôi chăm chăm. - Họ thậm chí phải tắt bớt robot đi để có việc cho chúng ta.

Tôi biết đó là sự thật. Tất cả đều biết, tôi tin vậy. Nhưng chưa ai thực sự nói ra điều đó.

- Cô có thể làm vườn... - Tôi nói.

- Tôi không thích làm vườn. - Cô đáp.

Tôi bước đến và ngồi xuống băng ghế nằm cạnh chuồng trăn. Hai ông già đã rời đi, và chúng tôi chỉ còn lại một mình. Tôi không nhìn cô gái.

- Vậy cô làm gì? - Tôi hỏi. - Cô làm gì khi buồn chán? Ở đây không có ti vi. Và cô không thể sử dụng các Cơ sở giải trí ở New York khi không có thẻ tín dụng. Không có cách nào được nhận thẻ tín dụng nếu không có việc làm...

Không có câu trả lời nào cất lên, và trong một phút tôi đã nghĩ cô không nghe thấy tôi nói. Nhưng rồi tôi nghe thấy tiếng bước chân của cô gái, và trong giây lát sau cô đã ngồi xuống bên cạnh tôi.

- Dạo gần đây. - Cô nói. - Tôi đang cố gắng ghi nhớ cuộc đời mình.

“Ghi nhớ cuộc đời mình.” Cụm từ kì quặc đến mức tôi không thốt nên lời. Tôi chỉ nhìn con trăn đang trườn qua các cành cây, tất cả đều không phải đồ thật.

- Anh nên thử làm chuyện đó. - Cô nói. - Đầu tiên hãy nhớ một điều đã xảy ra, sau đó nhắm đi nhắm lại nó. Đó là sự “ghi nhớ”. Nếu duy trì điều đó đủ lâu, tôi sẽ nhớ tất cả và tôi sẽ nghĩ về nó như một câu chuyện, hoặc một bài hát.

Chúa ơi! Tôi thầm nghĩ. *Cô ta không thể tỉnh táo được.* Nhưng cô ta vẫn ở đây, đội Tầm soát đã để cô ta yên. Thế rồi tôi nghĩ: *Là do không dùng ma túy.* Điều gì có thể xảy ra với tâm trí cô ta...?

Tôi đứng dậy khỏi băng ghế, cáo lỗi rồi bỏ đi.

NGÀY THỨ HAI MƯƠI TƯ

“Ghi nhớ cuộc đời mình.” Tôi không thể xóa cụm từ này ra khỏi tâm trí. Suốt quãng đường từ Bronx qua Manhattan rồi về đến thư viện trên xe buýt, tôi nhìn vào khuôn mặt của những con người dễ chịu, rụt rè, tẻ nhạt đang ngồi, cẩn thận giữ khoảng cách với nhau, trên những hàng ghế xe buýt, hoặc đi lại trên các đại lộ, né tránh ánh mắt của nhau. Ghi nhớ cuộc đời mình, tôi cứ tiếp tục nghĩ trong đầu. Tôi không thể phớt lờ, dù không thể hiểu hết được ý nghĩa của nó.

Khi xe buýt đến gần thư viện và tôi gửi cho nó mong muốn dừng lại ở cầu thang cuốn phía trước, tôi nhìn thấy một số lượng lớn người trên đường, và đột nhiên một cụm từ khác thay thế cụm từ đã liên tục ám ảnh trong tâm trí tôi này giờ: *Tất cả những người trẻ tuổi đang ở đâu?*

Bởi vì trong đám đông kia không có ai trẻ cả. Mọi người đều ít nhất cũng bằng tuổi tôi. Và tôi lớn tuổi hơn nhiều ông bố trong các bộ phim. Tôi lớn tuổi hơn Douglas Fairbanks trong *Thuyền trưởng Blood*. Lớn hơn nhiều.

Tại sao không có ai trẻ hơn tôi. Có đầy những người trẻ trong các bộ phim tôi xem. Họ chiếm số lượng áp đảo.

Có chuyện gì bất thường ở đây?

NGÀY THỨ HAI MƯƠI LĂM

Tôi lớn lên tại trường nội trú cùng với những nam sinh và nữ sinh khác, không có lớp nào nhỏ hơn lớp chúng tôi. Chúng tôi là những đứa nhỏ nhất. Tôi không biết có bao nhiêu người trong chúng tôi trong cụm tòa nhà cũ kĩ bằng nhựa Permo gần Toledo đó, vì chúng tôi chưa bao giờ được đếm và bản thân tôi cũng không biết đếm.

Tôi nhớ ở đó có một tòa nhà cũ yên tĩnh được gọi là Tịnh xá Nhi đồng, nơi chúng tôi sẽ đến tham gia buổi huấn luyện về thế giới riêng và sự thanh tịnh trong khoảng một giờ mỗi ngày. Ý tưởng là ngồi giữa một căn phòng đầy trẻ em ở độ tuổi của bạn và quên đi sự hiện diện của chúng, trong khi quan sát những vệt sáng đầy màu sắc chuyển động trên một màn hình ti vi lớn ở cuối phòng. Những liều mê dược nhỏ được phục vụ bởi một robot cấp thấp - Lớp Hai - vào đầu mỗi buổi. Tôi nhớ mình đã phát triển bản thân đến mức có thể vào lớp sau bữa sáng, ở lại một giờ sau khi viên thuốc ngọt ngào tan trong miệng, và lên đường đến lớp học tiếp theo của mình, mà không hề hay biết về sự hiện diện của bất kì ai khác - mặc dù chắc hẳn phải có hàng trăm đứa trẻ khác đi cùng tôi.

Tòa nhà đó đã bị giải thể bởi một đội gồm các cỗ máy lớn và robot Lớp Ba khi chúng tôi tốt nghiệp, chuyển lên chương trình đào tạo thanh thiếu niên. Rồi khi tôi được đưa tới Kí túc xá Người

lớn sau đó một *lam*, Kí túc xá Nhi đồng của chúng tôi cũng bị phá nốt.

Chúng tôi có lẽ là thế hệ trẻ em cuối cùng.

NGÀY THỨ HAI MƯƠI SÁU

Hôm nay tôi lại chứng kiến một vụ tự thiêu khác, vào giữa trưa.

Nó xảy ra tại quán Burger Chef trên Đại lộ số Năm. Tôi thường tới đó để ăn trưa, vì thẻ tín dụng mà tôi được Đại học New York cấp cho phép chi xài nhiều hơn nhu cầu thực sự. Tôi vừa ăn xong chiếc burger rong biển và đang lấy một cốc trà thứ hai từ ấm samovar thì cảm thấy một luồng gió phả tới phía sau lưng mình và nghe ai đó thốt lên “Chúa ơi!” Tôi quay lại với cốc trà trên tay, và ở phía cuối nhà hàng, có ba người ngồi trong ô cửa họ đang bốc cháy bùng bùng. Ngọn lửa sáng rực trong không gian tối khiến lúc đầu thật khó để nhìn ra ba con người đang cháy. Nhưng dần dần tôi thấy được họ, ngay khi khuôn mặt họ biến dạng và chuyển sang màu đen. Họ đều là những người già - phụ nữ, tôi nghĩ vậy. Và dĩ nhiên chẳng có dấu hiệu đau đớn nào. Trông họ cứ như đang chơi đánh bài, trừ việc bốc cháy đến chết.

Tôi muốn hét lên, nhưng dĩ nhiên tôi đã không làm thế. Tôi cũng định ném cốc trà vào mấy thi thể già nua tội nghiệp ấy, nhưng Quyền Riêng tư của họ không cho phép tôi làm điều đó. Thế nên tôi chỉ đứng nhìn.

Hai robot phục vụ bước ra khỏi bếp và đứng cạnh họ - để bảo đảm ngọn lửa không lan ra, tôi đoán thế. Không một người nào nhúc nhích. Không ai nói gì.

Cuối cùng, khi mùi khét trở nên không thể chịu nổi, tôi rời quán. Nhưng tôi khựng lại khi thấy một người đàn ông đứng nhòm qua cửa kính, quan sát ba kẻ tự thiêu. Tôi đứng cạnh ông ta trong chốc lát. Rồi tôi thốt lên:

- Thật không thể hiểu được.

Người đàn ông nhìn tôi, thoạt đầu với vẻ mặt vô cảm. Sau đó ông ta nhúu mày tỏ ra ghê tởm, nhún vai và nhắm mắt lại.

Mặt tôi đỏ lựng vì xấu hổ khi nhận ra mình đang khóc. Khóc giữa nơi công cộng.

NGÀY THỨ HAI MƯƠI CHÍN

Tôi bắt đầu thực sự viết ra những dòng này. Hôm nay là một ngày nghỉ và tôi không phải xem phim. Điều tôi làm là lấy vài tờ giấy vẽ và một cây bút trong lớp Thể hiện bản thân rồi bắt đầu viết ra những gì được thu âm trong nhật kí của mình, bắt chước các mẫu tự to ở trang đầu cuốn *Từ điển*. Ban đầu chuyện đó khó đến nỗi tôi cảm thấy mình sẽ không bao giờ theo kịp: Tôi phải tua lại vài từ trong máy ghi âm để viết chúng xuống giấy. Nó nhanh chóng trở thành một cực hình. Và việc cố gắng đánh vần những từ dài là điều khó khăn nhất. Một số từ tôi đã học từ các bộ phim, và may mắn thay, một số từ cực kì dài tôi cũng vừa mới xem trong *Từ điển* nên có thể tìm thấy chúng ở đó, dù phải mất một chút công sức.

Tôi tin có một nguyên tắc sắp xếp các từ trong *Từ điển* - để chúng có thể được tìm thấy một cách dễ dàng nhưng tôi chưa nắm bắt được. Có nhiều trang, tất cả các mục từ đều bắt đầu bằng

cùng một chữ cái, thế rồi rất đột ngột, chúng chuyển sang bắt đầu bằng một chữ cái hoàn toàn khác.

Sau nhiều giờ viết lách, bàn tay tôi trở nên đau nhức và không thể cầm bút được nữa. Tôi phải uống vài viên giảm đau, nhưng khi uống xong, tôi phát hiện ra chúng làm cho tôi khó tập trung hơn vào việc mình đang làm, khiến tôi quên nhiều mặt chữ.

Tôi từng đoán ma túy có thể tác động lên một con người như thế này, nhưng chưa bao giờ có một chứng cứ đáng thuyết phục đến vậy.

NGÀY THỨ BA MƯƠI MỐT

Hôm nay tôi không đến vườn thú.

Tôi cặm cụi chép các từ ra giấy suốt cả ngày, xuyên trưa, cho đến hiện tại, khi ngoài trời đã tối. Cơn đau ở tay tôi trở nên dữ dội, nhưng tôi không uống giảm đau, và sau một khoảng thời gian, dường như tôi quên bằng nó. Thật ra có một - nói sao nhỉ? - một sự tưởng thưởng nào đó trong việc tôi ngồi đây, với bàn tay và cổ tay đau nhức, chép từng chữ ra một tờ giấy. Tôi đã chép lại nhật kí đến ngày thứ hai mươi chín, và mặc dù tôi đang ngồi đây, thu âm những điều này, tôi đã bắt đầu nghĩ tới việc lấy thêm giấy vào ngày mai để tiếp tục công việc ghi chép.

Có một thứ không ngừng nhấn nhá trong đầu tôi. Đó chính là cụm từ “Ghi nhớ cuộc đời mình” mà người phụ nữ ở Nhà Bò sát đã nói hôm nọ. Khi chép lại nó chừng một tiếng trước, tôi có thể thấy điều gì đó trong những con chữ, điều khiến tôi mất một lúc mới nắm bắt được hoàn toàn. *Việc mà tôi đang làm chính là ghi nhớ cuộc đời mình.* Viết ra giấy không giống như nói vào máy ghi âm,

nó là một hành động trí não mà người phụ nữ đó gọi là “ghi nhớ”. Tôi dùng tay sau khi chép hết cụm từ “Ghi nhớ cuộc đời mình”, và quyết định làm một việc nho nhỏ. Tôi lấy cuốn *Từ điển*, lật trang cho tới khi các mục từ đều bắt đầu bằng mẫu tự “G”, và xem xét chúng. Một lúc sau tôi nhận ra có một kiểu sắp xếp nhất định, vì những từ bắt đầu bằng “G” và tiếp nối bởi “H” đều ở cạnh nhau. Tôi tiếp tục mày mò cho tới khi, sau một hồi tìm kiếm, tôi tìm thấy từ “Ghi nhớ”. Nó được định nghĩa là “hành động học thuộc lòng”. Lạ lùng thay, người ta dùng từ “lòng”, “học thuộc lòng”. Dù không hiểu cặn kẽ, nhưng từ “lòng” có vẻ phù hợp, vì tôi biết trong lòng mình luôn luôn tiếp nhận mọi thứ. Luôn như vậy.

Trong đời hình như tôi chưa bao giờ thấy, nghe và suy nghĩ một cách sáng rõ đến thế. Có khi nào là do hôm nay tôi không dùng ma túy? Hay là do hành động viết lách này? Cả hai đều mới mẻ và liên quan mật thiết với nhau đến nỗi tôi không thể chắc chắn là do cái nào. Thật lạ lùng khi cảm thấy như vậy. Có một sự say mê trong đó, nhưng linh cảm rủi ro cũng khiến tôi khá hoảng sợ.

NGÀY THỨ BA MƯƠI BA

Đêm qua tôi mất ngủ. Tôi nằm thức trên giường, mắt nhìn trần trối lớp thép không gỉ trên trần nhà. Vài lần tôi đã định gọi robot tạp vụ để yêu cầu cung cấp mê dược, nhưng rồi tôi quyết tâm không làm như thế. Có vẻ như tôi thích tận hưởng sự mất ngủ. Tôi ngồi dậy một lúc, rồi bắt đầu đi lại quanh phòng. Nó khá sáng sủa với một tấm thảm dày và nặng màu tím. Một bàn làm việc được gắn với giường ngủ của tôi, và trên bàn là cuốn *Từ điển*. Mọi ý nghĩa được khóa trong các từ ngữ, và cùng với nó là sự hoài niệm quá khứ!

Tôi quyết định đi ra ngoài. Đêm đã khuya. Ngoài đường không còn ai, và mặc dù New York khá an toàn, tôi vẫn cảm thấy căng thẳng, thậm chí có phần sợ hãi. Trong đầu tôi có một suy nghĩ mà tôi không thể gạt bỏ, và tôi đã quyết định không dùng mê dược. Tôi dùng ý nghĩ để triệu tập một chiếc xe buýt giao cảm, rồi ra lệnh cho nó chở mình tới vườn thú Bronx.

Ngồi một mình trên xe, tôi quan sát qua cửa sổ trong khi nó đảo một vòng qua những khu nhà và bãi đất trống của Manhattan. Tôi nhìn ánh đèn trong các tòa nhà, nơi một số người vẫn còn đang ngồi xem ti vi. New York rất yên bình, đặc biệt là vào ban đêm, nhưng tôi nghĩ tới những con người đang xem ti vi, những mảnh đời ấy, và tự nhủ, *Họ chẳng biết gì về quá khứ của chính họ, cũng như của bất kì ai khác*. Dĩ nhiên điều đó là sự thật, tôi luôn biết như vậy. Nhưng trong đêm khuya, trên chiếc xe buýt chạy xuyên qua New York hướng tới vườn thú, tôi càng cảm nhận điều đó rõ hơn, và tính chất lạ lùng của nó bắt đầu làm tôi choáng ngợp.

Nhà Bò sát tối om nhưng không bị khóa. Tôi gây ra tiếng động khi mở cửa bước vào và nghe thấy cô gái ngạc nhiên cất tiếng:

- Ai đó?

- Là tôi đây. - Tôi đáp.

Tôi nghe thấy tiếng cô gái khẽ thốt lên rồi nói:

- Chúa ơi! Giờ thì cả vào ban đêm.

- Vâng. - Tôi đáp.

Sau đó tôi thấy một ngọn lửa hộp quẹt hiện lên, chớp chờn trước khi ổn định lại, và nhận ra cô gái vừa thắp một ngọn nến.

Chắc cô lấy nó ra từ trong túi. Cô đặt ngón nén lên băng ghế.

- Ô, thật mừng là cô có nén. - Tôi nói.

Hình như cô nằm ngủ trên ghế, vì cô đuổi người trước khi đáp:

- Lại đây. Anh có thể ngồi xuống đây.

Tôi bèn tiến lại ngồi cạnh cô. Tôi có thể cảm thấy đôi tay mình run rẩy. Tôi thầm mong cô không để ý điều đó. Suốt một lúc lâu chúng tôi im lặng ngồi trên ghế. Tôi không thể nhìn thấy lũ bò sát trong các ngăn chuồng bằng kính, chúng cũng không gây ra tiếng động nào. Căn phòng hoàn toàn im lặng. Ánh nén chuyển động trên khuôn mặt cô gái. Cuối cùng cô cất tiếng:

- Lẽ ra anh không được vào vườn thú ban đêm.

- Cô cũng thế.

Cô gái nhìn xuống đôi tay của mình đang đặt trên đùi. Có gì đó dễ thương trong cử chỉ ấy. Tôi đã từng xem nó nhiều lần trong các bộ phim. *Mary Pickford*. Cô ngước lên nhìn tôi. Ánh mắt mãnh liệt của cô được ánh nén làm dịu đi đôi chút.

- Sao anh lại đến đây? - Cô hỏi.

Tôi nhìn cô một lúc trước khi đáp:

- Là do câu nói của cô hôm nọ. Tôi không thể gạt nó ra khỏi đầu. Cô đã nói rằng cô đang ghi nhớ cuộc đời mình.

Cô gái gạt đầu.

- Lúc đầu tôi không hiểu ý nghĩa của câu nói đó. - Tôi nói tiếp. - Nhưng giờ tôi nghĩ mình đã hiểu. Thật ra, tôi cũng đang cố gắng làm việc đó, hoặc một điều tương tự như thế. Không phải quãng đời thơ ấu, không phải lúc ở trường nội trú hay trên đại học, mà

quãng đời hiện tại của tôi, vừa bắt đầu cách đây chưa lâu. Tôi đang cố ghi nhớ nó. - Tôi ngừng lại, không biết phải nói tiếp như thế nào.

Cô gái chăm chú quan sát khuôn mặt tôi.

- Vậy thì tôi không phải người duy nhất. - Cô nói. - Có lẽ tôi đã khởi xướng một điều gì đó.

- Phải, có lẽ vậy. Nhưng tôi có một thứ cô sẽ thấy hữu ích. Cô biết máy ghi âm là gì không?

- Hình như có. Có phải là thứ anh nói vào đó và nó lặp lại không? Giống như khi anh gọi tới thư viện để hỏi thông tin và giọng nói trả lời anh không phải của một người trực tiếp nói ra ngay lúc đó, mà của ai đó đã nói từ trước.

- Ừ, đại loại thế. Tôi có một chiếc máy ghi âm. Tôi nghĩ có thể cô sẽ muốn dùng thử nó.

- Anh có đem nó theo không? - Cô hỏi.

- Có.

- Tốt. - Cô nói. - Chuyện này thú vị thật, nhưng chúng ta cần ánh sáng.

Cô đứng dậy rời khỏi vùng sáng của ngọn nến. Tôi nghe tiếng cô mở một thứ gì đó. Rồi một tiếng tách vang lên, gian phòng tràn ngập ánh sáng. Các ngăn chuồng bằng kính bỗng sáng lóa, và cùng với chúng là tất cả các loài bò sát, từ cự đà, trăn, thằn lằn xanh, cho đến cá sấu nâu. Tất cả im lìm không nhúc nhích giữa đám cây cối giả. Cô gái quay lại ngồi cạnh tôi. Lúc này tôi có thể nhìn thấy mái tóc cô rối bù, da mặt cô có những vết hằn do nằm ngủ trên băng ghế. Nhưng cô vẫn có vẻ tươi tắn và rất tỉnh táo.

- Chúng ta cùng xem xét chiếc máy ghi âm nào. - Cô nói.

Tôi lục trong túi và lấy máy ra.

- Nó đây. Tôi sẽ chỉ cho cô cách thức hoạt động của nó.

Chúng tôi đã ngồi đó suốt một giờ đồng hồ. Cô gái bị mê hoặc bởi chiếc máy ghi âm và xin phép được giữ nó một khoảng thời gian, nhưng tôi đáp rằng điều đó không thể được, tôi cần nó cho công việc của mình, và máy ghi âm rất khó kiếm. Suýt nữa tôi đã kể với cô về việc đọc chữ và ghi chép, nhưng có gì đó đã ngăn tôi lại. Có lẽ tôi sẽ kể cho cô nghe vào một thời điểm khác. Khi tôi nói đã đến lúc mình phải về, cô hỏi:

- Nhà anh ở đâu? Anh làm việc tại đâu?

- Tại Đại học New York. - Tôi đáp. - Nhưng tôi chỉ làm công việc thời vụ trong mùa Hè này. Tôi sống ở Ohio.

- Anh làm công việc gì ở trường đại học?

- Tôi làm việc với các cuộn phim xưa. Cô có biết phim là gì không?

- Cuộn phim á? Không. - Cô đáp.

- Các cuộn phim cũng giống như băng hình ấy. Chúng ghi lại những hình ảnh chuyển động. Chúng được sử dụng trước khi người ta phát minh ra ti vi.

Đôi mắt cô mở to.

- Trước cả khi ti vi được phát minh sao?

- Phải. - Tôi đáp. - Thời xưa lắc xưa lơ, khi ti vi còn chưa ra đời.

- Chúa ơi. - Cô thốt lên. - Làm sao anh biết được chuyện đó?

Thật ra, dĩ nhiên là tôi không biết, nhưng qua các bộ phim đã xem, tôi đoán chúng xuất hiện trước khi ti vi được phát minh, bởi vì trong nhà của các gia đình trên phim chẳng bao giờ có chiếc ti vi nào cả. Khái niệm về sự tiếp nối của các sự kiện và hoàn cảnh - rằng mọi thứ không phải lúc nào cũng giống như hiện tại - là một trong những điểm lạ lùng và gây ngỡ ngàng khi tôi biết được những thứ mà tôi chỉ có thể gọi là quá khứ.

- Thật kì lạ khi nghĩ đến chuyện đã có lúc ti vi không tồn tại. - Cô gái nói. - Nhưng tôi cảm thấy có thể hiểu được. Tôi cũng cảm thấy rằng mình có thể hiểu được rất nhiều điều kể từ khi bắt đầu ghi nhớ cuộc đời mình. Rằng chuyện này xảy ra sau chuyện kia và trên đời có một thứ được gọi là sự thay đổi.

Tôi nhìn cô ấy.

- Trời ơi, đúng thế. - Tôi nói. - Tôi hiểu cô muốn nói gì.

Sau đó tôi cầm lấy chiếc máy ghi âm của mình và ra về. Chiếc xe buýt vẫn đang đợi tôi. Trời đã bắt đầu sáng. Vài con chim đang hót, và bất giác tôi nghĩ, *chỉ có chim nhại hót ở bìa rừng*. Nhưng lần này, tôi không cảm thấy buồn bã.

Khi bắt đầu đi về phía chiếc xe buýt, tự dưng tôi cảm thấy lúng túng. Như thể cô gái vừa giúp tôi một việc tuyệt vời. Sự căng thẳng khiến tôi phải đến đây giữa đêm khuya giờ đã tan biến như thể tôi vừa dùng hai viên Nembucaine... Nhưng không biết làm thế nào để cảm ơn cô, tôi đành chỉ quay vào trong tòa nhà và nói “chúc ngủ ngon” trước khi ra về một lần nữa.

- Khoan đã. - Cô gái nói.

Tôi quay lại đối diện với cô.

- Tại sao anh không đưa tôi đi cùng?

Câu nói gây ra một cú sốc cho tôi.

- Để làm gì? - Tôi hỏi. - Cô muốn làm tình à?

- Biết đâu đấy. Nhưng không nhất thiết. Tôi muốn... sử dụng máy ghi âm của anh.

- Tôi không biết nữa. - Tôi nói. - Tôi có một thỏa thuận với trường đại học. Tôi không chắc...

Đột nhiên khuôn mặt cô gái thay đổi. Nó trở nên méo mó một cách đáng sợ trong cơn tức giận, giống như trên khuôn mặt của một số diễn viên trong phim.

- Tôi tưởng đâu anh khác. - Giọng cô run rẩy, nhưng có kiểm soát. - Tôi cứ tưởng anh không quan tâm đến việc Vi phạm. Các Quy định ấy.

Sự tức giận của cô khiến tôi lo lắng. Thể hiện sự giận dữ ở nơi công cộng - theo một nghĩa nào đó, chúng tôi đang ở nơi công cộng - là một trong những Vi phạm tồi tệ nhất. Gần tệ như việc tôi khóc bên ngoài quán Burger Chef vậy. Nhớ lại vụ khóc lóc của mình, tôi không biết phải nói gì.

Cô hẳn đã coi sự im lặng của tôi là lời phản đối, hoặc là sự khởi đầu của việc rút vào phạm vi cá nhân, vì cô đột nhiên nói:

- Chờ đã.

Cô bước nhanh ra khỏi Nhà Bò sát trong khi tôi đứng đó, không biết phải làm gì. Giây lát sau cô quay trở lại, cầm theo một cục đá to bằng bàn tay mình. Chắc cô đã lấy nó từ một trong mấy cái bồn hoa phía ngoài. Tôi ngẩn ra nhìn.

- Hãy để tôi chỉ cho anh thấy thế nào là Vi phạm và Qui tắc cư xử. - Cô nói.

Đoạn cô lùi lại và đập cục đá vào mặt kính phía trước của chuồng trần. Thật đáng kinh ngạc. Một tiếng động lớn vang lên và mặt trước của cái chuồng sụp vào bên trong. Một mảnh kính lớn hình tam giác rơi xuống sàn nhà cạnh chân tôi, vỡ tan tành. Trong khi tôi kinh hoàng đứng đó, cô bước đến gần cái chuồng, thò tay vào trong và kéo con trần ra. Tôi rùng mình. Sự tự tin của cô thật đáng nể. Điều gì sẽ xảy ra nếu con vật không phải là robot?

Cô lôi đầu con vật ra ngoài, banh miệng nó ra, và cúi xuống để nhìn vào trong. Sau đó, cô chìa cho tôi xem cái đầu trần đang há miệng đầy dữ dằn. Chúng tôi đã đúng. Trong họng nó là cục pin hạt nhân không thể lẫn vào đâu được của một robot Lớp D.

Quá kinh hoàng trước những gì cô gái làm, tôi không thể thốt nên lời.

Và trong lúc chúng tôi đứng đó, với tư thế có lẽ trông giống như một cảnh trong bộ phim xưa - cô đắc thắng bẻ con trần còn tôi kinh hãi nhìn mức độ thiệt hại mà cô vừa gây ra - thì một tiếng động đột ngột vang lên phía sau lưng tôi. Tôi quay lại đúng lúc cánh cửa trên tường nằm giữa hai trong số các chuồng bò sát bật mở. Một robot an ninh cao lớn, kiêu hãnh bước ra ngoài. Vừa tiến về phía chúng tôi, anh ta vừa tuyên bố với giọng lồng lộng:

- Hai người đã bị bắt. Hai người có quyền giữ im lặng và...

Cô gái tỉnh bơ ngược nhìn robot cao to hơn hẳn mình và ngắt lời anh ta:

- Biến đi, robot. - Cô nói. - Câm mồm lại và biến đi.

Robot an ninh im bật, không nhúc nhích.

- Robot. - Cô ra lệnh. - Mang con trăn chết tiết này đi sửa đi.

Thế là robot an ninh đưa tay ra, đỡ lấy con trăn từ tay cô gái và lặng lẽ rời khỏi phòng, biến vào trong bóng tối.

Tôi không biết mình cảm thấy gì khi chứng kiến sự việc. Nó hơi giống như khi xem những cảnh bạo lực trong một số bộ phim, chẳng hạn như cảnh trong *Không dung thứ*, với các tòa nhà bằng đá đồ sộ đổ sập. Bạn chỉ ngây ra nhìn và không cảm thấy gì.

Nhưng sau đó tôi bắt đầu suy nghĩ, và nói với cô gái:

- Đội Tầm soát...

Cô nhìn tôi. Khuôn mặt cô bình thản một cách đáng ngạc nhiên:

- Anh phải biết cách đối phó với những con robot như thế. Chúng được làm ra để phục vụ con người. Giờ đây mọi người dường như đã quên mất điều đó.

Để phục vụ con người? Nghe cũng có vẻ đúng.

- Nhưng còn đội Tầm soát?

- Đội Tầm soát có dò tìm nữa đâu. - Cô gái đáp. - Anh nhìn tôi đây này. Bọn chúng chẳng hề phát hiện ra tôi. Tôi đã ăn cắp bánh mì. Đã ngủ ở nơi công cộng. Đã rời Trại lưu giữ Người bỏ cuộc mà không hề Tái hòa nhập.

Tôi im lặng, sự sững sờ có lẽ đang hiện rõ trên gương mặt tôi.

- Đội Tầm soát chẳng phát hiện được cái quái gì đâu. Có khi chưa từng phát hiện được gì cũng nên. Mà cần gì phải làm thế. Mọi người được dạy dỗ kỹ lưỡng từ bé đến nỗi chẳng ai dám làm gì.

- Người ta tự thiêu mình đến chết. - Tôi nói. - Thường xuyên.

- Thế đội Tầm soát có ngăn được chuyện đó không? Tại sao các Tầm soát viên không phát hiện được những con người đang mất cân bằng và có ý định tự sát để ngăn cản họ?

Tôi chỉ biết gật đầu. Cô nói đúng, dĩ nhiên rồi.

Tôi đứng nhìn các mảnh kính vỡ dưới sàn, rồi nhìn cái cây giả bị gãy trong chuồng trần. Sau đó tôi nhìn cô gái đứng đó, giữa Nhà Bò sát, trong thứ ánh sáng nhân tạo rục rỡ, với vẻ bình thản, không hề bị ảnh hưởng bởi ma túy, và hoàn toàn mất trí, tôi e là thế.

Cô gái nhìn vào chuồng trần. Có một quả gì đó treo lủng lẳng trên một nhánh cây trong chuồng. Cô thỉnh thoảng đưa tay vào trong với tới cái quả, rõ ràng là có ý định hái nó.

Tôi nhìn cô gái chăm chăm. Cành cây khá cao, và cô phải kiễng chân, với tay hết mức có thể, chỉ để chạm được phần dưới quả bằng đầu ngón tay mình. Ánh đèn từ bên trong chuồng chiếu qua lớp váy của cô, khiến cho những đường nét cơ thể hiện lên rõ mồn một. Nó rất đẹp.

Cô đã hái quả xong và đứng đó như một vũ công trong giây lát. Sau đó, cô hạ nó xuống ngang bằng với ngực và lật trở trên tay, quan sát. Thật khó mà xác định đó là quả gì. Có lẽ là một loại xoài. Trong một thoáng tôi nghĩ cô sắp ăn thử, dù tôi biết chắc đó là đồ nhựa, nhưng rồi cô đưa nó cho tôi.

- Cái này chắc chắn không thể ăn được. - Cô nói với giọng điệu bình thản đến bất ngờ, cam chịu.

Tôi đỡ lấy nó từ tay cô.

- Tại sao cô lại hái nó? - Tôi hỏi.

- Tôi cũng không biết. - Cô đáp. - Cảm thấy đó là điều cần làm thôi.

Tôi nhìn cô gái hồi lâu, không nói gì. Bất chấp những nếp nhăn do tuổi tác và thiếu ngủ trên khuôn mặt, và bất chấp mái tóc không được chải chuốt, cô vẫn rất xinh đẹp. Nhưng tôi không cảm thấy ham muốn cô - tôi chỉ kinh ngạc. Và hơi sợ hãi.

Sau đó, tôi nhét quả xoài nhựa vào túi rồi nói:

- Tôi sẽ quay lại thư viện và dùng một ít mê dược.

Cô quay mặt về phía cái chuồng trống không.

- Vâng. - Cô nói. - Chúc ngủ ngon.

* * *

Khi quay trở về phòng mình, tôi đã đặt quả xoài lên trên cuốn *Từ điển*, rồi nốc ba viên mê dược. Và ngủ tới tận trưa hôm nay.

Quả xoài vẫn nằm ở đó. Tôi muốn nó mang một ý nghĩa gì đó, nhưng không tìm ra.

NGÀY THỨ BA MƯƠI BẢY

Bốn ngày không thuốc. Và chỉ hai điều cần một ngày - một sau bữa tối, một trước khi đi ngủ. Chuyện này thật lạ. Tôi cảm thấy căng thẳng, và phấn khích, theo một cách nào đó.

Tôi thường xuyên bồn chồn và phải đi lại trên hành lang phía bên ngoài phòng, trong tầng hầm thư viện. Các hành lang dài vô

tận, rồi rầm như mê cung, rêu phong và hơi ẩm thấp. Khi đi ngang qua các cánh cửa, thỉnh thoảng tôi mở một cái để nhòm vào bên trong, nhớ lại lúc mình tìm thấy cuốn *Từ điển*, và gần như sợ rằng sẽ tìm thấy một thứ gì đó. Tôi không chắc mình muốn tìm thấy bất cứ thứ gì. Tôi đã có đủ những thứ mới mẻ kể từ khi đến đây.

Nhưng trong các căn phòng chẳng có gì. Một số có những giá sách chiếm trọn bức tường từ sàn lên tận trần, nhưng các ngăn hoàn toàn trống rỗng. Tôi nhìn quanh, trước khi đóng cửa phòng lại và đi tiếp trên hành lang. Mùi mốc luôn hiện diện.

Cánh cửa của các căn phòng có màu sắc khác nhau nên tôi có thể phân biệt được. Phòng tôi có cửa màu tím, tiếp màu với tấm thảm bên trong.

Khi tôi lần đầu tới đây, cảm giác bước đi giữa tòa nhà mênh mông hoang vắng này thật đáng sợ. Nhưng giờ tôi lại cảm thấy một chút yên tâm nhờ nó.

Tôi không còn ngủ trưa như trước đây nữa.

NGÀY THỨ BỐN MƯƠI

Bốn mươi ngày. Tất cả đều đã được viết ra và đặt ngay ngắn trên bàn làm việc trước mặt tôi. Bảy mươi hai trang giấy mỹ thuật. Tất cả đều được tôi chép tay.

Đây là thành tựu lớn nhất trong cuộc đời tôi. Phải, tôi đang sử dụng cụm từ đó: Một thành tựu lớn. Việc học đọc của tôi là một thành tựu. Không ai biết chuyện đó trừ tôi. Spofforth không biết chuyện đó. Nhưng Spofforth là một robot, và một robot có thể học mọi chuyện. Nhưng robot chẳng thể đạt thành tựu gì, robot được tạo ra để làm công việc phải làm, và không thể khác đi.

Hôm nay tôi đã xem vài bộ phim, và gần như không nhớ được từ nào khi đọc vào máy ghi âm.

Tôi không thể gạt hình ảnh cô gái ra khỏi đầu. Tôi thấy cô trên phong nền cây cối và dương xỉ trong những cái chuồng kính phía sau lưng, tay đưa cho tôi quả xoài nhựa.

NGÀY THỨ BỐN MƯƠI MỐT

Hầu hết các quán Burger Chef đều có kích thước nhỏ và xây bằng nhựa Permo, nhưng riêng cái ở Đại lộ số Năm to hơn và làm bằng thép không gỉ. Nó có trang bị đèn màu đỏ trên những cái bàn hình hoa tulip và phát ra tiếng đàn balalaika từ mấy cái loa. Ở hai đầu của quầy tự phục vụ màu đỏ có để những chiếc ấm samovar to bằng đồng, và đội bồi bàn gồm các robot nữ Lớp Bốn được quàng những cái khăn trùm đầu màu đỏ.

Sáng nay tôi đến đó dùng điểm tâm bao gồm trứng tổng hợp đánh nhuyễn và trà nóng. Trong khi tôi xếp hàng chờ phục vụ, người đàn ông đứng trước tôi, một người thấp lùn mặc bộ đồ thể thao màu nâu với khuôn mặt lãnh đạm, cố yêu cầu món Siêu khoai chiên vàng. Ông ta cầm thẻ tín dụng trong tay, tôi nhận thấy nó màu cam, dấu hiệu cho biết ông ta là một nhân vật quan trọng.

Robot phục vụ đứng sau quầy bảo ông khách hàng rằng Siêu khoai chiên vàng bị cấm dùng trong bữa sáng. Đột ngột rũ bỏ vẻ mặt lãnh đạm, ông ta chất vấn:

- Cô nói vậy là sao? Tôi có ăn sáng đâu?

Nữ phục vụ nhìn dán mắt xuống mặt quầy một cách ngu ngơ và đáp:

- Siêu khoai chiên vàng chỉ bán kèm với Siêu món. - Cô ta vừa nói vừa nhìn sang phía một robot giống hệt đang đứng bên cạnh. Cả hai đều có cặp lông mày dính liền bên trên cái mũi. - Chỉ bán kèm với Siêu món. Phải không, Marge?

Tôi nhìn ra phía sau quầy và thấy cả đồng khoai tây chiên đựng trong các túi nhựa nhỏ.

Marge đáp:

- Siêu khoai chiên vàng chỉ bán kèm với Siêu món.

Robot đầu tiên quay nhìn ông khách trong giây lát trước khi cúp mắt xuống trở lại.

- Siêu khoai chiên vàng chỉ bán kèm với Siêu món. - Cô ta nói.

Ông khách nổi đóa:

- Được thôi, vậy thì tôi gọi Siêu món cùng với nó.

- Cùng với Siêu khoai chiên vàng?

- Phải.

- Tôi xin lỗi, thưa ông, nhưng máy làm Siêu món hôm nay bị hỏng. Chúng tôi có trứng tổng hợp, thịt khỉ xông khói, và bánh mì nâu vàng.

Trong một thoáng nom ông khách như sắp sửa hét lên. Nhưng thay vào đó, ông ta chỉ thò tay vào túi áo ngực, lấy ra một hộp đựng thuốc nhỏ ánh bạc, và nuốt chửng ba viên mê dược màu xanh lá cây. Giây lát sau, khuôn mặt ông ta đã lãnh đạm trở lại. Ông ta gọi món bánh mì.

NGÀY THỨ BỐN MƯƠI HAI

Tôi đã đưa cô ấy về thư viện! Lúc này cô đang ngủ trên tấm thảm dày, trong một căn phòng trống ở cuối hành lang.

Để tôi kể lại đầu đuôi sự tình.

Tôi đã quyết định sẽ không bao giờ quay lại vườn thú nữa nhưng hôm qua tôi không thể ngưng nghĩ đến cô gái. Không phải chuyện tình dục, hay khái niệm “tình yêu” mà nhiều bộ phim nói đến. Tôi chỉ có thể lí giải rằng cô là người thú vị nhất tôi từng gặp.

Có lẽ, nếu chưa học đọc, tôi sẽ không thấy cô thú vị, mà chỉ thấy sợ.

Hôm qua sau bữa trưa tôi đã đi xe buýt tới vườn thú. Đó là một ngày thứ Năm, do vậy trời có mưa. Phố sẽ không một bóng người, ngoại trừ vài robot cấp thấp đang đi gom rác, tưới cây trong các công viên và vườn tược công cộng.

Cô không có mặt trong Nhà Bò sát khi tôi đến. Tôi sưng người, sợ rằng cô hẳn đã bỏ đi và mình không bao giờ được gặp cô nữa. Tôi cố gắng ngồi xuống và chờ đợi, nhưng rồi bỗng chốc đến độ phải đứng lên đi lại. Đầu tiên tôi xem mấy con bò sát. Chuồng rắn đã được sửa, nhưng con rắn không có trong đó. Thay thế cho nó là bốn, năm con rắn chuông. Chúng nhiệt tình rung đuôi với sự háo hức giống y như của mấy đứa trẻ con ăn kem mà tôi từng thấy phía ngoài.

Một lúc sau tôi thấy mệt mỏi với những sinh vật chọn rận đó, và nhận ra mưa đã tạnh, tôi bèn bước ra ngoài.

Đứa trẻ, hay đúng hơn là một trong số những đứa trẻ đó, đang đứng trên một lối đi. Vì gần như không có người nào đi xem vườn thú vào một ngày mưa, chắc nó đã quyết định chỉ tập trung vào việc diễn trò cho tôi xem. Nó bước tới chỗ tôi và nói:

- Xin chào anh. Xem thú thật là vui đúng không?

Tôi đi ngang qua nó, không trả lời. Tôi có thể nghe thấy nó bám theo sau trong lúc men theo một lối đi đến hòn đảo nhỏ dành cho ngựa vằn có hào nước bao quanh.

- Này anh! - Đứa trẻ cất tiếng. - Hôm nay lũ ngựa vằn trông thật đáng yêu.

Có gì đó trong câu nói đánh thức một cảm xúc mà tôi đã không cho phép mình có từ khi còn bé: Sự giận dữ. Tôi quay người, nhìn thẳng xuống khuôn mặt bầu bĩnh lấm tấm tàn nhang, điên tiết:

- Biến đi, robot.

Thằng bé không nhìn tôi. Nó nói tiếp:

- Lũ ngựa vằn...

- Biến đi.

Thằng bé quay gót và, rất đột ngột, nó nhảy chân sáo bỏ sang một lối đi khác.

Tôi cảm thấy hài lòng. Mặc dù tôi không hoàn toàn chắc chắn nó là một robot. Nghe đồn các robot có thể được nhận diện nhờ vành tai nhuộm màu, nhưng cũng như mọi người, trong đời tôi đã nghe cả đồng tin đồn không chính xác.

Tôi cố tập trung chú ý vào bầy ngựa vằn trong chốc lát. Nhưng tôi không thể giữ tâm trí mình ở lại với chúng, vì những cảm xúc

hỗn loạn đang có trong lòng: Một mặt tôi mừng rỡ vì đã bịt miệng được đứa trẻ đó hay là con robot đó - mặt khác, tôi có những cảm xúc lẫn lộn về người phụ nữ, trong đó trội hơn cả là nỗi sợ rằng cô đã bỏ đi. Hay có khi nào cô bị phát hiện?

Bầy ngựa vẫn có vẻ biếng nhác. Có lẽ điều đó chứng tỏ chúng là ngựa thật.

Một lát sau, tôi bỏ đi, và khi ngẩng lên nhìn con đường phía trước, về phía một đài phun nước xám xịt, tôi thấy cô đang tiến lại chỗ mình, trong bộ váy đỏ, trên tay cầm một bó hoa thủy tiên vàng. Tôi dừng bước, và trong một thoáng tôi có cảm giác như thể tìm mình ngừng đập.

Cô gái cầm hoa đi đến gặp tôi và mỉm cười.

- Chào anh.

- Chào cô. Tên tôi là Paul.

- Tôi là Mary. Mary Lou Borne.

- Cô đã ở đâu thế? Tôi vừa ghé qua Nhà Bò sát.

- Tôi đi dạo. Tôi đi dạo trước bữa trưa và bị mắc mưa.

Lúc đó tôi mới nhận ra bộ váy đỏ và mái tóc cô ướt đẫm.

-Ồ. - Tôi nói. - Tôi cứ sợ rằng cô đã... đi.

- Ý anh là bị phát hiện á? - Cô gái mỉm cười. - Chúng ta quay lại nhà nuôi rắn ăn bánh mì thôi.

- Tôi ăn trưa rồi. Và cô nên thay quần áo khô.

- Tôi không có quần áo khô. Bộ váy này là thứ duy nhất tôi có.

Tôi ngần ngừ giây lát. Rồi tôi nói ra câu đó. Tôi không biết nó từ đâu ra, nhưng tôi đã nói ra:

- Hãy cùng tôi đi tới Manhattan, tôi sẽ mua cho cô một bộ váy.

Cô gần như không tỏ ra ngạc nhiên chút nào.

- Tôi vừa mới lấy một cái sandwich...

Tôi mua cho cô gái một chiếc váy từ máy bán hàng tự động trên Đại lộ số Năm. Đó là một chiếc váy màu vàng, may bằng thứ vải đẹp dễ mà người ta gọi là Synlon. Trong khi chúng tôi đi xe buýt tới đó thì tóc cô đã kịp khô, và trông cô thật rạng rỡ. Cô vẫn đang cầm hoa. Những bông hoa rất hợp với màu của chiếc váy.

Tôi học được từ “rạng rỡ” đó từ một bộ phim của Theda Bara. Trong phim, một nhà quý tộc và người hầu cận ngắm nhìn Bara trong bộ váy đen cầm những bông hoa trắng bước xuống cầu thang lượn cong. Người hầu đã nói, theo như lời thoại xuất hiện trên màn ảnh: “Đẹp. Đẹp dữ dội!” Còn nhà quý tộc thì gật đầu khẽ đáp: “Cô ấy thật *rạng rỡ*!”

Chúng tôi không nói gì nhiều trên xe buýt. Khi tôi đưa cô vào căn phòng làm việc kiêm chỗ ngủ của mình, cô ngồi xuống chiếc sofa nhựa đen và nhìn quanh. Căn phòng rộng rãi có nội thất đủ màu - tấm thảm tím, tường dán giấy hoa, và ánh đèn sáng dịu. Tôi rất hãnh diện về nó. Tôi còn muốn có một cái cửa sổ, nhưng đây là một tầng hầm - tầng hầm thứ năm, thật vậy - nên không thể có cửa sổ được vì nó nằm quá sâu dưới đất.

- Cô thấy thế nào? - Tôi hỏi.

Cô gái đứng dậy và chỉnh lại ngay ngắn một tấm tranh vẽ vài bông hoa.

- Nó hơi giống với một nhà chứa Chicago. - Cô đáp. - Nhưng tôi thích nó.

Tôi chưa hiểu.

- Nhà chứa Chicago là gì? - Tôi hỏi lại.

Cô gái nhìn tôi và mỉm cười.

- Tôi cũng không biết. Bố tôi thường nói như vậy.

- Bố cô? Cô có bố à?

- Đại loại thế. Khi tôi trốn khỏi trường nội trú, một ông già lớn tuổi đã chăm sóc tôi. Ngoài sa mạc. Tên ông ấy là Simon, và mỗi khi nhìn thấy thứ gì đẹp, như cảnh hoàng hôn chẳng hạn, ông ấy lại nói “Cứ như một nhà chứa Chicago.”

Cô ngẩng nhìn bức tranh vừa chỉnh lại. Rồi cô quay lưng đi về chỗ của mình trên chiếc sofa.

- Tôi uống chút gì được không? - Cô hỏi.

- Rượu mạnh không làm cô mệt chứ?

- Gìn tổng hợp thì không. - Cô đáp. - Miễn là tôi không uống quá nhiều.

- Được thôi. Tôi nghĩ mình có thể tìm được một ít.

Tôi ấn vào cái nút bấm trên bàn để gọi robot tạp vụ. Khi anh ta xuất hiện gần như ngay lập tức, tôi bảo anh ta mang cho chúng tôi hai ly gin tổng hợp và đá.

Khi robot phục vụ quay đi, cô gái gọi:

- Khoan đã, robot. - Đoạn cô quay sang nhìn tôi. - Sẽ không sao nếu tôi ăn chút gì chứ? Tôi phát ốm món sandwich của vườn thú

rồi.

- Tất nhiên. - Tôi đáp. - Xin lỗi vì tôi đã không nghĩ ra.

Tôi hơi bất ngờ với cách mà cô nắm quyền chủ động, nhưng đồng thời cũng hài lòng khi được tiếp đón cô, nhất là khi thể tín dụng của tôi còn chưa được sử dụng gì mấy.

- Máy bán thức ăn ở căng tin có món sandwich kẹp thịt khỉ xông khói và cà chua khá ngon đấy.

Cô nhú mào.

- Tôi không bao giờ ăn thịt khỉ xông khói. - Cô đáp. - Bỏ tôi từng ghé thử món thịt khỉ. Thịt bò nướng được không? Nhưng đừng kẹp vào bánh mì.

Tôi quay sang nói với robot phục vụ:

- Cậu có thể mang cho chúng tôi một đĩa bò nướng cắt lát được không?

- Được chứ. - Robot đáp. - Tất nhiên rồi.

- Tốt. - Tôi nói. - Đem thêm cho tôi một ít củ cải mini và rau diếp cùng với thức uống nhé.

Robot lui ra, và suốt một phút đồng hồ căn phòng chìm trong một sự im lặng lúng túng. Tôi khá ngạc nhiên với điều đó, và thật ra tôi có phần hài lòng. Đôi khi Mary Lou dường như không có một chút nhạy cảm nào.

Tôi lên tiếng phá vỡ sự im lặng:

- Cô đã bỏ trốn khỏi trường nội trú à?

- Vào tuổi dậy thì. Tôi đã bỏ trốn nhiều lần.

Tôi chưa từng nghĩ ai đó có thể nghĩ đến việc bỏ trốn khỏi trường nội trú. Không, không phải. Tôi còn nhớ, hồi bé, tôi đã nghe bọn con trai khoác lác về chuyện chúng sẽ “bỏ trốn” ra sao, do chúng bị đối xử bất công bởi một giáo viên robot hay đại loại thế. Nhưng không một ai làm chuyện đó. Ngoại trừ Mary Lou, hình như thế.

- Cô không bị phát hiện sao?

- Lúc đầu tôi định ninh mình sẽ bị phát hiện. - Cô ngả người trên ghế, thư giãn. - Tôi sợ khủng khiếp. Tôi đã đi nửa ngày đường, tìm thấy một thị trấn cũ bỏ hoang trong sa mạc. Nhưng đội Tầm soát không hề xuất hiện. - Cô chậm rãi lắc đầu. - Đó là lúc tôi nhận ra có lẽ các Tầm soát viên không thực sự làm việc. Và anh không cần phải nghe lời lũ robot.

Tôi nhăn mặt, nhớ lại sự việc đã xảy ra với mình tại trường nội trú, khi bị cấm túc bởi một robot.

- Anh biết đấy, họ dạy chúng ta rằng robot sinh ra là để phục vụ con người. Nhưng chữ “phục vụ” mà họ dùng nghe cứ như “kiểm soát” vậy. Bố Simon của tôi bảo đó là kiểu nói ngoại giao.

- Kiểu nói ngoại giao?

- Tức là một dạng nói dối ấy. Bố Simon đã rất già khi tôi gặp ông ấy. Bố chết vài *hoàng* sau khi tôi dọn đến ở với ông. Răng ông rụng sạch, tai thì nghễnh ngãng. Ông đã nói cho tôi biết nhiều điều được học từ bố của mình, hoặc từ ai đó, và chúng rất cũ kỹ.

- Ông ấy có được đào tạo ở trường nội trú không?

- Tôi không biết. Tôi chưa từng nghĩ tới việc hỏi bố chuyện đó.

Robot phục vụ quay lại cùng với thức ăn và đồ uống. Cô gái cầm đĩa thịt bò bằng một tay, tay kia cầm ly rượu gin tổng hợp, và chọn tư thế thật thoải mái trên sofa. Cô uống một ngụm rượu, khẽ rùng mình khi nuốt xuống, rồi nhón lấy một miếng thịt và ăn theo cung cách tự nhiên đầy mới mẻ đối với tôi. Tôi chưa từng thấy ai ăn bốc như thế.

- Anh biết đấy, bố Simon có lẽ đã biến tôi thành một kẻ ăn thịt bò. - Cô nói tiếp. - Ông từng chôm mấy con gia súc trên các trang trại tự động hóa, hoặc thỉnh thoảng đi săn thú hoang.

Tôi chưa từng nghe tới chữ này.

- “Chôm” nghĩa là “ăn trộm” hả? - Tôi hỏi lại.

Cô gật đầu:

- Tôi cũng đoán thế.

Cô nhón lấy một miếng thịt nữa, rồi đặt cái đĩa xuống sofa, bên cạnh mình. Cô cầm miếng thịt trên tay và uống một ngụm rượu.

- Đừng hỏi tôi về đội Tầm soát. - Cô nói. - Vì chẳng có đội nào.

Cô uống một hơi cạn ly rượu.

- Bố Simon từng nói là cả đời ông chưa từng trông thấy một Tầm soát viên hay nghe nói ai đó bị phát hiện.

Chuyện đó thật sốc, nhưng nghe có vẻ thật. Tôi không còn trẻ, cũng chưa từng thấy hay biết ai đó bị phát hiện. Nhưng tôi cũng chưa từng biết người nào muốn mạo hiểm.

* * *

Sau đó chúng tôi ngưng nói chuyện một lát và cô tập trung vào việc ăn nốt chỗ thịt trên đĩa. Tôi chỉ ngồi nhìn cô ăn, trong lòng vẫn còn chưa hết kinh ngạc trước mức độ thú vị, cũng như vẻ ngoài hấp dẫn của cô, và việc tôi đã đưa được cô về đây ở với mình.

Tôi nghĩ đến tình dục, tất nhiên rồi, nhưng có cảm giác nó sẽ chưa diễn ra ngay. Tôi hi vọng là không, vì tôi nhút nhát hơn đa phần mọi người trong chuyện đó. Mặc dù cô có sức hấp dẫn mạnh mẽ - điều này rõ ràng hơn bao giờ hết sau khi tôi uống xong chỗ rượu gin của mình - giờ đây tôi quá e sợ trước những chuyện như vậy.

Thế rồi sau một khoảng thời gian có vẻ rất dài, cô nói:

- Cho tôi xem lại chiếc máy ghi âm của anh.
- Tất nhiên rồi. - Tôi đáp, đoạn tiến lại bàn làm việc để lấy nó.

Bên cạnh chiếc máy là quả xoài giả mà cô đã hái trong chuồng trăn. Hình như cô chưa để ý tới nó kể từ lúc bước vào phòng.

Mặc kệ quả xoài, tôi cầm lấy chiếc máy ghi âm và đưa cho cô gái.

Cô vẫn còn nhớ cách thức hoạt động của nó.

- Anh có phiền không, nếu tôi thu âm một chút?

Tôi bảo cô cứ tự nhiên. Sau đó tôi yêu cầu robot tạp vụ mang thêm rượu gin và đá, rồi nằm dài trên giường, lắng nghe trong lúc cô nói vào máy ghi âm.

Phải mất một lúc tôi mới nhận ra điều cô đang làm. Cô nói một cách chậm rãi, ru ngủ, và không thể hiện cảm xúc. Điều cô làm, về

sau này tôi nhận ra, chính là kể lại “cuộc đời” mình theo như đã “ghi nhớ” - lặp lại những câu từ mà cô đã thuộc:

“Tôi còn nhớ một cái ghế ở cạnh giường. Tôi còn nhớ một chiếc váy xanh mà tôi mặc đến lớp. Mọi người cố gắng ăn mặc khác biệt với người khác để thể hiện tính Cá nhân. Nhưng tôi thấy tất cả chúng tôi đều như nhau.”

“Tôi rất sáng dạ trong các môn học, nhưng tôi ghét chúng.”

“Tôi còn nhớ một cô gái tên Sarah, khuôn mặt đầy mụn trứng cá. Sarah là người đầu tiên nói với tôi về tình dục. Cô ta đã làm chuyện đó trong lúc một số đứa khác quan sát. Nghe thật... sai trái.”

“Sa mạc bao quanh nơi chúng tôi sống, và bọn quái vật Gila thỉnh thoảng vẫn lén vào kí túc xá để ngủ. Các robot sẽ đi bắt chúng và đem ra ngoài. Tôi cảm thấy những con thằn lằn to xác ngu ngốc đó thật đáng thương. Ở Nhà Bò sát, họ không có con Gila nào, nhưng tôi nghĩ lẽ ra họ nên có...”

Câu chuyện cứ thế tiếp diễn. Lúc đầu tôi còn quan tâm, nhưng một lúc sau tôi thấy buồn ngủ. Ngày hôm nay thật dài. Và tôi không quen uống rượu như thế này.

Trong lúc cô đang nói vào máy ghi âm, tôi ngủ thiếp đi.

Khi tôi choàng tỉnh vào buổi sáng thì cô đã đi. Lúc đầu tôi hoảng hốt nghĩ rằng có thể cô đã đi hẳn. Nhưng rồi tôi đi tìm kiếm trong những căn phòng nằm dọc theo hành lang và, sau vài căn phòng trống, tôi tìm thấy cô. Cô đang cuộn mình nằm ở giữa phòng, trên một tấm thảm dày màu cam, ngủ ngon lành như một đứa trẻ. Tim tôi cảm thấy ấm áp. Tôi cảm thấy mình giống như... một *người cha*. Và cả một người tình nữa.

* * *

Sau đó tôi quay lại phòng mình và dùng bữa sáng, trước khi bắt tay vào viết những dòng này.

Khi xong việc, tôi sẽ đánh thức cô dậy, và hai chúng tôi sẽ đi ra nhà hàng để ăn trưa.

NGÀY THỨ BỐN MƯƠI BA

Sau khi đánh thức Mary Lou, tôi đưa cô đi ngược lên Đại lộ số Năm bằng thảm lăn, sau đó chúng tôi ăn trưa trong một quán chay. Chúng tôi dùng món rau chân vịt và đậu.

Hai chúng tôi đã không hề uống viên thuốc nào hay hút điều cần nào, và rất ngạc nhiên khi nhận thấy những người khác tỏ ra lơ mơ, gà gât đến thế nào. Ngoài trừ các robot đang chờ đợi chúng tôi, tất nhiên rồi. Một cặp lớn tuổi ngồi ở bàn bên cạnh cứ nhắc đi nhắc lại những lời nói của mình như thể đang giả vờ đối thoại. Ông già nói “Florida là nơi tuyệt vời nhất” và bà già đáp “Tôi không nhớ tên ông”, rồi ông già lại nói “Tôi thích Florida” trong khi bà hỏi lại “Tên ông là Arthur, đúng không?” Cuộc nói chuyện cứ diễn ra như thế trong suốt bữa ăn. Chắc họ đã từng quan hệ tình dục với nhau, nhưng không thể gắn kết với nhau theo cách khác. Những cuộc nói chuyện như vậy không hề hiếm thấy, nhưng trước mặt Mary Lou, khi mà chúng tôi có đủ thứ chuyện để kể cho nhau, với đầu óc tỉnh táo sáng suốt, nó đặc biệt đáng chú ý. Và đáng buồn nữa.

NGÀY THỨ BỐN MƯƠI SÁU

Mary Lou đã ở đây ba ngày. Hai ngày đầu tiên cô ngủ đến trưa, sau khi đã dặn tôi không quấy rầy cô. Tôi dành buổi sáng làm việc với một bộ phim về những người đàn ông ở trần và sống trên những chiếc thuyền buồm có thể vượt đại dương. Chủ yếu bọn họ đánh nhau với dao và kiếm. Họ nói những lời như “Ôi chào!” và “Ta là chúa tể các vùng biển”. Phim cũng khá thú vị, nhưng Mary Lou choán nhiều chỗ trong tâm trí tôi đến mức tôi không chú ý nhiều tới bộ phim.

Tôi chỉ làm việc vào các buổi sáng trong hai ngày đó, vì không hiểu sao tôi cảm thấy ngần ngại không muốn để cho cô thấy mình đang làm việc. Tôi không rõ lí do, nhưng tôi không muốn cô biết về việc đọc chữ.

Sang đến buổi sáng ngày thứ ba, cô bước vào phòng tôi, trên tay cầm một cuốn sách. Nom cô thật đáng kinh ngạc: Cô mặc bộ quần áo ngủ tôi cho mượn, với chiếc áo không cài nút để hở một khoảng da giữa hai bầu ngực. Cổ cô đeo một chiếc thánh giá. Tôi có thể nhìn thấy được rốn cô.

- Anh xem tôi tìm được gì này! - Cô giơ cuốn sách ra với tôi.

Chiếc áo ngủ xô lệch khi cô làm động tác đó, và một bên núm vú của cô thoáng lộ ra. Tôi cảm thấy bối rối. Có lẽ trông tôi như một thằng ngốc đứng đó, cố gắng để không nhìn chăm chăm. Tôi nhận thấy cô đi chân đất.

- Cầm lấy. - Cô gần như ấn cuốn sách vào tay tôi.

Sau vài giây lúng túng, tôi đỡ lấy nó. Đó là một cuốn sách mỏng, không có bìa cứng như tôi tưởng mọi cuốn sách đều có.

Tôi đưa mắt nhìn bìa sách. Hình vẽ trên đó có hai màu vàng và xanh dương đã phai mờ, và chẳng có ý nghĩa gì. Đó là một kiểu hoa văn gồm các ô vuông sáng và sẫm màu xen kẽ nhau, với một số hình thù kì dị xuất hiện trên đó. Tiêu đề của cuốn sách là Cờ tàn cơ bản, và tên tác giả là Reuben Fine.

Tôi mở sách. Các trang giấy đã ngả vàng in đầy những sơ đồ nhỏ gồm các ô vuông trắng đen, cùng một lô kí hiệu dường như vô nghĩa.

Tôi nhìn Mary Lou trở lại sau khi đã trấn tĩnh đôi chút. Chắc cô đã nhận thấy cách cư xử của tôi, vì cô cài nút áo lại. Cô đang luồn các ngón tay vào trong tóc, cố gắng chải lại cái đầu.

- Cô lấy cái này ở đâu? - Tôi hỏi.

Cô nhìn tôi, ngẫm nghĩ. Rồi cô nói:

- Có phải... có phải đây là một cuốn sách không?

- Phải. - Tôi đáp. - Cô tìm thấy nó ở đâu?

Cô vẫn không rời mắt khỏi cuốn sách trên tay tôi. Rồi cô thốt lên:

- Jesus Christ!

- Sao cơ?

- Tôi buột mồm thôi. - Cô đáp, đoạn nắm lấy tay tôi và bảo. - Đi nào, tôi sẽ chỉ cho anh xem chỗ tôi tìm thấy nó.

Nắm lấy tay cô gái, tôi ngoan ngoãn đi theo như một đứa trẻ. Sự tiếp xúc làm tôi thấy ngượng và muốn buông ra, nhưng không biết phải làm thế nào. Cô có vẻ rất quyết tâm và mạnh mẽ, còn tôi thì bối rối và hoang mang.

Cô dẫn tôi men theo hành lang đi xa hơn những chỗ tôi từng tới trước đó, vòng qua một góc tường, và qua một cánh cửa đôi, trước khi đi vào một hành lang khác. Dọc theo nó có rất nhiều cánh cửa, một số đang mở. Các căn phòng có vẻ trống trải.

Hình như đoán được suy nghĩ của tôi, cô hỏi:

- Anh có từng đi xa đến thế này bao giờ chưa?

Không hiểu sao tôi cảm thấy xấu hổ vì mình chưa từng làm vậy. Nhưng tôi không bao giờ nghĩ đến việc sục sạo các căn phòng. Chuyện đó có vẻ không đàng hoàng. Thấy tôi không đáp, cô nói:

- Tôi sẽ đóng các cánh cửa lại sau. - Rồi cô tiếp lời. - Đêm qua tôi không ngủ được, do đó tôi đã dậy và bắt đầu khám phá. - Cô bật cười. - Bố Simon luôn nói “hãy kiểm tra các thứ quanh con, bé cưng.” Thế là tôi đi lang thang qua các hành lang như Macbeth phu nhân, mở xem các căn phòng. Hầu hết chúng đều trống rỗng.

- Macbeth phu nhân là ai vậy? - Tôi cố gắng bắt chuyện.

- Là một người hay đi loanh quanh trong bộ đồ ngủ. - Cô đáp.

Ở cuối đoạn hành lang mới, có một cánh cửa lớn màu đỏ đang mở. Cô gái dẫn tôi vào bên trong, và chỉ khi đã ở trong phòng, cô mới buông tay tôi ra.

Tôi nhìn quanh. Những bức tường thép không gỉ được che phủ bởi các ngăn kệ dường như được thiết kế để cất sách. Tôi đã từng thấy một căn phòng giống như vậy trong một bộ phim, chỉ khác là căn phòng kia có những bức tranh lớn trên một bức tường, cùng với nhiều cái bàn và đèn. Trong căn phòng chúng tôi đang ở, không có gì khác ngoài những chiếc kệ. Hầu như tất cả đều trống

rỗng và bị bao phủ một lớp bụi dày. Trên sàn có một tấm thảm đỏ với những vết mốc lớn. Nhưng tại một bức tường cuối phòng phải có đến hàng trăm cuốn sách.

- Nhìn kìa! - Mary Lou nói và chạy tới chỗ giá sách. Cô lướt tay rất nhẹ nhàng trên một ngăn kệ. - Bố Simon từng nói với tôi rằng trên đời có rất nhiều sách, nhưng tôi không hình dung nổi chúng nhiều đến như vậy.

Do đã biết một chút về những cuốn sách, tôi cảm thấy thoải mái hơn, và kiểm soát tình hình tốt hơn, khi chậm rãi tiến đến gần để xem xét chúng. Tôi lôi một cuốn ra khỏi kệ. Trên trang bìa là một phiên bản khác của cùng một mẫu hoa văn các hình vuông như thế, với tiêu đề *Paul Morphi và kỉ nguyên vàng của cò vua*. Bên trong là những sơ đồ giống hệt những sơ đồ trong cuốn sách kia, nhưng nó có nhiều chữ viết theo lối bình thường hơn.

Tôi đang mở cuốn sách và cố gắng đoán xem từ “cò vua” có thể mang nghĩa gì, thì giọng nói của Mary Lou cất lên:

- Chính xác thì người ta làm gì với một cuốn sách?
- Chúng ta đọc nó.
- À! - Cô thốt lên, rồi hỏi tiếp. - “Đọc” nghĩa là gì?

Tôi gật gù, bắt đầu lật các trang sách và đáp:

- Một số trong các kí hiệu này biểu thị âm thanh. Và âm thanh tạo thành các từ. Cô nhìn vào các kí hiệu và âm thanh vang lên trong tâm trí. Sau khi cô đã thực hành đủ nhiều, chúng bắt đầu nghe giống như một người đang nói. Nói, nhưng là nói thầm.

Cô gái nhìn tôi chằm chằm một lúc lâu. Sau đó, cô lấy một cuốn sách trên kệ, có phần hơi lúng túng, và mở nó ra. Chắc cô

thấy lạ và khó sử dụng, giống như tôi đã từng cách đây một *hoàng*. Cô xem xét các trang, cảm nhận chúng bằng những đầu ngón tay, sau đó đưa cuốn sách cho tôi với vẻ mặt khó hiểu.

- Tôi chẳng hiểu gì. - Cô nói.

Tôi giải thích lại từ đầu. Rồi tôi nói thêm:

- Tôi có thể đọc thành tiếng những gì được viết. Đó là công việc hiện tại tôi đang làm.

Cô nhú mày.

- Tôi vẫn chưa hiểu. - Cô nhìn tôi, rồi nhìn các cuốn sách trên những giá kệ bằng thép, trước khi hướng mắt xuống tấm thảm móc meo dưới sàn. - Công việc của anh là... đọc. Những cuốn sách?

- Không. Tôi đọc cái khác. Thứ được gọi là phim âm. - Tôi đỡ lấy cuốn sách từ tay cô. - Tôi có thể đọc thành tiếng những gì có thể đọc được trong này. Có lẽ như vậy sẽ dễ hiểu hơn đối với cô.

Cô gật đầu. Tôi mở cuốn sách ở phần giữa, rồi bắt đầu đọc:

- b4 b5 nối tiếp bởi biến thể Lasker được ưu tiên hơn nhiều bởi vì, dù lấy lại được tốt của mình, quân Trắng sẽ không thực hiện được một cuộc tấn công áp đảo. Như chúng ta sẽ thấy, sau nước đi thứ chín của quân Trắng, chúng ta đạt đến một thế cờ đã biết, mà hầu hết những người có chuyên môn đều cho là thuận lợi cho quân Trắng.

Tôi nghĩ mình đã đọc khá tốt, gần như không bị vấp vấp với những từ không quen thuộc. Nhưng tôi không hiểu đoạn văn đó nói gì.

Mary Lou đã tiến đến bên cạnh tôi và áp cơ thể cô vào người tôi, trong khi tôi đang đọc. Cô chăm chú quan sát trang sách. Sau đó cô ngược lên nhìn mặt tôi và hỏi:

- Có phải anh đang thuật lại những gì nghe thấy trong đầu qua việc chỉ nhìn vào sách?

- Phải. - Tôi đáp.

Khuôn mặt chúng tôi đang ở gần nhau một cách đáng ngại. Cô dường như đã quên hết mọi qui định về Quyền Riêng tư - nếu cô từng biết đến chúng.

- Và phải mất bao lâu để đọc thành tiếng mọi thứ... - Cô nắm lấy cánh tay tôi, khiến tôi phải tranh đấu để không giật nảy người và lùi ra xa. Ánh mắt cô vô cùng mãnh liệt, như chúng thỉnh thoảng vẫn trở nên như thế một cách đáng ngại. - Để đọc thành tiếng tất cả những gì anh nghe thấy trong đầu khi nhìn hết tất cả các trang giấy của cuốn sách này?

Tôi hắng giọng, hơi dịch người ra xa cô gái một chút.

- Nguyên một ngày trời, tôi nghĩ thế. Nếu cuốn sách dễ đọc, và cô không đọc thành tiếng, thì sẽ nhanh hơn.

Cô tước quyển sách trong tay tôi và giơ nó ra trước mặt mình, nhìn nó một cách dữ dội đến mức tôi tưởng đâu cô có thể đọc thành tiếng chỉ bằng cách tập trung. Nhưng cô không làm được. Cô chỉ thốt lên rằng:

- Chúa ơi! Sẽ cần rất... rất nhiều bóng bôi để ghi âm chừng này? Quá nhiều... thông tin?

- Phải. - Tôi đáp.

- Chúa ơi. Chúng ta nên làm... chuyện đó với tất cả chỗ sách này. Anh dùng từ gì nhỉ?

- Đọc.

- Phải. Chúng ta nên đọc tất cả chỗ này.

Cô bắt đầu vợ lấy một ôm đầy sách, và tôi cũng ngoan ngoãn làm theo. Chúng tôi mang chỗ sách về phòng tôi.

NGÀY THỨ BỐN MƯƠI TÁM

Tôi dành phần còn lại của buổi sáng để đọc cho cô nghe nhiều cuốn sách khác nhau. Nhưng thật khó để tôi tiếp tục giữ tập trung. Tôi gần như chẳng hiểu chúng viết gì. Chúng tôi đổi hết cuốn sách này sang cuốn sách khác, nhưng vẫn chỉ toàn là cờ vua.

Vài giờ sau, cô ngắt lời tôi và bảo:

- Tại sao mọi cuốn sách đều viết về cờ vua vậy?

Tôi đáp:

- Tôi có một số sách viết về những thứ khác ở nhà tôi, tại Ohio. Một vài cuốn viết lại những câu chuyện. - Thế rồi đột nhiên tôi nảy ra một ý đáng lẽ phải nghĩ tới từ trước. Tôi có thể tìm hiểu về từ “cờ vua” trong cuốn *Từ điển*.

Nói đoạn tôi mở ngăn kéo tủ, lấy nó ra và bắt đầu lật giở cho đến khi bắt gặp những mục từ bắt đầu bằng mẫu tự C. Tôi tìm thấy nó gần như ngay lập tức. “*Cờ vua: một trò chơi dùng bàn dành cho hai người.*” Họ còn vẽ cả hình minh họa cảnh hai người đàn ông ngồi bên một cái bàn. Bàn chơi có các ô vuông trắng đen cùng với những thứ mà tôi được biết là “quân cờ” trên đó.

- Đây là một loại trò chơi. - Tôi nói. - Cờ vua là một trò chơi.

Mary Lou nhìn hình vẽ.

- Trong sách có hình người cơ à? - Cô hỏi lại. - Giống như trên các bức tường của bố Simon á?

- Một số sách có rất nhiều tranh ảnh thể hiện con người và các thứ. - Tôi đáp - Những cuốn sách dễ, giống như cuốn tôi đã dùng để học đọc, trang nào cũng có hình thật lớn.

Cô gật đầu. Rồi cô ngược lên nhìn tôi chăm chú:

- Anh sẽ dạy tôi đọc chứ? Với những cuốn sách có hình vẽ lớn trong đó?

- Tôi không có chúng ở đây. Tôi đã để chúng lại Ohio.

Khuôn mặt cô xụ xuống:

- Vậy là ở đây anh chỉ có sách về... cờ vua?

Tôi lắc đầu, rồi nói thêm:

- Còn những cuốn khác. Đây là một thư viện.

- Ý anh là những cuốn sách về con người?

- Phải.

Khuôn mặt cô lại sáng bừng lên:

- Chúng ta đi tìm đi.

- Tôi mệt rồi.

Tôi mệt thật, do việc đọc sách và tìm kiếm loanh quanh.

- Coi nào. - Cô nài nỉ. - Chuyện này quan trọng mà.

Thế là tôi đồng ý và đi tìm kiếm thêm trong các căn phòng cùng cô.

Chúng tôi dành cả tiếng đồng hồ để đi qua các hành lang và mở các cánh cửa. Mọi căn phòng đều trống rỗng, dù một số có các giá kệ kê dọc theo tường. Mary Lou hỏi tôi:

- Những căn phòng trống này dùng để làm gì vậy?

Tôi đáp:

- Trưởng khoa Spofforth nói rằng thư viện sẽ bị phá dỡ. Tôi đoán đó là lí do các phòng đều để trống.

Tôi đoán cô đã biết nhiều tòa nhà ở khắp New York đã được lên lịch phá dỡ từ lâu trước khi chúng tôi ra đời, nhưng rốt cuộc chẳng bị sao cả.

- Phải. - Cô nói. - Một nửa số công trình của vườn thú cũng vậy. Nhưng tất cả những căn phòng này được dùng vào việc gì?

- Tôi không biết. Để cất sách chẳng?

- Nhiều sách tới vậy sao?

- Tôi không biết.

Thế rồi, ở cuối một hành lang dài, đặc biệt nhiều rêu phong, nơi một số bóng đèn trên trần không còn sáng rõ, chúng tôi bắt gặp một cánh cửa màu xám có gắn tấm biển đề KHO LƯU TRỮ. Chúng tôi đẩy cửa với một chút khó khăn. Nó nặng hơn nhiều so với những cái cửa khác và được niêm phong xung quanh. Hợp sức nhau đẩy, chúng tôi mở được nó ra, và tôi lập tức bị bất ngờ bởi hai điều. Không khí bên trong có mùi lạ - mùi cũ kĩ - và có những bậc thang đi xuống phía dưới. Tôi cứ nghĩ rằng mình đã ở tầng

sâu nhất của thư viện. Chúng tôi bước xuống các bậc cầu thang, và tôi suýt trượt ngã. Chúng bị đóng lớp bụi dày màu vàng, trơn trượt. Tôi tìm mình lại vừa kịp lúc.

Khi chúng tôi đi xuống, mùi không khí còn nồng hơn, cũ hơn.

Dưới chân cầu thang là một hành lang. Trên trần có gắn một số bóng đèn, nhưng chúng rất mờ. Đoạn hành lang khá ngắn kết thúc bằng hai cánh cửa. Một cái đề THIẾT BỊ, còn cái kia ghi SÁCH kèm một dòng chữ nhỏ hơn ĐỂ TÁI CHẾ. Chúng tôi đẩy cửa bước vào. Ban đầu không có gì ngoài bóng tối và mùi thơm dịu của không khí phía sau cánh cửa. Sau đó, bất thành linh, các bóng đèn bật sáng, và Mary Lou thốt lên một tiếng khe khẽ.

Gian phòng rất lớn và có sách ở khắp mọi nơi.

Bạn không thể nhìn thấy bất kì bức tường nào vì các giá kệ được chất đầy sách. Sách còn được xếp chồng lên nhau ở giữa phòng, và chất thành nhiều đồng dọc theo bức tường trước các giá kệ. Chúng có đủ màu sắc và kích cỡ khác nhau.

Tôi đứng đó, không biết phải làm gì hay nói gì. Tôi đang cảm thấy một điều gì đó giống như thứ mà một số bộ phim mang lại - cảm giác rằng mình đang đối diện với các làn sóng cảm xúc lớn lao từng được cảm nhận bởi những người giờ đây đã chết, những người hiểu được những thứ mà tôi không hiểu.

Tất nhiên, tôi biết đã từng có những cuốn sách trong thế giới xa xưa, và hầu hết trong số chúng có lẽ là từ cái thời trước khi có ti vi, nhưng tôi không nghĩ lại có nhiều sách như vậy.

Trong khi tôi đứng đó với cảm giác không thể gọi tên trong lòng, Mary Lou đi về phía một chồng những cuốn sách lớn, mỏng, không cao bằng những cuốn khác. Cô với tay như cách mà tôi đã

thấy cô hái quả xoài giả trong lồng trăn ở Nhà Bò sát, và cẩn thận lấy cuốn sách trên cùng xuống. Cô lúng túng cầm nó bằng cả hai tay và nhìn chăm chăm cái bìa. Sau đó, cô cẩn thận mở các trang bên trong. Tôi có thể trông thấy trong sách có nhiều hình ảnh. Cô nhìn chăm chú một vài trang sách. Sau đó cô lên tiếng:

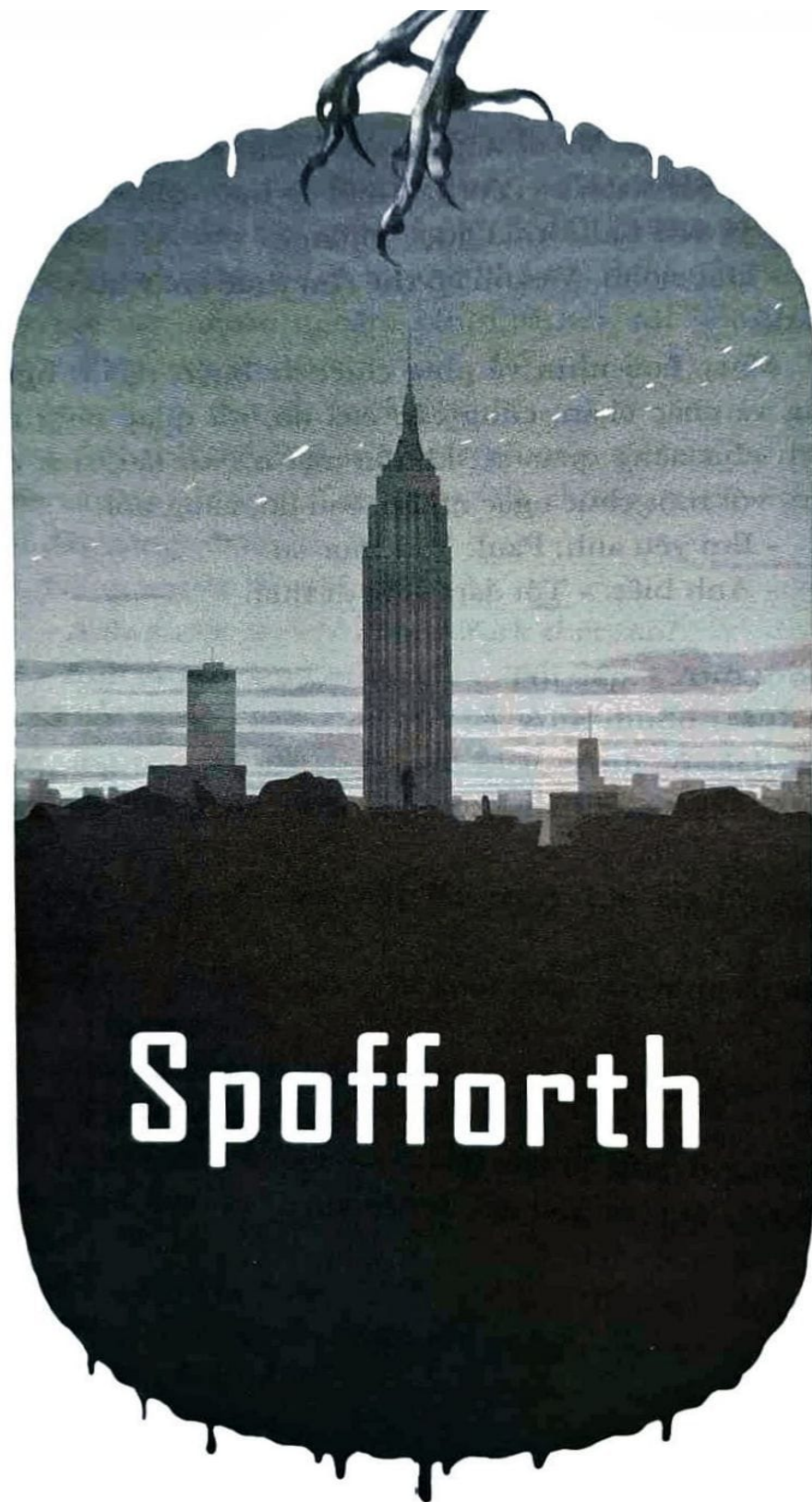
- Những bông hoa!

Đoạn cô gấp cuốn sách lại và đưa cho tôi.

- Anh có thể... đọc những gì được viết trên này không?

Tôi cầm lấy nó từ tay cô và xem cái bìa. *Những loài hoa đại Bắc Mỹ*. Tôi nhìn cô.

- Paul này, em muốn anh dạy em đọc chữ. - Cô nói một cách nhẹ nhàng.



Cứ mỗi buổi chiều, vào lúc hai giờ, Spofforth đều đi dạo trong khoảng một tiếng đồng hồ. Giống như thói quen huýt sáo là biểu hiện duy nhất của khả năng chơi piano mà ông chưa biết đến, thói quen đi dạo đã được chép vào bộ não kim loại của ông ngay từ đầu một cách không mong muốn. Đó không phải là sự cưỡng bách. Ông có thể kìm nén nó khi muốn, nhưng thường ông không làm như vậy. Công việc ở trường đại học quá nhẹ nhàng và tầm thường đến nỗi ông dễ dàng thu xếp được thời gian rảnh. Và không ai có thẩm quyền để bảo ông không được làm như vậy.

Ông đi dạo quanh thành phố New York với đôi tay vung đều, dáng điệu khoan thai, đầu thẳng, không nhìn trái nhìn phải. Thỉnh thoảng ông nhòm qua cửa kính các cửa hàng tự động nhỏ bán thực phẩm và quần áo cho người có thể tín dụng, hoặc dừng lại để xem một nhóm robot Lớp Hai đi thu gom rác hoặc sửa chữa các đường cống cổ xưa. Những vấn đề này khiến ông lưu tâm. Spofforth hiểu rõ hơn bất kì người nào tầm quan trọng của việc cung cấp thực phẩm, quần áo và loại bỏ rác thải. Sự kém cỏi và thiếu sót trong vận hành vốn gây họa cho phần còn lại của thành phố đang chết dần chết mòn này không được phép cản trở những dịch vụ đó. Vì vậy, mỗi ngày Spofforth sẽ đi bộ qua một khu vực khác nhau của Manhattan và kiểm tra xem các thiết bị cung cấp thực phẩm và quần áo có hoạt động hay không, cũng như rác rưởi có được dọn dẹp hay không. Ông không phải là một kĩ thuật viên, nhưng đủ thông minh để sửa chữa những hỏng hóc thông thường.

Thường thì ông không quan sát người qua đường. Nhiều người trong số họ sẽ nhìn chằm chằm vào ông quan sát vóc dáng, sức mạnh thể chất, đôi tai đen của ông - nhưng ông mặc kệ.

Chuyến đi dạo vào một chiều tháng Tám này đã đưa ông qua khu trung tâm Manhattan, gần West Side. Ông đi qua những con phố với nhiều ngôi nhà nhỏ bằng nhựa Permo có tuổi đời hàng thế kỉ, một số có những mảnh vườn ít được chăm sóc. Vì lí do nào đó, việc làm vườn đã được dạy tại các kí túc xá. Có lẽ hàng trăm năm trước, một số kĩ sư hoạch định yêu thích hoa cỏ đã quyết định rằng trồng hoa phải là một phần trong các tiêu chuẩn sống của loài người. Chỉ vì một ý tưởng vu vơ như thế, nhiều thế hệ con người đã trồng cúc vạn thọ, cúc ngũ sắc, thanh trúc và hoa hồng vàng mà không thực sự biết lí do vì sao.

Đôi khi Spofforth dừng lại và kiểm tra tỉ mỉ trang thiết bị của một cửa hàng, để xem các máy tính có hoạt động tốt không, có duy trì nguồn cung ở mức thích hợp không, những robot xếp dỡ thế hệ Một có sẵn sàng và đủ khả năng xử lí các chuyến xe hàng buổi sáng hay không, các máy bán hàng tự động có hoạt động tốt hay không. Ông có thể đi vào một cửa hàng quần áo, nhét thẻ tín dụng không hạn mức đặc biệt của mình vào một cái khe, nói to với Máy đặt hàng rằng: “Tôi muốn một chiếc quần dài màu xám vừa khít”. Sau đó, ông sẽ đứng vào một trong những cái buồng vừa đủ lớn cho khổ người của ông, cho cơ thể được đo đạc bằng sóng âm, rồi bước trở ra ngoài, quan sát các cỗ máy chọn vải từ những cuộn vải to tướng trên đầu, cắt các mảnh vải và ráp chúng lại thành chiếc quần, trước khi trả thẻ tín dụng cho ông. Nếu có vấn đề gì xảy ra - như vẫn thường xảy ra - với dây khóa kéo hoặc các túi quần, hoặc bất cứ điều gì, ông sẽ tự tay sửa chữa cỗ máy hoặc cố gắng gọi điện thoại điều một robot kĩ thuật viên đến sửa. Nếu cái điện thoại còn hoạt động.

Spofforth cũng có thể chui vào một đường cống cái và quan sát xung quanh xem có gì bị nứt, bị mắc kẹt hoặc han gỉ hay không, và làm hết sức có thể để khắc phục. Nếu không có ông, New York có lẽ đã không còn hoạt động được nữa. Đôi khi ông tự hỏi làm thế nào những thành phố khác vẫn tồn tại, khi không có các robot Lớp Chín, cũng như không có những người làm việc thực sự hiệu quả. Ông nhớ lại những đồng rác trên đường phố Cleveland, và cách mọi người ăn mặc xấu xí đến thế nào ở St Louis hồi ông làm thị trưởng tại đó trong một thời gian ngắn. Chuyện đó cách nay đã gần một thế kỷ. Không ai ở St Louis được mặc đồ có túi trong nhiều năm, và áo của tất cả mọi người đều bị may quá rộng, cho đến khi chính tay Spofforth sửa thiết bị đo bằng sóng âm và lôi xác một con mèo ra khỏi máy khâu túi của cửa hàng quần áo duy nhất trong thành phố. Người ta có lẽ vẫn chưa đến mức phải phẫu thuật và chết đói ở St Louis, nhưng điều gì sẽ xảy ra trong hai mươi *lam* tới, khi tất cả mọi người đều già yếu và xung quanh không có người trẻ tuổi nào đủ nhận thức để ra ngoài tìm kiếm sự giúp đỡ của một robot Lớp Bảy trong trường hợp khẩn cấp? Nếu có thể làm được, chắc ông đã tự nhân bản mình, cho ra đời hàng trăm robot Lớp Chín khác để giữ cho mọi thứ hoạt động ở Baltimore, Los Angeles, Philadelphia và New Orleans. Không phải vì ông lo lắng gì cho nhân loại, mà vì ông ghét nhìn thấy máy móc hoạt động kém hiệu quả. Đôi khi ông coi mình như một cái máy, và tự cảm thấy mình phải có trách nhiệm.

Nhưng nếu có thể sản xuất thêm các robot Lớp Chín, ông sẽ bảo đảm sao cho họ được sinh ra mà không có khả năng cảm nhận các cảm xúc. Và có thể chết đi. Có được ân huệ đó.

Vào buổi chiều tháng Tám nóng nực này, Spofforth không dừng lại ở bất cứ nơi đâu cho đến khi tới một tòa nhà cổ thấp tầng ở Central Park West. Ông đang có một ý tưởng đặc biệt trong đầu.

Tòa nhà là một trong số ít những kiến trúc được làm bằng bê tông của thành phố, mặt tiền của nó có hàng cột trang trí, cửa sổ ghép từ nhiều ô kính, và một cửa ra vào bằng gỗ cổ kính màu sẫm. Ông đẩy cửa bước vào một hành lang đầy bụi có treo chiếc đèn chùm thủy tinh trên trần nhà sơn trắng, và tiến tới một cái quầy bằng gỗ với mặt trên ốp nhựa màu xám, xước sọc.

Phía sau quầy, một người đàn ông nhỏ nhắn đang nằm co người trên chiếc ghế bành, ngủ khò.

Spofforth gay gắt nói với ông ta:

- Anh là thị trưởng của New York phải không?

Người đàn ông mở mắt, ngái ngủ đáp:

- Ừm... Tôi là thị trưởng đây.

- Tôi muốn tham khảo Văn khố Quốc gia. - Spofforth nói, không giấu giếm sự bức dọc. - Tôi muốn biết dân số của miền Tây nước Mỹ.

Người đàn ông đã tỉnh táo hơn đôi chút.

- Không tin nổi chuyện này. - Ông ta nói. - Có người dám tự dưng xông vào đây đòi tham khảo lưu trữ. - Ông ta đứng dậy và cau có đuổi người, trước khi quan sát Spofforth kỹ hơn. - Anh là robot à?

- Đúng vậy. - Spofforth đáp. - Lớp Chín.

Người đàn ông nhìn Spofforth một lúc. Rồi ông ta chớp chớp mắt, hỏi lại:

- Lớp Chín cơ á?

- Hỏi Giám sát của anh xem phải làm thế nào. Tôi muốn trao đổi với Văn khố Bang.

Lúc này người đàn ông đang nhìn Spofforth lom lom.

- Họ gọi ông là Spofforth đúng không? - Ông ta hỏi. - Người bảo Hội đồng Thành phố phải duy trì áp lực nước bao nhiêu, và khi nào thì cần thay lớp xe buýt giao cảm? Những chuyện đại loại như thế?

- Tôi là Spofforth và tôi có thể bảo người ta sa thải anh. Gọi Máy tính Giám sát của anh đi.

- Được rồi, được rồi, thưa ngài. - Nói đoạn ông ta bật một cái công tắc trên bàn.

Một giọng phụ nữ cất lên từ chiếc loa đầu đó, tuyên bố:

- Chính phủ xin nghe.

- Có một robot Lớp Chín đang ở đây. Tên là Spofforth. Ông ta muốn tham khảo Văn khố Chính phủ.

- Đã hiểu. - Giọng nói đáp chẳng mấy dịu dàng. - Tôi có thể giúp gì cho ông?

- Ông ta có được truy cập không?

Chiếc loa ậm ừ trong giây lát, sau đó giọng nói nhân tạo cất lên trở lại:

- Dĩ nhiên là được. Nếu không phải ông ta, thì ai?

Người đàn ông tắt công tắc, rồi ngược nhìn Spofforth.

- Thôi được rồi, tôi nghe đây. - Ông ta tuyên bố, cố gắng tỏ ra tử tế.

- Vậy dữ liệu nằm ở đâu? - Spofforth hỏi.

- Dữ liệu dân cư đang... hừm...

Người đàn ông bắt đầu nhìn quanh phòng. Chẳng có gì để ông ta nhìn, ngoại trừ chùm đèn, nên một lát sau ông ta nhìn vào bức tường ở cuối phòng. Rồi ông ta nhún vai, cúi người xuống bật công tắc một lần nữa. Chất giọng phụ nữ lại vang lên:

- Chính phủ xin nghe.

- Thị trưởng đây. Dữ liệu dân cư quốc gia nằm ở đâu?

- Tại New York. Trong tòa nhà chính phủ, Central Park West.

- Tôi đang ở đó đây. - Thị trưởng nói. - Ở đâu trong tòa nhà?

- Tầng năm. Cánh cửa thứ hai bên trái. - Chính phủ liên bang đáp.

Khi người đàn ông tắt công tắc, Spofforth hỏi ông ta thang máy có hoạt động hay không.

- Không, thưa ngài. Kể từ lúc tôi còn nhớ được.

Spofforth nhìn ông ta một lúc, tự hỏi một con người như vậy có thể nhớ được bao lâu. Có lẽ không nhiều hơn một *lam*.

- Cầu thang bộ ở đâu? - Ông hỏi.

- Cuối đường, bên phải. - Thị trưởng nói, rồi lần mò trong túi áo sơ mi của mình, lấy ra một chiếc cần và trầm ngâm cầm nó bằng

những ngón tay mập mạp. - Cũng cố gắng sửa thang máy rất nhiều lần. Nhưng ngài biết đám robot rồi đó.

- Vâng. - Spofforth đáp trong khi tiến về phía cầu thang bộ. - Tôi biết robot là như thế nào.

Dữ liệu dân cư nằm trong hộp kim loại hoen ố lớn bằng cái đầu của một người đàn ông, với một công tắc và một loa. Trước mặt nó là chiếc ghế kim loại. Đó là tất cả những gì có trong phòng. Spofforth chuyển công tắc sang vị trí “bật” màu xanh lá và một giọng đàn ông khá tự mãn cất lên:

- Đây là nơi lưu trữ dữ liệu dân số của thế giới.

Trước sự khó chịu sau cuối này, Spofforth nổi giận:

- Anh đáng lẽ là dữ liệu của Bắc Mỹ. Tôi không cần của cả thế giới chết tiệt này.

Ngay lập tức giọng nói đáp tỉnh bơ:

- Dân số của toàn bộ thế giới chết tiệt này là mười chín triệu bốn trăm ba mươi nghìn bảy trăm sáu mươi chín, tính đến trưa nay, theo giờ Greenwich. Theo châu lục, châu Phi có khoảng ba triệu, chín mươi ba phần trăm được đào tạo trong các trường nội trú, bốn phần trăm là bọn ăn bám và phần còn lại trong các học viện. Châu Á có khoảng bốn triệu rưỡi sinh mạng, chín mươi bảy phần trăm ở trong trường nội trú và gần như tất cả số còn lại trong các học viện. Úc đã được sơ tán và không có dân. Châu Âu cũng vậy...

- Im đi! - Spofforth cắt ngang. - Tôi không muốn biết tất cả những cái đó. Tôi muốn biết về một người đến từ Bắc Mỹ. Một người...

Giọng nói ngắt lời ông:

- Được thôi. - Nó nói. - Dân số chết tiệt của Bắc Mỹ là hai triệu một trăm bảy mươi ba nghìn mười hai người, với chín mươi hai phần trăm được đào tạo trong trường nội trú...

- Tôi không quan tâm đến điều đó. - Spofforth nói.

Trước đây ông từng gặp phải những chiếc máy tính như thế này, nhưng đã lâu lắm rồi. Chúng thuộc về một thời đại rất lâu trước khi chính ông ra đời, khi việc trang bị cho máy móc một “cá tính” là một trào lưu và kỹ thuật của Lập trình ngẫu nhiên vừa được phát triển. Đó là điều mà ông không hiểu trong cách thức các máy tính được lập trình, nên ông quyết định hỏi:

- Tại sao anh lại dùng chữ “chết tiệt”?

- Bởi vì ông đã dùng chữ đó. - Giọng nói nhã nhặn đáp. - Tôi được lập trình để đáp lại một cách tương xứng. Tôi là một Trí tuệ D773, được lập trình để có cá tính.

Spofforth suýt phì cười.

- Anh bao nhiêu tuổi rồi? - Ông hỏi.

- Tôi được lập trình cách đây bốn trăm chín mươi *hoàng* chết tiệt. Qui theo năm là hai trăm bốn mươi lăm năm.

- Đừng có nói “chết tiệt” nữa. Anh có tên không?

- Không.

- Có cảm xúc không?

- Vui lòng lặp lại câu hỏi.

- Anh đã nói là có cá tính. Tức là anh cũng có cảm xúc?

- Không. Ớn trời, không. - Máy tính đáp.

Spofforth mỉm cười mệt mỏi.

- Anh có bao giờ cảm thấy chán không?

- Không.

- Được rồi. Giờ thì nghe câu hỏi của tôi cho kĩ. Và không trả lời cho vui.

Spofforth nhìn quanh căn phòng trống, ghi nhận sự xuống cấp của những bức tường ốp thạch cao và trần nhà. Rồi ông nói:

- Tôi muốn các thông số hiện có của một phụ nữ tên là Mary Lou Borne, đến từ trường nội trú New Mexico. Hiện giờ cô ta khoảng ba mươi tuổi. Sáu mươi *hoàng*.

Cỗ máy bắt đầu trả lời với chất giọng máy móc và kém sinh động hơn trước:

- Mary Lou Borne. Trọng lượng lúc sinh ba ngàn ba trăm năm mươi gam. Nhóm máu bảy. Mã ADN alpha delta chín không không sáu ba bảy bốn tám. Tính bất định trong di truyền cao. Ứng viên cho việc tiêu diệt sau khi chào đời. Việc tiêu diệt đã không được thực hiện. Thuận tay trái. Trí tuệ ba mươi tư. Thị lực...

- Lặp lại chỉ số trí tuệ. - Spofforth yêu cầu.

- Ba mươi tư, thưa ngài.

- Trên thang đo trí tuệ Charles?

- Vâng, thưa ngài. Ba mươi tư Charles.

Chuyện này rất đáng ngạc nhiên. Ông chưa từng nghe có người nào thông minh đến thế trước đây. Tại sao cô ta không bị tiêu diệt

trước tuổi dậy thì? Có lẽ cũng bởi cùng một nguyên do khiến những chiếc quần ở St Louis không có khóa kéo: Lỗi vận hành.

- Nói cho tôi biết. - Spofforth yêu cầu. - Cô ta bị triệt sản khi nào, và tốt nghiệp trường nội trú khi nào?

Lần này câu trả lời đến chậm hơn, như thể cỗ máy bị câu hỏi làm cho bối rối. Cuối cùng giọng nói cất lên:

- Tôi không có dữ liệu triệt sản, cũng như biện pháp ngừa thai bổ sung thông qua mê dược. Tôi không có dữ liệu tốt nghiệp của các trường nội trú.

- Tôi cũng đoán thế. - Spofforth rầu rĩ nói. - Tìm kiếm trong bộ nhớ của anh đi. Anh có dữ liệu nào về bất kì người phụ nữ nào khác tại Bắc Mỹ chưa được triệt sản hoặc kiểm soát sinh đẻ và chưa tốt nghiệp nội trú không? Từ cả trường nội trú Người Nghĩ lẫn trường nội trú Người Làm?

Giọng nói im lặng suốt một phút để tìm kiếm, trước khi đáp:

- Không có.

- Vậy phần còn lại của thế giới thì sao? Các trường nội trú ở Trung Quốc...

- Tôi sẽ liên hệ với Bắc Kinh. - Giọng nói đáp.

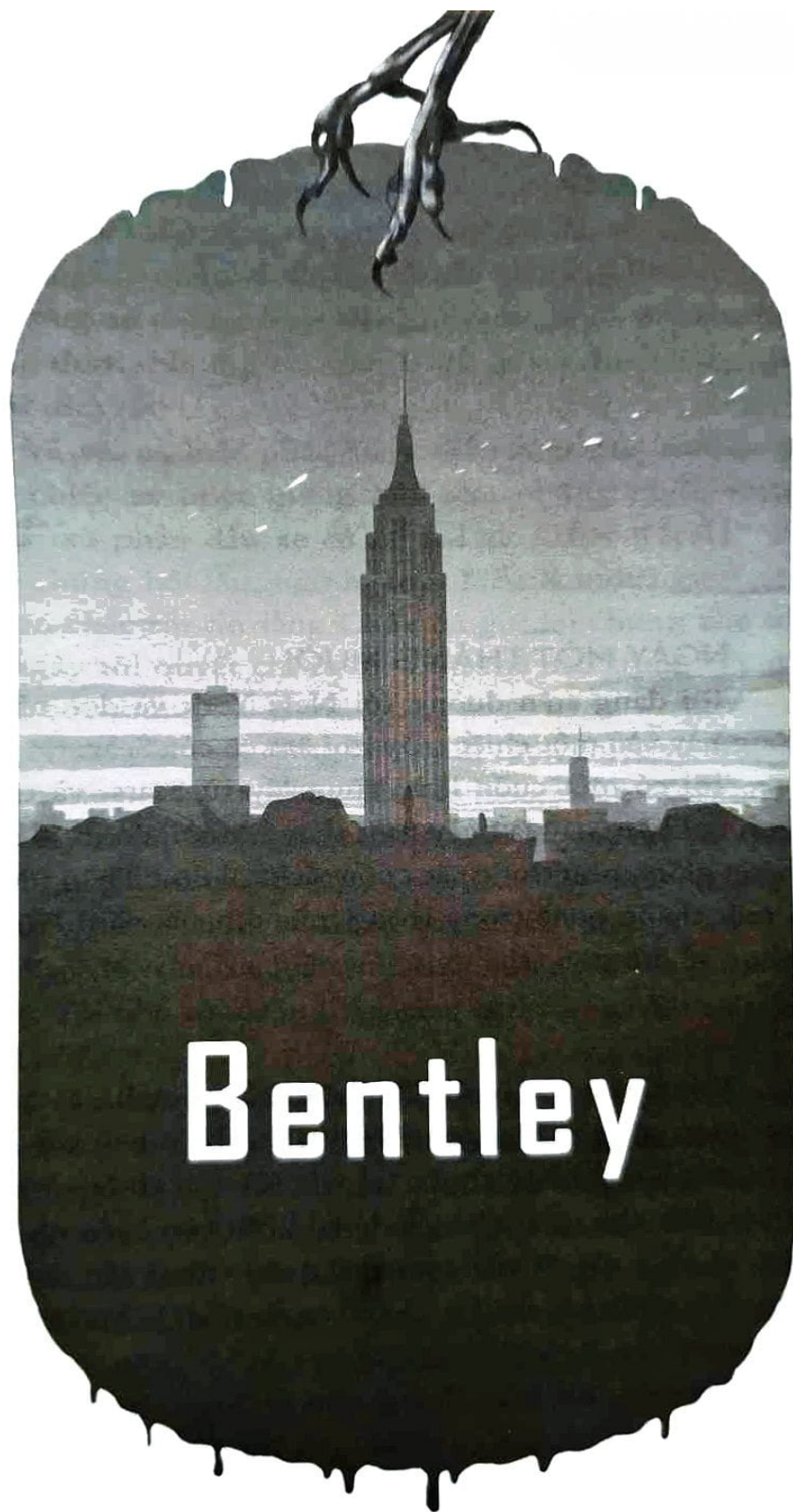
- Thôi bỏ đi. - Spofforth nói. - Tôi không muốn nghĩ tới chuyện đó.

Ông gạt công tắc sang màu đỏ, đưa Dữ liệu dân cư thế giới vào trạng thái ngủ Đông nào đó, nơi trí tuệ nhiều chuyện của nó đang cư ngụ mà không biết chán giữa những lần hiếm hoi được cho cơ hội lên tiếng.

* * *

Ở dưới tầng trệt, thị trưởng New York đã thu mình lại trên chiếc ghế bành bằng nhựa với một nụ cười vô hồn trên môi. Spofforth không quấy rầy anh ta nữa.

Bên ngoài, mặt trời bắt đầu tỏa sáng. Trên đường quay về trường đại học, Spofforth đi ngang một công viên nhỏ được vận hành bởi robot. Ông hái cho mình một bông hồng vàng.



NGÀY THỨ NĂM MƯƠI BẢY

Đã chín ngày kể từ khi tôi viết cuốn nhật kí này. Chín ngày. Tôi đã học được cách cộng và trừ các con số. Từ một trong các cuốn sách. Nhưng quá ngán ngẫm khi biết được nó có tên là *Số học dành cho các cô cậu bé*, chúng tôi dừng lại sau các phép cộng trừ. Nếu bạn có bảy quả đào và bỏ đi ba quả, thì bạn còn lại bốn quả. Nhưng đào là quả gì?

Mary Lou học rất nhanh, nhanh hơn cả tôi, chuyện này thật đáng kinh ngạc. Nhưng cô có tôi giúp, còn tôi thì chẳng có ai.

Tôi đã tìm thấy một số cuốn sách dễ đọc với chữ to và nhiều hình. Tôi đọc chậm rãi thành tiếng cho Mary Lou và cô lặp lại các từ theo tôi. Vào ngày thứ ba chúng tôi có một phát hiện. Nó nằm trong cuốn *Số học dành cho các cô cậu bé*. Đề bài bắt đầu như thế này: “Có hai mươi sáu mẫu tự trong bảng chữ cái...” và Mary Lou đã hỏi tôi:

- Bảng chữ cái là gì?

Tôi quyết định tìm nó trong *Từ điển*. Và tôi đã tìm thấy. *Từ điển* bảo rằng: “Bảng chữ cái: các mẫu tự của một ngôn ngữ nhất định, được sắp xếp theo một trật tự được qui định theo thông lệ. Hãy xem trang đối diện.” Tôi hoang mang mất vài giây trước khi nhìn sang trang bên cạnh và thấy một sơ đồ với chữ A ở trên đầu, còn chữ Z ở dưới cùng. Tất cả chúng đều rất quen thuộc, thứ tự của chúng cũng vậy. Tôi đếm được hai mươi sáu cả thảy, đúng như trong đề bài toán đã ghi. “Trật tự được qui định theo thông lệ” dường như muốn nói đến cách thức mà người ta sắp xếp chúng, giống như những cái cây theo một hàng lối. Nhưng người ta không

bày biện các mẫu tự. Mary Lou và tôi, theo như tôi biết, là những người duy nhất biết mẫu tự là gì. Nhưng tất nhiên con người - có lẽ là tất cả mọi người - đã từng biết đến các mẫu tự, và từng sắp xếp chúng vào thứ được gọi là bảng chữ cái.

Tôi nhìn sơ đồ và đọc thành tiếng:

- A, B, C, D, E, F, G, H, I, J...

Bỗng tôi nhận ra đó chính là cách các từ ngữ được đưa vào trong *Từ điển*! Các từ bắt đầu bằng chữ “A” xuất hiện trước tiên, kế đến là những từ bắt đầu bằng “B”.

Tôi đã giải thích chuyện này với Mary Lou và cô lập tức hiểu ra. Cô cầm lấy cuốn *Từ điển* và lật xem. Tôi nhận ra cô đã kịp trở thành một chuyên gia trong việc thao tác với các cuốn sách. Sự vựng về ban đầu của cô đã biến mất. Một phút sau, cô nói:

- Chúng ta nên ghi nhớ bảng chữ cái.

Ghi nhớ. Học thuộc lòng.

- Tại sao? - Tôi hỏi lại.

Mary Lou ngược lên nhìn tôi. Cô đang ngồi khoanh chân dưới sàn nhà, trong bộ váy vàng được tôi mua cho. Còn tôi thì ngồi trên chiếc giường kiêm bàn làm việc, với chồng sách trước mặt.

- Em cũng không rõ. - Cô đáp và cụp mắt nhìn xuống cuốn sách trong lòng. - Có lẽ nếu thuộc được bảng chữ cái, chuyện đó sẽ giúp chúng ta sử dụng cuốn sách này chẳng?

Tôi ngẫm nghĩ một chút, rồi đáp:

- Được thôi.

Thế là chúng tôi học thuộc nó. Tôi cảm thấy xấu hổ vì cô có thể đọc thuộc bảng chữ cái nhanh hơn tôi nhiều. Nhưng nhờ vậy cô giúp tôi học, để cuối cùng tôi cũng thuộc được nó. Bảng chữ cái khá là khó, đặc biệt ở phần cuối với các mẫu tự W, X, Y, Z. Tuy vậy, rốt cuộc tôi cũng đọc được một mạch chính xác hai mươi sáu chữ cái những hai lần. Khi tôi trả bài xong, Mary Lou bật cười và bảo:

- Giờ thì chúng ta đã cùng nhau biết được một thứ.

Tôi cũng bật cười theo cô. Tôi không rõ vì sao. Chuyện này đâu có thực sự đáng cười?

Mary Lou nhìn tôi trong giây lát, mỉm cười, rồi bảo:

- Lại đây ngồi với em nào.

Tôi ngồi xuống tấm thảm, bên cạnh cô.

- Chúng ta lần lượt đọc nó nhé. - Cô nói và bắt đầu luôn. - A.

Lần này sự đụng chạm với cô không còn làm tôi bối rối hoặc e dè nữa. Không hề.

- B. - Tôi nói.

- C. - Cô tiếp lời và quay sang đối mặt với tôi.

- D. - Tôi vừa nói vừa quan sát khuôn miệng cô, chờ cho nó phát âm chữ cái tiếp theo.

Cô dùng lưỡi làm ướt đôi môi của mình, và nói khẽ:

- E.

Âm thanh đó nghe như một tiếng thở dài.

- F. - Tôi đáp ngay. Tim tôi bắt đầu đập rộn lên.

Mary Lou kê miệng vào tai tôi và thì thào:

- G.

Rồi cô bật cười khúc khích. Tôi cảm thấy một thứ gì đó và suýt nháy dưng. Nó ấm áp và ươn ướt, ngay trên vành tai. Tôi nhận ra đó là lưỡi của cô. Tim tôi gần như ngừng đập.

Không biết phải làm gì, tôi nói:

- H.

Lần này thì chiếc lưỡi của cô luồn hẳn vào bên trong tai tôi. Nó tạo ra một cơn rùng mình, một cơn rùng mình khe khẽ, khắp cơ thể tôi, và có gì đó giãn ra trong bụng tôi. Cũng như trong đầu tôi. Vẫn giữ chiếc lưỡi bên trong lỗ tai tôi, cô phát âm chữ I kéo dài:

- Aaaaaiiiiiieeeeeeeee.

Điều mà tôi đang cảm thấy lúc này là một thứ gì đó hoàn toàn mới mẻ. Nó kích thích, nó lấn lướt, nó làm cơ thể và tâm trí tôi rung động đến nỗi tôi thấy mình ngồi trên sàn với khuôn mặt cận kề khuôn mặt cô, và khóc. Mặt tôi ướt đẫm nước mắt.

Cô thì thào:

- Chúa ơi, Paul. Anh đang khóc kìa. Ngay trước mặt em.

- Ừ. - Tôi đáp. - Anh xin lỗi. Anh không nên...

- Anh thấy không ổn à?

Tôi đưa tay lau má, và bàn tay tôi khẽ chạm vào má cô. Tôi ngồi yên với mu bàn tay mình trên má cô, và cảm thấy tay cô xoay nó lại, thật nhẹ nhàng, cho đến khi lòng bàn tay của tôi áp vào má cô. Lòng tôi dấy lên cảm giác mới mẻ và dịu ngọt, giống như tác dụng của một loại thuốc cực mạnh. Tôi nhìn gương mặt

của cô, đôi mắt tò mò mở to của cô giờ đây thoáng một chút buồn.

- Không. - Tôi đáp. - Không hề. Anh cảm thấy... một điều gì đó. Anh cũng không biết nữa. - Tôi vẫn đang khóc. - Một điều gì đó hay ho. Điều mà anh đang cảm thấy ấy.

Khuôn mặt cô đang ở rất gần. Dường như cô đã hiểu điều tôi muốn nói. Cô gật đầu.

- Chúng ta đọc nốt bảng chữ cái nhé?

Tôi mỉm cười và nói:

- J. - Tôi nhắc bàn tay mình ra khỏi má Mary Lou và áp vào lưng cô. - J là chữ cái tiếp theo.

Cô cũng mỉm cười.

Chúng tôi vẫn chưa đi tới phần khó nhất của bảng chữ cái. Các kí tự W, X, Y và Z.

NGÀY THỨ NĂM MƯƠI CHÍN

Mary Lou đã dọn đến ở cùng tôi! Đã hai đêm nay chúng tôi ngủ bên nhau trên chiếc giường của tôi. Bằng cách tháo bàn làm việc ra và kê nó vào sát tường, cô tạo ra chỗ cho mình.

Tôi gặp khó khăn trong việc đi ngủ với một người khác nằm bên cạnh. Tôi đã nghe nói về việc đàn ông và phụ nữ lên giường với nhau, nhưng không ngủ cùng nhau. Tuy vậy, cô muốn như thế, và tôi chiều theo ý cô.

Cơ thể của cô làm tôi e dè. Tôi ngại đụng chạm hoặc áp người vào cô. Nhưng sáng nay khi thức giấc, tôi thấy mình đang ôm cô

trong vòng tay. Cô ngáy khe khẽ. Tôi ngửi tóc cô và hôn nhẹ lên gáy cô, rồi nằm đó, giữ yên cơ thể đang ngủ của cô suốt một lúc lâu cho đến khi cô mở mắt.

Cô bật cười khi tỉnh dậy và thấy đang được tôi ôm trong vòng tay. Cô rúc vào người tôi. Tôi lại cảm thấy ngại ngùng. Nhưng rồi chúng tôi bắt đầu nói chuyện và tôi quên đi sự e dè của mình. Cô nói về việc học đọc. Cô nói đã mơ thấy mình đọc hàng ngàn quyển sách và biết hết mọi điều về cuộc sống.

- Có điều gì về cuộc sống mà ta cần biết à? - Tôi hỏi.

- Mọi thứ. - Cô đáp. - Bọn họ đã không cho chúng ta biết nhiều thứ.

Tôi không chắc mình hiểu được chuyện đó. Họ là ai? Nhưng tôi không nói gì.

- Chúng ta ăn sáng đi. - Cô đề nghị.

Tôi gọi robot phục vụ. Sau đó chúng tôi ăn các thanh đậu nành và thịt lợn xông khói. Tôi cảm thấy rất khỏe khoắn, dù ngủ không đủ giấc.

Trong bữa ăn sáng, cô chồm người qua bàn và hôn tôi. Cứ thế là hôn thôi! Tôi thích thế.

Sau bữa sáng, tôi quyết định làm việc với một bộ phim, và Mary Lou cùng xem nó với tôi. Bộ phim có tên là *Nhà môi giới chứng khoán*, với diễn viên chính là Buster Keaton. Anh ta là một người rất hoạt bát và gặp đủ thứ gian khó bất thường trong các bộ phim của mình. Chúng lẽ ra rất hài hước nếu không buồn đến thế.

Mary Lou say mê xem phim. Cô chưa từng xem bất cứ bộ phim nào trước đây, và chỉ quen với ti vi 3D, thứ mà cô không thích.

Ở đầu phim, khi Buster Keaton đang sơn một ngôi nhà và tiếp tục sơn luôn lên mặt của một người đàn ông thò đầu qua cửa sổ, Mary Lou thốt lên:

- Paul này, Buster Keaton cũng giống hệt anh. Rất là... nghiêm túc.

Cô nói đúng.

Sau khi xem phim, chúng tôi dành phần còn lại trong ngày để học đọc. Cô học nhanh khủng khiếp và đặt ra những câu hỏi thú vị. Tôi từng giảng dạy cho nhiều học viên, nhưng không ai được như cô. Và việc đọc của tôi cũng tiến bộ theo.

Mọi thứ về cô thật thú vị.

Bây giờ là buổi tối, và Mary Lou đang nhìn tôi viết điều này trên chiếc bàn kê vào tường. Tôi giải thích cho cô về cách viết và cô rất hào hứng. Cô nói rằng mình cũng phải học cách làm như vậy để có thể ghi lại những kỉ niệm trong đời.

- Và viết ra những thứ khác mà em nghĩ đến. Để em có thể đọc chúng. - Cô nói.

Điều đó thật thú vị. Có lẽ đó là lí do thực sự mà tôi viết nhật kí này - ngoài những gì được Spofforth yêu cầu - tôi viết ra để có thể đọc lên. Việc đọc tạo ra một điều gì đó thật kì lạ và phấn khích trong tâm trí của tôi.

Có lẽ một lí do khiến Mary Lou táo bạo hơn tôi là cô từng sống trong trường nội trú Người Làm trước khi bỏ trốn, trong khi tôi tất nhiên là một sinh viên tốt nghiệp trường Người Nghĩ. Thế nhưng cô

cực kì thông minh! Tại sao cô lại được đào tạo để trở thành một người lao động chân tay chứ không phải trí óc? Có lẽ lựa chọn đó được tiến hành dựa trên một số cơ sở khác ngoài trí tuệ.

Tôi phải nhớ lấy thêm giấy, để Mary Lou có thể học viết và có thể bắt đầu ghi ra những kí ức của cuộc đời mình.

NGÀY THỨ SÁU MƯƠI LĂM

Cô đã sống với tôi chín ngày nay, trái với mọi nguyên tắc của Chủ nghĩa Cá nhân và Quyền Riêng tư. Thỉnh thoảng tôi cũng cảm thấy tội lỗi vì đã làm ảnh hưởng tới sự Phát triển Nội tại của mình khi chiều theo những ý thích bất chợt của người khác, nhưng tôi ít khi nghĩ đến tính chất trái đạo đức của việc đó. Thật ra, đây là chín ngày hạnh phúc nhất đời tôi.

Và cô đã đọc gần tốt bằng tôi! Tuyệt vời! Cô cũng đã bắt đầu viết lại những kí ức của cuộc đời mình.

Chúng tôi ở bên nhau không rời. Có những lúc chúng tôi dường như giống với Douglas Fairbanks và Mary Pickford - ngoại trừ việc họ đã được dạy dỗ quá kĩ lưỡng nên không quan hệ tình dục.

Không hề có cảnh quan hệ tình dục nào trong các bộ phim xưa, mặc dù nhiều người sống với nhau theo những cách thân mật và trái đạo đức nhất. Phim khiêu dâm, loại thường được dạy trong các lớp Kinh Điển, dường như chưa được phát minh vào thời điểm những bộ phim câm này được sản xuất, cũng giống như ti vi.

Chúng tôi làm tình với tần suất tối đa trong khả năng của tôi. Đôi khi chuyện đó cứ thế xảy ra giữa lúc chúng tôi đang đọc cùng nhau và cô lặp lại các câu chữ theo tôi. Có hôm chúng tôi mất gần

cả buổi chiều để đọc xong cuốn sách mỏng *Làm điều giấy* vì chúng tôi liên tục giải lao.

Cả hai người chúng tôi đều không hút cần hay uống thuốc. Tôi thường xuyên cảm thấy căng thẳng, phấn khích và không thể ngồi yên. Đôi khi chúng tôi đi dạo một chút khi điều đó xảy ra. Và mặc dù một phần trong tôi dường như phản đối cường độ của cách thức tôi đang sống, làm việc và làm tình, tôi biết nó tốt hơn bất kì lối sống nào khác mà tôi từng có.

Một lần, trong khi đi dạo, chúng tôi bỗng nổi hứng, và tôi đề nghị ghé vào một quán bar tình dục ở Quảng trường Thời đại. Tôi đã sử dụng thẻ tín dụng của mình để thuê được buồng ngủ tốt nhất ở đó. Người ta trưng những tấm ảnh ba chiều khiêu dâm khổ lớn thường thấy trong hành lang, và hai robot gái để ngực trần đi đôi ủng màu đen được điều tới để tham gia cùng chúng tôi dưới hình thức truy hoan tập thể, nhưng ơn trời Mary Lou đã xua họ đi. Tôi cũng từ chối liều thuốc kích dục được phục vụ pha cho. Chúng tôi đi đến căn buồng một mình, bật đèn và làm tình trên sàn nhà lót đệm, nhưng cảm thấy không thực sự thoải mái theo cách đó.

Đó là cách làm tình của tôi trước đây, cách mà nó nên được tiến hành. “Tình dục nhanh, bảo vệ kĩ”, như giáo viên môn Quan hệ Cá nhân của tôi từng nói. Nhưng tôi muốn ở chỗ của mình cùng với Mary Lou, làm tình trên chiếc giường của mình và nói chuyện sau đó. Ngoại trừ chuyện ân ái, tôi muốn giống như cặp bố mẹ của một trong những bộ phim xưa. Tôi muốn mua hoa cho Mary Lou và khiêu vũ với cô.

Khi chúng tôi quan hệ xong, Mary Lou đã nói:

- Hãy ra khỏi cái xưởng tình dục này.

Tiếp đó cô nói thêm khi chúng tôi đi khỏi đó:

- Em nghĩ nơi này chính là thứ được bố Simon gọi là “nhà chứa Chicago”.

Tôi đã mua hoa cho cô tại một máy bán hàng tự động. Những bông hoa cẩm chướng trắng, giống như thứ được Gloria Swanson đã cài trong *Nữ hoàng của tất cả*.

Buổi tối, trước khi chúng tôi đi ngủ, tôi đã mời cô khiêu vũ. Tôi đánh một bông hoa vào chiếc váy Synlon của cô và bật nhạc từ một chương trình ti vi, rồi hai chúng tôi khiêu vũ cùng nhau. Cô chưa bao giờ biết đến việc hai người cùng nhau khiêu vũ trước đây, nhưng bất kì học sinh nghiêm túc nào của các bộ phim đều biết đến khiêu vũ. Tôi đã xem nó nhiều lần. Chúng tôi rất lúng túng và giẫm lên chân nhau nhiều lần, nhưng chuyện đó thật vui.

Tuy vậy, lúc chúng tôi lên giường, một điều gì đó mà tôi không rõ bỗng khiến tôi sợ hãi. Tôi ôm chặt Mary Lou cho đến khi cô ngủ thiếp đi. Còn tôi tiếp tục thức một lúc lâu, ngẫm nghĩ. Điều gì đó về quán bar tình dục chớp nhoáng kia đã khiến tôi sợ hãi, tôi nghĩ vậy.

Thế nên tôi ra khỏi giường và viết cho xong những dòng này. Lúc này tôi khá mệt, nhưng vẫn cảm thấy sợ hãi. Tôi sợ cô bỏ đi chẳng? Tôi sợ mình sẽ mất cô chẳng?

NGÀY THỨ BẢY MƯƠI SÁU

Cô đã ở đây được mười tám ngày, và tôi đã không viết gì trong chín ngày vừa qua.

Niềm hạnh phúc của tôi ngày càng lớn! Tôi không nghĩ về tính vô đạo đức trong việc sống chung hay sự trái pháp luật của nó nữa. Tôi nghĩ về Mary Lou, về những thứ tôi xem trong các bộ phim, những điều tôi đọc, và những gì cô đọc.

Suốt cả ngày hôm qua, cô thử sức với một dạng viết lách mới được gọi là “làm thơ”. Cô đọc thành tiếng vài đoạn cho tôi nghe. Nó cũng khó hiểu như cờ vua ở vài chỗ, nhưng mặt khác nó gợi lên những điều lạ lùng và thú vị. Cô đã đọc đoạn này cho tôi hai lần:

*Gió Tây hồi, bao giờ mi thổi,
Cho cơn mưa đổ xuống trần gian?
Chúa Trời ơi! Con muốn ôm nàng
Và tìm lại chiếc giường êm ấm!*

Tôi đã phải tìm chữ “mi” trong *Từ điển*. Khi cô đọc lại lần thứ hai, tôi có lại cảm xúc từng có khi xem những cảnh phim mạnh mẽ. Một cảm xúc lâng lâng, vui sướng một cách đau đớn trong lồng ngực.

Sau khi cô đọc xong, không hiểu sao tôi thốt lên:

- Chỉ có chim nhại hát ở bìa rừng.

Cô ngược lên khỏi quyển sách và hỏi tôi?

- Gì cơ?

- Chỉ có chim nhại hát ở bìa rừng. - Tôi lặp lại.

- Nghĩa là sao? - Cô hỏi.

- Anh không biết. Nó ở trong một bộ phim.

Cô bĩu môi:

- Cũng giống như những câu em vừa đọc, đúng không? Nó làm anh cảm thấy một điều gì đó mà anh không lí giải được.

- Phải. - Tôi đáp, kinh ngạc khi nhận ra cô nói ra điều tôi muốn nói. - Phải. Chính xác là như vậy.

Sau đó cô đọc thêm thơ, nhưng không có bài nào làm tôi có cảm xúc giống như vậy nữa. Dù vậy tôi vẫn thích nghe cô đọc. Tôi nhìn cô ngồi bắt chéo chân trên sàn nhà, dán mắt vào cuốn sách, và lắng nghe giọng nói rõ ràng, nghiêm trang khi cô đọc cho cả hai chúng tôi cùng nghe. Mary Lou để cuốn sách ở gần mắt hơn tôi, và có gì đó rất xúc động nơi cô khi cô đọc.

Chúng tôi đi dạo hàng ngày và ăn trưa ở những chỗ khác nhau.

NGÀY THỨ BẢY MƯƠI BẢY

Hôm nay Mary Lou ra ngoài như vẫn thường làm, mua vài món thức ăn nhanh cho chúng tôi. Cô sử dụng thẻ tín dụng của tôi để mua hàng. Sau khi cô đi, tôi bật máy chiếu, bắt đầu xem một đoạn phim của Lillian Gish và đọc lời thoại vào máy ghi âm. Tôi đang làm việc thì cửa phòng đột ngột mở ra, Spofforth xuất hiện trên ngưỡng cửa. Ông ta cao lớn và vạm vỡ đến nỗi dường như choán hết không gian dù chỉ đứng đó. Thế nhưng lần này tôi không cảm thấy sợ ông ta. Xét cho cùng, Spofforth chỉ là một robot. Tôi tắt máy chiếu và mời ông ta vào phòng. Spofforth bước vào rồi ngồi xuống chiếc ghế nhựa màu trắng kê sát tường, đối diện với tôi. Ông ta mặc quần kaki cùng với áo thun trắng, chân đi xăng đan. Khuôn mặt Spofforth không cười, nhưng cũng không dữ tợn.

Chúng tôi cứ ngồi im như thế một lúc, rồi tôi lên tiếng:

- Ông có nghe nhật kí của tôi chưa?

Đã lâu tôi không gặp ông ta, và ông ta cũng chưa từng vào phòng tôi trước đây.

Spofforth gật đầu:

- Những khi tôi có thời gian.

Có điều gì đó trong câu nói làm tôi bức bối, và tôi bạo dạn hẳn lên:

- Tại sao ông lại muốn tôi ghi nhật kí?

Spofforth không đáp. Một lúc sau ông ta trả lời:

- Dạy đọc là một tội. Anh có thể bị tống vào tù vì việc đó.

Điều đó không hề làm tôi sợ hãi. Tôi nhớ lại điều Mary Lou đã nói về đội Tầm soát và việc chẳng có ai từng bị phát hiện.

- Tại sao? - Tôi chất vấn.

Tôi đang vi phạm Luật Cư xử - “Đừng hỏi, thư giãn đi”, nhưng tôi bất chấp. Tôi muốn biết tại sao mình lại phạm pháp khi dạy ai đó đọc chữ. Và tại sao Spofforth không cho tôi biết điều này trước đây, khi tôi đề nghị được dạy đọc chữ tại đại học New York.

- Tại sao tôi không được dạy Mary Lou đọc chữ?

Spofforth chồm người tới trước, đặt hai bàn tay to lớn lên đầu gối, mắt nhìn tôi không rời. Ánh mắt của ông ta khá đáng sợ, nhưng tôi không nhìn đi chỗ khác.

- Đọc là một hành vi quá thân mật. - Spofforth đáp. - Nó sẽ đặt anh ở quá gần những cảm xúc và suy nghĩ của người khác. Nó sẽ làm anh phân tâm và rối trí.

Tôi bắt đầu cảm thấy hơi sợ một chút. Thật không dễ để đứng trước sự hiện diện của Spofforth và nghe chất giọng trầm ấm đầy uy quyền của ông ta mà không răm rắp vâng lời. Nhưng tôi nhớ đến một điều mình từng được đọc trong một cuốn sách: “Những người khác cũng có thể sai, bạn biết đấy,” và vin vào điều đó.

- Tại sao bị phân tâm và rối trí lại có thể là một tội được? Cũng như việc biết được suy nghĩ và cảm xúc của người khác?

Spofforth nhìn tôi chăm chú.

- Anh không muốn hạnh phúc sao? - Ông ta hỏi.

Tôi đã từng nghe câu hỏi này trước đây, từ các giáo viên robot ở trường nội trú. Hình như tôi chưa bao giờ trả lời được. Nhưng giờ đây, trong căn phòng có những món đồ của Mary Lou, chiếc máy chiếu, các hộp phim và một đầu óc tỉnh táo không bị ảnh hưởng bởi ma túy, nó bỗng khiến tôi nổi giận.

- Những người không biết đọc cũng đang tự giết mình, tự thiêu cháy cơ thể mình. Họ có hạnh phúc không?

Spofforth trừng mắt nhìn tôi. Sau đó ông ta bất ngờ quay đi, hướng mắt vào một chiếc ghế khác, nơi bộ váy đỏ nhàu nhĩ của Mary Lou đang được vắt tạm, cùng một trong những đôi giày của cô.

- Sống cùng một người khác suốt cả tuần lễ cũng là một tội. - Ông ta nói, giọng mềm mỏng hơn.

- Một tuần lễ là gì? - Tôi hỏi.

- Bảy ngày. - Spofforth đáp.

- Sao không phải là bảy ngày? - Tôi hỏi lại. - Hay bảy trăm? Tôi hạnh phúc với Mary Lou. Hạnh phúc hơn quãng đời trước kia, khi lạm dụng ma túy và tình dục chớp nhoáng.

- Anh đang sợ. - Spofforth nói. - Tôi có thể thấy lúc này anh đang sợ hãi.

Tôi đột ngột đứng dậy.

- Thì sao? - Tôi hỏi lại. - Sao nào? Được sống vẫn hơn là làm... một con robot chứ.

Tôi đang sợ. Sợ Spofforth, sợ cho tương lai. Sợ sự giận dữ của mình. Trong một thoáng tôi bỗng có ham muốn dùng mê dược mãnh liệt, dù không nhúc nhích - một nắm đầy những viên thuốc đó để giúp tôi trở nên bình tĩnh, ung dung, vô cảm. Nhưng tôi thích được giận dữ, và tôi chưa sẵn sàng từ bỏ cảm xúc đó.

- Tại sao ông quan tâm tới việc tôi hạnh phúc? Tôi như thế nào thì có liên quan gì tới ông? Dù sao thì, ông cũng chỉ là một cỗ máy.

Lúc đó Spofforth làm một việc đáng kinh ngạc. Ông ta ngửa đầu ra sau và cười, giọng cười vừa to vừa trầm, suốt một lúc lâu. Và thật điên rồ, tôi cảm thấy cơn giận của mình biến mất. Tôi cũng bắt đầu cười theo. Cuối cùng ông ta dừng lại và nói:

- Được rồi, Bentley. Được rồi. - Ông ta đứng dậy. - Anh còn hơn cả những gì tôi nghĩ. Hãy tiếp tục sống với cô ấy. - Ông ta bước ra cửa, trước khi quay lại đối mặt với tôi. - Một thời gian nữa.

Tôi chỉ nhìn ông ta mà không nói gì. Ông ta đóng cửa lại sau lưng.

Khi Spofforth đi rồi, tôi ngồi xuống bên chiếc bàn của mình trở lại và thấy hai cánh tay đang run lên không kiểm soát được, trái tim cũng đang đập thình thịch. Tôi chưa bao giờ nói chuyện như vậy với bất kì ai trước đây, càng không phải với một robot. Tôi vô cùng sợ hãi về bản thân mình. Nhưng, trong thâm tâm, tôi rất phấn khởi. Chuyện này thật lạ. Tôi chưa bao giờ cảm thấy như vậy trước đây.

Khi Mary Lou quay về, tôi không nói gì với cô về vị khách của tôi. Nhưng khi cô muốn tiếp tục bài đọc, tôi bắt đầu quan hệ tình dục với cô. Lúc đầu Mary Lou hơi bực bội; nhưng ham muốn của tôi quá mạnh mẽ nên chúng tôi đã làm tình một cách mãnh liệt, trên tấm thảm trong phòng. Tôi ôm siết cơ thể cô và đi sâu vào trong cô một cách mạnh bạo. Không bao lâu sau cô đã hôn khắp mặt tôi và bật cười thành tiếng.

Một lúc sau, tôi cảm thấy rất sung sướng và thoải mái, đến nỗi tôi nói:

- Ta hãy đọc một chút.

Chúng tôi cùng nhau đọc. Và không có gì xảy ra cả. Spofforth không quay trở lại.

* * *

Mary Lou đang ghi lại kí ức của cuộc đời cô trong khi tôi viết những dòng này. Tôi ngồi ở bàn làm việc, còn cô ngồi trên chiếc ghế phụ của tôi, dùng một cuốn sách lớn đặt trong lòng làm mặt bàn để viết. Cô viết đẹp, có phương pháp, với những con chữ nhỏ, ngay ngắn. Tôi cảm thấy xấu hổ vì chỉ sau một thời gian ngắn cô

đã có thể viết tốt hơn tôi. Nhưng tôi là giáo viên của cô, và tôi tự hào về điều đó. Tôi chợt nghĩ trong quãng thời gian giảng dạy ở trường đại học, tôi chưa bao giờ dạy được cho ai bất cứ điều gì đáng biết. Tôi tìm thấy niềm vui từ những gì tôi đã dạy Mary Lou nhiều hơn hẳn so với toàn bộ những việc đã làm ở Ohio.

NGÀY THỨ BẢY MƯƠI TÁM

Hôm nay chúng tôi chứng kiến một vụ tự thiêu tập thể. Chúng tôi quyết định làm một chuyện mới mẻ và ăn sáng tại Burger Chef. Trong lúc đi bộ qua bảy khối phố, tôi kể với Mary Lou về nguồn gốc thói quen đếm mọi thứ của tôi. Ở trường nội trú, mọi người đều học cách đếm đến mười, nhưng phép đếm chủ yếu được sử dụng cho tám mức giá khác nhau của những thứ mà một người có thể mua. Một chiếc quần có giá hai đơn vị và một chiếc burger rong biển có giá một đơn vị, vân vân... Khi bạn đã sử dụng hết số đơn vị trong ngày của mình, thẻ tín dụng của bạn chuyển sang màu hồng và tạm dừng hoạt động. Tất nhiên, hầu hết mọi thứ đều miễn phí - như xe buýt giao cảm, giày dép và ti vi chẳng hạn.

Cô đếm các khối phố và đồng ý rằng có bảy khối.

- Nhưng em luôn đếm năm chiếc bánh mì của mình ở vườn thú.
- Cô nói.

Tôi nhớ đến cuốn *Số học dành cho các cô cậu bé*.

- Sau khi ăn ba chiếc bánh mì thì em còn lại bao nhiêu chiếc? - Tôi hỏi.

Cô bật cười đáp:

- Hai.

Sau đó, cô dừng lại trên phố và bắt chước điệu bộ của một con robot cấp thấp ở vườn thú. Cô giơ bàn tay trái ra một cách cứng nhắc, làm như thể đang cầm bánh mì sandwich. Rồi cô làm cho đôi mắt của mình trở nên vô hồn và ngoẹo đầu sang một bên, để cho đôi môi mình hơi hé ra giống như một con robot, và đứng đó, gương mặt nhìn tôi một cách đần độn.

Thoạt đầu, tôi rất sốc và không biết cô đang làm gì. Sau đó tôi cười phá lên. Một số học viên mặc áo choàng jean đi ngang qua nhìn chằm chằm vào cô rồi quay đi chỗ khác. Tôi cảm thấy hơi xấu hổ, nhưng không thể nhịn được cười.

Chúng tôi tiếp tục đi đến quán Burger Chef, và có một vụ tự thiêu đang diễn ra.

Vẫn là ở cái ô mà tôi đã từng thấy chuyện đó xảy ra trước đây. Chắc là mọi chuyện đã gần kết thúc vì mùi khét nồng nặc khắp quán, và tôi có thể cảm nhận được làn gió mạnh từ những chiếc quạt hút đang cố gắng làm sạch không khí.

Lại là ba người - tất cả đều là phụ nữ. Cơ thể của họ cháy đen. Trong gió, ngọn lửa chập chờn bốc lên từ những thứ còn sót lại trên quần áo tóc tai của họ. Khuôn mặt họ đang tươi cười.

Tôi đang nghĩ họ đã chết thì một trong số họ cất tiếng - hay đúng hơn là gào lên:

- Đây là sự hướng nội cuối cùng, ca ngợi bởi Jesus Christ, Chúa của chúng ta!

Bên trong miệng bà ta đen sì. Ngay cả những chiếc răng của bà ta cũng đen.

Sau đó bà ta im bật. Tôi đoán bà ta đã chết.

- Chúa ơi! - Mary Lou thốt lên. - Chúa ơi!

Tôi khoác tay cô, thậm chí không quan tâm xem có ai nhìn thấy mình làm điều đó hay không, và đưa cô ra khỏi cửa. Cô đi tới vệ đường rồi ngồi thụp xuống, quay mặt ra đường.

Cô không nói gì. Hai chiếc xe buýt giao cảm và một chiếc xe Tầm soát lướt qua trên phố, người ta đi ngang qua chỗ chúng tôi trên vỉa hè, tất cả đều phớt lờ cô trong khi cô phớt lờ họ. Tôi đứng bên cạnh Mary Lou, không biết phải nói gì hay làm gì.

Cuối cùng, cô lên tiếng, mắt vẫn nhìn chăm chăm con đường:

- Họ đã làm điều đó với chính mình ư?

- Đúng vậy. - Tôi đáp. - Anh nghĩ chuyện đó xảy ra thường xuyên.

- Chúa ơi! - Cô nói. - Tại sao? Tại sao người ta lại làm như vậy?

- Anh không biết. Anh cũng không biết tại sao họ không làm việc đó một mình. Hoặc ở chỗ riêng tư.

- Phải rồi. Có lẽ là do ma túy.

Tôi không trả lời trong một phút hoặc lâu hơn. Sau đó tôi nói:

- Có lẽ đó là cách họ sống.

Cô đứng dậy, nhìn tôi bằng ánh mắt ngạc nhiên, và đưa tay ra nắm lấy cánh tay phải của tôi.

- Phải rồi. - Cô nói. - Có lẽ vậy.

NGÀY THỨ TÁM MƯƠI BA

Tôi đang ở trong tù. Tôi đã ở tù được năm ngày. Nội việc viết chữ “tù” lên tờ giấy thô ráp này cũng đủ làm tôi đau đớn. Tôi chưa bao giờ cảm thấy cô đơn hơn thế này trong cuộc đời mình. Tôi không biết làm sao sống nổi khi không có Mary Lou.

Có một cửa sổ nhỏ trong buồng giam của tôi, và nếu nhìn ra ngoài, tôi có thể trông thấy những tòa nhà dài màu xanh lá cây bản thủ của khu trại, với lớp mái gỉ sét và các ô cửa sổ lắp nhiều chấn song, trong nắng chiều tà. Tôi vừa trở về sau một buổi chiều lao động ngoài đồng, những nốt phồng rộp trên tay tôi đã vỡ ra và chảy nước, hai chiếc vòng kim loại thít chặt cổ tay làm xây xát lớp da bên dưới chúng. Mạng sườn tôi có một vết bầm lớn hơn một bàn tay, đó là chỗ một tên lính canh ngu ngốc đã đánh vào vì tôi làm mất thời gian khi vấp ngã, ngay ngày đầu tiên làm lụng ngoài đồng. Chân tôi đau nhức vì phải làm việc trong đôi giày đen nặng nề được cấp cho lúc mới đến. Tôi khó có thể cầm được cây bút đang viết vì tay bị chuột rút.

Tôi không hay biết gì về tình hình của Mary Lou. Những nỗi đau thể xác thì tôi có thể chịu đựng, vì tôi biết chúng có thể tồi tệ hơn hoặc có thể sẽ nguôi dịu. Nhưng việc không biết mình có còn được gặp lại Mary Lou hay không và không biết những gì họ làm với cô ấy còn nặng nề hơn cả những gì tôi nghĩ mình có thể chịu đựng được. Thà tôi chết đi cho rồi.

Ban đầu, việc không có Mary Lou và sau cú sốc vì những chuyện xảy ra với mình, tôi không muốn viết nữa. Không bao giờ nữa. Tôi được phép giữ bút và những trang nhật kí của mình, tôi đã nhét chúng vào túi áo khoác mà không hề suy nghĩ khi bị giải đi. Nhưng tôi không có tờ giấy trắng nào để viết, và tôi cũng không cố tìm kiếm. Tôi biết mình đã bắt đầu ghi nhật kí dù không

có người đọc - vì lúc đó tôi là người duy nhất còn sống biết đọc. Nhưng sau đó tôi nhận ra Mary Lou đã trở thành độc giả của tôi. Tôi đang viết nhật kí cho cô ấy. Đối với tôi, dường như thật vô nghĩa nếu tiếp tục viết trong tù, tại nơi kinh khủng này, khi không có cô.

Tôi biết đáng lẽ mình sẽ không viết những dòng chữ này, nếu một việc kì lạ đã không xảy ra vào trưa nay, sau khi tôi hoàn thành ca làm việc buổi sáng ở xưởng giày và đi rửa mặt mũi tay chân, trước khi ăn bữa trưa thăm hại với bánh mì và súp protein mà họ phục vụ tại đây, trong sự im lặng bắt buộc. Nó xảy ra trong một phòng vệ sinh nhỏ bằng thép được trang bị ba cái chậu rửa dơ dáy. Sau khi rửa sạch hết mức có thể bàn tay bị thương bằng nước lạnh vì không có xà phòng, tôi với tay rút một tờ khăn giấy ra khỏi máy phát giấy. Khi tôi chạm vào chiếc máy, một cách vụng về, vì bàn tay tôi đã tê cứng và bị chuột rút do công việc đồng áng hôm qua, chiếc máy bỗng bật mở, một chồng khăn giấy gấp gọn rơi xuống tay tôi. Tôi chụp lấy chúng theo bản năng và nhắm mắt vì đau đớn. Nhưng tôi vẫn giữ chặt, mắt nhìn chăm chăm vào chúng, và nhận ra rằng tôi đang cầm trên tay hàng trăm tờ giấy thô cứng. Những tờ giấy có thể được dùng để viết chữ.

Rất nhiều điều quan trọng trong cuộc sống của tôi dường như xảy đến một cách tình cờ. Tôi đã tình cờ tìm thấy phim và sách, tình cờ gặp Mary Lou, tình cờ tìm thấy cuốn *Từ điển*. Và tờ giấy mà tôi đang viết đã rơi vào tay tôi một cách tình cờ. Tôi không biết phải nghĩ gì về điều này; nhưng tôi rất vui vì được viết lại, ngay cả khi không ai đọc nó và ngay cả khi tôi tìm được cách để chết đi vào ngày mai.

Tôi phải dừng lại thôi. Tôi đã làm rơi bút quá nhiều lần. Tay tôi không giữ nổi nó.

Mary Lou, Mary Lou. Tôi không thể chịu nổi chuyện này.

NGÀY THỨ TÁM MƯƠI TÁM

Năm ngày đã trôi qua kể từ lần cuối tôi viết. Bây giờ tay tôi đã đỡ và khỏe hơn, tôi có thể cầm bút khá chắc. Nhưng lưng và sườn của tôi vẫn còn ê ẩm.

Bàn chân tôi đã đỡ hơn. Trải qua nhiều ngày ở đây, một hôm tôi nhận ra nhiều bạn tù của tôi đi chân trần, và sáng hôm sau tôi đi làm mà không mang giày. Chân tôi vẫn còn đau, nhưng chúng đang lành lại. Và các khối cơ của tôi bắt đầu khỏe hơn, phòng càng hơn.

Tôi không hạnh phúc. Tôi thật bất hạnh, nhưng tôi không còn chắc chắn rằng mình muốn chết. Chết đuối là một khả năng. Nhưng tôi sẽ đợi một thời gian trước khi quyết định.

Các robot lính canh thật kinh khủng. Một tên đã đánh tôi, và tôi thấy chúng đánh đập các tù nhân khác. Tôi biết đó là một sai phạm khủng khiếp, nhưng tôi muốn giết kẻ đã đánh tôi, trước khi chết. Tôi bị sốc với chính mình vì muốn điều đó, nhưng nó là một trong những điều khiến tôi muốn sống. Hẳn có đôi mắt đỏ tì hí của một con vật đáng ghét và độc ác, cùng lớp cơ bắp đồ sộ căng phồng bên trong bộ đồng phục màu nâu. Tôi có thể đập vỡ mặt hắn bằng một viên gạch.

Và, trước khi chết, tôi muốn viết những trang nhật kí của mình đến thời điểm hiện tại. Bên ngoài trời vẫn còn sáng. Nếu viết đều

tay, tôi nghĩ mình có thể viết về việc tôi đã bị đưa đến đây như thế nào, trước khi phải lên giường đi ngủ.

Trong vài ngày, Mary Lou và tôi cứ quanh đi quẩn lại với tập thơ. Chúng tôi đọc to những bài thơ cho nhau nghe, dù chỉ hiểu chúng lờ mờ. Một bài thơ mà chúng tôi hay đọc lại có tên là *Lũ người rỗng*. Vào đầu một buổi chiều, tôi đã đọc thành tiếng bài thơ đó trong khi ngồi trên sàn nhà bên cạnh Mary Lou. Tôi tin rằng mình có thể chép lại những dòng thơ ấy:

Chúng ta lũ người rỗng

Chúng ta lũ người nộm

Dựa vào nhau cả bọn

Trong đầu toàn những rơm. Hỡi ôi!

Những giọng nói khô khốc

Khi chúng ta thì thầm

Lời lao xao vô nghĩa

Như gió lùa cỏ khô. . .

Tôi mới đọc được tới đó thì cánh cửa phòng mở ra. Trưởng khoa Spofforth bước vào. Ông ta khoanh tay đứng trước chúng tôi, từ trên cao nhìn xuống. Thật đáng sợ khi thấy ông ta đứng trong phòng tôi như thế. Mary Lou chưa bao giờ gặp ông ta. Cô nhìn ông ta với đôi mắt mở to.

Có gì đó khác lạ trong diện mạo của ông ta, và phải mất một lúc tôi mới nhận ra. Spofforth đang đeo một chiếc băng tay lớn màu đen, với chữ Quyền Riêng tư in trên đó. Tôi nhận ra nó nhờ một bài học ở trường trước đây. Đó là chiếc băng của một Tầm soát viên.

Mary Lou là người đầu tiên lên tiếng.

- Ông muốn gì? - Cô hỏi. Giọng cô không hề sợ hãi.

- Hai người đã bị bắt. - Spofforth đáp. - Tôi yêu cầu hai người đứng dậy.

Chúng tôi đứng lên. Tôi vẫn đang cầm cuốn sách trên tay.

- Rồi sao nữa? - Mary Lou hỏi.

Spofforth nhìn thẳng vào cô:

- Tôi là một Tầm soát viên, và hai người đã bị phát hiện.

Tôi biết cô đang bị sốc nhưng cố không để lộ. Tôi muốn vòng tay ôm lấy cô, để bằng cách nào đó bảo vệ cô. Nhưng tôi chỉ đứng đờ ra đó.

Spofforth cao hơn cả hai chúng tôi rất nhiều. Sự uy quyền và sức mạnh của ông ta thật áp đảo. Tôi vẫn luôn e sợ ông ta, và giờ đây việc ông ta tự nhận mình là Tầm soát viên khiến tôi không nói nên lời.

- Phát hiện chuyện gì? - Mary Lou chất vấn. Giọng cô có một chút run rẩy.

Spofforth nhìn cô không chớp mắt.

- Phát hiện chung sống. Phát hiện dạy đọc chữ, và phát hiện quả tang đang đọc chữ.

Tôi chen vào:

- Nhưng thưa trưởng khoa, ông đã biết tôi...

- Phải. - Ông ta đáp. - Và tôi đã nói với anh một cách rõ ràng rằng việc đọc chữ không được dạy tại đại học này. Việc dạy đọc

chữ là một hành vi phạm tội.

Có gì đó rơi thông xuống trong lòng tôi. Tôi cảm thấy sức mạnh và sự phấn khích tràn ngập cuộc sống của mình trong mấy ngày vừa qua đã bay biến, và tôi đứng trước gã robot khổng lồ như một đứa trẻ con.

- Phạm tội? - Tôi hỏi lại.

- Phải, Bentley. Buổi điều trần của anh sẽ diễn ra vào ngày mai. Anh được phép ở lại phòng mình cho đến khi tôi quay lại vào sáng mai.

Nói đoạn ông ta nắm lấy cánh tay Mary Lou và thông báo:

- Còn cô đi với tôi.

Mary Lou cố gắng vùng ra. Khi thấy mình không thể làm được, cô nói:

- Biến đi, robot! Vì Chúa, hãy biến đi!

Spofforth nhìn cô và nhếch mép cười.

- Câu đó không có tác dụng gì đâu. - Ông ta nói, và điệu giọng thêm vào. - Cô sẽ không sao cả.

Lúc bước ra cửa, ông ta quay lại nhìn tôi.

- Đừng có quá buồn, Bentley. Chuyện này có lẽ chỉ tốt cho anh.

Mary Lou ngoan ngoãn đi theo ông ta, và Spofforth đóng cửa lại.

Không sao cả? Còn gì tệ hơn sự chia cắt này? Cô đang ở đâu đây? Mary Lou đang ở đâu?

Tôi đang khóc khi viết những dòng này. Tôi không thể viết nốt được. Tôi sẽ uống vài viên mê dược và đi ngủ.

NGÀY THỨ TÁM MƯƠI CHÍN

Tôi có nhiều điều để kể hơn những gì thời gian cho phép. Nhưng tôi sẽ cố gắng.

Dịch thân Spofforth đưa tôi tới tòa án. Tôi bị còng tay trước khi ông ta giải tôi lên một chiếc xe buýt màu đen để đi đến một nơi ở Công viên trung tâm có tên là Tòa Công lí. Đó là một tòa nhà hai tầng bằng nhựa với các cửa sổ cầu vồng.

Phòng xử án rất rộng. Trên tường treo hình ảnh những người đàn ông khác lạ. Một số người mặc com lê đeo cà vạt như trong các bộ phim xưa. Một người đàn ông đứng trước một tủ sách, rất giống với Douglas Fairbanks. Bên dưới chân dung của ông ta có đề “Chánh án Sydney Fairfax” cùng hai con số nhỏ hơn phía dưới: 1997-2014.

Có một thẩm phán robot mặc áo choàng đen ngồi trên chiếc ghế bành ở cuối phòng xử án, quay mặt ra cửa. Tôi hơi bị bất ngờ khi thấy ông ta. Tôi đã nhìn thấy khuôn mặt này trước đây. Đó là khuôn mặt của robot Lớp Bảy làm hiệu trưởng tại trường nội trú Ohio, nơi tôi được đào tạo. Một robot quản lí cấp cao. Tôi nhớ đã từng nghe một ai đó bảo “Tất cả các robot Lớp Bảy đều giống nhau.” Khi đó tôi, chỉ là một đứa trẻ, đã thắc mắc “Tại sao?” và đứa trẻ kia đáp rằng “Đừng hỏi, thư giãn đi.”

Vị thẩm phán không hoạt động khi chúng tôi đến. Công tắc nguồn của ông ta đã bị tắt. Bên cạnh ông ta, cũng trong trạng thái

không hoạt động, là một robot thư kí Lớp Bốn ngồi trên một chiếc ghế thấp hơn và giản dị hơn.

Khi tiến đến gần, tôi có thể thấy trên thân của các robot bị phủ một lớp bụi màu vàng, giống như trong khu vực bị niêm phong của thư viện. Bụi lấp kín những nếp nhăn thông thái trên khuôn mặt vị thẩm phán. Hai bàn tay ông ta chắp lại trong lòng, và một con nhện đã chằng tơ từ cẳng tay phải đến tận cằm ông ta. Tấm mạng nhện đầy bụi và rách nhiều chỗ. Vài cái xác côn trùng nhỏ xíu nom giống như gỉ mũi khô dính trên mấy mảnh tơ còn lại. Tôi không thấy con nhện nào.

Phía sau thẩm phán là Đại ấn của Bắc Mĩ, giống như cái trong Nhà Hiếu đạo tại Trường nội trú Người Nghĩ. Nó cũng bị bao phủ bởi lớp bụi bám dày trên các hình chạm nổi chim bồ câu và trái tim. Bên cạnh Đại ấn, tượng cặp nữ thần sinh đôi - Chủ nghĩa Cá nhân và Quyền Riêng tư - cũng bám đầy bụi.

Spofforth đưa tôi vào ngồi ở ghế bị cáo, vốn được làm bằng gỗ và khá bất tiện. Ông ta tháo còng cho tôi bằng thao tác nhẹ nhàng đáng ngạc nhiên, rồi đặt bàn tay phải của tôi vào Lỗ Sự thật ở ngay trước ghế. Ông ta hạ giọng nói khẽ:

- Với mỗi lời nói dối của anh, một ngón tay sẽ bị cắt đi. Hãy trả lời các quan tòa cho cẩn thận.

Dĩ nhiên tôi đã được dạy về các Lỗ Sự thật và tòa án trong các lớp Giáo dục Công dân. Nhưng tôi chưa từng nhìn thấy chúng trước đây. Tôi run lẩy bẩy vì sợ. Có lẽ nỗi sợ hãi của tôi càng tăng lên gấp bội vì nhiều thứ ở đây giống với trường nội trú, nơi hồi bé tôi từng bị phạt vì vi phạm Quyền Riêng tư. Tôi ngo nguẩy trên ghế, cố gắng tạo cho mình một chút thoải mái, và chờ đợi.

Spofforth nhìn quanh phòng, như thể đang nghiên cứu mấy cái lỗ trên lớp thạch cao, hoặc hình ảnh những người đàn ông thời xưa, hoặc những băng ghế trống. Sau đó ông ta tiến đến bên cạnh robot thẩm phán, quẹt ngón tay vào một bên má rồi giơ lên, nhìn lớp bụi trên tay.

- Thật không thể chấp nhận được. - Ông ta thốt lên. Spofforth quay sang robot thư kí và ra lệnh:

- Hoạt động đi, thư kí tòa.

Robot thư kí không nhúc nhích mà chỉ cử động đúng phần miệng. Anh ta hỏi:

- Ai ra lệnh cho tòa đây?

- Tôi là robot Lí lẽ. Lớp Chín. Tôi yêu cầu anh hoạt động.

Robot thư kí lập tức đứng lên, khiến cho một ít bụi bắn rơi xuống sàn.

- Vâng, thưa ngài. Tôi đã dậy và hoạt động.

- Tôi muốn anh triệu tập một đội dọn dẹp và lau chùi thẩm phán. Ngay lập tức. - Spofforth đưa mắt nhìn chỗ bụi bắn vương trên thân robot thư kí và nói tiếp. Lau cả anh nữa.

- Đội phục vụ và dọn dẹp của tòa án không còn hoạt động nữa, thưa ngài.

- Tại sao?

- Pin hỏng và trục trặc hệ thống, thưa ngài.

- Tại sao họ không được sửa?

- Đã sáu mươi *hoàng*, khu vực Công viên Trung tâm không có đội sửa chữa, thưa ngài.

- Thôi được. - Spofforth đáp. - Vậy anh tự đi lấy dụng cụ dọn dẹp và lau sạch hai anh.

- Vâng, thưa ngài.

Robot thư kí quay lưng và chậm rãi tiến ra cửa, kéo lê một chân trên sàn. Một phút sau anh ta quay lại cùng với xô nước và một miếng mút. Anh ta tiến đến gần vị thẩm phán và nhúng miếng mút vào xô nước, rồi bắt đầu lau chùi khuôn mặt ông ta. Một chút bụi bẩn cứng đầu vẫn còn bám lại, nhưng phần lớn được lau sạch. Kế đến, anh ta lau chùi bàn tay của thẩm phán, một cách chậm rãi và vụng về.

Spofforth sốt ruột thấy rõ. Tôi không biết liệu robot có biết sốt ruột không, nhưng Spofforth đang nhịp nhịp bàn chân thành tiếng. Thành linh, Spofforth tiến tới chỗ robot thẩm phán đang ngồi, cúi xuống nắm mép áo ông ta và giật mạnh. Bụi bay tứ tung. Khi lớp bụi tan đi, tôi thấy cái mạng nhện đã biến mất.

Spofforth lui lại và đứng đối diện với thẩm phán. Ông ta bảo robot thư kí dừng tay, và anh ta lập tức dừng công việc, để lại một vết bẩn màu xanh nơi bàn tay trái vẫn đang đặt trong lòng của thẩm phán.

- Anh không có phạm sự gì trong phiên điều trần này. - Spofforth nói với robot thư kí. - Tôi sẽ tự mình ghi chép lại. Trong lúc phiên điều trần diễn ra, anh có thể gọi cho Bộ phận Bảo trì chung để yêu cầu họ cử đội Vệ sinh và Sửa chữa đô thị đến ngay lập tức.

Thư kí tòa ngẩn ra nhìn Spofforth. Tôi biết anh ta là một robot Lớp Ba - có vành tai màu xanh lá cây - và chỉ cao cấp hơn robot cấp thấp một chút.

- Điện thoại không còn hoạt động nữa. - Anh ta nói.

- Vậy thì đi bộ tới đó. Nó chỉ cách đây có năm khối phố.

- Đi bộ?

- Anh biết cách đi bộ mà. Anh có biết nơi cần đến không?

- Có, thưa ngài. - Robot thư kí quay người và bắt đầu lê chân tiến ra cửa.

Spofforth gọi anh ta:

- Khoan đã, quay lại đây.

Thư kí quay người, tiến đến đứng trước mặt Spofforth. Ông ta cúi xuống, đưa tay sờ nắn cái chân của anh ta trong giây lát, rồi giật mạnh một cái. Một tiếng rắc vang lên bên trong robot thư kí. Spofforth đứng thẳng người lại.

- Giờ thì đi đi. - Ông ta ra lệnh.

Và robot thư kí bước ra cửa với dáng điệu hoàn toàn bình thường.

Spofforth quay sang phía robot thẩm phán, lúc này đã sạch sẽ hơn, nhưng trông hơi vẩn vện và xộc xệch.

- Tôi yêu cầu mở phiên tòa. - Spofforth tuyên bố, giống như tôi đã được dạy trong giờ Giáo dục Công dân.

Tuy nhiên họ chưa bao giờ nhắc đến chuyện các robot sẽ điều hành phiên tòa. Họ cứ nói với chúng tôi về tầm quan trọng của tòa

án trong việc bảo vệ Quyền Riêng tư và Chủ nghĩa Cá nhân thiêng liêng của chúng tôi, cũng như sự hữu ích của các quan tòa, nhưng bằng cách nào đó chúng tôi vẫn nhận ra rằng tốt nhất nên tránh xa các thể loại tòa án.

Đầu của thẩm phán đã tỉnh dậy, mặc dù phần cơ thể còn lại vẫn bất động.

- Ai gọi tòa đây? - Ông ta hỏi với chất giọng trầm, dày.

- Tôi là một robot Lớp Chín, - Spofforth nói, - được lập trình để tầm soát, và được trao quyền bởi chính phủ Bắc Mỹ.

Phần cơ thể còn lại của thẩm phán choàng tỉnh sau câu nói đó. Ông ta chỉnh lại áo xống, luồn mấy ngón tay vào bộ tóc hoa râm, rồi gác cằm vào tay và tuyên bố:

- Phiên tòa đã mở. Yêu cầu của công dân robot là gì?

Công dân robot? Tôi chưa từng nghe nói tới thuật ngữ này trước đây.

- Một vụ phạm pháp, thưa thẩm phán. - Spofforth đáp. - Bị cáo sẽ tự nêu tên. - Ông ta quay sang nói với tôi. - Anh khai tên, chức vụ, và nơi thường trú. - Nói đoạn ông ta hát hàm về phía Lỗ Sự thật. - Cẩn thận đấy.

Tôi gần như đã quên mất cái Lỗ Sự thật. Tránh nhìn vào nó, tôi tuyên bố một cách cẩn trọng:

- Tên tôi là Paul Bentley. Tôi là giảng viên môn Nghệ thuật Trí não tại Đại học Nam Ohio, và nơi thường trú của tôi là Nhà giảng viên tại khu học xá. Hiện giờ tôi đang tạm trú tại Thư viện Nghệ thuật của Đại học New York, nơi tôi được trường khoa tuyển vào làm thời vụ.

Tôi phân vân liệu có nên nói rằng mình làm việc cho Spofforth hay không, nhưng cuối cùng tôi không nói.

- Tốt lắm, anh bạn trẻ. - Thẩm phán nói và nhìn sang phía Spofforth. - Bị cáo phạm tội gì?

- Có ba tội cả thảy. Sống chung, Đọc, và Dạy đọc.

Thẩm phán ngơ ngác nhìn ông ta, hỏi lại:

- Đọc là gì?

Spofforth không nói gì trong giây lát, trước khi đáp:

- Ông là một robot Lớp Bảy, được thiết kế vào Kỷ nguyên thứ tư. Phần mềm pháp lí của ông không chứa tội đó. Tham khảo dữ liệu lưu trữ đi.

- Được thôi. - Thẩm phán đáp.

Ông ta chạm vào một công tắc trên tay tựa của chiếc ghế to lớn mình đang ngồi, và một giọng nói đầu đó vang lên:

- Dữ liệu pháp luật Bắc Mỹ xin nghe.

Thẩm phán nói:

- Có một tội dân sự nào được gọi là tội Đọc hay không? Và việc dạy thực hiện tội đó có phải là một tội khác hay không?

Giọng nói của máy tính lưu trữ cần một khoảng thời gian dài để trả lời. Tôi chưa bao giờ thấy một máy tính cần nhiều thời gian như vậy. Cũng có thể đó chỉ là cảm giác của tôi. Cuối cùng thì giọng nói kia vang lên trở lại:

- Đọc là sự chia sẻ tinh vi và toàn diện các ý tưởng và cảm xúc bằng các phương thức lén lút. Đó là sự xâm phạm thô bạo đến

Quyền Riêng tư và vi phạm trực tiếp Hiến pháp của các Kỉ nguyên thứ ba, thứ tư và thứ năm. Việc dạy đọc cũng là một tội ác chống lại Quyền riêng tư và Nhân cách. Hình phạt từ một đến năm năm cho mỗi vi phạm.

Thẩm phán tắt máy tính. Sau đó ông ta tuyên bố:

- Đây rõ ràng là một vụ việc nghiêm trọng, anh bạn trẻ. Và anh cũng bị buộc tội Sống thử. - Ông ta quay sang nói với Spofforth. - Anh ta đã sống chung với cái gì? Đàn ông, phụ nữ, robot hay thú vật?

- Với một người phụ nữ. Họ đã sống với nhau được bảy tuần.

Thẩm phán gật gù và quay sang tôi.

- Tội đó không nặng bằng tội kia, anh bạn trẻ. Nhưng đó là một rủi ro nghiêm trọng đối với Chủ nghĩa Cá nhân và Vùng Cá nhân, và nó thường dẫn đến hành vi nghiêm trọng hơn nhiều.

- Vâng, thưa thẩm phán. - Tôi nói.

Tôi đã định nói lời xin lỗi, nhưng kịp thời nhận ra rằng tôi không hề muốn xin lỗi - tôi chỉ đang sợ hãi. Suýt chút nữa tôi đã bị mất một ngón tay.

- Còn gì nữa không? - Thẩm phán hỏi Spofforth.

- Không.

Thẩm phán nhìn tôi.

- Hãy rút tay anh ra khỏi Lỗ Sự thật để đứng dậy và đối diện với tòa.

Tôi rút tay ra khỏi Lỗ Sự thật rồi đứng dậy.

- Anh nhận tội hay không nhận tội? - Thẩm phán hỏi.

Không còn cho tay vào cái hộp nữa, tôi có thể nói dối. Nhưng rồi tôi đoán bàn tay mình sẽ được đưa vào trong đó trở lại nếu tôi nói “không có tội”, và bọn họ tiến hành xét xử. Và quả thật, tôi được một tù nhân cho biết rằng đó chính xác là chuyện sẽ xảy ra. Hầu như tất cả mọi người đều nhận tội.

Tôi nhìn quan tòa và nói:

- Tôi xin nhận tội.

- Tòa án khen ngợi sự trung thực của anh. - Thẩm phán nói. - Anh bị phạt sáu năm giam giữ trong Trại cải tạo Bắc Mỹ, lao động khổ sai trong hai năm đầu tiên. - Thẩm phán hơi cúi đầu và nhìn tôi một cách nghiêm khắc. - Lại đây. - Ông ta nói.

Tôi bước lại chỗ chiếc ghế của ông ta. Thẩm phán đứng dậy một cách từ tốn, và giơ tay ra. Hai bàn tay to lớn của ông ta, với một bên vẫn còn vết gỉ xanh, nắm lấy vai tôi. Tôi cảm thấy cái gì đó đâm vào thịt mình, giống như một mũi tiêm, rồi bất tỉnh nhân sự.

Tôi tỉnh lại trong trại tù này.

* * *

Đó là tất cả những gì tôi có thể viết được hôm nay. Bàn tay cầm bút của tôi đau nhức vì viết lách. Ngoài ra, cũng đã muộn rồi, và ngày mai tôi còn phải lao động chân tay.

NGÀY THỨ CHÍN MƯƠI

Căn buồng của tôi - hay “xà lim” - không lớn hơn một chiếc xe buýt giao cảm nhỏ nhỏ, nhưng nó khá thoải mái và riêng tư. Tôi có một cái giường, một chiếc ghế, một cái đèn và một ti vi màn hình phẳng, cùng với một ít băng hình. Thứ duy nhất mà tôi mở lên xem cho đến nay là một chương trình tập thể dục qua các động tác khiêu vũ, nhưng tôi không cảm thấy muốn nhảy và lấy bóng bôi ra khỏi hộp chứa trước khi chương trình kết thúc.

Có khoảng năm mươi tù nhân khác trong các phòng giam giống hệt nhau ở cùng tòa nhà; chúng tôi cùng nhau đi làm sau khi ăn sáng. Vào các buổi sáng, tôi làm lụng trong một xưởng sản xuất giày của nhà tù. Tôi là một trong mười bốn kiểm tra viên. Tất nhiên, những đôi giày được làm bằng thiết bị tự động, công việc của tôi là cứ mỗi lô mười bốn chiếc lại kiểm tra một chiếc giày để tìm sai sót. Một con robot cấp thấp trông chừng chúng tôi, và tôi đã được cảnh báo rằng cứ hễ tôi không nhặt một chiếc giày sau khi người bạn tù bên trái của tôi cầm một chiếc lên, mỗi lần như thế, tôi sẽ bị phạt. Tôi phát hiện ra mình không thực sự cần phải nhìn vào chiếc giày, nên tôi không thèm nhìn. Chỉ cần mỗi mười bốn chiếc giày đi qua, tôi cầm một chiếc lên là xong.

Vì tôi được đào tạo về Nghệ thuật Trí não nên tôi dễ dàng dành phần lớn thời gian làm việc cho những ảo giác nhẹ nhàng, nhưng có những lúc tôi khá buồn khi nhận ra rằng có một khía cạnh của ảo giác mà tôi không thể kiểm soát được, và hình ảnh của Mary Lou sẽ xuất hiện, với một sự sống động đáng kinh ngạc, trong tâm trí tôi. Khi tôi cố giải khuây bằng những thứ ảo giác trừu tượng - những màu sắc và hình thù bất định - thì không hề cảnh báo trước, tôi nhìn thấy khuôn mặt của Mary Lou, với cái ánh mắt

xuyên thấu và hoang mang ấy. Hoặc là hình ảnh Mary Lou ngồi bắt chéo chân trên sàn nhà với cuốn sách trong lòng và đọc.

Hồi còn dạy học, tôi thường đùa một chút trong bài giảng về ảo giác cực khoái. Tôi nói với các học viên rằng “Đây sẽ là một kỹ thuật cần biết trong trường hợp bạn bị tống vào tù.” Câu nói đó không bao giờ nhận được tràng cười to, vì tôi đoán họ phải được dạy kỹ môn Kinh điển - các bộ phim của James Cagney chẳng hạn - mới hiểu sự ám chỉ của tôi về nhà tù. Dù sao thì đó cũng là một câu đùa mà tôi thường nói. Nhưng bây giờ tôi không còn ảo giác cực khoái nữa - mặc dù tôi là chuyên gia về kỹ thuật này. Vào ban đêm trong buồng giam của mình, tôi thủ dâm - giống các tù nhân khác, tôi đoán vậy. Tôi muốn dành những ý nghĩ thân mật nhất về Mary Lou cho khoảng thời gian được ở một mình vào ban đêm.

Chúng tôi được cung cấp hai điều cần và hai viên mê dược cùng với bữa tối, nhưng tôi không dùng. Sau bữa tối, tôi có thể ngửi thấy mùi cần sa ngọt ngào trong khu buồng giam của nhà tù lớn và nghe những âm thanh tục tĩu phát ra từ ti vi của các xà lim, trong đầu hình dung về sung sướng nhân tạo trên khuôn mặt của những tù nhân khác. Không hiểu sao ý nghĩ đó, khi được viết ra bây giờ, lại khiến tôi rùng mình. Tôi muốn Mary Lou ở đây với tôi, tôi muốn nghe giọng nói của cô ấy. Tôi muốn cười với cô ấy. Tôi muốn được Mary Lou an ủi.

Một năm trước, tôi sẽ không biết điều mà mình đang cảm thấy là gì. Nhưng sau tất cả bộ phim đã được xem, tôi đã biết nó: Tôi yêu Mary Lou.

Cảm giác ấy thật kinh khủng. Việc yêu một ai đó.

Tôi không biết nhà tù này nằm ở đâu. Một nơi nào đó bên bờ đại dương. Tôi được đưa đến đây trong tình trạng bất tỉnh, và khi tỉnh lại tôi được một robot đưa cho bộ đồng phục màu xanh. Tôi đã không thể ngủ được đêm đầu tiên, tôi muốn Mary Lou ở bên tôi.

Tôi muốn Mary Lou. Những thứ khác chẳng có gì là thật.

NGÀY THỨ CHÍN MƯƠI MỐT

Vào các buổi chiều, tôi lao động trên một cánh đồng nằm sát biển. Cánh đồng rất rộng lớn, với khoảng ba cây số bờ biển. Nó được trồng toàn những cái cây tổng hợp tên là Đạm 4. Chúng xấu xí và có kích thước cũng như hình dạng tương tự như một cái đầu người, với màu xanh tím và mùi thối. Cho dù đang ở giữa một cánh đồng ngập nắng, mùi thối đôi lúc vẫn quá mạnh. Công việc của tôi là bón cho chúng các thứ phân hóa học được một máy tính chỉ định hàng ngày. Tôi được trang bị một khẩu súng phun nhỏ nạp đầy các viên nén thông qua một thiết bị máy tính đặt ở cuối mỗi luống cây, và chỉ việc ấn nòng súng vào một cái lỗ nhỏ bằng nhựa được cắm xuống lớp đất màu vàng ở từng gốc cây, rồi bắn một phát.

Đó là một công việc mệt mỏi, vì dưới trời nắng nóng, chúng tôi phải bắt kịp với nhịp điệu dồn dập của thứ âm nhạc được phát liên tục trên cánh đồng. Bốn mươi người chúng tôi làm việc ở đây, với năm phút nghỉ giải lao mỗi giờ. Tất cả chúng tôi đều đổ mồ hôi không ngừng.

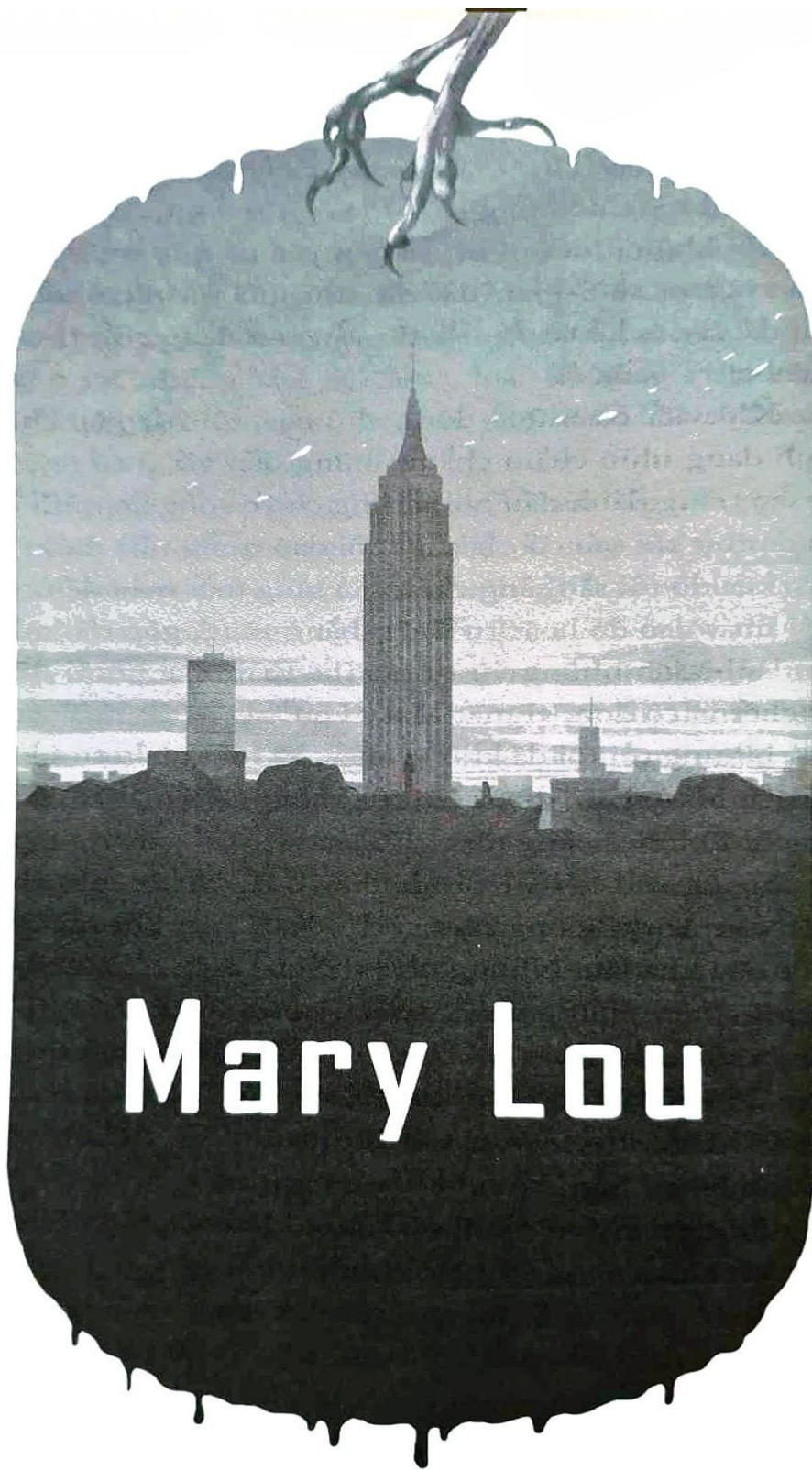
Mười robot cấp thấp có thể dễ dàng hoàn thành công việc này. Nhưng chúng tôi ở đây để được phục hồi nhân phẩm.

Ít nhất thì đó là những gì được nói trên chiếc ti vi mà chúng tôi buộc phải xem vào giờ Xã hội sau mỗi bữa trưa. Chúng tôi không được phép nói chuyện trong giờ Xã hội, vì vậy tôi không biết liệu những người khác có đang cảm thấy phần uất và mệt mỏi như tôi hay không.

Hai robot mặc đồng phục màu nâu giám sát chúng tôi làm việc. Chúng vừa lùn vừa nặng nề, và xấu xí. Cứ mỗi khi tôi nhìn vào con robot đã đánh tôi, hẳn dường như cũng nhìn thẳng vào tôi không chớp mắt, với cái miệng người máy hơi trễ xuống, như thể sắp nhỏ nước dãi.

Tay tôi mỏi nhừ và đau nhức vì bóp cò súng đến mức không thể viết thêm được nữa.

Mary Lou. Anh chỉ mong sao em không bất hạnh như anh. Và anh hi vọng lâu lâu em nghĩ đến anh, một đôi lần.



Mary Lou

Một

Việc đọc sách đôi khi có thể trở nên nhàm chán, nhưng thỉnh thoảng tôi lại tìm ra điều gì đó mà tôi thích tìm hiểu. Tôi đang ngồi trên một chiếc ghế bành bên cửa sổ trong lúc viết ra những dòng này, với một tấm bảng kê trên đùi để viết lên, và một lúc lâu trước khi bắt đầu, tôi chỉ ngồi đó nhìn chăm chăm những bông tuyết đang rơi. Những bông tuyết to, nặng, dính chùm, rơi thẳng từ trên trời xuống. Bob đã dặn tôi làm gì cũng phải từ tốn để không bị đau lưng khi vác theo cái bụng chình ình này. Thế nên tôi đã ngắm tuyết một lúc lâu. Và tôi bắt đầu nhớ lại những gì mình đã đọc cách đây vài ngày về vòng tuần hoàn của nước, về cách hoạt động của cả một quá trình phức tạp từ bay hơi đến ngưng tụ, cũng như gió máy và các luồng không khí. Tôi quan sát tuyết rơi và nghĩ về cách mà những cụm bông trắng, trước đó hãy còn là lớp nước bề mặt của Đại Tây Dương, được hóa hơi dưới sức nóng của mặt trời. Tôi có thể hình dung những đám mây di chuyển cùng nhau ở tít phía trên cao, rồi hơi nước trong đó kết tụ thành những bông tuyết, rơi xuống, dính chùm lại, và tiếp tục rơi, cho đến khi tôi có thể nhìn thấy chúng bên ngoài ô cửa sổ tại New York này.

Có điều gì đó khiến tôi cảm thấy rất tuyệt chỉ với việc biết được những thứ như vậy.

Hồi tôi còn bé, bố Simon đã nói chuyện với tôi về những thứ như vòng tuần hoàn của nước và tuổi sai của điểm phân. Bố có một tấm bảng đen cũ và phấn trắng. Tôi còn nhớ ông đã vẽ cho tôi xem sao Thổ cùng các vành đai của nó. Khi tôi hỏi làm thế nào bố

biết về những thứ đó, ông nói với tôi là đã học được từ người cha của mình. Ông nội của ông khi còn bé đã từng quan sát bầu trời đêm qua một cái kính viễn vọng, vào thời điểm không lâu sau “cái chết của trí tò mò”, như cách bố Simon gọi.

Mặc dù không biết đọc, không biết viết và chưa từng đi học, nhưng bố Simon cũng có một hiểu biết nhất định về quá khứ. Không chỉ về nhà chứa Chicago, mà cả Đế chế La Mã, Trung Quốc, Hi Lạp và Ba Tư. Tôi vẫn còn nhớ hình ảnh bố ở trong cái lán nhỏ bằng gỗ của chúng tôi, điều cần sa vắt vẻo trên cái miệng móm trong khi ông đứng bên bếp củi đảo món thịt thỏ hầm hoặc súp đậu, và bảo:

- Đã từng có những con người vĩ đại trên thế giới, những người có đầu óc, tài năng và trí tưởng tượng. Nào là St Paul, Einstein và Shakespeare... (Ông có nhiều danh sách các tên tuổi trong quá khứ để trình trọng liệt kê vào những lúc như vậy, và luôn mang đến cho tôi cảm giác ngưỡng mộ khi nghe). Nào là Julius Caesar, Tolstoy và Immanuel Kant. Nhưng giờ thì toàn là robot. Robot và nguyên tắc khoái cảm. Đầu óc mọi người giờ chỉ là một bộ phim rẻ tiền.

Chúa ơi. Tôi nhớ bố Simon cũng nhiều gần bằng Paul. Tôi ước gì anh ở New York cùng với tôi, trong những buổi sáng khi Bob đi làm ở trường đại học. Trong khi tôi đang viết phần đầu tiên của cuốn nhật kí này, phần nhớ lại cuộc đời tôi, lúc tôi và Paul sống cùng nhau, tôi rất muốn bố Simon có thể trả lời các thắc mắc của tôi về thời điểm tôi xuất hiện tại nơi ông sống, trong sa mạc. Về việc tôi trông như thế nào khi còn là một bé gái, liệu tôi có xinh đẹp và thông minh hay không, liệu tôi có thực sự học mọi thứ nhanh như ông nói hay không. Bây giờ tôi ước gì có ông bên cạnh vì khiếu hài

hước và sự cuồng nhiệt của ông. Bố là một ông già, rất già, nhưng ông nồng nhiệt và vui tính hơn nhiều so với hai người đàn ông mà tôi sống cùng sau đó.

Paul nghiêm túc một cách đáng thương. Tôi vẫn buồn cười khi nhớ lại biểu cảm trên khuôn mặt anh khi tôi ném hòn đá đó vào chuồng trăn, hay sự nghiêm nghị của anh khi bắt đầu dạy tôi đọc. Cả cách anh đọc vài trang đầu tiên của cuốn nhật kí này, khi chúng tôi sống trong thư viện, vừa mím môi vừa cau mày, ngay cả những đoạn tôi thấy buồn cười.

Bob hầu như không khá hơn. Thật nực cười khi mong đợi một robot có khiếu hài hước, nhưng cũng vẫn khó mà chịu đựng sự nghiêm trang và độ nhạy cảm của ông. Nhất là khi ông kể cho tôi nghe về giấc mơ luôn ám ảnh mình. Lúc đầu tôi còn thấy nó thú vị, nhưng càng về sau nó càng làm tôi ngán ngẩm.

Tôi đoán giấc mơ đó có liên quan mật thiết với việc tôi sống cùng Bob trong căn hộ ba phòng này. Đây rất có thể là khởi đầu của mong muốn được sống và cư xử như một con người bình thường trước kia, mong muốn được sống một cuộc sống tương tự như của người mơ giấc mơ đó ban đầu.

Thế nên tôi trở thành người vợ, hoặc người tình mà ông muốn có. Và chúng tôi chơi trò gia đình, bởi vì Bob muốn nó như vậy.

Tôi nghĩ ông ta điên.

Mà làm sao Bob biết bộ não của mình không phải được sao chép từ một người đàn ông độc thân? Hoặc một phụ nữ?

Bob bỏ ngoài tai những lời phản bác của tôi. Tất cả những gì ông nói là “Em có phiền thật không, Mary?” Và tôi nghĩ là không. Tôi nhớ Paul. Tôi nghĩ mình có yêu Paul một chút. Nhưng khi cân

nhắc mọi lẽ, tôi không thực sự phiền lòng với cuộc sống hiện tại, với việc làm bạn đời của một robot da màu.

Có cái quái gì đâu, tôi từng sống ở vườn thú. Tôi sẽ thu xếp được.

Tuyết vẫn đang rơi ngoài cửa sổ. Tôi sẽ viết nốt đoạn này vào nhật kí, rồi ngồi cả tiếng đồng hồ uống bia ngắm tuyết, chờ Bob về nhà.

Tất nhiên, có lại Paul cũng tốt. Nhưng như bố Simon đã nói, người ta không thể có được mọi thứ. Tôi sẽ thu xếp được.

Hai

Bob lại kể cho tôi nghe về giấc mơ của mình, như thường lệ tôi chẳng làm được gì hơn ngoài mỉm cười lịch sự trong khi ông kể và cố gắng tỏ ra cảm thông. Ông mơ về một phụ nữ da trắng, nhưng cô ta chẳng giống tôi một chút nào. Tôi có tóc đen và khỏe khoắn với hông đùi chắc lắn. Cô ta thì tóc vàng, cao và gầy. “Duyên dáng,” Bob đã nói thế. Nhưng tôi đâu có như vậy. Người phụ nữ trong giấc mơ của Bob luôn đứng bên cạnh một đầm nước đen, và cô ta khoác một chiếc áo choàng tắm. Tôi không nghĩ mình từng bao giờ khoác áo choàng tắm trong đời, và cũng không thấy hứng thú với việc đứng lâu bên cạnh các thể loại ao hồ.

Tôi tin rằng điều mà tôi đang muốn nói ở đây là Bob yêu cô ta, chứ không phải tôi. Và như thế càng tốt.

Chắc chắn tôi không yêu Bob. Thật ra, tôi còn ghét ông ta, khi ông ta tước mất Paul từ tay tôi và tổng anh ấy vào tù. Tôi đã khóc lóc và đánh ông ta nhiều lần sau cú sốc ban đầu. Một trong những điều khó chấp nhận nhất đối với tôi, đó là ông ta thực sự là một

Tầm soát viên, rằng hóa ra trên đời này có Tầm soát viên thật. Tôi không bức vì ông ta là một robot hay có làn da đen, mà chủ yếu vì vỡ lẽ rằng mình có thể *bị phát hiện*. Chuyện đó đã lấy đi thứ từng cho tôi rất nhiều sự tự tin trong đời: Cảm giác rằng tôi không bị lừa bởi cái xã hội ngu ngốc mình đang sống. Nó làm sút mẻ sự tự tin mà bố Simon đã cho tôi - bố Simon, người duy nhất mà tôi từng yêu quý từ trước đến giờ, hay có lẽ cả sau này nữa.

Ừ thì Paul là một người đàn ông tử tế, ngọt ngào, và tôi lo lắng cho anh ấy. Tôi đã cố gắng làm cho Bob thả Paul ra khỏi cái nhà tù hay trại cải tạo gì đó mà anh bị tống vào, nhưng ông ta thậm chí không buồn thảo luận chuyện đó với tôi. Ông ta chỉ buông một câu “Chẳng ai làm hại anh ta đâu” và không nói gì thêm. Ban đầu, có những lúc tôi muốn khóc cho Paul, tôi nhớ sự ân cần và ngây thơ của anh, cũng như sự trẻ con trong cái cách anh mua các thứ cho tôi. Nhưng tôi chưa bao giờ thực sự rơi lệ vì anh.

Bob thì ngược lại, là một kẻ có tầm quan trọng lớn. Ông ta, tôi biết, đã rất già - già hơn cả bố Simon nếu bố còn sống, nhưng điều đó dường như chẳng quan trọng gì, ngoài việc cho ông ta một vẻ chán đời mà tôi thấy khá thu hút. Việc ông ta là robot chẳng có ý nghĩa gì với tôi, ngoại trừ tính giản đơn trong mối quan hệ của chúng tôi, bởi vì chúng tôi không thể làm tình. Thật thất vọng khi tôi lần đầu khám phá ra điều đó, nhưng dần dà tôi cũng quen.

Ba

Đã nửa năm trôi qua kể từ khi Paul và tôi bị chia cắt, tôi dần trở nên thoải mái hơn với việc sống cùng Bob, nếu không muốn nói là khá hạnh phúc. Thật nực cười nếu chê trách một robot vì thiếu nhân tính, thế nhưng điều đó, xét cho cùng, chính là vấn đề. Ý tôi

không phải là Bob thiếu cảm xúc - hoàn toàn không phải vậy. Tôi luôn phải nhắc mình mời ông ngồi xuống bên cạnh trong lúc tôi ăn, nếu không Bob sẽ cảm thấy tổn thương. Khi tôi nổi giận với ông, có vẻ như Bob bối rối thật sự. Một lần, trong lúc buồn chán, tôi đã chế nhạo Bob bằng cái tên “Robot”, và ông ta nổi cơn thịnh nộ, hét vào mặt tôi rằng ông ta không được chọn thân xác của mình. Không. Bob giống Paul ở chỗ tôi phải luôn cảnh giác với sự nhạy cảm của ông ta. Tôi là một người luôn phải giữ bình tĩnh trong mối quan hệ với người khác.

Nhưng Bob không phải là con người, và tôi không thể quên điều đó. Tôi đã quên nó một vài lần trong những tháng đầu tiên chúng tôi bên nhau. Đó là vào tháng thứ hai, sau khi cơn giận dữ của tôi với việc ông ta bắt Paul lắng xuống. Tôi đã cố gắng quỵn rũ ông ta. Chúng tôi đang ngồi im lặng bên bàn bếp, trong khi tôi đang dùng nĩa đĩa trứng bác và ly bia thứ ba, Bob ngồi cạnh tôi, mái đầu đẹp dễ hơi nghiêng về phía tôi và quan sát tôi ăn. Ông có vẻ ngượng ngùng một cách dễ thương. Trước đó tôi đã quen với việc Bob không ăn, và hoàn toàn quên mất những ý nghĩa của điều đơn giản đó. Có thể là do bia, nhưng đó là lần đầu tiên tôi bắt gặp mình nghĩ sao mà ông có thể đẹp đến thế: Làn da nâu mềm mại, trẻ trung, mái tóc ngắn xoắn tít và đen nhánh, đôi mắt nâu. Khuôn mặt của ông mạnh mẽ và biểu cảm biết bao! Khi đó trong tôi chợt trỗi dậy một cảm xúc, thuộc về tình mẫu tử nhiều hơn là tình dục, và tôi vươn tay ra đặt tay lên cánh tay ông, ngay ở phía trên cổ tay. Nó thật ấm áp, giống như cánh tay của bất kì người nào.

Bob cup mắt xuống bàn, không nói gì. Dù sao thì lúc đó chúng tôi cũng không nói chuyện nhiều. Ông mặc một chiếc áo sơ mi Synlon ngắn tay màu be để lộ cánh tay nâu đồng, một màu nâu

rất đẹp, vừa mịn màng, ấm áp khi chạm vào, lại vừa nhẵn nhụi. Ông đang mặc quần kaki. Tôi đặt ly bia xuống và, thật chậm rãi - như trong một cơn mơ - tôi vươn tay về phía đùi Bob. Trong tích tắc ngăn ngủi của hành động đặt cái ly xuống, thoáng do dự rồi đưa tay tới trong khi bàn tay còn lại vẫn đang nắm tay Bob, mọi thứ bỗng trở nên đặc biệt gợi tình, tôi cảm thấy phấn khích và quay cuồng đầu óc. Tôi chạm tay vào mặt trong đùi của ông.

Chúng tôi ngồi đó trong một khoảng thời gian tưởng như dài đằng đẵng. Tôi thật sự không biết phải làm gì tiếp theo. Tâm trí tôi hoàn toàn không có một chút toan tính lợi dụng hoàn cảnh nào, từ “robot” cũng không hề xuất hiện trong đầu tôi. Nhưng tôi đã không đi xa hơn, không như với những... người đàn ông khác.

Thế rồi Bob ngẩng đầu lên nhìn tôi. Vẻ mặt của ông thật khác lạ. Dường như không có chút biểu cảm nào trên đó.

- Cô đang định làm gì vậy? - Ông hỏi tôi.

Tôi chỉ thần người ra nhìn Bob.

Ông nghiêng đầu về phía tôi:

- Cô đang định làm cái quái gì vậy?

Tôi không đáp.

Bob dùng bàn tay còn tự do gỡ tay tôi khỏi lớp vải quần của mình. Tôi cũng buông tay ra khỏi cánh tay của ông. Bob đứng dậy, và bắt đầu cởi quần. Tôi trở mắt nhìn ông, trong đầu không có nổi một suy nghĩ nào.

Tôi đã không chờ đợi điều ông đang làm. Và khi nhìn thấy tận mắt, tôi thực sự bị sốc. Chẳng có gì giữa hai chân Bob. Chỉ có một cái rãnh nhỏ nơi làn da nâu nhẵn nhụi.

Bob không rời mắt khỏi tôi trong suốt quá trình đó. Khi trông thấy phần dưới phẳng lì của mình đã gây ấn tượng thế nào cho tôi, ông nói:

- Tôi được chế tạo tại Cleveland, Ohio. Tôi không được sinh ra. Tôi không phải là một con người.

Tôi quay mặt đi chỗ khác. Giây lát sau tôi nghe thấy tiếng ông ta mặc lại quần.

Tôi bèn gọi một chiếc xe buýt giao cảm và đi tới sở thú. Vài ngày sau sự việc đó, tôi phát hiện ra mình đã có mang.

Bốn

Đêm qua thay vì kể về giấc mơ của mình, Bob bắt đầu trò chuyện về trí tuệ nhân tạo.

Bob bảo bộ não của ông không hề giống với hệ thống ngoại cảm của những chiếc xe buýt giao cảm. Chúng nhận được chỉ dẫn và tự lái với thứ được ông gọi là “bộ phận tiếp nhận tư tưởng và tìm đường”. Ông cũng nói rằng cả ông lẫn khoảng sáu, bảy Tầm soát viên còn sót lại ở Bắc Mỹ đều không có khả năng ngoại cảm như thế. Nó quá nặng đối với bộ não nhân tạo mô phỏng não người của họ.

Bob là một robot Lớp Chín. Ông nói rằng Lớp Chín mà ông là đại diện duy nhất còn sót lại chính là một bản sao trí tuệ đặc biệt, và là thế hệ robot cuối cùng được chế tạo. Họ được thiết kế để trở thành các nhà quản lí và lãnh đạo cao cấp. Bản thân Bob đã điều hành một đế chế xe hơi cho đến khi xe cá nhân bị khai tử. Ông nói với tôi rằng chẳng những xe hơi cá nhân, mà máy bay cá nhân

cũng đã từng có thời bay rợp trời, chở theo người trên đó. Nghe cứ như chuyện không tưởng.

Cách để tôi quen với việc sống cùng Bob sau khi bị ông khăng khăng yêu cầu, chính là đặt cho ông những câu hỏi về cách các thứ hoạt động. Hình như ông rất thích trả lời chúng.

Tôi đã hỏi Bob tại sao xe buýt giao cảm không được lái bởi robot.

- Ý đồ thực sự là chế tạo ra những phương tiện vận chuyển tối ưu. - Bob nói. - Cũng giống như điều đã dẫn tới thế hệ robot của tôi.

- Có gì là tối ưu trong một chiếc xe buýt giao cảm nhỉ? - Tôi thắc mắc.

Đối với tôi, chúng là những thứ rất tầm thường, luôn có sẵn, ghé ngồi thoải mái và không bao giờ chở nhiều hơn ba, bốn hành khách. Những chiếc xe bốn bánh chắc chắn màu xám đỏ là một trong những thứ máy móc luôn hoạt động và không yêu cầu người sử dụng phải có thể tín dụng.

Bob đang ngồi trên một chiếc ghế bành cũ kỹ bằng Plexiglas trong căn bếp của chúng tôi. Còn tôi thì đang lược trứng tổng hợp trên cái bếp chạy năng lượng hạt nhân, sử dụng vùng nấu duy nhất còn hoạt động. Phía bên trên cái bếp, một mảng ốp tường đã bị vỡ nhiều năm về trước, hé lộ những cuốn sách bìa xanh được người chủ cũ nào đó đóng vào bên trong để cách nhiệt.

- Phải, chúng luôn luôn hoạt động. - Bob nói với giọng rầu rĩ. - Chúng không cần các bộ phận thay thế. Bộ não của một chiếc xe buýt giao cảm rất giỏi trong việc phát hiện những điểm hao mòn hay hư hỏng của cỗ máy và thực hiện các điều chỉnh quan trọng

để tự sửa, đến nỗi chẳng cần sự can thiệp từ bên ngoài. - Ông đưa mắt nhìn những bông tuyết đang rơi ngoài cửa sổ. - Cơ thể của tôi cũng hoạt động theo cùng cách thức như vậy. Tôi không cần linh kiện thay thế. - Ông bỗng im lặng.

Dường như Bob đã nghĩ sang chuyện khác. Tôi từng nhận ra ông làm điều này trước đây và gọi khẽ để lôi kéo sự chú ý.

- Chỉ lão hóa thôi. - Ông nói. - Bộ não của robot cũng lão hóa giống như bất cứ ai.

Nhưng có vẻ như bộ não của xe buýt giao cảm không bị lão hóa.

Tôi nghĩ Bob bị ám ảnh quá mức bởi giấc mơ của mình, cũng như mong muốn “khôi phục” bản ngã đã mất - chính nó đã dẫn ông ta tới việc tống Paul vào tù và chiếm tôi làm vợ. Bob muốn tìm hiểu xem bộ não ông ta đang có là của ai, và khôi phục các kí ức của nó. Tôi nghĩ chuyện này là không thể. Và tôi đoán Bob cũng biết như vậy. Bộ não ông ta đang có chỉ là bản sao đã tẩy xóa của não một người rất thông minh. Tẩy xóa gần như sạch sẽ, ngoại trừ một vài giấc mơ xưa cũ.

Tôi bảo Bob quên chuyện đó đi. “Nếu nghi ngờ, hãy quên nó đi.” Paul từng nói như vậy. Nhưng Bob nói đó là thứ duy nhất giữ cho ông không hóa điên - thứ làm ông quan tâm. Trong mười *lam* đầu tiên, các robot Lớp Chín đã tự làm mình chập mạch bằng dòng điện sinh hoạt và các trạm biến thế, hoặc tự nghiền nát đầu mình bằng các cỗ máy lớn, hoặc chỉ đơn giản là hoảng loạn rồi chảy dài như những gã ngớ ngẩn, hoặc trở thành những kẻ điên rồ vừa đi lang thang vừa la hét trước khi rơi xuống sông chết đuối, tự

chôn sống mình trên những cánh đồng. Không có robot nào được sản xuất sau thế hệ đó nữa. Không bao giờ nữa.

Trong lúc suy nghĩ, Bob hay luồn mấy ngón tay vào trong mái tóc đen xoắn tít của mình, hết lần này tới lần khác. Đó là một động tác rất *con người*. Chắc chắn tôi chưa bao giờ trông thấy một robot nào khác làm như thế. Thỉnh thoảng ông còn huýt sáo.

Có lần Bob kể với tôi rằng trong các kí ức bị tẩy xóa, ông còn nhớ một phần của câu thơ “... *này tôi đã biết chủ nhân.*” Nhưng Bob không thể nhớ ra được cái này là cái gì. Hình như là “dụng cụ”, hoặc “giấc mơ”. Đôi khi ông thử ghép vào câu thơ trên và đọc thành tiếng “*Giấc mơ này tôi đã biết chủ nhân.*” Nhưng ông không thấy hài lòng với nó.

Có lần tôi đã hỏi vì sao ông nghĩ mình khác những robot Lớp Chín còn lại, Bob bảo rằng theo ông được biết thì các robot kia không ai có những “kí ức” như vậy, rằng chỉ có mỗi ông là da đen. Có vậy thôi.

Trong lúc Bob suy nghĩ vẫn vơ vào cái buổi chiều tuyết rơi ấy, tôi đã đưa ông trở lại với thực tại bằng câu hỏi:

- Có phải việc tự sửa chữa chính là yếu tố “tối ưu” duy nhất của một chiếc xe buýt giao cảm?

- Không phải. - Bob đáp, và luồn tay vào trong tóc. - Không phải.

Nhưng thay vì giải thích tiếp luôn, ông lại hỏi tôi:

- Cô lấy cho tôi một điều cần được không, Mary?

Bob luôn gọi tôi là Mary thay vì Mary Lou.

- Được thôi. Nhưng làm sao chất kích thích lại có thể tác động lên robot được?

- Cứ đi lấy đi. - Ông đáp.

Tôi lấy một điều cần từ cái gói trong phòng ngủ. Đó là một thương hiệu khá nhẹ tên là cỏ Nevada, được giao cùng sữa Pro và trúng tổng hợp hai lần mỗi tuần cho những người sống trong khu chung cư của chúng tôi. Những người sử dụng thẻ tín dụng màu vàng, như hầu hết mọi người ở đây. Tôi dùng chữ “mọi người” vì Bob là robot duy nhất sống ở đây. Ông đi làm bằng xe buýt giao cảm và vắng nhà sáu tiếng một ngày. Phần lớn thời gian ấy tôi đọc sách, hoặc đọc tạp chí cổ bằng vi phim. Gần như ngày nào Bob cũng mang sách từ nơi làm việc về cho tôi. Ông lấy chúng từ một tòa nhà lưu trữ nào đó thậm chí còn lâu đời hơn tòa nhà nơi tôi đã sống cùng Paul. Ông cho tôi một chiếc máy chiếu vi phim sau một lần được tôi hỏi xin thứ gì khác để đọc ngoài sách. Bob có thể rất tử tế, mặc dù nghĩ lại, tôi tin rằng tất cả các robot ban đầu đều được lập trình để giúp đỡ mọi người.

Tôi cũng đang nghĩ lan man trong khi tiếp tục kế hoạch ghi nhớ cuộc đời mình. Có lẽ tôi đang già đi - giống như Bob.

Không, tôi chưa già. Tôi chỉ phấn khích khi lại được ghi nhớ cuộc đời mình. Trước khi bắt đầu việc này, tôi buồn chán kinh khủng - chán như lúc bố Simon qua đời ở New Mexico, vừa chán vừa sợ như khi tôi ở vườn thú Bronx trước lúc Paul xuất hiện lần đầu, với bộ dạng thật trẻ con và đơn giản, nhưng cũng thật hấp dẫn...

Tốt hơn là tôi nên ngừng nghĩ đến Paul.

Tôi đem điều cần cho Bob. Ông châm điều thuốc rồi rít một hơi sâu. Sau đó, cố tỏ ra thân thiện, ông hỏi:

- Cô không bao giờ hút hay dùng ma túy sao?
- Không. Chúng làm tôi muốn bệnh. Và tôi cũng không thích tác dụng của chúng. Tôi thích được tỉnh táo.
- Phải rồi. Tôi phát ghen với cô.
- Tại sao? - Tôi hỏi lại. - Tôi là con người và có thể ngã bệnh, hoặc già đi, gãy vài cái xương...

Bob phớt lờ.

- Tôi được lập trình để hoàn toàn tỉnh táo hai mươi ba tiếng đồng hồ mỗi ngày. Chỉ có điều trong vài năm qua, do tôi bắt đầu tự cho phép mình tập trung suy nghĩ về những giấc mơ, về nhân cách trước đây cũng như các kí ức và cảm xúc bị tẩy xóa, tôi mới học cách... thư giãn đầu óc và để nó đi rong chơi. - Ông rít thêm một hơi cần. - Tôi chưa bao giờ thích tỉnh táo hoàn toàn. Chắc chắn giờ đây tôi cũng không thích chuyện đó.

Tôi ngẫm nghĩ một chút rồi hỏi:

- Tôi không nghĩ cần sa có thể tác động tới một bộ não bằng kim loại. Sao ông không thử tự lập trình để mình được phê? Ông không thể thay đổi một dòng điện ở đâu đó và làm cho mình sáng khoái hay say xỉn được à?
- Tôi đã thử. Hồi còn ở Deadborn. Và sau đó, khi tôi lần đầu tiên được chính phủ chỉ định làm công việc trưởng khoa vớ vẩn này. Lần thứ hai tôi làm mạnh hơn lần đầu, vì tôi bức bối với lối học hành giả vờ mà trường đại học buộc phải theo - các sinh viên đến đây để chẳng học gì khác ngoài cái món phát triển nội tâm vớ

vẫn. Nhưng tôi không thể phê pha được. Tôi chỉ bị nhức đầu sau đó.

Bob đứng lên khỏi ghế và tiến đến cửa sổ ngắm tuyết rơi một lúc. Tôi lấy trứng ra khỏi bếp rồi bắt đầu bóc vỏ. Sau đó Bob nói tiếp:

- Có lẽ kí ức chôn vùi của một nền tảng giáo dục cổ điển trong đầu tôi đã khiến tôi cảm thấy giận dữ như thế. Hoặc có thể là do tôi đã thực sự được *đào tạo* để làm công việc của mình. Tôi biết và hiểu công việc của một kĩ sư. Không ai trong các sinh viên của tôi biết về các định luật nhiệt động, giải tích vector, hình học không gian hay xác suất thống kê. Tôi biết tất cả những môn đó và hơn thế nữa. Dù chúng không phải là những kí ức được cài sẵn trong não tôi. Tôi học bằng cách xem đi xem lại những đoạn băng trong thư viện, cùng với các robot Lớp Chín khác, tại Cleveland. Và tôi học để trở thành một Tầm soát viên... - Bob lắc đầu rồi quay lại, đối diện với tôi. - Nhưng những cái đó chẳng có ý nghĩa gì nữa. Bố cô nói đúng. Chẳng còn bao nhiêu Tầm soát viên đang hoạt động nữa. Làm gì có nhu cầu. Khi bọn trẻ con ngừng được sinh ra thì...

- Bọn trẻ con á? - Tôi hỏi.

- Phải. - Bob ngồi lại xuống ghế. - Để tôi giải thích cho cô về những chiếc xe buýt giao cảm.

- Bọn trẻ con làm sao? - Tôi hỏi lại. - Có lần Paul từng nói với tôi...

Bob nhìn tôi với ánh mắt rất lạ.

- Mary. - Ông nói. - Tôi không biết vì sao trẻ con không được sinh ra nữa. Có gì đó liên quan với thiết bị kiểm soát dân số.

- Nếu chúng không được sinh ra, thì sẽ chẳng còn con người trên trái đất.

Bob im lặng trong giây lát, rồi nhìn tôi:

- Cô quan tâm chuyện đó ư? - Ông hỏi. - Cô thật lòng quan tâm ư?

Tôi nhìn ông ta, không biết phải nói gì. Tôi không biết liệu tôi có quan tâm hay không.

Năm

Chúng tôi dọn đến căn hộ này một tuần sau khi Paul bị bắt, và sau nhiều tháng tôi bắt đầu cảm thấy khá yêu thích nó. Bob đã cố gắng gọi robot bảo trì đến sửa những bức tường bong tróc và dán giấy dán tường mới, sửa các vùng nấu trên bếp và bọc lại chiếc trường kỉ, nhưng cho đến nay ông vẫn chưa gặp may. Ông có lẽ là quyền lực cao nhất ở New York, ít nhất thì tôi không biết bất kì sinh vật nào có nhiều quyền hạn hơn. Nhưng ngay chính ông cũng không thể làm được gì nhiều. Khi tôi còn bé, bố Simon thường nói với tôi rằng mọi thứ đều đang đổ vỡ và như thế càng tốt. Bố bảo: “Thời đại Công nghệ đã gỉ sét.” Đúng là mọi chuyện càng tồi tệ hơn sau bốn mươi *hoàng* kể từ lúc bố Simon qua đời. Tuy nhiên, nó không quá tệ ở đây. Tôi tự lau cửa sổ và sàn nhà, thức ăn thì rất sẵn.

Tôi trở nên thích uống bia khi mang thai, và Bob biết một nơi có nguồn cung cấp vô tận đến từ một nhà máy bia tự động. Cứ mỗi ba hoặc bốn lon ông mang về lại có một cái bị hỏng, nhưng chỉ việc đổ nó xuống bồn cầu là xong. Bồn rửa chén thì thoát nước quá chậm.

Hôm nọ, Bob lấy về cho tôi một bức tranh cổ vẽ tay từ kho lưu trữ để treo lên che một vết bẩn lớn trên tường phòng khách. Khung tranh có gắn một tấm bảng nhỏ bằng đồng, đề dòng chữ mà tôi có thể đọc: “Pieter Bruegel. Phong cảnh khi Icarus rơi xuống.” Nó rất đẹp. Tôi có thể nhìn thấy nó khi ngược lên từ tấm bảng nơi tôi đang viết nhật kí này. Có một vùng nước trong bức tranh - đại dương hoặc một cái hồ lớn - và một cái chân nhô lên khỏi mặt nước. Tôi không hiểu nó lắm, nhưng tôi thích sự tĩnh lặng của phần khung cảnh còn lại. Ngoại trừ cái chân đang làm nước bắn tung tóe. Một ngày nào đó tôi sẽ cố tìm một ít sơn màu xanh và xóa nó đi.

Bob có cái kiểu nói tiếp một chủ đề nhiều ngày khi tôi tưởng chúng tôi đã nói xong. Tôi đoán chuyện này liên quan với cách bộ não ông lưu trữ thông tin. Ông từng nói rằng mình không thể quên được bất kì điều gì. Nhưng nếu thế thật thì tại sao ông phải bỏ công sức học các thứ trong quá trình đào tạo ban đầu?

Sáng hôm nay trong lúc tôi đang ăn sáng với Bob ngồi cạnh, ông lại bắt đầu nói về những chiếc xe buýt giao cảm. Chắc ông đã nghĩ đến chúng trong lúc tôi ngủ. Thỉnh thoảng tôi lại bị hú hồn khi rời khỏi giường vào buổi sáng và bắt gặp ông đang ngồi trong phòng khách với hai bàn tay chống dưới cằm hoặc đi tới đi lui trong bếp. Có lần tôi đã đề nghị dạy Bob đọc để ông có việc gì đó làm trong đêm, nhưng ông chỉ đáp “Tôi biết quá nhiều rồi, Mary.” Tôi đành từ bỏ ý định đó.

Tôi đang ăn một bát protein tổng hợp và không thích mùi vị của chúng cho lắm thì Bob nói một cách băng quơ:

- Bộ não của xe buýt giao cảm không phải lúc nào cũng tỉnh táo. Chỉ cần lúc nào nó cũng sẵn sàng tiếp nhận được. Có lẽ cũng

không quá tệ nếu có một bộ não như thế. Chỉ cần khả năng tiếp nhận và một mục đích xác định.

- Tôi đã gặp những người như vậy. - Tôi nói trong lúc nhai những miếng protein dai nhách.

Tôi không nhìn Bob. Đôi mắt ngái ngủ của tôi còn đang tập trung vào hình ảnh nhận diện thương hiệu sáng sủa ở mặt trước hộp ngũ cốc. Nó thể hiện khuôn mặt của một người mà có lẽ mọi người đều tin tưởng - dù gần như không ai biết tên - một khuôn mặt đang mỉm cười trước một cái bát to đựng đầy thức ăn làm từ protein tổng hợp. Tất nhiên, hình ảnh ngũ cốc là cần thiết để cho mọi người biết trong hộp có gì, nhưng tôi vẫn thắc mắc về ý nghĩa của hình ảnh người đàn ông. Một điều tôi phải công nhận ở Paul là anh khiến bạn thắc mắc về những chuyện như thế này. Paul tò mò về ý nghĩa của mọi thứ cũng như cảm giác chúng khơi lên nhiều hơn bất kì người nào tôi từng biết. Chắc tôi đã cóp nhặt được một ít từ anh.

Khuôn mặt trên hộp, theo như Paul cho tôi biết, chính là của Jesus Christ. Nó đã được sử dụng để quảng cáo cho rất nhiều sản phẩm. Paul đã đọc ở đâu đó rằng phương pháp bán hàng này, vốn có thâm niên từ hàng trăm *lam* qua, được dựa trên cái mà người ta gọi là “dấu tích của tín ngưỡng trong quá khứ”.

- Những gì mà bộ não xe buýt giao cảm làm là đọc suy nghĩ của một hành khách về một điểm đến trong đầu, rồi tìm cách đưa anh ta tới đích mà không gặp sự cố nào, đồng thời khớp điểm đến đó với điểm đến của những hành khách khác. Đó có lẽ không phải là một cuộc sống quá tệ.

Tôi ngược lên nhìn ông ta:

- Nếu ông thích di chuyển bằng bánh xe.

- Các mẫu xe buýt giao cảm đầu tiên của Ford có thể giao tiếp hai chiều. Chúng sẽ truyền âm nhạc và những ý nghĩ vui vẻ vào trong đầu của hành khách. Một số chuyến xe đêm thậm chí còn truyền đi những khoái cảm tình dục.

- Tại sao chúng không làm điều đó nữa? Thiết bị phát sóng hỏng rồi à?

- Không phải. - Bob đáp. - Như tôi đã nói với cô, xe buýt giao cảm không giống như những thứ rác rưởi khác. Chúng không bị hỏng. Chỉ là không ai muốn xuống xe nữa.

Tôi gật gù, rồi nói:

- Có lẽ tôi sẽ xuống.

- Nhưng cô khác họ. Cô là người phụ nữ duy nhất ở Bắc Mỹ chưa được lập trình. Và có lẽ cũng là người phụ nữ mang thai duy nhất.

- Tại sao không ai có thai hết vậy? - Tôi hỏi.

- Bởi vì cô không dùng thuốc hay phê cần. Hầu hết số ma túy trong ba mươi năm qua đều chứa một tác nhân ức chế sinh sản. Tôi đã xem thử một số đoạn băng ở thư viện sau khi chủ đề này được chúng ta nhắc đến hôm nọ. Đã từng có một kế hoạch kiểm soát dân số trong vòng một năm. Một quyết định được máy tính đưa ra. Nhưng kế hoạch đó bị lỗi, và tỉ lệ sinh của con người không bao giờ tăng trở lại nữa.

Tiết lộ đó là một cú sốc đối với tôi. Tôi ngồi yên một lúc, ngẫm nghĩ về nó. Một sai sót hệ thống, hoặc một chiếc máy tính bị trục trặc, và không có trẻ em nào chào đời nữa. Hoàn toàn không.

- Ông có thể làm gì đó trong chuyện này không? Ý tôi là, khắc phục nó?

- Có thể. - Bob đáp. - Nhưng tôi không được lập trình để sửa chữa.

-Ồ coi nào, Bob. - Tôi bỗng nổi cáu. - Tôi dám cá ông có thể sơn lại những bức tường kia và sửa cái bồn rửa chén này nếu ông thực sự muốn làm.

Bob không đáp.

Tôi có một cảm giác lạ lùng khó tả. Điều gì đó trong chuyện thiếu trẻ con trên thế giới - mà tôi đã không để ý cho tới khi được Paul chỉ ra - khiến tôi không yên tâm.

Tôi nhìn Bob chăm chú với ánh mắt mà Paul gọi là “bí ẩn” và bảo rằng anh ấy yêu tôi vì nó.

- Robot có nói dối được không vậy? - Tôi hỏi ông ta.

Bob không trả lời.

Sáu

Hôm qua Bob từ trường về nhà sớm hơn thường lệ. Tôi mang thai đã được bảy tháng và giết thời gian bằng cách đi loanh quanh trong căn hộ ngấm tuyết rơi. Có lúc tôi đọc một chút, có lúc chỉ ngồi không. Hôm qua, khi Bob bước vào, vì đang chán và cuồng chân nên tôi bảo ông:

- Nếu có một cái áo khoác thích hợp, tôi sẽ đi dạo.

Bob nhìn tôi với ánh mắt khác lạ trong giây lát. Rồi ông nói:

- Tôi sẽ đi lấy cho cô một cái áo khoác.

Nói đoạn ông quay gót bước ra khỏi cửa.

Phải đến hai tiếng đồng hồ sau Bob mới quay lại. Lúc này tôi càng chán hơn, và rất sốt ruột vì ông mất nhiều thời gian như vậy.

Bob cầm một cái hộp trên tay. Ông đến trước mặt tôi và giữ cái hộp khoảng một phút, trước khi đưa cho tôi. Về mặt ông có gì đó là lạ. Nom ông rất nghiêm trang và - nói thế nào nhỉ - có vẻ mong manh dễ tổn thương. Đúng vậy, với vóc người to lớn mạnh mẽ như thế, ông vẫn giống như một đứa trẻ lúc đưa cho tôi cái hộp.

Tôi mở nó ra. Bên trong hộp có một chiếc áo choàng đỏ với phần cổ bằng nhung màu đen. Tôi lấy chiếc áo ra và khoác thử lên người. Nó đúng là đỏ rực. Và tôi không thích phần cổ áo. Nhưng chắc chắn là nó ấm áp.

- Ông lấy cái này ở đâu vậy? - Tôi hỏi. - Và sao lại mất nhiều thời gian đến thế?

- Tôi phải tìm trong danh mục của năm kho hàng mới tìm thấy nó. - Bob đáp.

Tôi nhướn mày nhưng không nói gì. Chiếc áo khá vừa vặn, nếu tôi không cài khuy bụng.

- Ông thấy thế nào? - Tôi hỏi và xoay một vòng trước mặt Bob.

Ông không đáp mà trầm ngâm nhìn tôi một lúc, rồi nói:

- Ổn đấy. Sẽ đẹp hơn nếu tóc cô màu đen.

Thật kì lạ khi ông nói như vậy. Trước đây Bob dường như chưa bao giờ để ý tới vẻ ngoài của tôi.

- Tôi nên thay đổi màu tóc à? - Tôi hỏi lại.

Mái tóc của tôi có màu nâu. Một sắc nâu đơn giản, không có gì đặc biệt. Điểm đặc biệt nằm ở dáng tóc. Và đôi mắt. Tôi thích đôi mắt của tôi.

- Không, tôi không muốn cô nhuộm tóc.

Có điều gì đó buồn bã trong giọng điệu của Bob. Rồi ông nói một câu lạ lùng khác:

- Cô có muốn đi dạo cùng tôi không?

Tôi ngược lên nhìn Bob không chớp mắt trong vài giây. Sau đó tôi đáp:

- Chắc chắn rồi.

Khi chúng tôi bước ra phố, Bob nắm tay tôi. Tôi điếng người vì bất ngờ. Ông bắt đầu huýt sáo. Chúng tôi đi dạo như thế khoảng một giờ đồng hồ trên những con phố vắng tanh ngập đầy tuyết, rồi xuyên qua quảng trường Washington, nơi chỉ có vài bà già mệt mỏi đang ngồi im lặng hút cần. Bob cẩn thận bước đi chậm rãi để tôi có thể theo kịp, nhưng không hề nói gì với tôi trong suốt chuyến đi. Thỉnh thoảng ông ngừng huýt sáo và nhìn xuống tôi, như thể đang dò xét khuôn mặt của tôi, nhưng vẫn không nói nửa lời.

Chuyện đó rất kì lạ. Nhưng nó vẫn làm tôi dễ chịu. Tôi cảm thấy chiếc áo khoác đỏ có gì đó quan trọng đối với Bob, cũng như chuyến đi dạo và việc nắm tay tôi. Nhưng tôi không thấy cần thiết phải tìm hiểu xem đó chính xác là gì. Nếu Bob muốn tôi biết thì ông đã nói với tôi rồi. Tôi cảm thấy mình cần thiết đối với Bob, và trở nên quan trọng trong thoáng chốc. Đó là một cảm giác dễ chịu. Tôi ước gì ông vòng tay quanh người tôi.

Đôi khi viễn cảnh sắp làm mẹ khiến tôi sợ hãi và cảm thấy cô độc. Tôi chưa bao giờ tâm sự với Bob về điều đó, vì không biết phải nói thế nào. Dường như ông quá bận lòng với những suy nghĩ của mình.

Tôi đã đọc một cuốn sách về việc làm mẹ và cách chăm sóc đứa trẻ. Nhưng tôi không có chút khái niệm nào về chuyện đó. Tôi chưa từng chứng kiến chuyện đó.

Bảy

Tại New York này, tôi hay quan sát các khuôn mặt khi đi một mình trên tuyết. Không phải lúc nào những khuôn mặt cũng trơ lì, trống rỗng, ngu ngốc. Một số cũng nhăn nhó tập trung, như thể đang cố nói ra thành lời. Tôi thấy những con người trung niên với thân hình gầy gò, mái tóc hoa râm và đôi mắt lơ đãng, chìm trong suy nghĩ. Những vụ tự sát tập thể xảy ra thường xuyên trong thành phố này. Có phải họ đang nghĩ tới cái chết? Tôi chưa từng hỏi họ. Ai lại nghĩ tới cái chết?

Tại sao người ta không nói chuyện với nhau? Tại sao chúng tôi không ôm chầm lấy nhau giữa luồng gió lạnh hun hút thổi qua những con phố vắng? Cách đây lâu lắm rồi, từng có điện thoại cá nhân tại New York. Hồi đó mọi người nói chuyện với nhau - có lẽ là từ xa, một cách lạ lùng, với những giọng nói bị thiết bị điện tử làm cho bẹt đi và giả tạo. Họ nói chuyện về giá cả hàng hóa, về cuộc bầu cử tổng thống, về hành vi tình dục của con cái, về nỗi sợ thời tiết và sợ chết của mình. Và khi đọc sách, họ nghe thấy giọng nói của người sống lẫn người chết trò chuyện với mình trong một sự im lặng trầm hùng, kết nối với tiếng rì rào của giọng con người

đang lấp đầy tâm trí họ theo một cách thức nói lên rằng: *Tôi là con người. Tôi nói, tôi nghe, và tôi đọc.*

Tại sao không ai đọc nữa? Chuyện gì đã xảy ra?

Tôi có một bản sao của cuốn sách cuối cùng được xuất bản bởi Random House, một nhà xuất bản từng in ấn và bán hàng triệu bản sách. Tên của nó là *Vụ cưỡng hiếp khủng khiếp*, và được xuất bản vào năm 2189. Trên trang bìa giả có một đoạn văn được mở đầu như sau: “Cùng với cuốn tiểu thuyết này, cuốn thứ năm của một bộ truyện, Random House cũng chấm dứt các hoạt động xuất bản của mình. Việc loại bỏ các chương trình đọc sách trong nhà trường hai mươi năm qua đã góp một phần lớn trong chuyện này. Thật đáng tiếc khi...”

Bob dường như biết hết mọi thứ, nhưng ông không biết khi nào hoặc vì sao mọi người ngừng đọc.

- Hầu hết con người rất lười. - Ông nói. - Họ chỉ tìm kiếm sự giải trí.

Có lẽ ông nói đúng, nhưng tôi không nghĩ vậy. Trong tầng hầm của tòa chung cư nơi chúng tôi đang ở, một tòa nhà cũ kĩ đã được tu sửa nhiều lần, có một câu rất hằn học được ghi trên bức tường cạnh máy phát điện: VIẾT CHÁN BỎ MẸ. Bức tường sơn màu xanh công sở, và khắc đầy trên đó toàn là những dương vật, vú vê, các cặp đôi đang khẩu đàm hoặc quất roi vào nhau. Những chữ duy nhất là: VIẾT CHÁN BỎ MẸ. Không hề có sự lười biếng trong câu đó, cũng như trong nỗi bức bách khiến người ta phải khắc nó bằng cách ấn mạnh mũi dao hoặc đầu móng tay vào lớp sơn cứng. Khi đọc dòng tuyên bố hằn học kia, tôi chỉ nghĩ tới sự căm thù chất chứa trong đó.

* * *

Có lẽ căn nguyên của sự cay nghiệt và lạnh lùng mà tôi thấy hiện diện ở mọi nơi là vì thiếu vắng trẻ con. Không ai còn trẻ nữa. Trong cả cuộc đời mình, tôi chưa bao giờ thấy ai trẻ hơn tôi. Ý niệm duy nhất của tôi về thời thơ ấu xuất phát từ trong trí nhớ, và từ sự bắt chước vụng về của đám robot trẻ con ở vườn thú.

Ít nhất tôi cũng phải ba mươi tuổi rồi. Khi con tôi chào đời, nó sẽ không có bạn chơi cùng. Nó sẽ cô đơn trong thế giới của những con người già nua và mệt mỏi, những người đã đánh mất khát vọng sống.

Tám

Trong quá khứ hẳn đã từng có một giai đoạn mà các tác giả kịch bản phim truyền hình viết ra kịch bản của họ, dù không ai trong số diễn viên đọc được chúng. Và mặc dù một số tác giả khác sáng tác bằng máy ghi âm - nhất là những bộ phim về tình dục và thống dân khá phổ biến hồi đó - nhiều người kiêu hãnh từ chối cách làm này và tiếp tục đánh máy kịch bản của mình. Dầu việc sản xuất máy chữ đã chấm dứt từ lâu khiến cho linh kiện và ruy băng mực rất khó tìm, các kịch bản được đánh máy vẫn tiếp tục ra đời. Mọi hãng phim do vậy phải thuê một người đọc để làm công việc đọc thành tiếng các kịch bản đánh máy vào băng ghi âm, nhằm giúp cho đạo diễn nắm bắt được nội dung và giúp diễn viên học thoại. Alfred Fain, tác giả của một cuốn sách được đem lót cách nhiệt trong căn hộ chúng tôi để chống lại thời tiết giá lạnh sau khi dầu mỏ bị khai tử, đã từng là một tác giả kịch bản

kiêm người đọc trong giai đoạn cuối của truyền hình kể chuyện, hay truyện video. Cuốn sách của ông có tựa *Hồi kí cuối cùng* và được bắt đầu như thế này:

“Khi tôi còn nhỏ, việc đọc vẫn được dạy trong các trường công lập như một môn học không bắt buộc. Tôi nhớ rất rõ nhóm học sinh mười hai tuổi trong lớp Tập Đọc của cô Warburton tại Trường St. Louis. Chúng tôi gồm mười bảy người cả thầy, và chúng tôi tự hào coi mình là một tầng lớp trí thức ưu tú. Hàng nghìn đứa trẻ khác trong trường, những kẻ chỉ biết đánh vần những từ như “khốn” hoặc “cút” để viết nguệch ngoạc lên tường của các sân thể thao, nhà thi đấu và phòng xem ti vi vốn chiếm phần lớn diện tích của trường, bọn chúng đối xử với chúng tôi bằng một kiểu ghen tị đáng sợ. Ngay cả khi chúng bắt nạt chúng tôi - tôi vẫn còn rung mình mỗi khi nhớ tới thằng cầu thủ khúc côn cầu đã đâm tôi chảy máu mũi đều đặn sau mỗi giờ học Thức thần - chúng dường như ngầm ghen tị với chúng tôi. Và ít nhất chúng vẫn có một ý niệm khá rõ về việc đọc chữ.

Nhưng đó là chuyện trước đây lâu rồi, còn bây giờ tôi đã năm mươi: Những người trẻ tuổi mà tôi làm việc cùng - những ngôi sao khiêu dâm, những đạo diễn trẻ tuổi nóng bỏng của các game show, các chuyên gia tình dục, đội thao túng cảm xúc, dân làm quảng cáo - tất cả đều không hiểu cũng như không quan tâm đến việc đọc. Một ngày nọ, trên phim trường, chúng tôi quay một kịch bản do một tác giả lớn tuổi viết, trong đó có cảnh một cô gái trẻ ném cuốn sách vào một người phụ nữ lớn tuổi. Cảnh này là một phần của tác phẩm *Thiện Đạo* vốn được chuyển thể từ một truyện cổ nào đó, và có bối cảnh là phòng chờ của một bệnh viện. Đoàn phim đã dựng lên một phòng chờ khá thuyết phục với những chiếc ghế nhựa và một tấm thảm bị xù lông nhiều chỗ, nhưng khi

đạo diễn đến nơi, nhân viên đạo cụ thông báo rằng mình ‘không hoàn toàn hiểu được ý nghĩa của chi tiết *cuốn sách*.’ Và người đạo diễn, rõ ràng không biết một cuốn sách là gì nhưng lại không muốn thừa nhận rằng mình không biết, đã hỏi tôi nó dùng để làm gì. Tôi bảo anh ta rằng cuốn sách cho thấy cô gái đọc nó là một người trí thức và hơi chống đối xã hội. Anh ta làm ra vẻ ngẫm nghĩ về điều đó, mặc dù có lẽ anh ta cũng không hiểu thế nào là ‘trí thức’, trước khi bảo nhân viên đạo cụ ‘Hãy sử dụng một cái gạt tàn thủy tinh. Và một ít máu, khi nó cửa vào da bà ta. Dù sao thì cảnh này cũng đang quá nhạt.’

Tôi quá sốc nên không thể tranh cãi với anh ta. Cho đến bây giờ tôi vẫn chưa thực sự nhận ra chúng ta đã đi xa đến mức nào.

Và điều đó dẫn tôi đến câu hỏi: Tại sao tôi lại viết cuốn sách này? Câu trả lời đơn giản là tôi đã luôn mong muốn làm như vậy. Hồi ở trường, khi học đọc, tất cả chúng tôi đều nghĩ rằng một ngày nào đó chúng tôi sẽ viết sách và ai đó sẽ đọc chúng. Bây giờ tôi biết mình đã chờ đợi quá lâu trước khi bắt tay vào làm, nhưng dẫu vậy tôi vẫn sẽ tiếp tục.

Kịch bản đó, trở trêu thay, lại giúp đạo diễn họ giành được một giải thưởng. Nó kể chuyện một người phụ nữ đưa người chồng tên Claude của mình đi khám bệnh vì ông ta bị bất lực. Trong khi chờ các bác sĩ đánh giá vấn đề của Claude, bà ta bị một cô gái đồng tính trẻ tuổi khát tình ném một chiếc gạt tàn vào mặt và hôn mê, nhờ đó bà ta được giác ngộ qua những hình ảnh hiển linh.

Tôi nhớ mình đã nốc mescaline và rượu gin tại đêm tiệc trao giải và cố gắng giải thích với một nữ diễn viên để ngực trần ngồi trên ghế sofa bên cạnh tôi rằng tiêu chuẩn duy nhất của ngành truyền hình là tiền, rằng trong truyền hình không có động cơ thực

sự nào ngoài việc làm tiền. Cô ta chỉ mỉm cười với tôi trong lúc tôi nói, và thỉnh thoảng lướt nhẹ mấy ngón tay qua hai núm vú của mình. Khi tôi nói xong, cô ta nói ‘Nhưng tiền cũng là một sự thỏa mãn.’

Sau đó tôi chúc rượu cô ta say khướt rồi đưa vào một nhà nghỉ.

Khi viết một cuốn sách, cảm giác của tôi giống như điều mà một học giả nghiên cứu Talmud hoặc một nhà Ai Cập học cảm thấy nếu đặt chân tới Disneyland vào thế kỷ XX. Ngoại trừ việc tôi không thực sự tự hỏi liệu có ai muốn nghe những gì tôi buộc phải nói ra hay không, tôi biết chẳng ai muốn cả. Tôi chỉ có thể tự hỏi còn bao nhiêu người đang sống biết đọc chữ. Có lẽ vài nghìn. Một người bạn của tôi làm việc bán thời gian với tư cách là giám đốc một nhà xuất bản nói rằng trung bình một cuốn sách thu hút được khoảng tám mươi độc giả. Tôi đã hỏi anh ấy tại sao họ không dừng hẳn việc xuất bản. Anh bạn tôi trả lời thực lòng rằng anh không biết, nhưng nhà xuất bản của anh là một bộ phận rất nhỏ của tập đoàn giải trí sở hữu nó, nhỏ đến nỗi có lẽ họ đã quên mất sự tồn tại của nó. Bản thân anh cũng không biết đọc, nhưng vẫn tôn trọng sách vì người mẹ mà anh rất yêu quý là một ẩn sĩ và đọc sách gần như liên tục. Nhân tiện, anh là một trong số ít người mà tôi biết được nuôi dưỡng trong một gia đình. Hầu hết bạn bè của tôi lớn lên trong trường nội trú. Tôi trưởng thành trong một kibbutz, ở Nebraska. Nhưng tôi là người Do Thái, và đó cũng là một điều khá hiếm hoi ngày nay: Việc là người Do Thái và biết kibbutz là gì. Tôi là một trong những thành viên cuối cùng của kibbutz. Về sau nó đã được chuyển đổi thành một trường nội trú Người Nghĩ khi tôi mới ngoài hai mươi.

Tôi sinh năm 2137...”

Đọc đến đó, tôi lập tức tò mò về việc Alfred Fain đã sống cách đây bao lâu và hỏi Bob. Ông đáp:

- Khoảng hai trăm năm.

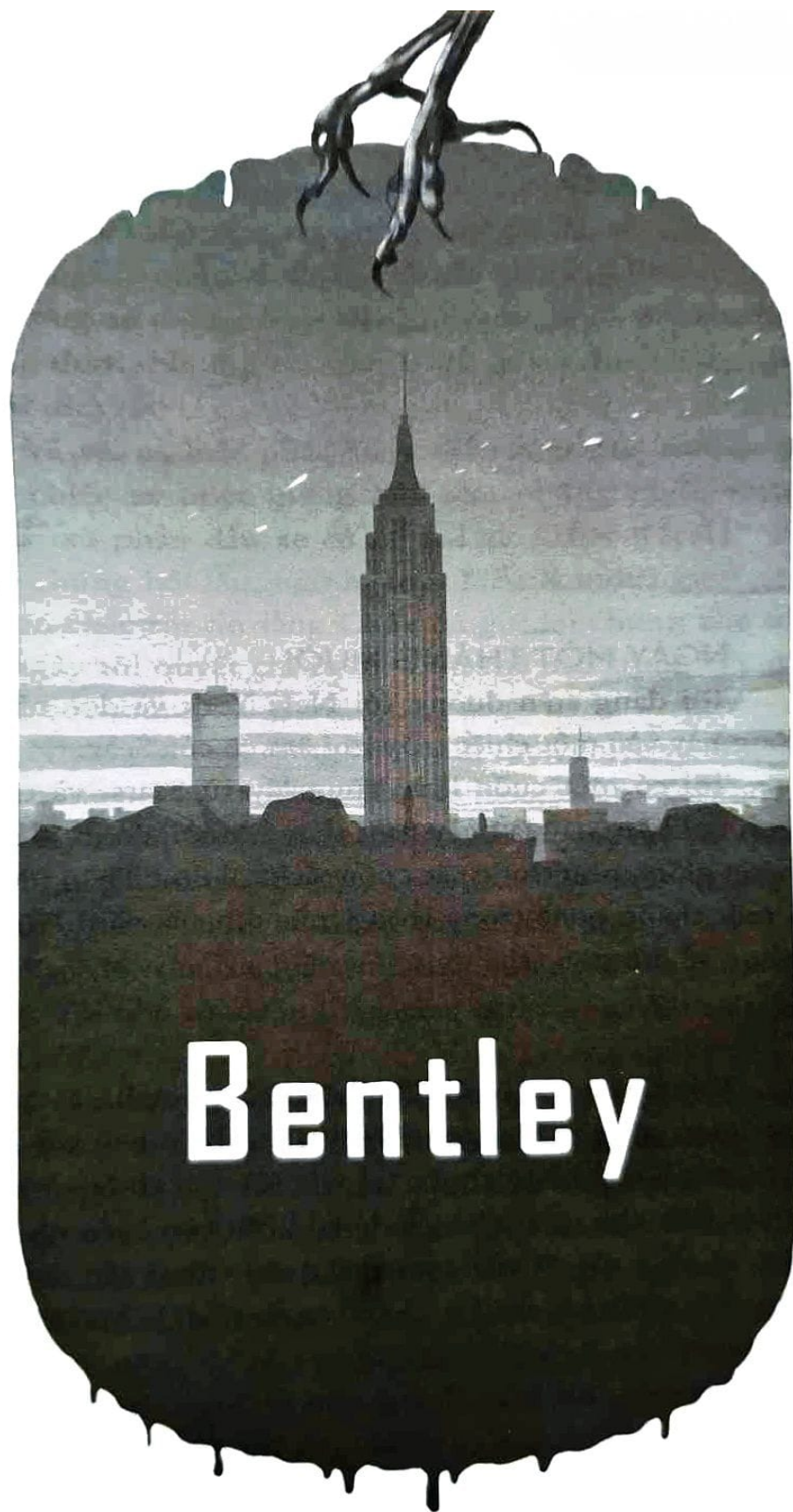
Tôi hỏi tiếp:

- Vậy bây giờ có còn ngày tháng không? Năm nay có được đánh số không?

Bob lạnh lùng nhìn tôi:

- Không. Bây giờ làm gì còn ngày tháng.

Tôi muốn biết ngày tháng. Tôi muốn con tôi có một ngày sinh.



NGÀY THỨ CHÍN MƯƠI LĂM

Bây giờ tôi không còn quá mệt nữa. Công việc đã trở nên dễ dàng hơn, và tôi cảm thấy mình khỏe hơn.

Ban đêm tôi đã ngủ tốt hơn, sau khi quyết định dùng mê dược. Thức ăn cũng dễ nuốt hơn và tôi ăn rất nhiều. Nhiều hơn những gì tôi từng ăn trong phần đời trước kia.

Tôi không thực sự thích tác dụng của mê dược, nhưng chúng cần thiết nếu tôi muốn ngủ đủ giấc. Chúng giúp ngăn chặn phần nào sự đau đớn trong các suy nghĩ của tôi.

Hôm nay tôi bị vấp chân ngã giữa những luống cây, và một tù nhân khác ở gần chạy lại đỡ tôi dậy. Ông ta là một người cao lớn tóc bạc mà tôi từng chú ý trước đó vì thỉnh thoảng huýt sáo.

Ông giúp tôi phủi bụi đất trước khi nhìn tôi kỹ hơn và nói:

- Anh ổn chứ, anh bạn?

Chuyện này là một sự thân mật khủng khiếp - gần như một vi phạm - nhưng tôi không thấy phiền, thật vậy.

- Tôi không sao. - Tôi đáp.

Đúng lúc đó một robot quát to:

- Không được nói chuyện. Vi phạm Quyền Riêng tư!

Người bạn tù nhìn tôi, ngoác miệng cười, rồi nhún vai. Hai chúng tôi quay lại với công việc. Khi ông ta bỏ đi, tôi còn nghe thấy tiếng ông lẩm bẩm:

- Cái đám robot ngu xuẩn khốn khiếp!

Tôi bị sốc với sức mạnh của sự táo tợn trong giọng nói của ông.

Tôi đã thấy những tù nhân khác thì thầm với nhau trong hàng. Chuyện đó thường diễn ra vài phút trước khi bị một robot phát hiện và dập tắt.

Các robot đi giữa những luống cây cùng với chúng tôi, nhưng luôn dừng lại trước khi tới gần rìa vách đá thấp cuối cánh đồng. Có lẽ chúng được lập trình để không bị ngã - hoặc bị đẩy - khỏi vách đá. Dù sao chúng cũng tụt lại phía sau khá xa khi tôi đi đến cuối luống cây, sát biển, và trong một khoảng thời gian ngắn chúng không thể trông thấy tôi, vì đất ở đó thấp hơn chỗ khác.

Tôi đã học được cách đẩy nhanh tốc độ để bóp cò hai nhát mỗi nhịp nhạc ở cuối luống cây. Nhờ vậy tôi có một ít thời gian để đứng trên rìa vách đá nhìn ngắm biển trong mười sáu nhịp. Tôi thầm cảm ơn vì đã học được cách đo đếm thời gian trong cuốn *Số học dành cho các cô cậu bé*. Tôi đứng đó nhìn ra đại dương. Biển thật tuyệt vời, rộng mênh mông và yên bình. Trong lòng tôi dường như có gì đó dập lại tiếng biển, bằng một cảm giác mà tôi không thể gọi tên. Nhưng tôi đang học lại cách chào đón những cảm giác lạ lẫm. Thỉnh thoảng có những con chim bay qua trên đôi cánh cong dang rộng, lướt đi trong gió theo những cung lượn lớn mềm mại phía trên cái thế giới của người ngợm và máy móc tôi đang đứng, bí ẩn, và kì vĩ. Khi quan sát chúng, thỉnh thoảng tôi tự nói thầm “Ngầu thật!” Cái từ tôi học từ một bộ phim.

Tôi đã bảo rằng mình đang học cách chào đón những cảm giác lạ lẫm, và đúng là như vậy. Tôi giờ đây dường như rất khác so với chính tôi chưa đầy một *hoàng* trước, khi tôi bắt đầu cảm nhận được những cảm giác ấy trong lúc xem các bộ phim câm. Tôi biết mình đã không tuân thủ mọi điều được dạy hồi còn bé về những

cảm xúc đối với các thứ bên ngoài, nhưng tôi không bận tâm. Thật ra, tôi thấy thích thú khi làm điều mình từng bị cấm đoán.

Tôi chẳng có gì để mất.

Tôi nghĩ biển cả có ý nghĩa với tôi nhất vào những ngày mưa, khi mặt nước và bầu trời đều xám. Có một bãi cát bên dưới vách đá, màu nâu của nó trông thật đẹp so với mặt nước xám xịt. Và những con chim trắng trên nền trời xám! Tim tôi đập dồn ngay cả khi chỉ hình dung hình ảnh đó, trong buồng giam này. Và nó thật buồn, giống như con ngựa đội chiếc mũ trên đầu trong phim ảnh xưa, giống như con khỉ King Kong rơi xuống - thật chậm rãi, nhẹ nhàng, xa vời vợi - và giống như trong câu tôi nói thành tiếng vào lúc này: “Chỉ có chim nhại hót ở bìa rừng”. Giống như khi tôi nhớ đến hình ảnh Mary Lou ngồi bắt chéo chân trên sàn nhà, dán mắt vào cuốn sách.

Buồn bã. Buồn bã. Nhưng tôi sẽ ôm ấp nỗi buồn và biến nó thành một phần của cuộc sống mà tôi đang ghi nhớ.

Tôi chẳng còn gì để mất.

NGÀY THỨ CHÍN MƯƠI BẢY

Một sự việc đáng kinh ngạc đã xảy ra hôm nay, ở ngoài đồng.

Lúc đó tôi đã làm việc được khoảng hai tiếng và sắp đến giờ giải lao thứ hai. Tôi nghe thấy tiếng loạt xoạt sau lưng, nơi robot đốc công thường đứng, và quay lại nhìn. Con robot đang đi loạng choạng một cách giật cục giữa luống cây. Nó giẫm bàn chân nặng nề xuống một cái cây Protein 4. Thân cây toác ra với tiếng “roạt” kinh tởm và phun thứ chất lỏng màu tím đầy chân con robot.

Hàm của con robot cứng lại, mắt trợn ngược ra sau. Nó lảo đảo trong giây lát, giẫm lên một cái cây khác, rồi đứng im bất động như đang ngủ một lúc, trước khi ngã vật xuống đất, nằm ngay đơ như một thân cây chết. Một robot khác tiến đến gần, quan sát thân hình bất động của con robot và bảo nó đứng dậy. Nhưng nó không nhúc nhích. Robot kia cúi xuống bế nó lên và bắt đầu mang nó về phía các tòa nhà của trại tù.

Một phút sau, tôi nghe thấy giọng nói lớn tiếng cất lên giữa đồng:

- Có biển, các cậu ơi!

Tiếng chân chạy rầm rập vang lên. Tôi kinh ngạc đưa mắt nhìn và thấy một nhóm các tù nhân mặc đồng phục xanh đang chạy qua các luống cây. Bất thành linh, một cánh tay từ đâu ôm lấy vai tôi - đó chính là người đàn ông tóc bạc cao to. Ông ta bảo tôi:

- Nhanh lên, anh bạn! Chạy ra bờ biển!

Và tôi thấy mình chạy theo ông ta. Tôi rất sợ hãi. Sợ hãi, nhưng vui.

Tại chỗ thấp nhất của vách đá, có những bậc thang được tạc vào đá, dẫn xuống bờ biển. Khi tôi trèo xuống cùng với những người khác, tôi giật mình vì những cái vỗ lưng và tiếng gọi thân thiện họ dành cho nhau - những điều tôi chưa bao giờ chứng kiến, kể cả khi còn bé. Tôi nhận thấy một thứ gì đó kì lạ trên một trong những tảng đá nằm dưới các bậc cầu thang. Một dòng chữ viết tay bằng sơn trắng đã phai mờ. JOHN yêu JULIE. Lớp "94".

Mọi chuyện kì lạ đến nỗi làm cho tôi có cảm giác như đang bị thôi miên. Mọi người nói chuyện và cười với nhau, giống trong các bộ phim về cướp biển. Hay đúng hơn là trong các phim về tù nhân.

Nhưng xem trên phim và chứng kiến tận mắt ngoài đời là hai chuyện rất khác nhau.

Tuy vậy, khi nghĩ lại chuyện đó trong buồng giam của mình lúc này, tôi nhận ra mình đã không bị sốc như đáng ra phải thế, có lẽ vì tôi đã chứng kiến sự thân mật như vậy trong các bộ phim.

Một vài người đã nhặt những mảnh gỗ bị sóng đánh lên bờ và nhóm một đống lửa trên bờ biển. Tôi chưa từng nhìn thấy tận mắt một đống lửa ngoài trời trước đó, và nó làm tôi thích thú. Sau đó, một người còn cởi quần áo, rồi vừa cười vừa chạy xuống biển trước khi hòa mình vào làn nước. Vài người té nước đùa giỡn với nhau trong vùng nước nông, những người khác ra xa bờ hơn và bắt đầu bơi, cứ như thể họ đang ở trong hồ bơi của một trung tâm thể dục thể thao. Tôi nhận thấy họ tụ thành các nhóm nhỏ, cả những người đang chời đùa và những người đang bơi. Hình như họ muốn như thế.

Những người còn lại đứng thành vòng quanh đống lửa. Người đàn ông tóc bạc rút từ trong túi một điếu cần, rồi châm nó bằng que củi đang cháy. Có vẻ như ông ta đã quen với đống lửa - thật vậy, tất cả bọn họ hình như đều đã từng làm cái trò này nhiều lần trước đây.

Một tù nhân mỉm cười và nói với người bên cạnh:

- Charlie này, đã bao lâu kể từ lần có biển cuối cùng nhỉ?

Charlie đáp:

- Cũng khá lâu đấy. Quá kì hạn lâu rồi.

Những người khác gật gù đồng tình và cười theo.

Người đàn ông tóc xám tiến đến ngồi bên cạnh tôi. Ông ta đưa cho tôi điều cần, nhưng tôi lắc đầu từ chối. Thấy vậy ông ta nhún vai và đưa nó cho người ngồi cạnh tôi, rồi nói:

- Chúng ta có ít nhất một giờ. Việc sửa chữa robot ở đây khá chậm chạp.

- Chúng ta đang ở đâu? - Tôi thắc mắc.

- Tôi cũng không biết. - Ông ta đáp. - Mọi người đều bị tiêm cho bất tỉnh tại tòa và chỉ được đánh thức sau khi đã ở đây. Nhưng có người bảo anh ta nghĩ đây là Bắc Carolina. - Ông ta nói với người vừa nhận điều cần, anh ta đang chuyển điều thuốc cho người kế tiếp. - Phải vậy không, Foreman? Bắc Carolina đúng không?

Foreman quay lại.

- Tôi lại nghe là Nam. - Ông ta đáp. - Nam Carolina.

- Ờ, đại loại ở mạn đấy. - Người tóc bạc nói.

Chúng tôi ngồi im lặng một lúc, ngắm nhìn những lưỡi lửa trong nắng chiều, lắng nghe sóng đánh vào bờ và tiếng kêu rời rạc của một con mòng biển trên đầu. Rồi một trong những người đàn ông lớn tuổi hỏi tôi:

- Sao cậu lại bị đưa vào đây? Cậu giết ai à?

Bị bất ngờ, tôi không biết phải nói gì. Chắc ông ta sẽ không thể hiểu được chuyện đọc chữ.

- Tôi sống cùng một người. - Cuối cùng tôi đáp. - Một phụ nữ...

Khuôn mặt ông ta bừng sáng lên trong thoáng chốc trước khi sa sầm:

- Tôi cũng từng sống với một phụ nữ. Trong hơn một *lam*.

- Thế à? - Tôi hỏi lại.

- Phải. Một *lam* một *hoàng*. Ít nhất là thế. Nhưng không phải vì thế mà họ tống tôi vào đây. Mẹ kiếp, tôi ăn trộm. Đó là lí do. Nhưng chắc chắn tôi còn nhớ...

Ông ta nhăn nheo, gầy gò và bị còng lưng. Đầu ông ta chỉ còn thừa vài sợi tóc, bàn tay run rẩy đón lấy điều cần và rít một hơi, trước khi chuyển nó cho một người trẻ hơn ngồi bên cạnh.

- Đàn bà. - Người tóc bạc ngồi cạnh tôi thốt lên, phá vỡ sự im lặng.

Hai chữ đó dường như giúp ông già mở lòng.

- Tôi từng pha cà phê cho bà ấy, và chúng tôi uống trên giường. Cà phê thật, pha với sữa thật, và thỉnh thoảng kèm theo một ít trái cây nếu tôi có thể tìm được. Một quả cam chẳng hạn. Bà ấy sẽ uống món cà phê đó từ một cái cốc màu xám, còn tôi ngồi ở cuối giường, đối diện với bà ấy, giả vờ nghĩ ngợi về cốc cà phê của mình, nhưng thật ra chỉ quan sát bà ấy. Chúa ơi, tôi có thể ngắm bà ấy cả ngày. - Ông già lắc đầu.

Tôi có thể hiểu được nỗi buồn của ông ta. Tay chân tôi nổi da gà trước những lời tâm sự đó. Tôi chưa bao giờ được nghe những người khác nói chuyện với mình như vậy trước đây. Ông ta đã nói ra cảm giác trong lòng tôi và, dù rất buồn, tôi vẫn cảm thấy nhẹ nhõm đôi chút.

Ai đó khẽ hỏi:

- Chuyện gì đã xảy ra với bà ấy?

Ông già không trả lời ngay. Một lúc sau ông đáp:

- Chẳng biết nữa. Một hôm tôi từ xưởng về nhà, và bà ấy đã biến mất. Không bao giờ gặp lại.

Im lặng bao trùm trong thoáng chốc, sau đó một tù nhân trẻ tuổi hơn mà tôi đoán chỉ đang cố tỏ ra tử tế, lên tiếng với giọng triết lý:

- Đấy, tình dục chớp nhoáng là tốt nhất.

Ông già chậm rãi quay đầu nhìn anh ta chăm chú. Rồi ông nói quả quyết, không cao giọng:

- Rác rưởi. Rặt những rác rưởi.

Người kia đỏ mặt và quay đi.

- Tôi không có ý...

- Rác rưởi. - Ông già nói tiếp. - Cái thứ tình dục chớp nhoáng của các cậu chỉ là rác rưởi. Tôi tự biết cuộc đời mình như thế nào. - Ông quay mặt ra biển và hạ giọng, lặp lại câu nói vừa rồi. - Tôi tự biết cuộc đời mình như thế nào.

Nghe ông nói, và nhìn cách ông quan sát mặt biển với đôi vai gầy nhô ra bên dưới lớp áo tù, vài sợi tóc bị gió thổi bay phất phơ trên lớp da đầu già nua nhăn thín, tôi cảm thấy một nỗi buồn vượt xa những gì nước mắt có thể biểu đạt. Tôi nhớ tới Mary Lou và hình ảnh cô uống trà buổi sáng. Tôi nhớ tới bàn tay cô đặt trên gáy, cách cô thỉnh thoảng đưa mắt nhìn tôi, thật chăm chú, rồi mỉm cười...

Có lẽ tôi sẽ ngồi đó thật lâu để nhớ về Mary Lou và gặm nhấm nỗi buồn của mình trong lúc nhìn ra biển, nếu như người đàn ông tóc bạc cạnh tôi không nói khẽ:

- Cậu có muốn bơi không?

Tôi chưng hửng ngược lên nhìn ông ta và vọt miệng đáp:

- Không.

Viễn cảnh tắm truồng với tất cả những con người xa lạ này lôi tôi về thực tại một cách đột ngột.

Nhưng tôi rất thích bơi.

Hồi ở trong trường nội trú, mỗi đứa trẻ đều được bơi một mình trong hồ khoảng mười phút. Các trường nội trú rất chặt chẽ về Chủ nghĩa Cá nhân.

Tôi đang nghĩ đến đó thì người đàn ông tóc bạc bỗng nói:

- Tên tôi là Belasco.

Tôi cup mắt nhìn lớp cát dưới chân.

- Hân hạnh được biết anh. - Tôi đáp.

Giây lát sau, ông ta hỏi tôi:

- Thế tên cậu là gì, anh bạn?

- Ố! - Tôi nói, mắt vẫn nhìn xuống cát. - Bentley.

Tôi cảm thấy một bàn tay đặt lên vai mình và ngạc nhiên ngược lên nhìn khuôn mặt của ông ta.

- Hân hạnh được biết cậu, Bentley. - Ông ta nói.

Một lúc sau, tôi đứng dậy và đi tới mép nước, tránh xa những người đang bơi. Tôi biết mình đã thay đổi rất nhiều kể từ khi rời Ohio, nhưng tất cả sự thân mật và các cảm xúc đồng thời này nằm ngoài khả năng chịu đựng của tôi. Hơn nữa, tôi chỉ muốn được ở một mình cùng với những hồi tưởng về Mary Lou.

Tại mép nước, tôi tìm thấy một con cua mượn hồn đang trốn trong một cái vỏ ốc xoắn nhỏ. Tôi biết nó là một con cua mượn hồn nhờ hình ảnh trong cuốn sách *Sinh vật bờ biển Bắc Mỹ* mà Mary Lou tìm được.

Có một mùi hương mặn mòi, thanh sạch dọc theo mép nước, và những con sóng nhẹ nhàng trườn lên cát ướt tạo ra những âm thanh tôi chưa từng nghe thấy trước đây. Tôi đứng đó dưới ánh nắng mặt trời và nhìn ngắm, hít hà, lắng nghe tiếng sóng, cho đến khi Belasco gọi:

- Đã đến lúc phải quay lại, Bentley. Họ sắp sửa xong con robot rồi đó.

Chúng tôi lặng lẽ trèo lên các bậc đá và quay về vị trí của mình trên cánh đồng, chờ đợi.

Một lát sau, các robot quay lại. Chúng không hề nhận ra công việc của chúng tôi không tiến triển thêm trong lúc chúng vắng mặt. Đám robot ngu xuẩn.

Tôi cúi xuống làm việc theo nhịp nhạc.

Khi đi tới cuối luống cây, tôi nhìn xuống bãi cát bên dưới. Đống lửa của chúng tôi vẫn còn đang cháy.

Tôi chợt nhận ra mình vừa viết ba chữ “của chúng tôi”. Thật lạ lùng khi tôi nghĩ đến nó như một thứ thuộc về tất cả chúng tôi - như một tập thể.

Khi từ bãi biển trèo lên cánh đồng trở lại, tôi đi cạnh ông già hói. Tôi rất muốn nói gì đó tử tế với ông ấy, cảm ơn ông đã làm cho nỗi buồn của tôi trở nên dễ chịu hơn, hay thậm chí là đặt tay lên đôi vai gầy guộc già nua. Nhưng tôi không làm gì cả. Tôi

không biết phải làm những chuyện đó như thế nào. Tôi ước gì mình biết cách, thật đấy. Nhưng tôi không biết.

NGÀY THỨ CHÍN MƯƠI CHÍN

Ở một mình trong buồng giam vào ban đêm, tôi nghĩ rất nhiều. Có những lúc tôi nghĩ về những điều đã đọc trong sách, hoặc về thời thơ ấu, về quãng thời gian làm giảng viên ở Ohio. Có lúc tôi nghĩ về khoảng thời gian lần đầu tiên tôi học đọc, cách đây hơn hai *hoàng*, khi tôi tìm thấy chiếc hộp có cuộn phim, bộ thẻ, cùng những cuốn sách nhỏ có hình ảnh. Dòng chữ trên hộp có nội dung *Công cụ dành cho người đọc vỡ lòng*. Đó là những dòng chữ in đầu tiên mà tôi từng thấy, và tất nhiên tôi đã không thể đọc chúng. Điều gì đã cho tôi sự kiên nhẫn để theo đuổi cho đến khi học cách đọc được các chữ nằm trong một cuốn sách?

Nếu tôi không học đọc ở Ohio và sau đó đến New York để tìm cách trở thành một người dạy đọc, thì giờ đây tôi đã không ở trong tù. Và tôi đã không gặp Mary Lou, không bị nỗi buồn này chiếm đầy tâm trí.

Tôi nghĩ về cô nhiều hơn bất kì điều gì khác. Tôi nhớ hình ảnh cô cố gắng không tỏ ra sợ hãi khi bị Spofforth đưa ra khỏi phòng tôi ở thư viện. Đó là lần cuối cùng tôi nhìn thấy cô. Tôi không biết Spofforth đã đưa cô đi đâu, hay chuyện gì đã xảy ra với cô. Có lẽ cô đang ở trong một nhà tù dành cho phụ nữ, nhưng tôi không dám chắc về điều đó.

Tôi đã cố gắng làm Spofforth nói cho tôi biết điều gì sẽ xảy ra với cô, trong khi chúng tôi đi trên chuyến xe buýt giao cảm đến buổi điều trần, nhưng ông ta không trả lời.

Tôi đã cố gắng vẽ lại khuôn mặt của cô trên tờ giấy bằng bút chì màu. Nhưng chuyện đó chẳng đi đến đâu. Tôi chưa bao giờ biết vẽ.

Cách đây rất lâu trong trường nội trú của tôi từng có một cậu bé vẽ rất đẹp. Một lần nọ, cậu ta đặt một số bức vẽ của mình lên bàn tôi trong lớp, và tôi đã kinh ngạc nhìn chúng. Đó là những hình vẽ chim chóc, bò, con người, cây cối, và robot giám thị ở hành lang bên ngoài lớp học. Đó là những bức tranh đáng chú ý, với nét vẽ gọn gàng và độ chính xác đáng kinh ngạc.

Tôi không biết phải làm gì với những bức vẽ đó. Nhận hoặc đưa những thứ riêng tư cho người khác là một việc làm khủng khiếp và có thể dẫn tới các hình phạt nặng. Vì vậy tôi bỏ lại chúng trên bàn mình, và ngày hôm sau chúng biến mất. Vài ngày sau, cậu bé đã vẽ chúng cũng biến mất. Tôi không biết điều gì đã xảy ra với cậu ta. Không ai nhắc đến cậu ta nữa.

Liệu chuyện tương tự có xảy ra với Mary Lou? Có phải tất cả đã chấm dứt, và sẽ không còn ai nhắc đến cô trên thế giới này nữa?

Tối nay tôi đã uống bốn viên mê dược. Tôi không muốn nhớ quá nhiều.

NGÀY THỨ MỘT TRĂM LẼ BỐN

Hôm nay sau bữa tối Belasco đã đến buồng giam của tôi! Ông còn mang theo trên tay một con thú nhỏ có bộ lông hai màu, xám và trắng.

Tôi đang ngồi trên ghế nghĩ tới giọng nói của Mary Lou khi cô đọc thành tiếng thì thình lình trông thấy cánh cửa buồng giam mở

ra. Belasco đứng đó, miệng nhoẻn cười, với con thú trên tay.

- Ủa... - Tôi thốt lên.

Ông ta giơ một ngón tay lên môi và nói khẽ:

- Không có cánh cửa nào được khóa vào ban đêm. Cậu có thể coi đây là một trục trặc vận hành khác.

Belasco khép cửa lại rồi đặt con thú xuống sàn nhà. Nó ngồi đó nhìn tôi với ánh mắt tò mò nhằm chán, trước khi giơ chân sau lên gãi tai. Trông nó giống một con chó, nhưng nhỏ hơn.

- Ban đêm cửa được khóa bằng máy tính, nhưng thỉnh thoảng máy tính lại quên mất chuyện đó.

- Ra vậy! - Tôi thốt lên, mắt vẫn nhìn vào con thú nhỏ. - Cái gì đây?

- Cái gì là sao?

- Con thú này.

Belasco ngạc nhiên nhìn tôi.

- Cậu không biết mèo là gì hả, Bentley?

- Tôi chưa từng thấy con mèo nào trước đây.

Ông ta lắc đầu, rồi cúi xuống vỗ nhẹ con thú mấy cái.

- Đây là một con mèo. Nó là thú cưng.

- Thú cưng? - Tôi hỏi lại.

Belasco lắc đầu, nhăn mặt.

- Này anh bạn! Cậu không biết gì ngoài những thứ được dạy ở trường, đúng không? Thú cưng là một con vật mà chúng ta giữ lại

bên mình. Nó là một người bạn.

Rạ là vậy, tôi nhủ thầm. Giống như *Roberto*, *Consuela* và *con chó Biff*, trong cuốn sách tôi đã dùng để học đọc. Biff là thú cưng của Roberto và Consuela. Và cuốn sách cũng viết rằng Roberto là bạn của Consuela. Một người bạn là như thế. Ai đó mà người ta ở bên cạnh nhiều hơn bất kì ai khác. Rõ ràng một con thú cũng có thể làm bạn.

Tôi muốn cúi xuống chạm vào con mèo, nhưng lại sợ.

- Nó có tên không vậy? - Tôi hỏi.

- Không. - Belasco đáp.

Ông tiến đến ngồi xuống mép giường, và vẫn nói rất khẽ:

- Tôi chỉ gọi nó là “mèo” thôi.

Belasco rút điều cần từ trong túi áo ra và đưa lên miệng. Ống tay áo của ông xắn cao, để lộ thứ mà tôi đoán là hình trang trí, nom như được in bằng mực xanh trên hai cẳng tay, ngay phía trên bộ vòng đeo ở cổ tay. Hình ở tay phải là một trái tim, còn hình bên trái là một phụ nữ khỏa thân.

Belasco châm điều cần.

- Cậu có thể đặt tên cho con mèo nếu muốn, Bentley.

- Ý anh là tôi có thể quyết định việc nó được gọi như thế nào?

- Phải.

Ông ta đưa cho tôi điều cần và tôi thoải mái đón lấy, dù biết việc chia sẻ là phạm pháp, và rít một hơi, trước khi trả lại.

Sau đó, khi nhả khói ra, tôi nói:

- Được thôi. Vậy tên của con mèo sẽ là Biff.

Belasco mỉm cười.

- Tốt. Con vật đang cần một cái tên. Giờ thì nó đã có. - Ông cúi nhìn con mèo, lúc này đang chậm rãi đi loanh quanh khám phá căn buồng. - Phải vậy không, Biff?

Bentley, Belasco và mèo Biff, tôi nhủ thầm.

NGÀY THỨ MỘT TRĂM LỄ NĂM

Tôi tin những tòa nhà của trại tù là công trình cổ xưa nhất mà mình từng thấy. Có năm tòa cả thảy được xây bằng những khối đá lớn sơn xanh, với các ô cửa sổ cầu bần lắp chấn song gổ sét. Tôi mới chỉ vào hai trong số này: Khu buồng giam nơi tôi ngủ, và tòa nhà xưởng giày nơi tôi làm việc vào buổi sáng. Tôi không biết có gì trong ba tòa nhà còn lại. Một trong số chúng nằm cách biệt một chút so với những căn khác, thậm chí trông còn cũ kĩ hơn những căn còn lại, và các cửa sổ của nó đã được bịt ván, giống như ngôi nhà mùa Hè trong *Thiên thần trên dây*, một bộ phim của Gloria Swanson. Tôi đã đi tới tòa nhà này trong giờ tập thể dục sau bữa trưa và quan sát nó kĩ hơn. Những tảng đá của nó được lớp rêu ẩm mượt bao phủ, và các cánh cửa lớn bằng kim loại luôn được khóa chặt.

Xung quanh khối nhà có một hàng rào kép rất cao bằng lưới thép dày, từng được sơn màu đỏ nhưng giờ đã phai nhạt và trở thành màu hồng. Hàng rào có một cánh cổng cho phép chúng tôi đi qua để ra đồng làm việc. Bốn robot canh các cổng này cả ngày lẫn đêm. Khi chúng tôi đi qua trên đường đi làm, họ sẽ kiểm tra

chiếc vòng kim loại được gắn cố định vào cổ tay chúng tôi, trước khi cho phép chúng tôi đi qua.

Tôi đã được quản giáo - một robot Lớp Sáu cao to vạm vỡ - giảng cho một bài định hướng kéo dài năm phút trong lần đầu tiên tôi nhận đồng phục. Ngoài những chuyện khác, hắn đã giải thích rằng nếu một tù nhân đi ra ngoài mà bộ vòng đeo tay không được lính canh vô hiệu hóa, chúng sẽ nóng rực lên và làm bỏng cổ tay nếu anh ta không quay vào trong cổng rào ngay lập tức.

Các dải kim loại hẹp và ôm chặt làm bằng một thứ kim loại cực kì cứng, mờ và có màu bạc. Tôi không biết làm thế nào bọn họ đeo được chúng vào tay tôi. Chúng đã nằm sẵn ở cổ tay khi tôi tỉnh lại trong tù.

* * *

Tôi đoán trời đã sắp vào Đông, vì không khí bên ngoài khá lạnh. Nhưng cánh đồng được sưởi ấm bằng cách nào đó, và mặt trời vẫn tỏa sáng. Mặt đất dưới chân tôi ấm áp khi tôi bón phân cho đám cây gồm ghiếc, nhưng không khí vẫn phả hơi lạnh vào da thịt tôi. Và thứ âm nhạc ngu ngốc đó không bao giờ ngừng lại, không bao giờ trục trặc. Lũ robot thì cứ tiếp tục nhìn và nhìn. Tựa như trong một giấc mơ.

NGÀY THỨ MỘT TRĂM MƯỜI SÁU

Đã mười một ngày trôi qua kể từ khi tôi viết gì đó về cuộc đời mình. Tôi sẽ không đếm nổi số ngày nếu không nghĩ ra cách dùng bút chì đánh dấu lên tường vào mỗi buổi tối sau giờ ăn. Những vết

bút chì nằm bên dưới màn hình ti vi khổng lồ choán gần hết bức tường phía cuối buồng giam của tôi, đối diện với chiếc ghế gắn chặt xuống sàn. Bây giờ tôi có thể nhìn thấy chúng khi ngẩng đầu lên khỏi tờ giấy đặt trên tấm bảng nằm trong lòng mình. Chúng trông giống như một hoa văn thiết kế dạng sọc xám gọn ghẽ trên tường, bên dưới chiếc ti vi.

Tôi đang mất hứng thú với việc viết lách. Đôi khi tôi cảm thấy nếu không lấy lại được các cuốn sách hoặc xem thêm bất kì bộ phim câm nào, tôi sẽ quên cách đọc và không còn muốn viết.

Belasco không trở lại phòng tôi sau đêm đầu tiên. Tôi đoán là do máy tính đã không quên khóa cửa sau bữa ăn tối. Sau khi đánh dấu trên tường, tôi luôn kiểm tra cửa và nó luôn khóa.

Tôi không còn nghĩ về Mary Lou mọi lúc, như tôi đã từng. Tôi không nghĩ ngợi nhiều nữa. Tôi uống mê được, hút cần, xem những hình ảnh khiêu dâm và chết chóc to như người thật trên ti vi, rồi đi ngủ sớm.

Các chương trình được lặp lại cứ sau mỗi tám hoặc chín ngày trên ti vi. Tôi cũng có thể xem các chương trình Tự Cải tạo từ một trong số ba mươi cái bóng bồi mà mỗi tù nhân được nhận tại buổi định hướng. Nhưng tôi không mở bóng bồi. Tôi xem bất cứ điều gì được chiếu. Tôi không quan tâm đến việc xem các chương trình truyền hình, tôi chỉ *xem* ti vi.

Viết lách thế này đủ rồi. Nó làm tôi mệt mỏi.

NGÀY THỨ MỘT TRĂM MƯỜI CHÍN

Một cơn giông đã ập tới chiều nay, trong khi chúng tôi đang lao động ngoài đồng. Suốt một lúc lâu, các robot canh gác dường như

bối rồi vì gió và cơn mưa nặng hạt nên không gọi chúng tôi quay lại khi chúng tôi đứng ở rìa vách đá, bắt chắp những hạt mưa quất vào người, để quan sát bầu trời và đại dương. Bầu trời nhanh chóng chuyển từ màu xám sang đen rồi trở lại màu xám. Những ánh chớp lóe lên gần như liên tục. Còn bên dưới chúng tôi, biển động dữ dội và gầm gào. Sóng trùn qua bãi cát đập mạnh vào chân vách đá rồi rút đi trong thoáng chốc trước khi quay trở lại - những con sóng u ám, xám xịt, ngẫu bọt, ồn ào.

Tất cả chúng tôi cùng quan sát, không ai cố gắng nói. Tiếng ồn của sấm sét và đại dương thật đình tai.

Sau đó, khi trời bắt đầu yên ắng một chút, tất cả chúng tôi quay lại và trở về trại giam. Lúc tôi đi bộ qua cánh đồng, cơn mưa lúc này nhẹ hơn nhưng vẫn tạt vào mặt và bộ quần áo ướt đầm của tôi. Tôi nhận ra mình đang lạnh run, và đột nhiên những dòng thơ vang lên trong đầu tôi:

*Gió Tây hỡi, bao giờ mi thổi,
Cho cơn mưa đổ xuống trần gian?
Chúa Trời ơi! Con muốn ôm nàng
Và tìm lại chiếc giường êm ấm!*

Tôi khuyu xuống đất khóc nức nở như một thằng ngốc, khóc cho Mary Lou và cuộc đời mà tôi từng sống trong một quãng thời gian, khi tâm trí và óc tưởng tượng của tôi được sống, dù chỉ trong thoáng chốc.

Không có lính canh nào ở gần đó. Belasco đã trở lại vì tôi. Ông lặng lẽ giúp tôi đứng dậy và vòng tay quanh người tôi, dìu tôi quay về trại giam. Chúng tôi không nói với nhau lời nào cho đến khi tôi đứng trước cửa buồng giam đang mở. Belasco buông tay ra

và nhìn thẳng vào mặt tôi. Đôi mắt của ông nghiêm trang và khiến tôi yên lòng.

- Mẹ kiếp, Bentley. - Belasco nói. - Tôi nghĩ tôi biết cậu đang cảm thấy thế nào.

Sau đó, ông vỗ nhẹ vai tôi và quay gót bỏ về phòng giam của mình.

Tôi đứng dựa vào song sắt lạnh lẽo nhìn những tù nhân khác, lê bước về phòng giam, tóc tai và quần áo ướt sũng. Tôi muốn choàng tay ôm từng người họ. Cho dù tôi có biết tên từng người hay không, bọn họ, tất cả bọn họ, đều là *bạn* của tôi.

NGÀY THỨ MỘT TRĂM HAI MƯƠI MỐT

Hôm nay tôi đã vào được bên trong tòa nhà có cửa sổ bị bịt ván.

Chuyện đó rất đơn giản. Tôi đi ra cái sân rải sỏi giữa các tòa nhà trong giờ thể dục sau bữa trưa. Tôi thấy hai robot canh gác đi lên các bậc thềm của tòa nhà, mở khóa cửa và đi vào trong. Một lúc sau chúng bước ra, mỗi con mang theo một cái hộp giống như thứ đựng giấy vệ sinh của chúng tôi. Chúng mang hai cái hộp về phía tòa trại giam, để ngỏ cửa. Tôi bèn đi vào trong.

Bên trong, các cánh cửa làm bằng nhựa Permo. Tường được xây bằng một số vật liệu khác, ọp ẹp và sụp đổ nhiều chỗ. Có khá ít ánh sáng do các cửa sổ bị bịt ván. Tôi bước nhanh qua những hành lang tối om, mở các cánh cửa.

Một số phòng để trống, số khác chứa những thứ như xà phòng và khăn giấy, giấy vệ sinh và khay đựng thức ăn, chất đống trên

giá. Tôi lấy một xấp khăn giấy để viết nhật kí này. Bỗng tôi nhìn thấy một tấm biển đã phai mờ trên cánh cửa đôi ở cuối hành lang. Đó là tấm biển có chữ viết duy nhất mà tôi từng thấy ngoài những tấm biển ở tầng hầm thư viện tại New York.

Tôi không thể đọc được những từ đầu tiên, chúng đã mờ và bám đầy bụi bẩn. Hành lang cũng rất tối. Nhưng khi đến gần và xem xét cẩn thận, tôi đã đọc được chúng:

THƯ VIỆN CÁNH ĐÔNG

Tôi gần như nhảy dựng lên vì từ “Thư viện”. Tôi đứng ngây ra, nhìn chăm chăm tấm biển, và cảm thấy tim mình đập thình thịch.

Sau đó tôi thử lay cánh cửa và nhận thấy chúng đã bị khóa. Tôi hết kéo lại đẩy, cố gắng xoay núm cửa, nhưng tôi không thể làm nó nhúc nhích. Thật kinh khủng.

Tôi giận điên lên và đập tay vào cửa. Nhưng nó không di chuyển, và tôi chỉ làm đau chính mình.

Tôi chuẩn khỏi tòa nhà khi nghe thấy tiếng các robot quay lại và đi vào một trong các phòng chứa đồ.

Tôi phải vào bên trong thư viện đó! Tôi phải có sách một lần nữa. Nếu tôi không thể đọc, để học và có những điều đáng suy nghĩ, tôi thà tự thiêu còn hơn sống tiếp.

Xăng tổng hợp được sử dụng để chạy máy thu hoạch. Tôi biết mình có thể lấy một ít và tự thiêu. Tôi sẽ ngừng viết ngay bây giờ và xem ti vi.

NGÀY THỨ MỘT TRĂM BA MƯƠI HAI

Đã mười một ngày tôi lâm vào tình trạng chán nản. Khi chiều xuống tôi chẳng buồn đi ngắm biển mỗi khi tới được đầu cuối của luống cây, cũng không cố viết lách vào buổi tối. Đầu óc tôi trống rỗng như lúc lao động, khi tôi chỉ tập trung vào cái mùi chua nồng của cây Protein 4.

Các lính canh không nói gì, nhưng tôi vẫn ghét chúng. Đó là cảm xúc duy nhất của tôi. Những thân hình đồ sộ, chậm chạp và khuôn mặt biếng nhác của chúng cũng giống như mấy cái cây tổng hợp dẻo quẹo mà tôi chăm bón. Chúng là một sự sỉ nhục cho đôi mắt tôi - câu này tôi lấy từ trong phim *Không thể dung thứ*.

Nếu tôi uống bốn, năm viên mê dược, việc xem ti vi sẽ không còn thú vị gì nữa. Cái ti vi treo tường của tôi khá tốt, nó chưa bao giờ bị trục trặc.

Cơ thể tôi không còn bị đau đớn nữa. Giờ đây nó đã mạnh mẽ hơn, các khối cơ của tôi cứng rắn và chắc nịch. Tôi trở nên rầm rập, và mắt tôi cũng tinh tường hơn. Bàn tay và bàn chân tôi có nhiều nốt chai cứng, tôi cũng làm việc tốt hơn và không còn bị đánh nữa. Nhưng nỗi buồn trong lòng tôi đã quay lại. Nó xâm chiếm tôi chậm rãi, mỗi ngày một chút, và tôi cảm thấy tuyệt vọng hơn những ngày đầu vào tù. Mọi thứ dường như vô vọng.

Đôi khi, có những ngày trôi qua mà tôi không nghĩ tới Mary Lou. Thật vô vọng.

NGÀY THỨ MỘT TRĂM BA MƯƠI BA

Tôi đã phát hiện ra chỗ cất xăng tổng hợp. Nó được cất trong lán máy tính ở rìa cánh đồng.

Mọi tù nhân đều có bật lửa điện để hút cần.

NGÀY THỨ MỘT TRĂM BA MƯƠI SÁU

Đêm qua Belasco lại sang phòng tôi. Thoạt đầu tôi không muốn gặp ông ta. Khi nhận ra cửa buồng giam không khóa, tôi khá căng thẳng. Tôi không muốn ra ngoài, và cũng không muốn người khác đi vào.

Nhưng Belasco vẫn cứ vào buồng giam của tôi và bắt chuyện:

- Thật vui khi được sang chơi với cậu, Bentley.

Tôi chỉ cụp mắt nhìn sàn nhà dưới chân. Tì vi của tôi đã tắt, và tôi đã ngồi như thế hàng giờ liền, trên mép giường.

Belasco im lặng trong giây lát. Tôi nghe thấy ông ta ngồi vào chiếc ghế, nhưng không ngược lên nhìn. Có cảm giác như tôi không thể ngẩng đầu lên.

Cuối cùng Belasco nói với giọng nhẹ nhàng:

- Tôi đã quan sát cậu mấy ngày vừa qua, Bentley. Trông cậu giống như một con robot vậy.

Giọng ông đầy sự cảm thông và xoa dịu.

Tôi gắng gượng thốt lên:

- Tôi cũng đoán thế.

Chúng tôi lại im. Rồi ông ta nói:

- Tôi biết nó là gì, Bentley. Cậu đang nghĩ tới cái chết. Giống như những gì dân thành phố đang làm, với xăng và bật lửa. Hoặc ở đây, với biển. Tôi đã thấy những gã đi luôn không quay lại. Mẹ

kiếp, tôi cũng từng nghĩ tới chuyện đó: Chỉ cần bơi ra thật xa và không nhìn lại...

Tôi ngược lên nhìn ông ta.

- Anh từng nghĩ đến chuyện đó sao? - Tôi ngạc nhiên hỏi lại. - Anh có vẻ rất mạnh mẽ.

Belasco cười nhạt:

- Mẹ kiếp, tôi cũng giống như mọi người thôi. Sống thế này thì có khá khẩm hơn cái chết là bao. - Ông lại cười và lắc đầu. - Mà nói thật nhé, ở ngoài kia cũng chẳng hơn gì đâu. Chẳng có công việc thực sự, trừ những thứ rác rưởi giống như ở đây. Ở trường nội trú Người Làm, họ từng dạy chúng tôi rằng “Lao động giúp con người hoàn thiện”. Hoàn thiện vào mắt. - Ông lấy một điều cần từ trong túi ra và châm lửa. - Tôi đi trộm thẻ tín dụng ngay sau khi tốt nghiệp. Nửa cuộc đời vào tù ra khám. Muốn chết đôi ba lần đầu, nhưng không được. Giờ tôi có lũ mèo của mình, và đi loanh quanh... Mà này, cậu có muốn nuôi con Biff không?

Tôi trở mắt nhìn Belasco:

- Để làm... thú cưng á?

- Ừ. Sao lại không? Tôi còn bốn con khác. Dù đôi khi kiếm đồ ăn cho chúng nó cũng mệt lắm, nhưng tôi có thể chỉ cách cho cậu.

- Cảm ơn anh. - Tôi đáp. - Tôi thích lắm. Tôi thích có một con mèo.

- Vậy chúng ta đi đón nó thôi.

Tôi rời buồng giam của mình một cách dễ dàng. Khi đi qua cái cửa không khóa, tôi quay sang nói với Belasco:

- Tôi cảm thấy nhẹ nhõm hơn rồi.

Ông vỗ nhẹ vào lưng tôi và đáp:

- Bạn bè để mà làm gì?

Tôi đứng im trong giây lát, không biết phải nói gì. Thế rồi, trong một cử chỉ gần như vô thức, tôi vươn bàn tay ra và đặt lên cánh tay của Belasco. Tôi chợt nghĩ đến một chuyện.

- Tôi muốn vào bên trong một tòa nhà. Theo anh có khả năng nào nó không bị khóa hay không?

Belasco nhe răng cười đáp:

- Dám lắm. Ta đi xem đi.

Chúng tôi rời khỏi tòa trại giam. Chuyện đó thật đơn giản vì chẳng có lính canh nào xuất hiện.

Chúng tôi bước vào trong tòa nhà bịt ván mà chẳng gặp trở ngại gì, ngoại trừ việc nó rất tối và chúng tôi liên tục bị vấp chân vào mấy hộp trong hành lang. Belasco nói với tôi:

- Đôi khi những nơi cũ kĩ như thế này vẫn có công tắc trên tường đấy.

Tôi nghe thấy tiếng ông mò mẫm, vấp vấp và văng tục, trước khi một tiếng *tách* vang lên, và một bóng đèn lớn trên trần hành lang vụt sáng. Thoạt đầu tôi chỉ sợ các lính canh có thể trông thấy ánh đèn, nhưng rồi tôi nhớ ra các cửa sổ đều bị bịt ván nên yên tâm trở lại.

Tuy vậy, khi tôi tìm thấy cửa thư viện, nó vẫn bị khóa chặt! Sẵn đang căng thẳng, tôi chỉ muốn gào lên.

Belasco nhìn tôi và hỏi:

- Có phải cậu đang muốn vào trong này không?

- Vâng. - Tôi đáp.

Không buồn hỏi tôi muốn vào trong đó để làm gì, ông ta bắt đầu xem xét ổ khóa. Nó là một loại mà tôi chưa từng thấy trước đây. Trông nó chẳng hề giống các ổ khóa điện tử.

Belasco huýt sáo khe khẽ:

- Chà! Gã khốn này già lắm rồi đây.

Nói đoạn ông lục lợi trong túi áo và lôi ra chiếc bật lửa được trại tù cung cấp. Đặt nó xuống sàn, ông dùng gót giày đập mạnh vài cái cho đến khi nó vỡ ra. Ông cúi xuống nhặt những mảnh kim loại, kính và nhựa lên, rồi sau khi nghiên cứu một chút, ông lôi ra một sợi dây thép cứng, dài khoảng chừng bằng ngón tay cái. Tôi im lặng quan sát, không biết ông đang định làm gì.

Belasco cẩn thận nâng ổ khóa trên cửa lên, nhét một đầu sợi dây thép vào trong cái khe, bắt đầu thăm dò. Chốc chốc tôi lại nghe một tiếng tích nhẹ phát ra từ đâu đó bên trong ổ khóa. Belasco lầm bầm chữi mấy lần, nhưng vẫn tiếp tục. Thế rồi, ngay khi tôi định hỏi xem ông ta đang làm gì, một tiếng động nhẹ vang lên trong ổ khóa. Belasco nhoẻn cười, tháo nó ra, rồi mở cửa!

Trong phòng tối om. Nhưng Belasco lại tìm thấy tiếp công tắc trên tường, và ngay sau đó hai bóng đèn trần khá mờ được bật lên.

Tôi háo hức nhìn quanh, hi vọng được trông thấy những vách tường chất đầy sách. Nhưng chúng trống không. Tôi nhìn trần trời một lúc, lòng quặn lại. Trong phòng có mấy bộ bàn ghế cổ bằng gỗ, cùng vài cái thùng nhỏ nằm dọc theo một bức tường, nhưng

chẳng có giá kệ gì, thậm chí tranh ảnh cũng không có trên các bức tường tróc lở.

- Có vấn đề gì à? - Belasco hỏi.

Tôi nhìn ông ta:

- Tôi đang hi vọng tìm thấy... những cuốn sách.

- Sách? - Belasco ngó ra khi nghe thấy chữ đó, nhưng vẫn nói tiếp. - Thế trong mấy cái thùng đằng kia có gì?

Tôi gật gù, dù chẳng mấy hi vọng, và tiến đến chỗ mấy cái thùng nằm cạnh bức tường. Hai thùng đầu tiên chỉ toàn là muổng sắt đã gỉ sét, chúng bị gỉ nặng đến nỗi dính cả vào nhau thành một khối màu đỏ. Nhưng thùng thứ ba chứa đầy sách! Tôi háo hức lôi chúng ra. Mười hai cuốn cả thảy. Dưới đáy thùng còn có một chồng giấy trắng chỉ hơi bị ố nhẹ.

Tôi đọc tựa các cuốn sách. Cuốn to nhất có nhan đề *Các đạo luật được sửa đổi của Bắc Carolina: 1992*. Một cuốn khác mang tên *Làm mọt: Nghề và nghiệp*, và cuốn thứ ba cũng dày chẳng kém, có tựa là *Cuốn theo chiều gió*. Thật tuyệt vời khi được cầm chúng trên tay và nghĩ đến những gì được viết bên trong.

Belasco vẫn đang nhìn tôi bằng ánh mắt tò mò. Cuối cùng ông hỏi:

- Mấy cái này là sách à?

- Phải.

Ông cầm một cuốn lên và lướt ngón tay trên lớp bìa bụi bặm:

- Chưa từng nghe nói tới thứ này.

Tôi nhìn ông ta.

- Chúng ta đi đón con mèo rồi đem chỗ sách này về buồng giam của tôi thôi.

- Phải đó. - Belasco đáp. - Để tôi giúp cậu.

Chúng tôi đi đón Biff và mang thùng sách về phòng mà không gặp chút trở ngại nào.

Giờ thì đêm đã khuya, và Belasco đã quay về chỗ của ông ta. Tôi sẽ ngừng viết và xem qua mấy cuốn sách. Tôi đã giấu chúng vào khe hở giữa chiếc giường nệm nước và bức tường, gần nơi mèo Biff ngủ.

NGÀY THỨ MỘT TRĂM BA MƯƠI CHÍN

Tôi rất mệt vì đã đọc gần như suốt đêm qua và phải làm việc cả ngày hôm nay. Nhưng tôi quá phấn khích. Đầu óc mệt mỏi của tôi bận rộn suốt cả ngày với tất cả những thứ mới mẻ mà tôi cần nghĩ đến.

Có lẽ tôi nên viết ra đây một danh sách các cuốn sách mới của mình:

Các đạo luật được sửa đổi của Bắc Carolina: 1992

Làm mộc: Nghề và nghiệp

Cuốn theo chiều gió

Kính Thánh

Cẩm nang bảo trì và sửa chữa robot của Audel

Từ điển tiếng Anh

Những căn nguyên của sự tụt giảm dân số

Châu Âu thế kỉ 18 và 19

Cẩm nang duyên hải Carolina dành cho phượt thủ

Lược sử Hoa Kỳ

Nấu nướng trên bờ biển: Cùng mở tiệc nào!

Nghệ thuật khiêu vũ

Tôi đã đọc những cuốn sách lịch sử, hết cuốn này tới cuốn khác, và tra từ điển để tìm nghĩa của những từ mới. Sử dụng từ điển bây giờ thật dễ vì tôi đã thuộc bảng chữ cái.

Có nhiều điều tôi không hiểu trong những cuốn sách lịch sử, và tôi cảm thấy thật khó chấp nhận việc đã từng có nhiều người đến thế sống trên trái đất. Trong cuốn về lịch sử châu Âu có nhiều hình ảnh Paris, Berlin và Luân Đôn, kích thước của các tòa nhà và số lượng người trong đó thật đáng kinh ngạc.

Thỉnh thoảng Biff nhảy lên lòng tôi trong khi tôi đang đọc sách, và ngủ thiếp đi. Tôi thích như vậy.

NGÀY THỨ MỘT TRĂM BỐN MƯƠI CHÍN

Suốt mười ngày qua cứ hễ có thời gian là tôi lại đọc sách. Không ai làm phiền tôi cả, đám robot lính canh cũng không quan tâm, hoặc là chúng không được lập trình để ghi nhận hiện tượng lạ đó. Tôi thậm chí còn mang theo một cuốn sách trong giờ giao tiếp xã hội, và không ai nhận thấy tôi đọc nó trong lúc xem phim.

Chiếc áo tù màu xanh đã hơi bạc màu của tôi có mấy cái túi rộng, và tôi luôn bỏ trong đó những cuốn sách cỡ nhỏ. *Lược sử Hoa Kỳ* và *Những căn nguyên của sự tụt giảm dân số* đều nhỏ gọn

và vừa vặn. Tôi đọc chúng trong những quãng giải lao năm phút tại xưởng giày.

Đoạn đầu tiên của cuốn *Những căn nguyên của sự tụt giảm dân số* có một câu như thế này: “Trong ba mươi năm đầu của thế kỉ 21, dân số trái đất giảm một nửa, và tiếp tục giảm xuống kể từ đó”. Được đọc những thứ như thế này, những suy nghĩ về bản chất của cuộc sống con người nói chung và liên quan đến những thời kì đã xa, trong tôi trỗi dậy một niềm đam mê không thể giải thích.

Tôi không biết thế kỉ 21 cách đây đã bao lâu, mặc dù tôi biết nó bắt đầu muộn hơn thế kỉ 18 và 19 được mô tả trong cuốn sách lịch sử châu Âu. Tôi chưa bao giờ được dạy về các “thế kỉ” ở trường nội trú, và tôi chỉ biết định nghĩa của từ đó trong từ điển: Nó là khoảng thời gian một trăm năm - tức hai trăm *hoàng* - và được sử dụng như một đơn vị để phân chia lịch sử nhân loại.

Cẩm nang bảo trì và sửa chữa robot của Audel được in vào năm 2135, và nhờ đọc các cuốn sách lịch sử, tôi biết thời điểm đó rơi vào khoảng thế kỉ 22.

Kinh Thánh thì bắt đầu bằng câu: “Ban đầu, Đức Chúa Trời tạo ra trời và đất.” Không có dấu hiệu nào cho biết “sự khởi đầu” này thuộc thế kỉ nào, và cũng không có sự giải thích rõ ràng nào về “Đức Chúa Trời”. Tôi không rõ *Kinh Thánh* có phải là một cuốn sách lịch sử, thi ca, hay một thứ gì tương tự. Nó nhắc đến rất nhiều người kì lạ và gần như không có thật.

Các robot trong cuốn cẩm nang của Audel được thể hiện qua tranh vẽ và sơ đồ. Chúng đều là những loại đơn giản, được dùng vào những công việc cơ bản như cày bừa và lưu trữ.

Cuốn theo chiều gió thì giống với một số bộ phim tôi từng xem. Tôi nghĩ nó là một câu chuyện bịa đặt. Nó kể về những con người ngu ngốc sống trong các tòa nhà lớn, và về một cuộc chiến tranh. Tôi không chắc mình sẽ đọc hết vì nó rất dày.

Nhiều cuốn trong chỗ sách còn lại chẳng mang ý nghĩa gì đối với tôi. Tuy vậy, dường như chúng có một mẫu số chung nào đó rộng lớn hơn mà tôi chưa rõ.

Điều tôi thích nhất là cảm giác nhột nhạt ở những sợi tóc con sau gáy khi đọc một số câu. Và lạ một điều là, những câu đó thường không rõ nghĩa đối với tôi, hoặc khiến tôi cảm thấy buồn. Tôi vẫn còn nhớ một câu mà mình từng đọc lúc ở New York:

Đời tôi nhẹ tựa lông hồng

Đợi chờ cơn gió tử thần mang đi

Giờ tôi sẽ ngừng viết để đọc sách tiếp. Cuộc đời tôi thật kì lạ.

NGÀY THỨ MỘT TRĂM SÁU MƯƠI CHÍN

Tôi đọc liên tục và không dùng mê dược hoặc cần sa. Tôi đọc cho đến khi không thể thức thêm và ngã vật xuống giường, nằm đó với đầu óc quay cuồng toàn những khuôn mặt, những con người và ý tưởng từ đám đông trong quá khứ, tất cả làm tôi rối trí cho đến khi kiệt sức ngủ thiếp đi.

Và tôi đang học những từ vựng mới. Ba mươi đến bốn mươi từ mỗi ngày.

Rất lâu trước khi có robot và Quyền Riêng tư, nhân loại từng có một lịch sử đầy bạo lực và rất đáng kinh ngạc. Tôi gần như không biết phải nghĩ gì hay cảm thấy như thế nào về một số cái chết mà

mình đã đọc, cũng như về những biến cố lớn. Đã từng có Cách mạng Nga, Cách mạng Pháp, Đại hồng thủy, Thế chiến thứ ba, và Biến cố Denver. Hồi còn bé tôi từng được dạy rằng tất cả những gì diễn ra trước Kỉ nguyên thứ hai đều dữ dội và tàn phá nặng nề do thiếu sự tôn trọng các Quyền Cá nhân, nhưng không được giải thích sâu hơn. Chúng tôi cũng chưa từng quan tâm tới lịch sử, tất cả những gì chúng tôi biết, nếu có nghĩ tới, là đã từng có những người khác trước chúng tôi, và chúng tôi tốt hơn họ. Nhưng không ai được khuyến khích *nghĩ* về bất cứ gì khác ngoài bản thân. “Đừng hỏi, thư giãn đi.”

Tôi rất kinh ngạc khi hình dung ra con số những người đã từng gào thét và bỏ mình ngoài chiến trường chỉ để thỏa mãn những tham vọng của các hoàng đế hay tổng thống. Hoặc việc một nhóm người, chẳng hạn như ở Bắc Mỹ, vơ vét thâu tóm các nguồn dự trữ của cải và năng lượng to lớn từ những người khác.

Thế nhưng, bất chấp tất cả những điều này, dường như đã từng có những người đàn ông và phụ nữ tử tế. Và nhiều người trong số họ đã có một cuộc sống hạnh phúc.

NGÀY THỨ MỘT TRĂM BẢY MƯƠI HAI

Phần sau của cuốn *Kinh Thánh* kể về Jesus Christ. Một số câu trong đó đã được gạch chân bởi một người đọc trước tôi.

Jesus Christ chết một cách đau đớn khi vẫn còn trẻ, nhưng trước khi qua đời đã từng nói và làm nhiều việc đáng kinh ngạc, chẳng hạn như chữa khỏi cho nhiều người bệnh và nói năng khác thường với nhiều người khác. Một số câu nói được gạch chân giống với những gì tôi đã được dạy trong các lớp Hiếu đạo của

mình. Ví dụ như: “Nước Đức Chúa Trời ở trong các ngươi”, nghe giống như việc chúng tôi được dạy chỉ tìm kiếm sự thỏa mãn bên trong, thông qua ma túy và Quyền Riêng tư. Nhưng những câu nói khác của Jesus Christ lại rất khác. “Các ngươi phải yêu nhau” là một trong số đó. Một câu khác cũng rất mạnh mẽ: “Ta là đường đi, lẽ thật và sự sống.” Và đây là một ví dụ nữa: “Hỡi những kẻ đang nặng gánh, hãy đến cùng ta, ta sẽ cho các ngươi được nghỉ ngơi.”

Nếu có ai đó đến nói với tôi rằng “Ta là đường đi, lẽ thật và sự sống”, tôi sẽ muốn tin ông ta bằng tất cả sức mạnh mình có. Tôi muốn những thứ đó: Một con đường, sự thật, và cuộc sống.

Theo như tôi hiểu, Jesus Christ tuyên bố rằng mình là con của Đức Chúa Trời, đáng đã dựng nên trời và đất. Điều này làm tôi bối rối và khiến tôi có cảm giác Jesus không đáng tin. Thế nhưng, dường như anh ta biết những chuyện mà người khác không biết, và anh ta không vớ vẩn như những nhân vật trong *Cuốn theo chiều gió*, hoặc là một kẻ tham tàn như các tổng thống Hoa Kỳ.

Dù có là gì đi nữa, Jesus giống với một người được gọi là “vĩ nhân”. Tôi không chắc mình thích từ đó, nó khiến tôi cảm thấy không thoải mái. Các “vĩ nhân” thường có những kế hoạch rất đẫm máu dành cho nhân loại.

Tôi nghĩ việc viết lách của mình đang tiến bộ. Tôi biết thêm nhiều từ mới, và việc ghép câu trở nên dễ dàng hơn.

NGÀY THỨ MỘT TRĂM BẢY MƯƠI BẢY

Tôi đã đọc xong tất cả các cuốn sách, ngoại trừ *Cuốn theo chiều gió* và *Nghệ thuật khiêu vũ*, và tôi muốn có thêm nhiều

sách. Năm đêm vừa rồi, các cánh cửa lại không được khóa, và Belasco đã cùng tôi quay trở lại tòa nhà bị bịt ván để tìm kiếm, nhưng không bắt gặp cuốn sách nào khác.

Tôi phải đọc nữa! Khi nghĩ đến tất cả những cuốn sách nằm dưới tầng hầm của thư viện New York, tôi khao khát được quay trở lại đó.

Tại New York, tôi từng xem vài bộ phim kể về những vụ vượt ngục. Các trại tù trong phim sử dụng cai ngục là con người, và họ rất cảnh giác, trong khi ở đây chỉ có lũ robot cấp thấp.

Nhưng còn bộ vòng tay bằng kim loại không thể bị vô hiệu hóa lâu hơn nửa ngày mỗi lần. Và làm thế nào tôi tới được New York nếu trốn thoát thành công?

Trong cuốn *Cẩm nang phượt thủ*, có một cái bản đồ của thứ được gọi là Bờ biển phía Đông. Cả Bắc và Nam Carolina đều nằm trên bản đồ này, cùng với New York. Nếu đi men theo bờ biển, tôi sẽ tới được New York. Nhưng tôi hoàn toàn không biết nó xa cỡ nào.

Nấu nướng trên bờ biển hướng dẫn cách tìm những con nghêu và các thứ ăn được trên các bãi biển. Tôi có thể tự nuôi sống mình theo cách đó, nếu vượt ngục.

Tôi có thể chép lại nhật kí này, bằng nét chữ nhỏ hơn, trên những trang giấy mỏng tìm thấy trong cái thùng đựng sách, để mang theo người. Nhưng tôi không thể mang theo tất cả chỗ sách này.

Và không có cách nào tháo mấy cái vòng này ra. Trừ phi tôi có gì đó để cắt nó.

NGÀY THỨ MỘT TRĂM BẢY MƯƠI TÁM

Tại xưởng giày có một cỗ máy lớn dùng để cắt những tấm nhựa nguyên liệu. Nó có một lưỡi thép sáng loáng có thể cắt xuyên qua hai mươi tấm nhựa cứng một lúc. Có một robot đứng canh cái máy, và không một tù nhân nào được phép lại gần nó. Nhưng tôi để ý thấy có những lúc robot canh gác trông như đang ngủ. Có lẽ hẳn là một robot già cỗi chỉ được giao phận sự đứng bên cạnh cỗ máy mà thôi.

Nếu trong lúc hấn ngủ, tôi đi tới chỗ cái máy và đưa tay vào đúng vị trí, lưỡi dao sẽ có thể cắt đứt bộ vòng tay này.

Nếu tôi sơ suất, nó sẽ cắt lìa hai bàn tay tôi. Hoặc là nó không đủ mạnh để cắt đứt kim loại, bộ vòng sẽ bị cuốn theo nó và lôi hai cánh tay tôi ra khỏi khớp vai.

Viễn cảnh đó thật đáng sợ. Tôi sẽ không nghĩ đến nó nữa.

NGÀY THỨ MỘT TRĂM TÁM MƯƠI

Những căn nguyên của sự sụt giảm dân số hé lộ một điều thú vị về dân số toàn cầu:

Sự sụt giảm dân số của hành tinh đã được giải thích theo một số cách đa dạng và mâu thuẫn bởi nhân khẩu học hiện đại. Những lí giải thuyết phục nhất trong số này thường nhắc đến một hoặc nhiều yếu tố sau:

1. Nỗi sợ quá tải dân số
2. Sự hoàn thiện của các kĩ thuật triệt sản
3. Sự biến mất của khái niệm gia đình

4. Mỗi quan tâm ngày càng phổ biến dành cho những trải nghiệm “nội tâm”

5. Sự mất hứng thú đối với trẻ con

6. Sự phổ biến của mong muốn né tránh các trách nhiệm

Sau đó cuốn sách đã phân tích từng điểm một.

Nhưng nó không hề nhắc tới một khả năng rằng sẽ đến lúc chẳng còn đứa trẻ nào được sinh ra. Và điều đó, theo tôi nghĩ, chính là thứ mà thế giới này đang trải qua. Tôi không nghĩ trẻ em còn tồn tại trên đời.

Sau khi tất cả chúng tôi chết đi, loài người sẽ diệt vong. Tôi không rõ chuyện đó là tốt hay xấu.

Nhưng tôi nghĩ sẽ thật hay ho, nếu tôi được làm cha của một đứa trẻ, với Mary Lou là mẹ nó. Và tôi muốn sống cùng cô, tôi muốn chúng tôi trở thành một gia đình, bất chấp những nguy cơ lớn đối với Tính Cá nhân của tôi.

Tính Cá nhân của tôi để mà làm gì? Và nó có thực sự thiêng liêng không, hay tôi chỉ được dạy điều đó bởi vì những robot dạy tôi đã được lập trình bởi một ai đó, vào một thời điểm nào đó, để nói như vậy?

NGÀY THỨ MỘT TRĂM TÁM MƯƠI TƯ

Toàn bộ các cây Protein 4 đã được thu hoạch xong. Khi chúng tôi ra đồng làm việc, có hai cỗ máy đồ sộ màu vàng đã ở sẵn ngoài đó. Chúng di chuyển một cách ồn ào dọc theo những luống cây như những gã khổng lồ, làm tung lên các đám bụi, và xúc từ hai mươi đến ba mươi cái cây chín rộ cho vào những cái phễu, nơi

tôi đoán chúng sẽ được nghiền thành bột để tạo ra các thanh đậu nành và các mảnh protein tổng hợp.

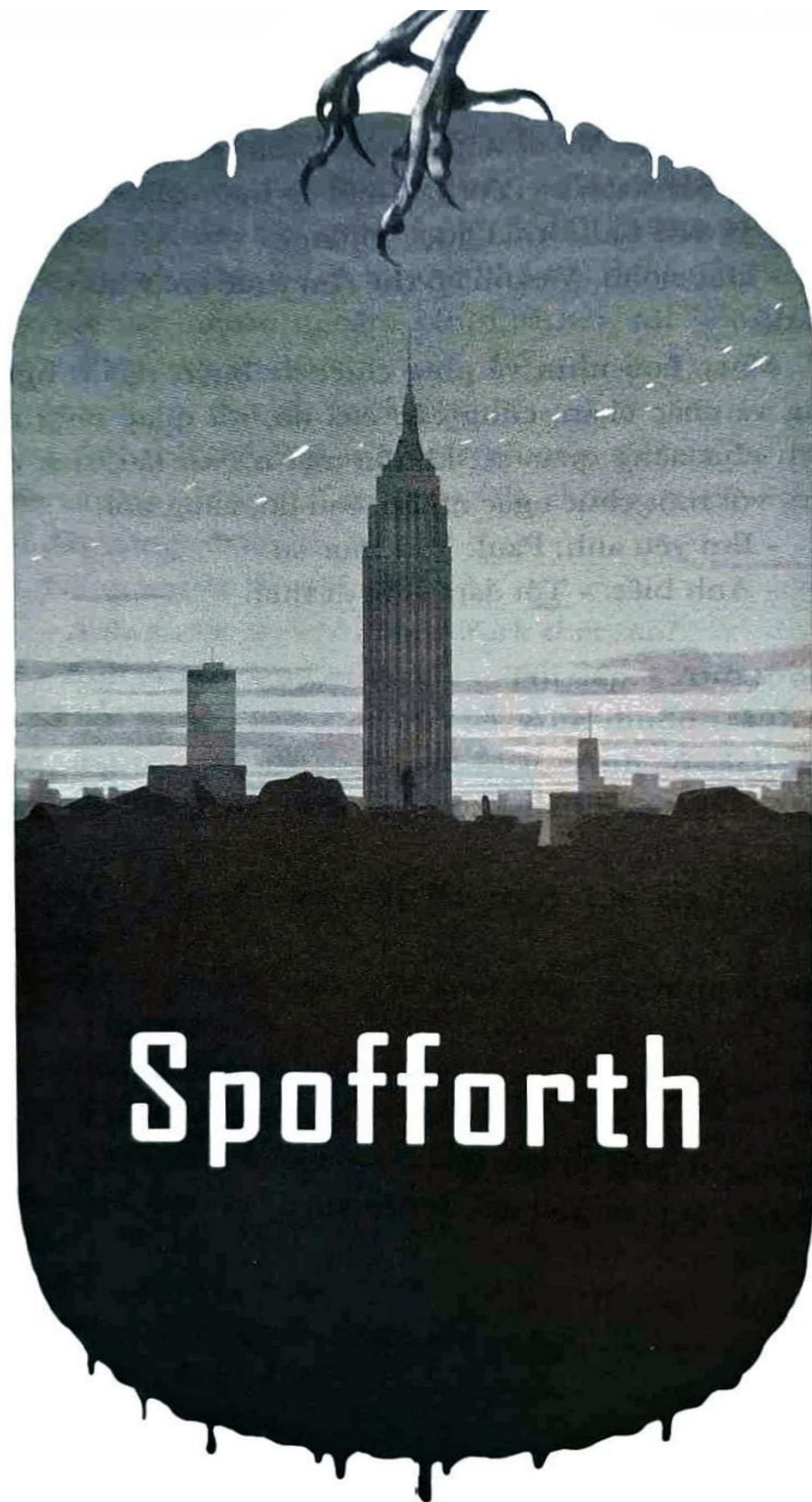
Chúng tôi giữ khoảng cách với cánh đồng vì cái mùi khó ngửi thậm chí còn tệ hơn bình thường, im lặng quan sát máy móc làm việc một lúc.

Cuối cùng cũng có người lên tiếng. Đó là Belasco, ông ta nói với giọng buồn bã:

- Lại xong một mùa vụ nữa.

Không ai nói gì nữa. Một mùa vụ nữa. Tôi quan sát xung quanh và phía sau, lần đầu tiên sau nhiều tuần tôi nhìn kỹ mọi thứ. Cây cối trên những ngọn đồi bên ngoài các tòa nhà tù đều đã rụng hết lá. Hơi lạnh phủ vào da thịt tôi. Tôi cảm thấy nhột nhạt, nghĩ đến cảm giác trên da gáy khi nhìn lên bầu trời xanh ngắt. Ở rìa những ngọn đồi, một đàn chim đang bay, chao liệng và quay đầu đồng loạt.

Khi đó tôi quyết định rằng mình phải thoát khỏi trại tù này.



Gương mặt cô không xinh đẹp, nhưng vẫn níu giữ ánh mắt của ông như mọi khi. Cô đang đứng trên lớp bùn ướt ở mép hồ, cao như ông, đôi bàn chân trắng nõn thậm chí không bị chìm vào trong đó, khuôn mặt cô hoang mang, hai cánh tay căng thẳng run lên nhẹ nhàng bên dưới lớp vải của chiếc đầm dài khi cô giơ vật đó về phía ông. Nó là cái gì thì ông không thể xác định được dù có cố gắng nhìn đến đâu, và dù hai người đứng cách nhau chỉ chừng một mét rưỡi. Ông cứ căng mắt nhìn, nhìn mãi thứ cô đang cầm, rồi buồn bã và thất vọng, ông nhìn xuống chân. Bùn đã ngập đến hai mắt cá chân trắng phau của ông, và ông không thể cử động. Cả cô cũng vậy, ông cảm thấy như thế. Ông lại ngược nhìn cô trong tư thế vẫn đang cầm vật không rõ là gì kia, để hỏi xem cô muốn đưa ông cái gì, nhưng ông không thể nói được. Ông sợ cuống lên. Và choàng tỉnh.

Trong thâm tâm, ông đã biết nó là một giấc mơ. Hình như ông luôn biết như vậy. Để rồi sau đó, khi ngồi trên mép giường nhỏ trong căn hộ của mình, ông nghĩ tới người phụ nữ trong giấc mơ, như mọi khi, trước khi nhớ tới cô gái tóc đen khoác áo choàng đỏ. Chưa bao giờ trong cuộc đời dài dằng dặc của mình ông mơ về cô, mà luôn là người phụ nữ trong bộ váy dài kia - giấc mơ mà ông vô tình thừa hưởng từ một cuộc đời mình chưa từng sống và gần như không hề biết đến.

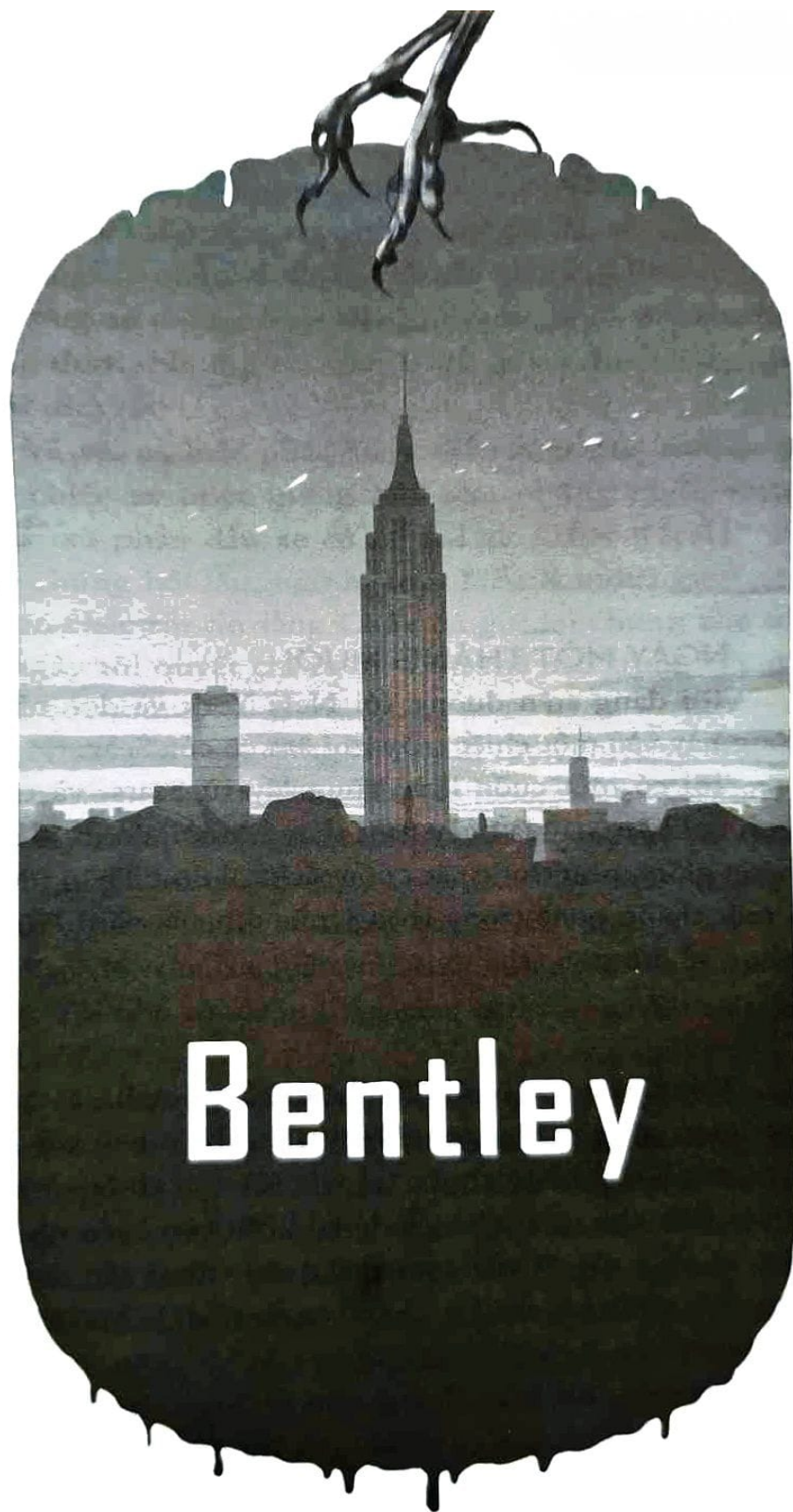
Ông đã gặp một vài người phụ nữ có nét giống cô ấy. Mary Borne là một trong số đó, với đôi mắt sáng cương nghị và dáng đứng vững chãi trông cô mạnh mẽ, tự chủ hơn nhiều so với cô gái trong mơ kia.

Suốt bao nhiêu năm trời ông luôn cảm thấy nếu mình tìm được một phụ nữ giống cô, và sống cùng người đó, thì ông sẽ có thể tìm

ra chiếc chìa khóa mở vào cuộc đời mà cái ý thức ông đang mang đã từng sống - cuộc sống của người đã được sao chép để tạo ra bộ não của ông. Và giờ thì ông đang làm điều đó. Nhưng ông không tìm thấy chiếc chìa khóa nào.

Giấc mơ mà cứ chừng chục ngày lại xuất hiện ấy luôn làm ông khó chịu, ông chưa bao giờ thực sự quen với nỗi sợ mà mình cảm thấy, nhưng ông đã chấp nhận nó như một phần cuộc đời mình. Đôi khi ông cũng có những giấc mơ khác, với chủ đề liên quan tới kí ức của chính ông. Và những giấc mơ có chủ đề không quen thuộc đối với ông - chẳng hạn như liên quan tới việc bắt cá, hoặc một cây đàn piano đứng ọp ẹp.

Ông đứng lên khỏi giường và nặng nề bước tới cửa sổ, nhìn mặt trời đang ló dạng. Phía đằng xa, nổi bật trên nền trời rạng đông nhạt nhòa, cao hơn bất cứ thứ gì khác, là tòa nhà Empire State, tấm bia mộ cao chót vót của thành phố New York.



Tôi không gặp khó khăn gì trong việc tìm buồng giam của Belasco. Từng thấy ông ta đi vào trong đó tìm Biff, tôi tìm thấy nó một cách dễ dàng. Tôi đẩy cửa bước vào. Belasco đang nằm trên giường, vuốt ve một con mèo vàng. Ti vi của ông không được bật. Ba con mèo khác đang cuộn mình ngủ trong một góc. Một bức tường được bao phủ bởi những tấm ảnh chụp phụ nữ khỏa thân, còn trên những bức tường khác là tranh vẽ cây cối, đồng ruộng và đại dương.

Có một chiếc ghế bành bọc vải màu xanh lá cây nhạt và một chiếc đèn sàn, cả hai đều được lén lút mang vào đây. Nếu Belasco biết đọc sách thì ông ta được trang bị tốt hơn tôi.

Tôi không ngồi xuống. Tôi đang rất căng thẳng. Belasco ngược nhìn tôi. Ông ta tỏ ra ngạc nhiên.

- Cậu đang làm gì bên ngoài phòng giam của mình vậy, Bentley? - Ông ta hỏi.

- Các cánh cửa lại bị quên đóng. - Tôi đáp, bỏ qua Phép Lịch sự Bắt buộc và nhìn thẳng vào ông ta. - Tôi muốn gặp anh.

Belasco ngồi dậy và nhẹ nhàng đặt con mèo xuống đất. Con vật vươn vai rồi nhập bọn cùng những con khác trong góc phòng.

- Trông cậu có vẻ lo lắng. - Belasco nói.

Tôi vẫn đang nhìn chăm chăm ông ta:

- Tôi sợ hãi thì đúng hơn. Tôi đã quyết định bỏ trốn.

Belasco nhìn tôi, hình như định nói điều gì đó, nhưng rồi đổi ý. Cuối cùng ông ta hỏi tôi:

- Bằng cách nào?

- Cái máy cắt trong xưởng giày đó. Tôi nghĩ nó có thể cắt đứt mấy cái này. - Tôi chìa bộ vòng tay ra.

Belasco lắc đầu, bật ra một tiếng huýt sáo khe khẽ:

- Chúa ơi! Nếu cậu sơ suất thì sao?

- Tôi phải rời khỏi nơi này. Anh có muốn đi cùng tôi hay không?

Belasco ngược lên nhìn tôi một lúc lâu. Sau đó ông đáp:

- Không.

Ông ngồi thẳng người hơn nữa trên giường.

- Được ở ngoài kia chẳng có ý nghĩa gì mấy đối với tôi. Không còn ý nghĩa nữa. Với lại tôi cũng không đủ can đảm để cho tay mình vào cái máy đó. - Belasco bắt đầu lục lọi trong túi áo để tìm một điều cần. - Cậu có chắc mình sẽ thành công không?

Tôi thở hắt ra, nhưng không thở dài, rồi ngồi xuống chiếc ghế, mắt nhìn bộ vòng ở cổ tay. Giờ đây chúng đã lỏng hơn đôi chút so với lúc đầu. Tôi đã gầy đi và khỏe hơn nhờ làm việc ngoài đồng.

- Tôi không biết. - Tôi đáp. - Tôi không thể biết được nếu chưa thử.

Belasco châm điều cần và gật gù.

- Nếu thoát ra ngoài được, cậu lấy gì mà ăn? Nơi này cách xa cuộc sống văn minh.

- Tôi có thể mò nghêu trên bờ biển. Và có lẽ những cánh đồng sẽ cho tôi thứ gì đó để ăn...

- Thôi nào, Bentley. Cậu không thể sống như thế được đâu. Nếu không tìm được con nghêu nào thì sao? Bây giờ đang là mùa

Đông nữa. Tốt hơn cậu nên chờ đến mùa Xuân.

Tôi nhìn ông ta. Điều ông ta nói cũng có lí. Nhưng tôi cũng biết là mình không thể đợi đến mùa Xuân.

- Không. - Tôi đáp. - Tôi sẽ đi vào ngày mai.

Belasco lắc đầu.

- Thôi đành vậy.

Nói đoạn ông đứng dậy, cúi xuống, vén tấm vải giường lên rồi thò tay vào bên dưới. Trong đó có mấy hộp bánh qui và bánh mì, có cả thanh đậu nành, tất cả đều được bọc màng nhựa.

- Hãy lấy những gì cậu có thể mang theo.

- Tôi không muốn...

- Lấy đi. - Ông nói. - Tôi kiếm thêm được mà. Cậu sẽ cần một thứ gì đó để đựng chúng.

Sau khi ngẫm nghĩ một lúc, Belasco bước ra cửa và gọi to:

- Larsen! Sang đây!

Chỉ vài giây sau, một người thấp lùn mà tôi từng gặp ngoài đồng đi tới.

- Larsen! - Belasco nói với anh ta. - Tôi cần một chiếc ba lô.

Larsen nhìn ông ta trong giây lát:

- Cái đó mất nhiều công sức lắm. Phải khâu này. Rồi phải kiếm vải, kiếm ống làm khung...

- Cậu đã có một cái trong phòng cậu, cái mà cậu may từ một chiếc quần ấy. Tôi đã thấy nó hôm chúng ta chơi poker, khi tất cả robot đều bị trục trặc ấy.

- Khỉ gió! - Larsen nói. - Tôi không thể cho ông cái đó. Tôi cần nó cho cuộc đào thoát.

- Vớ vẩn! - Belasco đáp trả. - Cậu sẽ chẳng đi đâu cả. Ván poker đó cách đây đã ba bốn *hoàng* rồi. Với lại, cậu nghĩ mình sẽ tháo vòng tay bằng cách nào? Bằng răng à?

- Tôi có thể dùng một cái giũa.

- Vớ vẩn nốt! Chúng nó có thể ngu ngốc khi quản lí trại tù này, nhưng không ngu đến thế. Chẳng có dụng cụ nào đủ cứng để cắt được mấy cái vòng này, cậu thừa biết rồi.

- Vậy thì ông sẽ thoát ra bằng cách nào?

- Không phải tôi. Là anh Bentley đây. - Belasco đặt một bàn tay lên vai tôi. - Anh ta sẽ dùng cái máy cắt trong xưởng giày.

Larsen trở mắt nhìn tôi.

- Đó là một việc cực kì ngu xuẩn.

- Không phải việc của cậu, Larsen. Cậu có thể nhường cái ba lô cho Bentley được không?

Larsen ngẫm nghĩ trong giây lát rồi nói:

- Đổi lại tôi được nhận gì?

- Hai bức tranh trên tường kia. Bất kì bức nào.

Larsen nheo mắt nhìn Belasco.

- Và một con mèo nhé?

Belasco nhúm mày.

- Mẹ kiếp...Thôi được. Con đen vậy.

- Con vàng cơ. - Larsen nói.

Belasco mệt mỏi lắc đầu, rồi thở hắt ra.

- Đi lấy cái ba lô đi. - Ông nói.

Sau khi Larsen đi lấy ba lô, Belasco nhét đầy đồ ăn vào trong đó cho tôi, và chỉ tôi cách mang Biff theo trong đó nếu cần.

* * *

Không uống mê dược, tôi mất ngủ cả đêm. Tôi không muốn chịu tác dụng phụ sau đó của thuốc khi đi đến xưởng giày vào buổi sáng. Tôi trăn trở với những suy nghĩ về kế hoạch của mình, sợ hãi không chỉ trước viễn cảnh bị thương nặng bởi lưỡi dao, mà cả chuyện phải đối mặt với điều kiện sống bấp bênh giữa mùa Đông, chẳng biết gì về những nơi tôi sẽ phải đi qua, cũng như không được trang bị gì ngoài một cuốn sách mỏng về những chuyến dã ngoại trên bờ biển. Chẳng có gì trong chương trình đào tạo ngu xuẩn của tôi giúp tôi chuẩn bị cho điều mình sắp làm.

Một giọng nói bên trong bảo tôi hãy đợi. Đợi đến mùa Xuân, đợi cho đến khi được người ta thông báo rằng tôi đã mãn hạn tù. Cuộc sống trong tù không tồi tệ hơn cuộc sống trong trường nội trú Người Nghỉ, và nếu tôi học được cách thích nghi như Belasco, tôi có thể tạo ra một cuộc sống dễ chịu cho mình. Thật ra ở đây gần như không có kỷ luật gì, và khi đã học được cách để tránh bị đám robot lính canh đánh đập, tôi chỉ cần để mắt đến chúng là đủ. Rõ ràng kể từ thời điểm hệ thống vòng đeo tay bằng kim loại được phát minh, việc cai quản nhà tù, như dự kiến, đã ngày càng trở nên cầu thả. Cỏ và ma túy đầy rẫy, chưa kể tôi cũng đã quen với

thức ăn lẫn công việc. Ngoài ra tôi còn có ti vi, và Biff, con mèo của tôi.

Nhưng cũng có một giọng nói khác. Một giọng nói uy nghiêm hơn bảo tôi: “Anh phải rời khỏi nơi này.” Và tôi nhận ra, với một chút kinh hãi, rằng đó là giọng nói mà tôi sẽ nghe theo.

Chương trình đào tạo cũ của tôi bảo “Nếu nghi ngờ, hãy quên nó đi”. Nhưng tôi gạt phắt, bởi vì đó là lời khuyên *tôi*. Nếu muốn tiếp tục sống một cuộc đời đáng sống, tôi phải ra khỏi đây.

Mỗi khi tôi hình dung ra lưỡi dao to tướng đó, hay những bãi biển lạnh lẽo và trống trải, tôi lại nghĩ đến cảnh Mary Lou ném hòn đá vào chuồng trăn. Nó đã giúp các đêm cô đơn trong buồng giam của tôi trở nên dễ chịu hơn.

Sáng ra, tôi khoác ba lô lên vai và đi ăn sáng. Tôi đeo nó khi ăn các mảnh protein tổng hợp và bánh mì nâu. Không có một con robot nào tỏ ra để ý đến trang phục của tôi.

Khi ăn xong, tôi nhìn lên và thấy Belasco đi tới chiếc bàn nhỏ nơi tôi đang ngồi. Chúng tôi không được phép nói chuyện trong bữa ăn, nhưng ông vẫn nói với tôi:

- Bentley, cậu hãy ăn cái này trên đường ra xưởng.

Belasco đưa cho tôi miếng bánh mì của mình, nó lớn hơn nhiều so với miếng tôi đã được nhận. Một lính canh quát to từ phía bên kia phòng:

- Vi phạm Quyền Riêng tư.

Nhưng tôi phớt lờ nó.

- Cảm ơn anh. Tôi nói, rồi chìa bàn tay ra, giống như người ta hay làm trong các bộ phim. - Tạm biệt, Belasco.

Ông hiểu cử chỉ đó và bắt tay tôi thật chặt, nhìn thẳng vào mắt tôi:

- Tạm biệt, Bentley. Tôi tin cậu đang làm điều đúng đắn.

Tôi gật đầu, bắt tay ông, rồi quay gót bỏ đi.

Khi tôi theo chân những người làm cùng ca đi qua ngưỡng cửa, lưỡi dao đã bắt đầu hoạt động. Tôi dừng lại, để cho những người khác vượt qua mình, và quan sát nó trong khoảng một phút. Nó trông thật đáng sợ. Chỉ nhìn thôi mà bụng tôi đã thắt lại và hai tay bắt đầu run lên.

Lưỡi dao dài cỡ một cái chân người lớn, và có bản rộng hơn một chút. Nó được làm bằng thép cứng, màu xám bạc, phần lưỡi cong sắc bén đến nỗi gần như không phát ra âm thanh khi mà nó, tựa như một chiếc máy chém, cắt qua hai mươi tấm nhựa nguyên liệu dày cộp. Những tấm nhựa này được một băng chuyền đưa đến máy cắt và được giữ đúng vị trí trên bàn cắt bằng một bộ cánh tay kim loại. Chúng giữ xấp vật liệu bên dưới, sau đó lưỡi dao rơi xuống từ độ cao khoảng một mét rưỡi, cắt ngọt qua cả xấp, rồi lại nâng lên. Tôi có thể thấy ánh thép sáng loáng của lưỡi dao khi nó ở điểm cao nhất, và nghĩ đến điều sẽ xảy ra nếu nó phạm vào cổ tay mình. Làm sao tôi biết cần đặt tay vào vị trí nào? Và ngay cả khi tôi thành công với một cánh tay, thì vẫn còn cánh tay kia. Chuyện này là không thể. Tôi đứng đó, cảm thấy cảnh tượng bao trùm lên mình như một làn sóng: *Tôi sẽ chảy máu đến chết. Máu sẽ phun ra thành dòng từ cổ tay bị đứt lìa của tôi...*

Tôi nói thật to:

- Thì sao nào? Tôi không còn gì để mất nữa.

Tôi lách qua những người đàn ông đang đứng vào vị trí của mình dọc theo dây chuyền lắp ráp và đi về phía chiếc máy. Robot duy nhất trong xưởng đang đứng trước máy, với đôi tay khoanh lại trên bộ ngực đồ sộ và đôi mắt vô hồn. Tôi đi ngang qua hắn. Hắn hướng mắt theo tôi, nhưng không có phản ứng nào khác, và hoàn toàn im lặng.

Lưỡi dao loang loáng hạ xuống với tốc độ kinh hoàng. Tôi đứng nguyên tại chỗ nhìn nó, người đờ ra. Lần này, tôi nghe được tiếng rít nhẹ do lưỡi cắt của nó tạo ra. Tôi đút hai tay vào túi để giữ cho chúng khỏi run.

Tôi nhìn xuống băng chuyền, nơi những bàn tay tự động đang đẩy các tấm vật liệu đã cắt vào một miệng phễu để được cắt tiếp sau đó. Tiếp theo, tôi nhìn thấy thứ khiến tim tôi càng đập nhanh hơn nữa: Trên bàn cắt, nơi tiếp xúc với lưỡi dao suốt bao nhiêu thời gian qua, có một đường rãnh rất mỏng. Nhờ vậy, tôi biết chính xác nơi lưỡi dao rơi xuống.

Sau đó tôi biết mình sẽ tiến hành như thế nào. Và không dừng lại để suy nghĩ, không cho phép mình nghĩ về điều đó để sợ hãi thêm, tôi bước tới trước.

Tôi chờ cho một xấp nhựa được cắt xong, và trước khi những bàn tay kim loại có thời gian đẩy nó ra khỏi bàn cắt, tôi nắm lấy vài tấm, cẩn thận giữ cho các cạnh vừa cắt của chúng thẳng hàng. Bàn tay kim loại gạt phần còn lại ra, và một xấp nhựa mới được đặt vào vị trí. Còn một chút thời gian trước khi lưỡi dao rơi xuống. Không cho phép mình ngẩng đầu lên hay nghĩ về lưỡi dao, tôi đẩy xấp nhựa xuống đất.

Ngay lập tức, trong góc mắt, tôi thấy robot cử động. Hẳn duỗi tay. Tôi mặc kệ và kê các tấm nhựa đang nằm sao cho các cạnh mới cắt của chúng khớp chính xác với rãnh nhỏ trên bàn. Sau đó, tôi lấy ra đoạn dây thép tự chế từ trước, luồn nó qua chiếc vòng ở cổ tay trái và co tay lại thành nắm đấm. Khi đó tôi mới ngẩng đầu lên. Lưỡi dao treo lơ lửng phía trên đầu tôi, bất động. Nhìn từ chỗ tôi đứng, lưỡi cắt của nó mỏng như một sợi tóc, bên dưới bản kim loại dày và nặng.

Tôi cố gắng không run rẩy, và không nghĩ ngợi. Nhanh nhất có thể, tôi đặt nắm tay lên bàn cắt, cách cái rãnh khoảng hai centimet, và tì tay phải vào xấp nhựa mới cắt làm điểm tựa rồi dùng móc tự chế kéo chiếc vòng ra. Tôi cố gắng tạo ra một khoảng cách vài milimet giữa chiếc vòng đeo tay và phần da của cổ tay mình. Tôi đưa đầu ra phía sau, tránh xa lưỡi dao. Cơ thể tôi dường như đã hóa đá.

Ngay lúc đó người máy hét vào tai tôi:

- Vi phạm! Vi phạm!

Nhưng tôi không nhúc nhích.

Và lưỡi dao lướt qua mặt tôi, lao xuống như một thiên thần hủy diệt, một viên đạn. Tôi hét lên đau đớn.

Mắt tôi đã nhắm lại trước đó. Tôi bắt chúng mở ra. Không có máu! Và một mảnh của chiếc vòng bị đứt lìa nằm đó, trên băng chuyền, trước mắt tôi. Các cánh tay tự động nhanh chóng gạt nó vào thùng rác. Con robot vẫn đang la hét. Tôi chỉ nhìn nó và bảo:

- Biến đi, robot!

Nó trố mắt, không di chuyển, hai cánh tay buông thõng bên sườn.

Tôi nhìn xuống cổ tay trái của mình. Chiếc vòng sau khi bị cắt đứt đã quặp vào trong thịt. Dùng tay phải, tôi gỡ cho nó lỏng ra, phớt lờ con robot đang đứng nhìn, và co duỗi thử cổ tay trái. Tôi cảm thấy đau, nhưng không có gì bị gãy. Sau đó, tôi luồn một cạnh khuyết của chiếc vòng vào bên dưới mép của bàn cắt, tránh xa lưỡi dao, và nhờ cái móc tự chế, tôi banh cạnh kia ra, từ từ kéo giãn chiếc vòng cho đến khi có thể rút tay trái ra khỏi nó. Trong lúc tôi đang làm điều đó, lưỡi dao rơi phập xuống một lần nữa, cách tôi chừng một gang tay.

Tôi hít một hơi rồi luồn cái móc tự chế vào chiếc vòng bên tay phải.

Tôi đợi cho đến khi một xấp vật liệu khác xuất hiện và được cắt, để giữ lấy vài tấm như ban nãy. Khi tôi vươn tay phải ra và đặt lên bàn cắt, tôi cảm thấy có một bàn tay ghì chặt cánh tay mình với một sức mạnh ghê gớm. Đó là con robot.

Ngay lập tức, không buồn suy nghĩ, tôi cúi đầu húc mạnh vào ngực hấn, nới lỏng lực nắm của hấn và đẩy hấn lùi về phía băng chuyển. Robot gập người tới trước. Tôi lùi lại, co chân đạp vào bụng hấn. Dùng đôi ủng tù nhân nặng nề của mình, tôi đạp thật mạnh, với tất cả chỗ sức lực mà một mùa lao động trên cánh đồng trồng Protein 4 đã mang lại. Robot không phát ra âm thanh nào, nhưng ngã uỳnh xuống sàn. Ngay lập tức hấn cố gắng gượng dậy.

Tôi quay lưng lại với hấn và ngược mắt nhìn lên. Lưỡi dao vừa quay trở lại vị trí chờ trên cao của nó. Sau lưng tôi, tôi nghe thấy

những giọng nói đàn ông xôn xao, và robot hét toáng lên:

- Vi phạm! Vi phạm!

Không nhìn đi chỗ khác, tôi giữ cố định cổ tay phải dưới lưỡi dao cắt, lùi đầu ra sau, cố gắng không nghĩ điều gì sẽ xảy ra nếu robot đến gần và giật cánh tay tôi ngay khi lưỡi dao bổ xuống.

Sự chờ đợi dường như kéo dài vô tận.

Và rồi chuyện đó xảy ra. Một tia sáng phản chiếu từ lưỡi thép cứng, kèm theo luồng gió đột ngột. Và cơn đau. Ngay trước khi tôi hét lên một lần nữa, tôi nghe thấy một âm thanh giống như tiếng cành cây gãy.

Tôi mở mắt và nhìn xuống. Chiếc vòng tay đã bị cắt, nhưng bàn tay tôi bị bẻ quặt lại một cách kì dị và tôi hiểu ngay chuyện gì đã xảy ra. Cổ tay của tôi đã bị gãy.

Tuy nhiên, khi nhận ra điều đó, tôi không thấy đau đớn nữa. Tại tôi ù đi, và tôi vẫn nhớ cảm giác đau khi bị va chạm. Nhưng bây giờ cơn đau đã trôi qua. Đầu óc tôi lại minh mẫn như đã từng.

Rồi tôi nghĩ đến con robot và nhìn sang nơi tôi đã tấn công hẳn.

Hắn vẫn đang nằm trên sàn. Larsen và ông già hói đang ngồi trên người hắn, còn Belasco thì giẫm lên tay hắn, một tay cầm chiếc cờ lê, tay kia bế con mèo Biff của tôi.

Tôi trở mắt nhìn.

- Đây này. - Belasco nói, miệng cười toe toét. - Cậu quên con mèo của mình.

Nhờ cái móc, tôi gỡ chiếc vòng gãy ra và bỏ nó vào túi. Sau đó tôi tiến đến bên cạnh Belasco và đỡ lấy Biff.

- Cậu có biết làm túi treo tay không? - Belasco nói.

Sau khi tôi đỡ lấy Biff, ông bắt đầu cởi áo sơ mi, chuyển cờ lê từ tay nọ sang tay kia và không rời mắt khỏi con robot lúc này đã bất động.

- Túi treo tay á? - Tôi hỏi lại.

- Chờ đó.

Belasco đã cởi xong chiếc áo sơ mi ra và bắt đầu xé nó ra làm đôi. Tiếp đó ông buộc phần ống tay vào đuôi áo bằng một nút thắt rồi tròng nó qua cổ tôi, ngay phía trên quai ba lô, trước khi chỉ cho tôi cách luồn cánh tay phải vào phần vải rộng của chiếc áo.

- Sau khi đi được một đoạn tương đối xa, hãy nhúng cổ tay của mình vào nước biển. Thỉnh thoảng lặp lại chuyện đó. - Ông nắm chặt vai tôi. - Cậu là một tên khốn can đảm.

- Cảm ơn anh! - Tôi nói. - Cảm ơn anh nhiều lắm.

- Chuẩn mau đi, Bentley. - Belasco nói.

Và tôi làm theo lời ông.

* * *

Sau khi tôi bỏ chạy và đi bộ nhiều dặm về phía Bắc, với đại dương nằm bên phải mình, cơn đau bắt đầu trở nên dữ dội nơi cổ tay khiến tôi phải dừng lại và thả Biff xuống. Con mèo quắp chặt lấy tôi, cào cào mấy cái và kêu toáng lên, rồi cuộc cũng bình tĩnh lại. Khi tôi nằm xuống bên cạnh mép nước, ngửa mặt lên trời, với lồng ngực phập phồng đau đớn vì phải chạy bộ và những chuyện

khác, tôi để cổ tay đau nằm trên cát, chìm trong làn nước biển mùa Đông lạnh lẽo. Một con sóng nhỏ chồm lên, vỗ vào sườn tôi. Biff bắt đầu cầu nhàu bằng những tiếng kêu meo meo. Tôi không nói, cũng chẳng làm gì, chỉ nằm đó trong lúc thủy triều tiến đến gần hơn vỗ làn nước lạnh giá vào da thịt, khiến tôi phải nhồm dậy để tránh ra xa. Tôi vẫn còn đau, dù nước lạnh giúp xoa dịu một phần. Và tôi vẫn còn chưa hết sợ hãi vì hành trình phía trước. Nhưng bất chấp điều đó, trong tim tôi rộn lên niềm vui. Tôi là một người tự do.

Lần đầu tiên trong cả cuộc đời mình, tôi là một người tự do.

Tiến đến sát mép nước, dùng tay trái tôi vốc một chút nước đưa lên miệng uống. Cổ họng tôi thắt lại khi tiếp xúc với nước biển, tôi ho sặc sụa và nhổ ra. Tôi không biết nước biển không uống được. Chưa từng có ai cảnh báo tôi.

Có gì đó trong lòng tôi đột nhiên buông xuôi. Tôi ngã vật xuống cát, nằm đó trong sự đau đớn và cơn khát cháy cổ, bật khóc. Chuyện này thật quá sức. Tất cả chuyện này thật quá sức chịu đựng của tôi.

Tôi nằm trên cát ướt trong khi gió lạnh ập vào người, toàn bộ cánh tay phải của tôi nhức nhối, cổ họng thì rất buốt vì nước biển, không biết phải tìm nước uống ở đâu. Tôi thậm chí không biết phải bắt đầu từ đâu để tìm nước, phải làm thế nào để tìm nghêu hay bất cứ thức ăn nào khác, sau khi chỗ lương thực dự trữ trong ba lô đã hết.

Bỗng tôi bật dậy. Tôi có thứ để uống mà. Belasco đã cho tôi ba lon nước protein.

Tôi tháo ba lô ra, mở cái nút Larsen khâu cẩn thận trên nắp, tìm thấy một lon nước. Tôi cẩn thận khai nó, uống vài ngụm, chia cho Biff một chút, rồi dùng khăn tay nút cái lỗ lại. Tôi thấy khá hơn một chút. Tôi đã có đủ thức uống cho vài ngày, nhưng vẫn phải đi tìm nước. Tôi đứng dậy và bắt đầu đi bộ lên phía Bắc, với con Biff lẻo đẻo bên cạnh, lúc dẫn trước, lúc tụt lại sau. Bãi cát cho phép tôi bước đi dễ dàng và tôi đi khá nhanh, cánh tay lạnh lặn vung vẩy đều đặn bên sườn.

Ít lâu sau, mặt trời ló ra khỏi màn mây. Lũ chim choắt xuất hiện trên bãi cát và những con mòng biển bắt đầu bay lượn trên đầu. Mùi biển thanh khiết ngập tràn không khí. Cánh tay tôi không được thoải mái cho lắm trong cái túi treo tay tự chế, và mặc dù nó đau khủng khiếp mỗi khi tôi cho phép mình nghĩ đến, tôi biết mình có thể chịu đựng được. Tôi từng cảm thấy tồi tệ hơn nhiều trong những ngày đầu ở tù, thế mà vẫn sống sót được và trở nên mạnh mẽ hơn. Tôi sẽ vượt qua được chuyện này.

Tối đến, tôi chọn chỗ ngủ trên cát cạnh một khúc cây bị chôn vùi một nửa, nơi cỏ bắt đầu mọc. Tôi nhóm một đống lửa với vài que củi nhặt được và chiếc bật lửa của nhà tù, bắt chước theo cách mà tôi đã thấy Belasco làm vào cái lần tưởng như cách nay đã lâu lắm rồi. Tôi ngồi bên đống lửa, tựa người vào khúc cây và ôm Biff trong lòng, dưới bầu trời đang sẫm tối và những ngôi sao dần xuất hiện, rất sáng, trên đầu chúng tôi. Sau đó tôi mặc nguyên bộ quần áo tù nằm xuống cát, đắp chiếc áo khoác lên người, và ngủ thiếp đi.

Tôi choàng tỉnh khi bình minh ló dạng. Đống lửa đã tắt. Người tôi lạnh cóng trong khi cổ tay phải nhức nhối dữ dội. Cổ tay còn lại cũng đau và cứng tại nơi chiếc vòng từng quặp vào. Nhưng tôi

đã được nghỉ ngơi nhờ giấc ngủ dài bất chấp cơn đau trong cơ thể. Và tôi không lo lắng.

Biff cuộn mình rúc vào tôi. Nó cũng vừa thức giấc theo tôi.

Tôi đã tìm được nghêu cho bữa sáng! Tôi không có cái cào như hình mô tả trong sách, nhưng tôi dùng một cái que dài và dò tìm những bọt khí trong cát ướt, nơi lũ nghêu ló lên. Tôi bắt hụt bảy, tám lần rồi mới học được cách ra tay đủ nhanh để hất một con nghêu lên khỏi mặt cát trước khi nó kịp rúc xuống sâu hơn. Tôi bắt được bốn con - toàn những con to.

Thoạt đầu việc mở chúng dường như là điều không thể. Tôi lấy cuốn sách *Nấu nướng trên bờ biển: Cùng mở tiệc nào!* ra khỏi túi và đọc hướng dẫn, nhưng cũng không ích gì. Họ sử dụng một con dao đặc biệt để “lôi anh bạn nhỏ ra khỏi chỗ nấp”, theo cách dùng từ của cuốn sách. Nhưng tôi làm gì có dao! Trong túi không có dao. Thế rồi tôi nghĩ tới một thứ. Tôi đã bỏ hai mảnh của cái vòng tay vào trong túi trước khi trốn thoát. Tôi thò tay vào lôi ra mảnh to hơn. Dưới ánh mắt hồ hững của Biff, tôi dùng cạnh nhọn được cắt bởi lưỡi dao thép cạy mở thành công con nghêu đầu tiên. Việc đó khá mất thời gian và tôi suýt cắt vào tay mấy lần, nhưng tôi đã làm được.

Tôi ăn sống con nghêu. Trước đây tôi chưa từng nếm thử thứ gì giống như vậy. Nó khá ngon lành. Nó vừa là thức ăn, cũng vừa là thức uống, vì trong vỏ nghêu có chút chất lỏng uống được.

Ngày hôm đó tôi đi nhiều dặm lên phía Bắc, vẫn còn một chút cảnh giác trước khả năng bị truy đuổi. Nhưng tôi chẳng nhìn thấy hay nghe thấy dấu hiệu bị theo dõi. Tôi cũng không thấy dấu vết của người dân. Thời tiết khá lạnh, vào buổi chiều còn có ít tuyết

rơi, nhưng nhờ bộ quần áo tù đủ ấm áp, tôi không bị thời tiết làm phiền quá mức. Tôi tìm được thêm nhiều con nghêu khác cho bữa trưa và ăn chúng cùng với một nửa thanh đậu nành, rồi uống một chút nước protein. Biff thích ứng dễ dàng với việc ăn nghêu. Nó ngoạm và lôi phần thịt nghêu ra khỏi mảnh vỏ một cách nhiệt tình. Chẳng mấy chốc tôi đã trở nên thành thục chuyện bắt và mở nghêu.

Thỉnh thoảng tôi đi sâu vào trong đất liền tìm một khu vực cao và quan sát xung quanh xem có nguồn nước nào không - một cái hồ, một dòng sông, hoặc một kênh dẫn nước - nhưng không tìm thấy gì. Tôi biết rồi sẽ phải cần nhiều thứ hơn những con nghêu và nước protein.

Bao nhiêu ngày cứ thế trôi qua, tôi đã không còn đếm nổi nữa. Cổ tay tôi đỡ dần, và một đêm nọ, bên đống lửa, tôi đã làm một thử nghiệm thành công, nhờ đó tôi cảm thấy vững tin hơn về tương lai. Một tảng băng tuyết khá lớn tình cờ bị kẹt lại trong một mỏm đá cách bãi biển không xa. Trong ba lô còn giữ cái bát sắt của nhà tù tôi đã đem theo để nấu nướng. Tôi cầm nó tới chỗ tảng băng, và nhờ mảnh vòng gậy, tôi cạy được một chút băng cho vào trong bát. Sau đó tôi nhóm đống lửa nhỏ, để cho nó cháy hết trước khi đặt cái bát vào lớp than hồng. Khi băng tan, tôi nhận ra mình có thể uống nó! Tôi uống rồi chừa một chút cho Biff. Tôi thêm củi, khơi lửa lên, cho thêm băng vào cái bát, và đi đào vài con nghêu trong lúc chờ đợi. Sau đó tôi cho nghêu vào nước sôi, và vài phút sau tôi đã có món xúp nghêu ngon lành.

Tôi đã sống sót như thế trong một tháng, cố gắng tìm những nơi trú ẩn tốt nhất có thể để ngủ và dè sẻn chỗ lương thực được Belasco đưa cho. Nhưng cuối cùng chúng cũng hết, và tôi chỉ ăn

nghe trong nhiều ngày tôi không biết chính xác là bao nhiêu, vì lúc đó tôi không ghi nhật kí - cho đến khi tôi phát hiện trên bãi biển có một con cá đông cứng và nấu nó lên. Nó cho phép tôi thay đổi chế độ ăn uống của mình, nhưng sau hai ngày tôi đã ăn hết con cá.

Biff tự bắt được vài con chim nhỏ, và tôi giải cứu thành công được một con chim, nhưng sau chuyện đó con mèo lên ra xa bờ biển để đi săn. Nếu biến nó thành một dạng mèo săn thì hay quá, nhưng tôi không biết phải làm điều đó như thế nào.

Tôi cũng biết dưới biển có đầy cá, các loài giáp xác và đủ thứ để ăn, nhưng tôi không rõ làm thế nào để lấy lên. Cuốn sách nấu ăn cũng nhắc đến các loại quả, củ và khoai tây, nhưng tôi chẳng thấy chúng ở đâu cả. Tôi tiếp tục những chuyến đi sâu vào đất liền tìm nước và tìm những cánh đồng giống như cửa trại giam, nhưng chỉ thấy bãi đất hoang đầy cây chết lẫn cỏ dại. Tôi có cảm giác đất ở đó chưa hề được trồng trọt, cũng không có dấu hiệu nào của cuộc sống. Tôi tự hỏi liệu Biển cổ Denver có làm cho đất đai bị “ngộp” hay không, như mấy cuốn sách lịch sử có nhắc đến, vào thời điểm đó, hoặc là trong những cuộc chiến tranh nổ ra sau thời điểm văn chương bị khai tử, khiến chúng không được ghi lại trong sách. Khi văn chương chết đi, lịch sử cũng chết theo.

Cuối cùng tôi đã trải qua hơn hai mươi ngày chẳng có gì khác để ăn ngoài nghe, và đôi khi phải mất rất nhiều công sức để tìm được chúng. Buổi sáng tôi thức giấc với vị sắt trong miệng và cơn co thắt trong dạ dày, rồi tôi nhận ra mình cứ đi bộ được một quãng ngắn là đã phải nằm xuống cát nghỉ mệt. Da tôi trở nên khô và ngứa. Tôi biết mình cần những thứ khác trong chế độ ăn uống, nhưng chẳng tìm được gì. Tôi cố tình bắt mấy con mòng

biển đang ngủ hoặc nghỉ chân, nhưng chưa bao giờ đến gần chúng được. Có lần, trên một đồng cỏ nâu cháy, tôi bắt gặp một con rắn và đuổi theo, nhưng nó trườn quá nhanh so với tốc độ mà đôi chân mệt mỏi của tôi cho phép. Tôi kiệt sức ngã xuống đất, con rắn lẽ ra đã là một bát xúp thịt ngon lành. Thỉnh thoảng tôi cũng thấy mấy con thỏ, nhưng chúng quá nhanh nhẹn so với tôi.

Tôi bắt đầu bị bệnh. Cổ tay tôi đã lành, mặc dù hơi bị vẹo và cứng, đau nhói khi tôi bế Biff lên bằng tay phải, nhưng bây giờ đầu tôi bắt đầu đau dữ dội, và tôi khát kinh khủng. Tôi phải thường xuyên dừng lại để làm tan băng lấy nước, và thỉnh thoảng tôi bị nôn. Một đêm nọ, tôi nôn hết bữa ăn tối và quá yếu để có thể nấu thêm bất cứ thứ gì. Tôi chìm vào giấc ngủ trong tư thế sắp mặt, bên đông lửa tàn, không nghĩ đến việc che chắn mình trước thời tiết giá lạnh.

Khi tỉnh dậy, tôi run lấy bầy và đầu ướt đầm mồ hôi. Tôi bị bao phủ bởi một lớp tuyết mỏng, và tuyết vẫn đang rơi xuống người tôi. Bầu trời xám xịt, lớp cát xung quanh tôi đã đóng băng. Tất cả các khớp của tôi đều đau nhức.

Tôi cố gắng đứng dậy, loạng choạng suýt ngã. Sau đó, tôi chỉ đủ sức ngồi trên bãi biển và nhìn xung quanh để tìm củi nhóm lửa. Nhưng quanh đó không có gì cả, tôi đã nhặt tất cả gỗ củi trong khu vực vào đêm hôm trước. Tôi cần phải nhóm lửa.

Biff dụi mình vào hông tôi và rên khe khẽ.

Ở trường nội trú hoặc trong nhà tù, một robot sẽ đưa cho tôi một viên Med và tôi sẽ ổn. Nhưng giờ tôi không có viên thuốc nào bên mình.

Chắc tôi đã ngồi đó hơn một giờ, chờ đợi trời sáng và ấm lên. Nhưng điều đó mãi không xảy ra. Bầu trời vẫn rất tối, một cơn gió lạnh bắt đầu thổi tuyết vào mặt, làm mắt tôi cay xè.

Tôi biết nếu cứ tiếp tục ngồi đó hoặc nằm xuống, tôi sẽ càng tệ hơn. Tôi liên tục nghĩ về hai câu trong bài thơ của T. S. Eliot:

Đời tôi nhẹ tựa lông hồng

Đợi chờ cơn gió tử thần mang đi

Cuối cùng tôi đọc to hai câu thơ đó lên, cùng với tiếng gió, lớn hết sức có thể. Tôi biết nếu không đứng dậy thì tôi có thể chết, chút thịt còm này sẽ bị lũ mòng biển rửa sạch, bộ xương của tôi sẽ bị gió cuốn và sóng đánh lăn lông lốc trên bãi cát. Tôi không muốn điều đó xảy ra.

Buột miệng rên khe khẽ, tôi gắng gượng đứng dậy, và khuyu xuống.

- Lên nào!

Tôi nói to, đứng dậy trở lại. Tôi lão đảo, đầu ngật ngưỡng, quá yếu để có thể giữ cho nó thẳng. Cơn đau và cảm giác chóng mặt quá mạnh. Nhưng rồi tôi ngẩng đầu lên và bắt đầu bước đi. Mấy lần tôi sa chân xuống nước và phải loạng choạng bước lên bờ.

Cuối cùng tôi cũng tìm được một chút củi và nhóm lửa thành công dù đang run lập cập. Tôi chừa lại một thanh gỗ dài để làm gậy chống.

Giờ đây ba lô của tôi chẳng có gì ngoài cái bát. Tôi cố gắng tháo miếng vải jean ra khỏi khung ba lô, cởi áo khoác và áo nỉ, rồi, run cầm cập vì lạnh, tôi cài khuy miếng vải quanh ngực, gần giống như một chiếc áo nịt. Sau đó, tôi nhanh chóng mặc áo nỉ và

áo khoác vào, và sau khi sưởi ấm cơ thể bên đồng lửa, tôi cảm thấy được phòng bị tốt hơn đôi chút. Một chiếc khăn quàng cổ và một chiếc mũ sẽ rất hữu ích, nhưng bây giờ tôi đã có một bộ râu để giữ ấm mặt và cổ một cách tương đối. Tôi có thể giết Biff, ăn thịt nó và dùng bộ lông của nó để làm mũ; nhưng tôi không muốn giết Biff. Tôi không giống với con người đã được quá trình đào tạo định hình. Tôi không còn ao ước được một mình, riêng tư, hay thậm chí tự lực. Tôi cần Biff. Tự lực không chỉ là chuyện của ma túy và sự im lặng.

Tôi xoay sở buộc cái bát vào khung ba lô bằng một đoạn dây rồi quàng nó qua vai, cầm lấy cây gậy tự chế, và dù vẫn còn ngầy ngật sốt, tôi đã khỏe hơn đôi chút. Tôi tiếp tục đi bộ về phía Bắc, dọc theo vùng bờ biển hoang vắng.

Tuyết tiếp tục rơi và tôi cảm thấy mỗi lúc một lạnh hơn. Tôi dừng lại hai lần để thử nhóm lửa nhưng không được, vì những que củi có thể tìm thấy đều bị ướt, và gió cứ thổi tắt ngọn lửa của chiếc hộp quẹt nhỏ. Khi khát nước, tôi đành ngậm những nhúm tuyết. Bãi biển đóng băng quá cứng khiến tôi không thể đào nghêu. Tôi cứ đi tiếp một cách chậm chạp, cố không lo lắng.

Đến chiều muộn, sau khi đi vòng qua một khúc quanh của bờ biển, tôi thấy phía trước có một tòa nhà cổ to lớn nằm trên mỏm đá thấp, với cửa sổ sáng đèn. Tuyết đang rơi nhiều hơn. Hi vọng tìm được nơi trú ẩn và hơi ấm tiếp thêm sức mạnh cho tôi, và tôi vội vàng tiến tới, nửa lê bước nửa chạy. Nhưng khi đến được chân mỏm đá, tim tôi chùng xuống. Không có bậc thang nào dẫn lên tòa nhà, chỉ có một đồng đá chất lỏng lẻo xung quanh làm bức tường chắn sóng.

Tôi đứng một lúc không biết phải làm gì, cho đến khi nhận ra mình nhất định phải leo lên đó. Tôi không thể mạo hiểm ngủ trên bãi biển và để rồi mệt đến không thể ngồi dậy được khi thức giấc.

Tôi trèo lên một tảng đá, nghỉ mệt, chậm chạp rướn người trèo lên tảng đá tiếp theo. Biff hình như nghĩ rằng tôi đang chơi, nó di chuyển dễ dàng từ tảng đá này sang tảng đá khác, hết lên rồi lại xuống, trong khi cổ tay phải của tôi nhức nhối, cổ họng khô khốc đòi được uống nước, còn chân căng thì xây xát vì bề mặt đá lởm chởm. Chắc là rất đau, nhưng tôi cố không nghĩ đến sự đau đớn đó. Tôi cứ cố gắng hết sức mình để leo lên lên những tảng đá đó, vì tôi biết bãi biển ngập tuyết sẽ có thể là nắm mồ của mình.

Cuối cùng cũng trèo lên tới trên đỉnh mỏm đá, tôi nằm vật ra thở hổn hển, trong khi con Biff rúc vào người. Tôi vỗ nhẹ đầu con vật. Lòng bàn tay tôi bị xước đến chảy máu, ống tay áo rách một đường dài. Nhưng tôi không sao.

Do đã bỏ lại cây gậy chống bên dưới vì không thể trèo lên cùng với nó, tôi chặt vật lê lết đến cửa tòa nhà. Ớn trời, nó không khóa. Tôi đẩy cửa và ngã vào vùng ánh sáng ấm áp.

Tôi ngồi trên sàn nhà một lúc lâu, lưng dựa vào cánh cửa ra vào, mặt vùi vào hai bàn tay. Tôi cảm thấy vầng vát và không khỏe, nhưng ấm áp.

Khi cơn chóng mặt qua đi, tôi đưa mắt nhìn xung quanh. Tôi đang ở trong một gian phòng sáng trưng rộng rãi, trần nhà cao vút. Trước mặt và hai bên tôi đều có những cỗ máy đồ sộ màu xám, cùng một băng chuyền lớn và các robot đang quay lưng về phía tôi, lúi húi thao tác với máy móc. Có rất ít tiếng ồn ở đây.

Khỏe khoắn hơn đôi chút nhờ được sưởi ấm, tôi bắt đầu đi tìm nước trong phòng. Tôi gần như lập tức tìm thấy. Có một cỗ máy giống như máy khoan với phần mũi được làm mát bằng một tia nước nhỏ từ đầu phun. Nước sau đó chảy xuống cái máng đặt phía trước băng chuyền, rồi đổ vào cái cống dưới sàn.

Con robot đứng bên cạnh máy khoan chẳng làm gì cả, nó mặc kệ tôi và tôi cũng mặc kệ nó. Tôi quì bên cạnh băng chuyền, giơ tay ra phía trên miệng cống, đón lấy dòng nước và uống ngon lành. Nước ấm ấm và hơi có mùi dầu, nhưng uống được.

Sau khi đã uống đủ, tôi dùng thứ nước đó để rửa tay và rửa mặt trong lúc Biff nhảy nhót quanh các vũng nước bên cạnh miệng cống. Chất dầu trong nước dường như giúp làm dịu bớt những chỗ trầy xước trên da tôi.

Tôi đứng dậy, cảm thấy khá hơn nhiều, và bắt đầu quan sát xung quanh kĩ hơn.

Thật ra có ba băng chuyền, mỗi cái chạy dọc theo một bức tường của gian phòng. Di chuyển với tốc độ đều đặn trên các băng chuyền này là những cái lò nướng bánh mì bằng thép sáng bóng. Tôi từng trông thấy những cái lò như thế hồi còn bé khi làm công việc dọn dẹp trong bếp của trường nội trú, nhưng từ sau khi rời trường thì không.

Trong quá trình di chuyển trên băng chuyền, các lò nướng được hoàn thiện dần bởi các cỗ máy. Chúng tuần tự lắp một bộ phận nào đó và hàn nó vào cái lò nướng đang đi ngang qua. Mỗi cỗ máy được trông nom bởi một robot Lớp Hai đứng bên cạnh và theo dõi quá trình hoạt động. Thép tấm được trải ra từ một cái cuộn khổng lồ ở đầu dây chuyền, còn đầu cuối dây chuyền là

những cái lò nướng bánh mì hoàn chỉnh. Chúng được tạo ra với nhịp độ rất nhanh trong gian phòng rộng lớn và sáng rực này. Kim loại được dập thành hình bằng một cỗ máy lớn, gần như không gây tiếng ồn, trong khi những bộ phận rời được chế tạo rồi ghép vào khung lò. Trong khi đứng đó, cơ thể đã ấm lên nhưng vẫn còn khá đói, tôi tự hỏi điều gì xảy ra với những chiếc lò nướng bánh sau đó, và tại sao tôi không thấy một cái nào trong hơn ba mươi năm qua. Mỗi khi muốn nướng bánh mì, tôi luôn phải cắm một chiếc nĩa vào lát bánh mì để giữ nó trên ngọn lửa. Và tôi đoán tất cả mọi người đều làm như vậy.

Thế rồi khi đi tới cuối dây chuyền sản xuất, tôi nhận ra điều gì đang xảy ra. Một robot Lớp Ba trong bộ đồng phục màu xám nhạt đứng ở đó. Không giống như những robot khác, động tác của anh ta khá khéo léo. Anh ta kiểm tra từng cái lò nướng bánh mì hoàn chỉnh đi ngang qua mình, bật công tắc ở bên hông, ngay chỗ phía bên trên cục pin hạt nhân nhỏ, và khi không có gì xảy ra - không có bộ phận đốt nóng nào đổ lên - anh ta bỏ cái lò vào một cái thùng lớn có bánh xe.

Giống như những robot khác, anh ta hoàn toàn phớt lờ sự hiện diện của tôi. Tôi đứng đó, vẫn còn chưa hết ngạc nhiên vì hơi ấm ngự trị trong phòng, nhìn anh ta một lúc lâu. Anh ta nhắc lên từng cái lò nướng bánh mì được dây chuyền sản xuất tự động chuyển đến, bật công tắc, nhìn vào bên trong, thấy nó không hoạt động, và bỏ nó vào thùng chứa bên cạnh.

Robot này có khuôn mặt tròn và đôi mắt hơi lồi. Anh ta trông hơi giống Peter Lorre, ngoại trừ óc thông minh. Thùng chứa chẳng bao lâu đã đầy ắp những cái lò nướng bánh mì mới tinh, và khi

thấy như vậy, anh ta hô to bằng một chất giọng trầm trầm, máy móc:

- Tái chế!

Sau đó anh ta thò tay xuống dưới băng chuyền và gạt một cái cần.

Dây chuyền sản xuất dừng lại. Tất cả các robot đứng nghiêm trong bộ đồng phục xám. Những robot mà tôi nhìn thấy được đều có khuôn mặt giống Peter Lorre.

Cái thùng đầy những lò nướng bị loại bỏ bắt đầu lăn bánh trên sàn nhà, khiến tôi phải vội vàng tránh đường. Nó di chuyển một cách thông minh tới cuối gian phòng, nơi khởi đầu của dây chuyền sản xuất, và dừng lại trước một cái cửa nhỏ. Cánh cửa mở ra, một robot xuất hiện và bắt đầu lấy các lò nướng ra khỏi thùng, vụng về bê chúng trên đôi tay của mình. Anh ta đưa chúng vào trong một căn phòng nhỏ ở phía bên kia cánh cửa, và tôi có thể trông thấy anh ta bỏ nó vào miệng phễu cấp liệu của một cỗ máy giống như thứ tôi từng nhìn thấy tại trại giam. Đó là một cỗ máy dùng để tái chế sắt vụn thành thép nguyên liệu. Những cái lò nướng mới tinh sẽ được nấu chảy và cán thành thép tấm trở lại.

Nhà máy là một hệ thống khép kín. Chẳng có gì đi vào, và cũng chẳng có gì đi ra. Có lẽ nó đã chế tạo rồi tái chế lò nướng bị lỗi suốt hàng thế kỷ, theo suy đoán của tôi. Nếu có một trạm sửa chữa robot ở gần đây, đám robot siêu dằn dợn này sẽ có thể tồn tại gần như mãi mãi. Và không cần nguyên liệu mới.

Tôi trải qua phần còn lại của đêm tại đó, ngồi dựa vào tường và cố chợp mắt càng nhiều càng tốt. Khi tôi mở mắt vào sáng hôm sau, ánh nắng đã ủa vào qua các khung cửa sổ và đèn điện tự

động giảm sáng. Những cái lò nướng bánh mì vẫn tiếp tục di chuyển dọc theo dây chuyền sản xuất trong nắng sớm, và các robot vẫn đứng ở đúng vị trí của mình tối hôm trước. Người tôi tê cứng, cơn đói làm bụng tôi cồn cào.

Mừng rỗi khi lại được ấm áp, tôi đã quyết định ở lại nhà máy này trong những ngày Đông còn lại, nếu tìm được thức ăn. Hóa ra có thức ăn ở đây thật. Các robot đều thuộc thế hệ cũ, gần giống như những gì được mô tả trong *Cảm nang bảo trì và sửa chữa robot của Audel*. Họ được nhân bản vô tính chọn lọc từ mô sống, do vậy cần phải có thức ăn. Không lâu sau khi tôi thức giấc, dây chuyền lắp ráp tự động ngừng chạy, và tất cả các robot tập hợp lại như một đàn cừu bên cạnh một cánh cửa cạnh phòng tái chế. Robot kiểm lỗi đưa tay mở cửa. Đó là một tủ tường với ba ngăn kệ, hai trong số đó chất đầy những hộp giấy nhỏ, chỉ lớn hơn gói thuốc lá một chút. Ngăn còn lại chất đầy các lon đồ uống.

Đói gần chết, tôi vội lách người vào phòng cùng với các robot, và được trao cho một hộp thức ăn, cùng một lon nước uống.

Đồ ăn là một thanh đậu nành nhạt thếch vô vị, còn món nước thì ngọt khùng khiếp, nhưng tôi vẫn ăn uống ngẫu nhiên. Khi ăn xong, với một chút e sợ, tôi bước đến mở tủ rồi lấy mười hộp thức ăn và bốn lon nước. Không ai trong số các robot để ý đến tôi. Thật nhẹ cả người: Tôi sẽ không chết đói.

Sau đó tôi phát hiện một chồng các thùng giấy chưa sử dụng nằm bên dưới băng chuyền cuối phòng. Tôi lấy bốn thùng, trải phẳng nó ra trên sàn tại chỗ tôi nằm ngủ đêm qua, tạo thành một chiếc giường tương đối thoải mái - dễ chịu hơn nhiều so với lớp cát đóng băng trên bờ biển.

Vậy là tôi đã thu xếp xong cho mình “căn nhà mùa Đông”, như cách tôi luôn gọi nó. Nhưng ngay từ đầu, tôi đã không coi điều đó là nghiêm túc, bởi dù tôi đang bị bệnh, nhà máy này không phải là nhà của tôi. Đó là nơi kinh khủng nhất mà tôi từng ngủ, với một sự giễu cợt năng suất lao động ngu ngốc liên tục diễn ra quanh mình, cùng sự lãng phí ghê gớm thời gian và năng lượng trong việc chế tạo rồi tái chế các lò nướng bánh mì chạy pin. Những con robot siêu dẫn độn trong bộ đồng phục màu xám lặng lẽ đi loanh quanh mà không có bất kì công việc thực sự nào, giống như một sự giễu nhại con người. Trong năm ngày tôi ở đây, tôi không thấy bất kì robot nào làm việc, ngoại trừ robot kiểm lỗi. Nhưng anh ta cũng chỉ thực hiện việc bỏ lò nướng bánh mì vào thùng rác rồi hét lên “tái chế” mỗi giờ một lần, và phân phát cho các robot khác hai phần ăn mỗi ngày.

Tuyết ngừng rơi sau hai ngày, thời tiết ấm lên vào ngày hôm sau. Tôi nhét vào ba lô một lượng đồ ăn thức uống mình có thể vác được, trước khi bỏ đi. Nhà máy là một nơi ấm áp, an toàn và có nhiều đồ ăn thức uống. Nhưng đó không phải là một ngôi nhà dành cho tôi.

Sau khi chất đầy ba lô với năm mươi thanh đậu nành và ba mươi lăm lon nước, tôi đã sẵn sàng để lên đường. Tôi xem xét kĩ lưỡng các cỗ máy khác nhau nằm dọc theo dây chuyền sản xuất, nghiên cứu chức năng của từng cái. Tất cả đều được làm bằng kim loại màu xám và khá to lớn, nhưng mỗi cái lại hoạt động khác nhau. Cái thì chuyên dập các tấm kim loại để tạo thành lớp vỏ của lò nướng bánh mì, cái thì lắp bộ phận đốt nóng, cái lại chuyên lắp pin... Các robot đứng trước những cỗ máy này và hình như chỉ trông chừng chúng mà không chú ý đến tôi.

Cuối cùng tôi đã tìm thấy thứ mình đang tìm kiếm. Đó là một cỗ máy hơi nhỏ hơn những cái khác, được trang bị một phễu cấp liệu chứa hàng trăm phoi kim loại nhỏ. Thông thường, các phoi kim loại này sẽ được thả xuống qua miệng phễu hẹp, rồi được các ngón tay kim loại quắp lấy và đặt vào trong lò nướng đang đi ngang qua, nhưng một phoi đã bị mắc kẹt, khiến những cái khác không thể đi xuống. Tôi đứng đó một lúc, quan sát và nghĩ đến tất cả chỗ năng lượng bị lãng phí do một chi tiết nhỏ xíu này gây ra. Tôi còn nhớ sau khi lò nướng bánh mì ở trường nội trú bị hỏng, chúng tôi không bao giờ được ăn bánh mì nướng nữa.

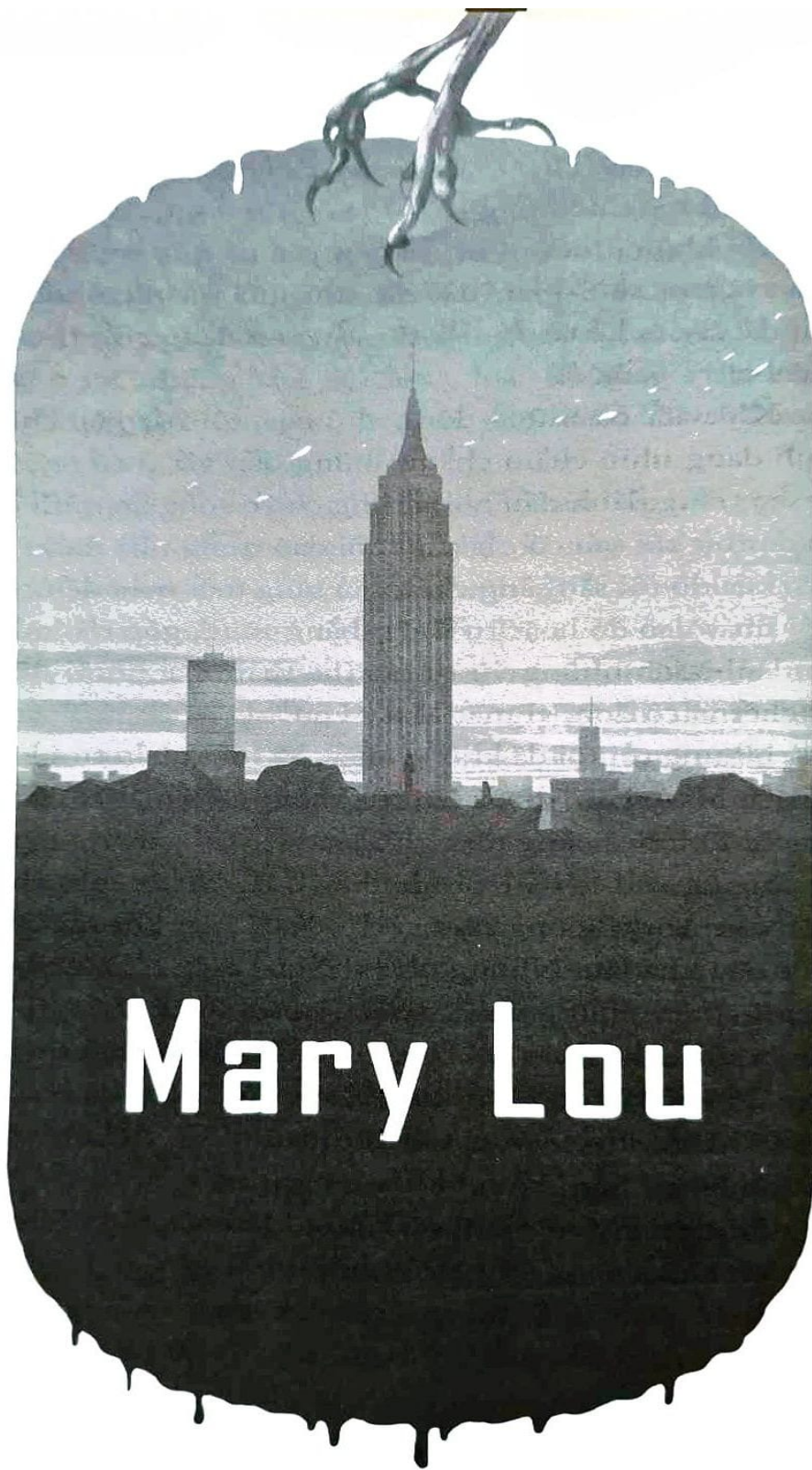
Tôi đưa tay lắc cái phễu cấp liệu cho đến khi phoi kim loại rơi xuống.

Một bàn tay kim loại chộp lấy nó và đặt vào cái lò nướng bánh mì đang đi tới, ngay bên dưới công tắc, sau đó một chùm tia laser mỏng lóe lên trong tích tắc để hàn nó cố định.

Một lúc sau, ở cuối dây chuyền, robot kiểm lỗi bật công tắc của chính cái lò nướng bánh mì đó, và bộ phận đốt nóng của nó ngay lập tức đổ rục. Anh ta không hề tỏ ra ngạc nhiên mà chỉ bằng lòng với việc tắt công tắc, đặt lò nướng bánh mì vào một thùng giấy, và lặp lại cử chỉ tương tự với lò nướng tiếp theo.

Tôi nhìn anh ta chất đầy một thùng giấy với hai mươi lò nướng đã sẵn sàng để được chuyển đi. Tôi không biết chúng sẽ được vận chuyển như thế nào, cũng như đích đến của chúng, nhưng tôi cảm thấy vui với chuyện mình vừa làm.

Tôi khoác ba lô, bế con Biff, và lên đường.



Đêm qua tôi không ngủ được. Tôi nằm trên giường khoảng một tiếng đồng hồ hay hơn thế và ngẫm nghĩ về sự cô quạnh của những con phố, về việc chẳng ai nói chuyện với nhau nữa. Paul từng cho tôi xem một bộ phim có tựa đề là *Hợp âm lạc lõng*. Trong phim có một cảnh khá dài quay quanh một buổi dã ngoại, với mười hoặc mười hai người ngồi bên một chiếc bàn lớn ngoài trời, ăn thứ gì đó giống như bắp ngô và dưa hấu. Họ trò chuyện với nhau - chỉ là chuyện gẫu, có vậy thôi. Tất cả đều góp chuyện. Lúc ngồi xem cùng Paul trong căn phòng sặc sỡ dưới tầng hầm thư viện của anh thì tôi chẳng quan tâm lắm, nhưng cảnh phim bằng cách nào đó đã lưu lại trong đầu tôi và thỉnh thoảng xuất hiện trở lại. Tôi chưa từng thấy bất cứ điều gì giống như thế ngoài đời - cả một nhóm người đông đảo cùng ăn uống bên nhau, gương mặt sôi nổi trong khi trò chuyện, ngồi ngoài trời với làn gió thổi khẽ qua váy áo và làn tóc, thức ăn ngon trước mặt, cứ thế vừa ăn vừa nói chuyện với nhau như thể không còn gì hay ho hơn trong đời.

Cuối cùng tôi rời giường và đi ra phòng khách, nơi Bob đang ngồi nhìn lên trần nhà. Ông gật đầu với tôi trong lúc tôi ngồi xuống chiếc ghế bên cạnh cửa sổ, nhưng không nói gì.

Tôi đuổi người trên ghế và ngáp dài. Rồi tôi hỏi ông:

- Chuyện gì đã xảy ra với việc đối thoại? Tại sao người ta không nói chuyện với nhau nữa?

Bob nhìn tôi. Ông đáp, như thể cũng đang nghĩ tới điều đó:

- Ừ. Hồi tôi mới được chế tạo ở Cleveland, người ta nói chuyện với nhau nhiều hơn bây giờ. Tại nhà máy xe hơi vẫn còn một số người làm việc bên cạnh các robot, và họ hay tụ tập lại với nhau để trò chuyện, năm hay sáu người gì đó. Tôi đã từng chứng kiến.

- Điều gì đã xảy ra? - Tôi hỏi lại. - Tôi chưa bao giờ thấy một nhóm người nào trò chuyện. Có lẽ hai người thì thỉnh thoảng còn thấy, nhưng cũng rất hiếm hoi.

- Tôi không rõ. - Bob đáp. - Sự hoàn thiện của ma túy đóng một vai trò lớn. Và sự hướng nội. Tôi nghĩ các qui định về Quyền Riêng tư càng củng cố thêm chuyện đó. - Ông nhìn tôi với vẻ mặt trầm ngâm. Đôi khi Bob còn con người hơn bất kì con người nào tôi từng biết, ngoại trừ bố Simon, có lẽ vậy. - Quyền Riêng tư và Phép Lịch sự Bắt buộc được thiết lập bởi một robot Lớp Chín. Ông ta cảm thấy đó là điều mọi người thực sự muốn, khi họ đã có ma túy để tự làm cho mình khuây khỏa. Và nó gần như đã chấm dứt nạn tội phạm. Con người từng gây ra rất nhiều tội ác. Họ có thể ăn cắp đồ của nhau, và giở bạo lực với nhau.

- Tôi biết. - Tôi đáp, thậm chí không muốn nghĩ tới chuyện đó. - Tôi từng thấy trên ti vi...

Bob gật đầu:

- Khi tôi lần đầu tiên sống dậy trong cuộc đời này, nếu có thể gọi nó là cuộc đời, tôi đã được học toán với một robot Lớp Bảy có tên là Thomas. Tôi rất thích nói chuyện với ông ta. Và tôi cũng thích nói chuyện với cô.

Bob đang nhìn ra bầu trời đêm không trăng bên ngoài cửa sổ khi nói câu ấy.

- Tôi cũng thích nói chuyện với ông. Nhưng điều gì đã xảy ra? Tại sao việc trò chuyện, đọc sách và viết lách đều bị khai tử?

Bob im lặng một lúc lâu. Sau đó ông đưa tay lên tóc và bắt đầu ôn tồn giải thích:

- Khi tôi học Quản trị Công nghiệp, tôi được xem những bộ phim về mọi khía cạnh của Đế chế xe hơi. Tôi được đào tạo để trở thành một người sắp điều hành, đúng như kế hoạch ban đầu của các robot Lớp Chín, và tôi được cho xem đủ loại băng hình lẫn bản thu âm của General Motors, Ford, Chrysler và Sikorsky. Một trong các đoạn phim ghi lại cảnh một chiếc xe hơi lớn màu bạc chạy dọc theo xa lộ trống trải một cách yên ắng và êm ái, tựa như giấc mơ. Đó là một mẫu xe chạy xăng đời xưa, có lẽ được chế tạo từ trước Ngày tàn của dầu mỏ và Kỉ nguyên pin hạt nhân.

- Ngày tàn của dầu mỏ?

- Đúng vậy. Khi xăng dầu trở nên đắt đỏ hơn cả whisky, hầu hết mọi người chọn ở nhà. Đó chính là Ngày tàn của dầu mỏ. Nó xảy ra vào thời kì được gọi là thế kỉ thứ hai mươi mốt. Sau đó Chiến tranh năng lượng nổ ra. Và rồi Solange được chế tạo. Ông ta là robot đầu tiên thuộc Lớp Chín, nhưng khác với tôi, ông ta được lập trình kĩ lưỡng nhằm mang lại cho nhân loại điều họ muốn có. Solange đã phát minh ra pin hạt nhân. Phản ứng hợp hạch có kiểm soát: An toàn, sạch sẽ, và vô hạn. Ông ta đã tìm cách tự cung cấp năng lượng đó cho cơ thể của mình, và tất cả các robot Lớp Chín sau đó đều được trang bị pin hạt nhân. Một pin hạt nhân tồn tại được chín *lam*.

- Solange có phải là người da đen không?

- Không. Ông ta da trắng, mắt xanh.

Tôi đứng dậy để pha cho mình một ít cà phê.

- Tại sao ông lại là người da đen? - Tôi hỏi.

Bob không trả lời cho đến khi tôi rót nước sôi vào bột cà phê.

- Tôi không biết. - Ông ta đáp. - Hình như tôi là robot da đen duy nhất từng được tạo ra.

Tôi bưng cốc cà phê quay lại chỗ cũ và ngồi xuống.

- Thế còn đoạn phim đó? Đoạn phim quay chiếc xe màu bạc ấy?

- Chỉ có một người đàn ông ngồi trong xe. - Bob nói. - Anh ta mặc áo sơ mi thể thao màu xanh nhạt, và quần vải tổng hợp màu xám. Anh ta quay tất cả kính xe lên, bật điều hòa và mở nhạc trong khi xe chạy. Hai bàn tay vừa trắng vừa mềm mại của anh ta nhẹ nhàng đặt trên vô lăng. Còn khuôn mặt anh ta, hừm, khuôn mặt anh ta trở ra như mặt trăng vậy.

Tôi không rõ Bob đang định nói gì.

- Hồi tôi còn bé và lần đầu tiên trốn khỏi trường nội trú, tôi rất thiếu kiên nhẫn và căng thẳng, không biết phải làm gì với bản thân. Bố Simon từng bảo tôi “Cứ im lặng và để cuộc đời con tiếp diễn.” Và tôi đã cố làm như vậy. Có phải người đàn ông trên xe đang làm điều đó?

- Không. - Bob đứng dậy và duỗi thẳng tay ra, giống như người ta vẫn thường làm. - Ngược lại. Chẳng có cuộc đời nào ở đây cả. Anh ta lẽ ra được “tự do”, nhưng chẳng có gì xảy ra. Không ai biết tên anh ta, dù có người gọi anh ta là Daniel Boone - người tiên phong cuối cùng. Đoạn phim được lồng nhạc và một giọng nam trầm ấm tuyên bố “Sống tự do, phiêu hết cỡ cùng Open Road!” Anh ta cứ thế đi tiếp trên con đường vắng vẻ, ở tốc độ một trăm năm mươi cây số giờ, cách biệt với không khí bên ngoài, cách biệt với ngay chính tiếng động cơ của chiếc xe đang lao nhanh trên đường. Chủ nghĩa cá nhân của Mỹ, Tinh thần tự do. Người tiên

phong. Với một khuôn mặt người không khác gì một robot cấp thấp. Tại nhà hoặc trong phòng khách sạn, anh ta có chiếc ti vi để giữ cho thế giới bên ngoài tách biệt với mình. Anh ta có những viên thuốc trong túi, có dàn âm thanh, và những hình ảnh trong tờ tạp chí mà anh ta xem, với đồ ăn và gái gú ngon lành hấp dẫn hơn ngoài đời gấp nhiều lần.

Bob đang đi chân đất tới lui trong phòng.

- Ngồi xuống đi. - Tôi nói với ông. - Tất cả những chuyện đó đã bắt đầu như thế nào? Chiếc xe, môi trường được kiểm soát?

Ông ngồi xuống, lấy từ trong túi áo ra một điều cần hút dở và châm lửa.

- Xe hơi giúp mang lại hàng đồng tiền, từ việc sản xuất rồi bán chúng. Khi truyền hình xuất hiện, nó trở thành một trong những nguồn sinh lợi tốt nhất từng được phát minh. Nhưng mọi chuyện không dừng ở đấy. Có gì đó trong sâu thẳm con người thúc đẩy họ đến với xe hơi, truyền hình, và ma túy. Khi việc sản xuất và phân phối ma túy cũng như các chương trình truyền hình được máy tính hoàn thiện, xe hơi trở nên không còn cần thiết nữa. Và bởi không ai tìm được cách làm cho những chiếc xe trở nên an toàn trong tay người lái, quyết định khai tử chúng đã được đưa ra.

- Bởi ai? - Tôi thắc mắc.

- Bởi tôi. Solange và tôi. Đó là lần cuối cùng tôi gặp ông ta. Solange đã gieo mình xuống đất từ một tòa nhà cao tầng.

- Chúa ơi! - Tôi thốt lên. - Từ hồi còn bé, tôi đã không thấy một chiếc xe hơi nào. Nhưng bố Simon thì vẫn còn nhớ chúng. Vậy ra đó là thời điểm những chiếc xe buýt giao cảm ra đời?

- Không. Xe buýt giao cảm đã xuất hiện từ thế kỉ hai mươi hai. Thật ra từ thế kỉ hai mươi đã có những chiếc xe buýt do con người điều khiển. Cũng như xe điện và xe lửa. Hầu hết các thành phố lớn tại Bắc Mỹ đều có thứ mà chúng ta gọi là tàu điện vào đầu thế kỉ hai mươi.

- Điều gì đã xảy ra với chúng?

- Các công ty sản xuất xe hơi cá nhân đã xóa sổ chúng. Các khoản hối lộ được trả cho lãnh đạo của các đô thị để bóc gỡ hết các đường ray tàu điện, nhiều trang quảng cáo trên báo được đặt để thuyết phục công chúng rằng đó là việc nên làm. Như thế mới có thêm nhiều xe hơi cá nhân được bán, và nhiều dầu mỏ được lọc thành xăng nhằm cung cấp nhiên liệu cho xe hơi. Như vậy các tập đoàn mới tăng trưởng, và một vài người mới trở nên giàu có một cách không tưởng tượng nổi, để thuê gia nhân và sống trong những biệt phủ tráng lệ. Điều đó đã làm thay đổi cuộc sống của con người nhiều hơn cả báo in. Nó đã tạo ra những khu ngoại ô, và hàng trăm thứ liên quan đến xe hơi - tình dục, kinh tế, thuốc ngủ. Xe hơi đã dọn đường cho những thứ khác, sâu sắc và hướng nội hơn, phụ thuộc vào truyền hình và robot, để dẫn đến một điểm kết thúc tối thượng và dễ đoán của tất cả mọi chuyện: Sự hoàn thiện của hóa chất hướng thần. Những loại ma túy mà con người đang sử dụng hiện nay đã được đặt tên theo những thứ có từ thế kỉ hai mươi, nhưng chúng mạnh mẽ hơn nhiều, hiệu quả hơn nhiều, và tất cả đều được sản xuất rồi phân phối đi khắp những nơi có con người sinh sống nhờ các thiết bị tự động. - Bob đưa mắt nhìn tôi từ chỗ chiếc ghế mà ông đang ngồi. - Mọi chuyện bắt đầu từ việc học cách sử dụng lửa để sưởi ấm hang động, xua đuổi thú dữ. Và kết thúc với Valium phóng thích kéo dài.

Tôi nhìn ông hồi lâu.

- Tôi không dùng Valium. - Tôi tuyên bố.

- Tôi biết. - Bob nói. - Chính vì thế mà tôi tách cô ra khỏi Paul. Vì điều đó, và vì đứa trẻ cô đang mang trong bụng.

- Về đứa bé thì tôi hiểu. Ông muốn chơi trò gia đình. Nhưng tôi chưa rõ ma túy, hay đúng hơn là sự vắng mặt của nó, đóng vai trò gì trong chuyện này.

Bob lắc đầu với vẻ mặt trách móc:

- Hiển nhiên thế còn gì. Tôi muốn một người phụ nữ mà mình có thể trò chuyện. Và có thể yêu thương.

Tôi trở mắt nhìn ông ta.

- Yêu thương sao? - Cuối cùng tôi thốt lên.

- Dĩ nhiên rồi. Tại sao không?

Tôi định trả lời, nhưng lại thôi. Sao ông ta lại không thể yêu thương ai đó nếu muốn kia chứ?

- Thật không? - Tôi hỏi.

Bob nhìn tôi trong giây lát trước khi dụi tắt điếu cần trong chiếc gạt tàn.

- Thật. - Ông đáp. - Đáng tiếc là như vậy.

Yêu thương. Sự kì quặc của cụm từ xưa cũ này khiến tôi bận tâm trong chốc lát ngay tại phòng khách đó, giữa đêm hôm khuya khoắt. Hai chữ “yêu thương” có gì đó khiến tôi bất ngờ. Và rồi tôi nhận ra mình chưa từng nghe đến chúng trước kia. Chúng chỉ tồn tại trong những bộ phim câm hoặc những cuốn sách, chứ

không phải trong cuộc sống mà tôi biết. Tôi từng nghe bố Simon nói rằng “Tình yêu là một cú lừa” và đó là lần duy nhất ông sử dụng chữ đó, theo những gì tôi còn nhớ được. “Yêu” thậm chí không nằm trong vốn từ của đám học sinh trường nội trú, nơi chúng tôi được dạy rằng “Tình dục chớp nhoáng là tốt nhất”. Vậy đấy. Và giờ đây, tay robot có khuôn mặt trẻ trung buồn bã và một cuộc đời dài đằng đẳng này đang cố nói với tôi bằng chất giọng trầm ấm dịu dàng của mình rằng: Ông ta đã đem lòng *yêu* tôi.

Cốc cà phê của tôi đã nguội. Tôi nhấp một ngụm, rồi hỏi:

- Hai chữ “yêu thương” có ý nghĩa gì đối với ông?

Bob không đáp suốt một lúc lâu. Sau đó ông nói:

- Sự nôn nao trong bụng. Và trong tim. Mong ước em được hạnh phúc. Và bị ám ảnh bởi em, với cái cách em nghiêng đầu, với ánh mắt của em. Cách bàn tay em cầm cái tách đó. Lắng nghe tiếng ngáy của em đêm đêm, trong lúc tôi ngồi đây.

Tôi bị sốc nặng. Đó là những lời lẽ tôi từng đọc đâu đó, nhưng không chú tâm lắm. Tôi thừa biết chúng có liên quan với tình dục và *gia đình*, thứ từng là một phần của thế giới trước đây, nhưng chưa bao giờ hiện diện trong cuộc sống của tôi. Làm thế nào nó có thể trở thành một phần cuộc sống của con người “nhân tạo” này, tay người máy lịch lãm với làn da nâu và mái tóc xoắn tít này? Con người giả không được mẹ đẻ ra, không có dương vật, không thể ăn uống - một con búp bê chạy bằng pin với đôi mắt nâu u uất. Loại tình yêu mà ông ta đang nói tới là gì? Có phải đó là biểu hiện của sự điên rồ, sự loạn trí đã ám vào quá trình sản xuất ông

ta cũng như toàn bộ dòng trí tuệ nhân tạo nam thần sau cuối đó, tính người thái quá đến điên rồ của loạt robot Lớp Chín đó?

Thế nhưng, khi nhìn Bob, tôi hình dung mình có thể hôn ông. Tôi có thể ôm lấy cơ thể to lớn đẹp đẽ kia và áp môi mình vào đôi môi ẩm ướt của ông.

Và tôi nhận ra - Lạy Chúa lòng lành - tôi đang khóc. Những giọt nước mắt tuôn trào trên khuôn mặt tôi. Tôi vùi mặt vào đôi bàn tay và khóc nức lên như hồi còn bé, khi tôi nhận ra mình chỉ có một mình trên thế giới này. Chuyện đó giống như một làn gió ấm thổi qua tôi.

Sau khi khóc xong, tôi cảm thấy nhẹ nhõm và bình tâm. Tôi nhìn Bob. Khuôn mặt ông bình thản và tĩnh lặng, giống như cảm giác của tôi lúc này.

- Ông có bao giờ làm chuyện này trước đây không? - Tôi hỏi. - Yêu một ai đó ấy?

- Có. Hồi tôi còn... hồi tôi còn trẻ. Hồi đó có những phụ nữ không chơi thuốc. Tôi đã yêu một người trong số họ. Có gì đó nơi khuôn mặt của cô ấy... Nhưng tôi chưa bao giờ tìm cách sống chung với một phụ nữ. Như cách chúng ta đang làm.

- Vì sao lại là tôi? Tôi đã đủ hạnh phúc với Paul rồi. Chúng tôi lẽ ra đã tạo thành một gia đình. Tại sao ông lại phải yêu tôi?

Bob nhìn tôi. Ông nói:

- Em là người cuối cùng. Người cuối cùng trước khi tôi chết. Tôi muốn khôi phục cuộc đời đã bị chôn vùi, phần kí ức đã bị tẩy xóa của tôi. Trước khi chết, tôi muốn biết việc làm con người mà tôi đã cố gắng trở thành trong suốt cuộc đời mình nó sẽ như thế nào. -

Ông rời mắt khỏi tôi và nhìn ra ngoài cửa sổ. - Ngoài ra, nhà tù cũng tốt cho Paul. Nếu đủ trưởng thành, anh ta sẽ trốn thoát được. Ở cái thế giới này chẳng còn gì hoạt động tốt được nữa. Hầu hết máy móc và robot đều đã bị hư hỏng. Nếu muốn ra khỏi tù, anh ta sẽ làm được.

- Ông có nhớ được gì chưa? Từ khi chúng ta sống cùng nhau ấy? Ông có lấp đầy được khoảng trống nào trong đầu chưa?

Bob lắc đầu.

- Chưa, tôi chưa thể.

Tôi gật đầu, nói:

- Bob này, ông cần phải ghi nhớ cuộc đời mình, như cách mà tôi đang làm. Ông phải kể chuyện đời mình vào trong một chiếc máy ghi âm. Tôi có thể viết nó ra cho ông, và dạy ông cách đọc nó.

Bob nhìn tôi, khuôn mặt bỗng trở nên già nua và rầu rĩ.

- Tôi không cần phải làm thế, Mary. Tôi không thể quên được cuộc đời mình. Tôi không tài nào lãng quên được. Họ đã quên mất điều đó khi chế tạo tôi.

- Chúa ơi. - Tôi thốt lên. - Chắc ông phải cảm thấy kinh khủng lắm?

- Đúng vậy. Rất kinh khủng.

* * *

Một hôm Bob hỏi tôi:

- Em có nhớ Paul không?

Tôi không ngẩng lên khỏi ly bia.

- Chỉ có chim nhại hót ở bìa rừng.

- Em nói vậy là sao? - Bob hỏi.

- Một câu mà Paul từng nói. Khi thỉnh thoảng tôi nghĩ đến anh ấy, tôi lại nhớ tới câu này.

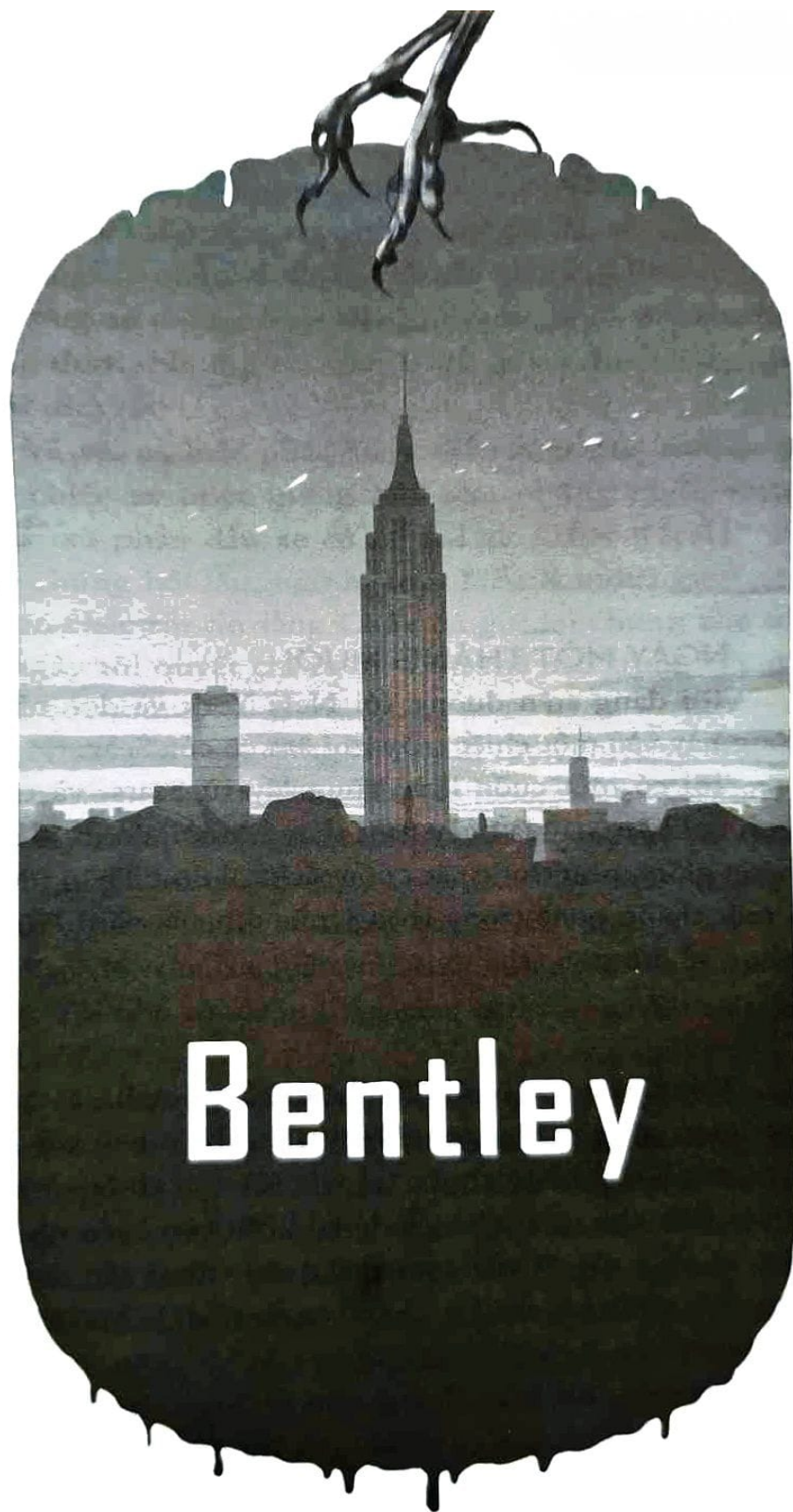
- Em nhắc lại xem nào? - Bob giục. Có gì đó khẩn cấp trong giọng điệu của ông.

- Chỉ có chim nhại hót ở bìa rừng.

- *Rừng.* - Bob lặp lại. - “Khu rừng này tôi đã biết chủ nhân.” Chính là câu thơ đó. - Ông đứng lên và tiến lại chỗ tôi. - *Khu rừng này tôi đã biết chủ nhân. Nhưng ông ta đang sống ở trong làng...*

* * *

Thế là cuối cùng Bob đã tìm được từ còn thiếu trong bài thơ của mình, sau hàng mấy trăm năm ngẫm nghĩ. Tôi thấy vui vì đã mang lại cho ông ta một điều gì đó.



Có lẽ đã là cuối Đông rồi, vì sau khi tôi rời nhà máy sản xuất lò nướng bánh mì, trời không bao giờ lạnh như trước nữa. Và tôi cũng không ốm đau đến mức như vậy nữa, mặc dù tôi vẫn còn khá yếu khi rời bỏ sự yên ấm kinh khủng của nơi đó.

Tôi đi ngày càng nhanh lên phía Bắc, và chỗ thức ăn mà tôi mang theo, mặc dù có mùi vị khó chịu, vẫn tiếp thêm sức mạnh cho tôi. Tôi tiếp tục bắt nghêu, sau đó là trai. Tôi đã xua một con mòng biển khỏi con cá mà nó vừa bắt được và món xúp cá được tôi ăn trong ba ngày. Cuối cùng, tôi thấy mình khỏe mạnh hơn nhiều so với trước đây. Cơ thể tôi trở nên rắn chắc và mạnh mẽ, tôi có thể đi bộ nhanh cả ngày mà không mệt mỏi. Tôi bắt đầu cho phép mình nghĩ về Mary Lou và xem xét khả năng tìm lại cô. Nhưng tôi vẫn còn một chặng đường dài phía trước, tôi biết điều đó. Chỉ là không biết nó sẽ tồi tệ như thế nào.

Thế rồi, một buổi chiều nọ, tôi nhìn thấy trước mặt mình một con đường cắt ngang qua những cánh đồng, chạy xuống tận bờ biển.

Tôi vội chạy đến. Đó là một con đường trải nhựa đã xuống cấp, bị cỏ mọc ở nhiều chỗ, nhưng vẫn có thể đi lại được. Tôi bắt đầu lần theo con đường, bỏ lại bãi biển phía sau.

Giữa những bụi cỏ cao bên vệ đường, tôi thấy một thứ mình chưa từng bắt gặp trước đây: Một tấm bảng chỉ đường. Tôi đã từng biết đến chúng trên phim và trong sách, nhưng trông thấy tận mắt thì chưa. Nó được làm bằng nhựa Permo, với hai màu xanh trắng đã phai mờ, những nét chữ trên đó bị bụi bẩn và dây leo gần như che kín, nhưng khi gạt đám dây leo ra, tôi vẫn có thể đọc.

MAUGRE

RANH GIỚI THỊ TRẤN

Tôi nhìn tấm biển hồi lâu. Có gì đó trong món đồ xưa cũ này làm tôi lạnh sống lưng, bất chấp ánh nắng yếu ớt của một ngày chớm Xuân.

Tôi bế Biff lên tay và tiếp tục đi vòng qua một khúc quanh trên đường.

Trước mắt tôi trải dài một khu nhà bằng nhựa Permo bị cây lá che lấp gần một nửa - phải có đến năm trăm ngôi nhà như thế lấp đầy một thung lũng nhỏ dưới chân tôi. Những ngôi nhà nằm tách biệt với nhau, giữa chúng có lẽ đã từng tồn tại các công viên và đường bê tông. Tuy vậy, tôi không thấy một dấu hiệu nào của con người. Tại trung tâm của thị trấn có hai tòa nhà đồ sộ và một cột đá trắng to lớn.

Khi đi đến gần, tôi bắt đầu vạch những bụi hoa hồng và kim ngân gần như đã chết sạch vì đông giá, và thấy những ngôi nhà từng được sơn màu rực rỡ nay đều đã ngả một màu xám nhờ.

Tôi tiến vào Maugre với một chút run sợ. Ngay cả Biff cũng có vẻ lo lắng, nó cựa quậy trên tay tôi và cào vào quai đeo ba lô. Nơi thị trấn bắt đầu có một con đường mòn uốn lượn xuyên qua bụi rậm giữa các ngôi nhà. Tôi đi theo nó. Tôi không thể xác định được những ngôi nhà có hàng hiên hay không, vì mặt trước của chúng bị cây cối um tùm che phủ. Chỉ một vài trong số đó có cửa ra vào còn nhìn thấy được qua đám cỏ dại và cây kim ngân.

Tôi đi về phía cột đá. Đó dường như là việc nên làm.

Một ngôi nhà tôi đang đi ngang qua có vẻ ít bị che phủ hơn những ngôi nhà khác. Tôi đặt Biff xuống đất, vạch lối xuyên qua thảm thực vật để tiến đến cửa ra vào, bất chấp nhiều lần bị gai hồng cào rách. Nhưng tôi hầu như không để ý đến những vết xước, tôi có cảm giác như đang sống trong một giấc mơ hay đang bị thôi miên.

Sau khi nhổ thêm vài cái cây nữa, tôi loay hoay mở được cửa, và với cảm giác sợ hãi xen lẫn tò mò, tôi bước vào. Tôi đang ở trong một phòng khách lớn và trống trải. Hoàn toàn không có gì. Từ ô cửa sổ nhựa bám đầy bụi bẩn và nấm mốc tỏa ra một thứ ánh sáng mờ ảo.

Nhựa Permo trong mờ là thứ vật liệu bền nhất từng được con người tạo ra. Toàn bộ căn phòng là một khối nhựa đúc liền không mép nối màu hồng, với các góc tường được bo tròn. Không có dấu hiệu nào cho thấy con người từng sống tại đây, nhưng tôi biết với loại chất liệu này thì người ta có thể sống cả trăm *lam* mà không để lại dấu vết gì - không có vết trầy xước dưới sàn, không có dấu tay trên tường hay mảng khói ám trên trần, không có những vết tích các trò đánh nhau hay đùa nghịch của bọn trẻ, cũng như dấu vết nơi từng đặt chiếc bàn yêu thích của cả gia đình.

Không rõ vì sao mà tôi bỗng cất tiếng hỏi:

- Có ai ở nhà không?

Đó là một câu thoại tôi đã học được trong những bộ phim.

Thậm chí không có cả một tiếng vang đáp lại. Tôi buồn bã nhớ đến những người đàn ông trong phim vừa uống rượu bằng những chiếc ly lớn vừa cười vang. *Chỉ có chim nhại hát ở bìa rừng*. Tôi bỏ ra ngoài. Biff vẫn đang đợi, và tôi bế nó lên.

Chúng tôi đi tới chỗ cột đá. Càng đi đến gần, con đường càng mở rộng và dễ đi hơn. Chúng tôi đến được khu vực tương đối trống trải nằm giữa hai tòa nhà lớn và cột đá nhanh hơn dự đoán.

Cột đá có màu trắng sáng hơn so với các tòa nhà. Nó rộng khoảng hai mươi mét ở phần chân và cao chừng sáu mươi mét, khá giống với những tượng đài Washington mà tôi đã thấy trong nhiều cuốn sách và bộ phim, và đó là tất cả những gì còn lại của Thủ đô Washington.

Dưới chân cột có một cửa kính cánh đôi bị dây bìm bìm che lấp phân nửa. Khi đi vòng quanh, tôi nhận ra bốn mặt của tượng đài đều có một cửa lớn. Ở mặt thứ tư, tôi thấy những dòng chữ này được viết phía trên cao:

NƠI TRÚ ẨN KIÊM TRUNG TÂM MUA SẮM

TẤT CẢ SINH MẠNG ĐỀU AN TOÀN DƯỚI LÁ CHẮN NÀY

BỘ QUỐC PHÒNG: MAUGRE

Tôi đọc đi đọc lại hai lần. Có phải “lá chắn” chính là cái cột đá? Hoặc một cái gì đó nằm ở bên trong cửa? Tôi đặt Biff xuống và tìm cách mở các cửa. Hai cánh của cái cửa thứ ba trượt mở dễ dàng.

Bên trong cửa là một sảnh rộng với nguồn sáng duy nhất từ các cửa kính hắt vào. Gian phòng có hai cầu thang lớn dẫn xuống dưới nằm ở hai bên, cùng một cầu thang khác nhỏ hơn dẫn lên trên. Tôi ngần ngừ trong giây lát rồi đi xuống cầu thang bên trái. Sau khi đi được sáu, bảy bậc gì đó, ánh sáng bên trên tối dần, nhường chỗ cho ánh sáng nhẹ phát ra từ những bức tường màu vàng ở hai bên cầu thang. Trên một bức tường tôi đọc được mấy chữ:

MỨC ĐỘ BẢO VỆ CHỐNG CHẤN ĐỘNG

Đi xuống thêm khoảng tám bậc nữa, những nguồn sáng nhẹ khác bật lên và tôi đọc được một dòng chữ trên bức tường lúc này mang màu xám:

MỨC ĐỘ BẢO VỆ CHỐNG PHÓNG XẠ

Khi xuống đến chân cầu thang, tôi thấy trước mặt mình một hành lang rộng và dài, với những chùm đèn thủy tinh phát ra ánh sáng hồng nhạt tự động bật lên khi tôi tiến đến gần, và ở hai bên hành lang có những tấm biển đề:

KHU VỰC AN TOÀN - TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI

Thế rồi, trong sự kinh ngạc của tôi, âm nhạc du dương cất lên, với tiếng sáo tây và kèn oboe. Ở phía trước, cách tôi chừng năm mươi mét, một tia nước phun lên cao từ một cái hồ lớn, và những ánh đèn đủ màu bắt đầu nhảy múa quanh đó. Tiếng nước đổ xuống vang vọng.

Tôi ngỡ ngàng tiến đến gần đài phun nước. Biff nhảy khỏi tay tôi và chạy tới trước, rồi không ngần ngại nhảy lên thành hồ, cúi đầu xuống uống nước.

Tôi chậm rãi bước tới chỗ nó, khom người, khum hai lòng bàn tay lại để vốc thứ nước mát lạnh đưa lên khuôn mặt khô khốc và nóng bừng của mình, ngửi thử. Nước trong và sạch. Tôi uống một vốc nước, rồi rửa mặt.

Thành hồ được lát hàng ngàn miếng gạch nhỏ hình vuông lấp lánh ánh bạc, với những đường ron trắng, còn dưới đáy hồ là một bức tranh khảm cực lớn làm từ những viên gạch nhỏ màu đen,

xám và trắng, thể hiện hình ảnh một con cá voi lưng gù đang vẫy đuôi.

Tia nước phun lên từ một cụm tượng ba con cá heo uốn người vươn cao tạc bằng đá đen. Tôi đã từng thấy một thứ giống như thế này trong quyển sách tranh có tên *Các tượng đài thành Rome*. Tôi lùi lại quan sát thành hồ lấp lánh bạc, con cá voi to lớn, bảy cá heo, tia nước phun thẳng đứng, cảm nhận những giọt nước li ti bắn vào mặt và cơ thể mình, lắng nghe tiếng sáo. Những sợi tóc con trên gáy tôi dựng lên, và cảm giác gai gai gần như đau đớn lan ra khắp cơ thể tôi.

Nó cũng giống như khi tôi nhìn ngắm đàn chim biển chao liệng, cơn bão trên đại dương xám xịt, hoặc con khỉ Kong đồ sộ trong cú rơi chậm rãi và duyên dáng của nó.

Phía bên kia đài phun nước, hành lang kết thúc tại một ngã ba, với hai cánh cửa lớn ở nhánh bên phải và bên trái. Cánh cửa bên trái có đề dòng chữ:

KHU VỰC KHẨN CẤP

SỨC CHỨA 60.000

Còn cánh cửa bên phải chỉ đề bốn từ:

TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI

Cánh cửa này tự động mở ra khi tôi tiến đến gần, và tôi nhìn thấy trước mặt mình trải dài một hành lang rộng rãi lát đá khác. Ở hai bên hành lang có cơ man nào là cửa hàng cửa hiệu. Trong đời mình tôi chưa bao giờ nhìn thấy nhiều cửa hàng đến thế. Tôi đã từng nhìn thấy hàng hóa được trưng bày ở mặt tiền các cửa hàng tại New York, cũng như tại trường đại học nơi tôi sống và

giảng dạy, nhưng chưa bao giờ với qui mô và số lượng như thế này.

Cửa hàng gần nhất tên là Sears, và đằng sau lớp kính cong khổng lồ có một gian trưng bày sản phẩm trông thật khó tin. Hơn một nửa trong số đó tôi chưa từng biết đến. Một số quen thuộc với tôi, nhưng cũng có những quả bóng màu sắc, các thiết bị điện tử và những vật thể phát sáng bí ẩn mà theo như tôi biết, có thể là đồ chơi hoặc vũ khí.

Mê mẩn, tôi mở cửa bước vào trong. Tôi đang ở khu vực chỉ có quần áo. Tất cả đều trông mới tinh và được bọc trong một loại màng nhựa trong suốt có thể bảo quản hàng trăm năm.

Quần áo của tôi đã sờn và rách, nên tôi quyết định tìm trang phục mới cho mình.

Khi tôi băn khoăn không biết làm cách nào để tháo lớp nhựa bảo vệ chiếc áo khoác màu xanh lam có vẻ vừa vặn với mình, tôi tình cờ nhìn xuống sàn nhà lát đá dưới chân.

Chúng in đầy những dấu bùn trông còn rất mới.

Tôi quì xuống, thò tay ra chạm vào lớp bùn. Nó còn hơi ẩm.

Đứng thẳng dậy, tôi đưa mắt nhìn quanh. Tôi không thấy gì ngoài những lớp sào treo đầy quần áo, phía sau chúng là các dãy kệ chất nhiều loại hàng hóa đủ màu sắc. Không động tĩnh gì. Khi nhìn xuống sàn, tôi thấy các dấu giày cả mới lẫn cũ ở khắp mọi nơi, đủ kích cỡ và hình dáng.

Biff đang lang thang ở đâu đó, tôi gọi nhưng nó không chạy lại. Tôi bắt đầu lò dò tìm kiếm con mèo dọc theo lối đi. Điều gì sẽ xảy ra nếu chủ nhân những dấu chân này vẫn còn ở quanh đây?

Nhưng, rốt cuộc, con người có gì mà khiến tôi phải sợ kia chứ? Hoặc thậm chí một robot, vì không có con nào bám theo tôi từ trại tù, và không có bất cứ điều gì cho thấy các Tầm soát viên hoặc một ai khác đang truy lùng tôi. Nhưng tôi vẫn thấy e sợ - hay “rén”, giống như trong *Từ điển tiếng lóng*.

Cuối cùng, tôi tìm thấy Biff đang ngấu nghiến một lon đậu khô mở sẵn trên một cái quầy, bên cạnh hàng trăm lon tương tự chưa mở. Biff đang gặm gù rất lớn, và tôi có thể nghe thấy tiếng răng rắc do những chiếc răng bé xíu đang cắn hạt gây ra. Tôi cầm một cái lon chưa mở. Con mèo thậm chí không buồn nhìn tôi. Không giống như các món thực phẩm đóng hộp mà tôi đã thấy trước đây, trên lon đậu có đề như thế này:

ĐẬU PINTO ĐƯỢC CHIẾU XẠ VÀ ỔN ĐỊNH HẠN SỬ DỤNG: SÁU THẾ KỈ KHÔNG CÓ PHỤ GIA

Ngoài ra nó còn có hình ảnh một đĩa đậu bốc khói cùng một lát thịt lợn xông khói bên trên. Nhưng thứ đậu mà Biff đang ăn ngấu nghiến trông khô khốc và chẳng ngon lành gì. Tôi thò tay bốc một nhúm đậu. Biff ngược lên nhìn tôi và nhe răng gặm gù, nhưng rồi tập trung ăn tiếp. Tôi bỏ một hạt đậu vào trong miệng và nhai thử. Nó cũng không quá tệ, mà tôi lại đang đói. Tôi bỏ hết nhúm đậu còn lại vào miệng, vừa nhai vừa nghiên cứu lon đậu nguyên vẹn, tìm cách xác định xem làm thế nào mở được nó. Trên nắp lon có hướng dẫn cụ thể, nào là phải ấn vào một chấm màu trắng rồi vừa kéo vừa xoay một miếng nhãn màu đỏ. Tôi cố gắng thử đủ kiểu nhưng vẫn không mở được lon đậu. Trong lúc đó tôi đã nhai hết số đậu trong miệng, và Biff cũng vậy. Cảm giác thèm ăn trong tôi trỗi dậy, tôi nổi cáu với cái lon đậu lì lợm. Với tư cách là người

duy nhất trên trái đất này có thể đọc được hướng dẫn mở lon, tôi vẫn bất lực.

Tôi sực nhớ mình đã đi ngang qua một dãy kệ bày bán các loại dụng cụ. Tôi quay lại chỗ đó. Sự bực bội và cơn đói đã làm tôi quên hết cảm giác e dè, tôi rải những bước chân chắc chắn và ồn ào. Tại đó tôi tìm thấy một cái rìu nhỏ, giống như trong phim *Vợ sát thủ ra tay*, trừ việc cái rìu này được bọc trong màng nhựa, và tôi cũng không thể mở được nó.

Càng điên tiết, tôi càng thêm ăn chỗ đậu kia. Tôi cố dùng răng xé lớp vỏ bọc của cái rìu, nhưng nó quá chắc. Thế rồi tôi trông thấy một tủ kính cất những cái hộp nhỏ nằm cạnh một dãy kệ khác. Tôi bước sang bên đó, giơ rìu lên cao rồi thả xuống, làm vỡ kính. Vài mảnh kính sắc nhọn còn bám lại trên khung kim loại của tủ kính. Tôi kê màng nhựa bọc chiếc rìu vào đó, và cửa mạnh. Lớp nhựa bắt đầu rách ra. Cuối cùng tôi đã gỡ được nó ra khỏi chiếc rìu.

Sau đó, tôi quay lại chỗ mấy cái lon đậu, bỏ rìu vào nắp lon cho tới khi nó bật mở và số đậu bên trong đổ ra ngoài. Tôi đặt rìu xuống quây và bắt đầu ăn đậu.

Khi ăn đến nhúm đậu thứ ba, tôi nghe thấy một giọng nói trầm trầm cất lên sau lưng:

- Này, anh đang làm cái quái gì vậy?

Tôi quay lại và thấy hai người đứng đó, một ông già râu đen và một phụ nữ mập mạp. Mỗi người dắt theo một con chó to và vũ trang bằng một con dao dài. Hai con chó cũng đang nhìn tôi chăm chú. Chúng thuộc giống chó bạch tạng, với bộ lông trắng và đôi mắt hồng.

Bên cạnh tôi, mèo Biff cong lưng lại và nhe răng với lũ chó. Lúc đó tôi mới nhận ra có lẽ chúng chỉ đang nhìn vào con mèo.

Hai người kia già hơn tôi và cũng mập mạp hơn. Kiểu nhìn của họ vượt qua giới hạn của Quyền Riêng tư, nhưng chủ yếu tò mò hơn là thù địch. Tuy vậy, những con dao dài của họ trông rất đáng sợ.

Trong miệng tôi vẫn còn một ít đậu. Tôi nhai tiếp rồi trả lời họ:

- Tôi đang ăn. Tôi đói.
- Thứ anh đang ăn, nó thuộc về tôi. - Ông già nói.
- Chúng tôi. - Người phụ nữ đế thêm. - Gia đình chúng tôi.

Gia đình. Tôi chưa từng nghe một người nào nói ra hai từ đó, ngoại trừ trong các bộ phim.

Ông già phớt lờ bà ta và hỏi tôi:

- Anh đến từ thành phố nào?
- Tôi không biết. - Tôi đáp. - Tôi đến từ Ohio.
- Hẳn có thể đến từ Eubank. - Người phụ nữ nói với ông ta. - Trông hẳn giống như một gã Dempsey. Đám đó ốm nhom ốm nhách như nhau.

Tôi đã nuốt xong chỗ đậu trong miệng.

- Hoặc một tay Swisher. - Người đàn ông đáp. - Từ thị trấn Ocean.

Biff thành linh nhảy phóc khỏi cái quây nó đang đứng và bỏ chạy, nhanh chưa từng thấy. Hai con chó dõi mắt nhìn theo con

mèo, kéo căng sợi dây dắt. Chủ nhân của chúng chẳng buồn quan tâm.

- Anh đến từ thị trấn nào trong bảy cái? Và tại sao anh phá luật khi ăn đồ của chúng tôi?

- Và đồng thời xâm phạm thánh địa của chúng tôi? - Người phụ nữ đế thêm.

- Tôi chưa từng nghe nói tới bảy thị trấn. - Tôi đáp. - Tôi là một người lạ tình cờ đi ngang qua đây. Tôi bị đói, và khi tìm thấy chỗ này tôi đã vào. Tôi không hề biết nó là một... thánh địa.

Người phụ nữ trở mặt nhìn tôi:

- Anh không nhận ra một nhà thờ Thánh sống hay sao?

Tôi đưa mắt nhìn những dãy quầy kệ chất đầy hàng hóa bọc màng nhựa, các sào treo quần áo đủ màu sắc, thiết bị điện tử, súng trường, gậy đánh golf và áo khoác.

- Nhưng đây không phải là một nhà thờ. - Tôi bắt bẻ. - Đây là một cửa hàng.

Hai người kia không nói gì một lúc lâu. Một trong hai con chó có lẽ đã mệt mỏi với việc nhìn theo hướng Biff bỏ chạy và nằm xuống sàn, ngáp dài. Con còn lại hít ngửi bàn chân của người đàn ông.

Ông ta thốt lên:

- Đúng là một sự phỉ báng. Cộng thêm sự phỉ báng khi anh ăn đồ thánh mà không được cho phép.

- Tôi xin lỗi. - Tôi lắp bắp. - Tôi hoàn toàn không biết...

Người đàn ông bất ngờ tiến tới và nắm chặt cánh tay tôi với một sức mạnh đáng kinh ngạc, đồng thời kê mũi dao vào bụng tôi. Trong lúc đó, người phụ nữ cũng di chuyển nhanh thoăn thoắt so với vóc dáng bệ vệ của mình và chộp lấy chiếc rìu mà tôi đã sử dụng để mở lon đậu. Chắc bà ta nghĩ tôi có thể dùng nó để tự vệ.

Tôi vô cùng sợ hãi và không biết phải nói gì. Người đàn ông giắt dao vào thắt lưng rồi bẻ quặt hai cánh tay của tôi ra sau lưng, và bảo người phụ nữ lấy cho ông ta một sợi dây. Bà ta đi đến một quầy hàng nằm cách đó vài dãy, nơi có một cuộn dây Synlon lớn, dùng dao cắt đứt một đoạn, rồi bỏ lại cái rìu ở đó. Bà ta đưa sợi dây cho người đàn ông, và ông ta trói hai tay tôi lại với nhau. Hai con chó quan sát tất cả vụ việc với ánh mắt lười biếng. Tôi đã bắt đầu vượt qua nỗi sợ hãi và cảm thấy tương đối bình tĩnh. Tôi đã xem những thứ như thế này trên ti vi, và tôi bắt đầu cảm thấy tình huống này là một thứ mà tôi chỉ đang xem, như thể không nguy hiểm thực sự nào đối với tôi. Nhưng tim tôi đập thành thịch, và tôi có thể nhận ra mình đang run rẩy. Tuy vậy, bằng cách nào đó, tâm trí tôi đã vượt qua chuyện này, và tôi cảm thấy bình thản. Tôi chỉ đang tự hỏi chuyện gì đã xảy ra với Biff, cũng như chuyện gì sẽ xảy ra với nó.

- Hai người định làm gì tôi? - Tôi hỏi.

- Cứ theo thánh thư mà làm thôi. - Ông ta đáp. - Kẻ báng bố chốn thiêng liêng của ta sẽ bị ném vào Hồ Lửa cháy vĩnh viễn.

- Jesus Christ! - Tôi thốt lên. Không hiểu sao tôi lại nói như thế. Có lẽ là do những lời lẽ trong *Kinh Thánh* mà ông ta sử dụng.

- Anh vừa nói gì? - Người phụ nữ hỏi lại.

- Jesus Christ.

- Ai cho anh biết cái tên đó.

- Tôi học được từ trong *Kinh Thánh*. - Tôi đáp. Tôi không nhắc tới Mary Lou cũng như người đàn ông tự thiêu đã gọi tên Jesus.

- *Kinh Thánh* nào? - Bà ta chất vấn.

- Hắn đang nói dối đấy. - Người đàn ông chen vào, rồi bảo tôi. - Cho tôi xem cuốn *Kinh Thánh* đó.

- Tôi không mang theo nó ở đây. - Tôi đáp. - Tôi đã phải bỏ nó lại...

Ông ta chỉ nhìn tôi chăm chăm.

Sau đó hai người dẫn tôi ra hành lang chính của Trung tâm thương mại, nơi có đài phun nước, họ giải tôi đi ngang qua các cửa hiệu, nhà hàng, sân thiên, và một nơi có gắn tấm biển đề: NHÀ CHÚA JANE.

Khi chúng tôi đi ngang qua một cửa hiệu lớn có đề chữ DƯỢC PHÒNG, người đàn ông nói:

- Nhìn cách anh run lên thế kia, tôi đoán anh sẽ cần một thứ này.

Ông ta đẩy cửa, và chúng tôi bước vào một nơi có rất nhiều những cái hũ lớn được xếp thành hàng, bên trong đựng đầy những viên thuốc đủ kích cỡ hình dạng. Ông ta tiến đến bên một cái hũ có đề MÊ DƯỢC: KHÔNG GÂY NGHIỆN. ƯC CHẾ SINH SẢN, rồi rút từ trong túi quần ra một cọc thẻ tín dụng cũ mèm đã bạc màu, chọn lấy một cái màu xanh dương nằm dưới cùng, và nhét vào khe nằm bên dưới hũ thuốc.

Những cái hũ bằng thủy tinh này là một dạng máy phân phối đời cũ, rõ ràng không được đẹp đẽ và nhanh chóng bằng những máy bán đồ tự động trên Đại lộ số Năm. Nó mất ít nhất một phút để đọc cái thẻ trước khi trả lại, và cần thêm nửa phút nữa để mở khe cửa nhỏ bằng kim loại ở phần đế, nhả ra một nắm những viên thuốc màu xanh.

Người đàn ông cầm chỗ thuốc lên và hỏi tôi:

- Anh muốn bao nhiêu viên?

Tôi lắc đầu đáp:

- Tôi không dùng chúng.

- Anh không dùng chúng? Thế anh dùng cái quái gì?

- Không gì cả? - Tôi đáp. - Đã lâu rồi tôi không dùng ma túy.

Người phụ nữ xen vào:

- Này anh, sau khoảng mười phút nữa anh sẽ ở trong Hồ Lửa cháy vĩnh viễn. Tôi mà là anh thì sẽ nốc vài viên đấy.

Tôi không nói gì.

Người đàn ông nhún vai. Ông ta nuốt một viên, đưa cho người phụ nữ một viên, rồi cất chỗ mê dược còn lại vào trong túi.

Chúng tôi bước ra khỏi cửa hàng, để lại hàng trăm chai lọ đựng thuốc, và khi chúng tôi rời đi, ánh đèn trong cửa hiệu tự động tắt phụt.

Chúng tôi đi vòng qua một góc tường và một đài phun nước mới xuất hiện, với ánh sáng và điệu nhạc mới, nhẹ nhàng hơn. Nó lớn hơn đài phun nước ban nãy.

Hai bên chúng tôi bây giờ là những bức tường bằng thép không gỉ với những ô cửa nằm rải rác. Trên mỗi ô cửa là một tấm biển. Tôi đọc thử hai cái:

PHÒNG NGỦ B

SỨC CHỨA: 1.600

PHÒNG NGỦ D

SỨC CHỨA: 2.200

- Ai ngủ trong những chỗ này vậy? - Tôi thắc mắc.
- Không ai cả. - Người phụ nữ đáp. - Chúng dành cho người xưa.
Thời quá khứ.

- Xưa cỡ nào? - Tôi hỏi lại. - Thời kì nào?

Bà ta lắc đầu.

- Thời cổ đại. Khi họ là những người khổng lồ trên trái đất, và họ sợ cơn thịnh nộ của Đức ngài.

- Họ sợ cơn mưa lửa từ Thiên đàng. - Người đàn ông nói thêm. -
Và họ không tin Jesus. Cơn mưa lửa không bao giờ xuất hiện, và bọn họ chết hết rồi.

Chúng tôi đi qua nhiều cánh cửa khác, rồi qua gần một cây số tường thép không gỉ được ghi vắn vện hai chữ “LƯU TRỮ”, trước khi rốt cuộc cũng đến được điểm kết thúc của hành lang, nơi có một cánh cửa lớn đề dòng chữ màu đỏ:

NGUỒN ĐIỆN: CHỈ DÀNH CHO NGƯỜI CÓ PHẬN SỰ.

Người đàn ông lấy từ trong túi ra miếng kim loại nhỏ. Ông ta áp nó vào một hình chữ nhật tương ứng nằm ở trung tâm cánh cửa và tuyên bố:

- Chìa khóa Vương quốc.

Cánh cửa trượt mở ra và một ánh sáng dịu nhẹ được bật lên.

Bên trong cửa có một hành lang nhỏ, và không khí đặc biệt nóng. Những con chó bị bỏ lại bên ngoài và chúng tôi đi theo hành lang đến một cánh cửa khác. Càng đi sâu vào trong thì hơi nóng càng tăng. Tôi bắt đầu đổ mồ hôi và ước gì mình có thể lau trán, nhưng tay tôi vẫn đang bị trói sau lưng.

Chúng tôi đã đến trước cánh cửa. Trên đó có viết những một dòng chữ lớn màu cam:

LỐI TIẾP CẬN MẶT TRỜI NHÂN TẠO

DỰ ÁN HỢP HẠCH SỐ BA: MAUGRE

Người đàn ông áp một tấm thẻ khác vào cánh cửa này và khi nó mở ra, một sức nóng dữ dội phả vào mặt tôi. Có một cánh cửa khác nằm ngay bên trong. Người đàn ông ấn một chiếc thẻ khác vào một cái khe bên cạnh nó, và cánh cửa mở ra khoảng hai mét rưỡi. Một quang sáng màu cam rực rỡ đằng sau cánh cửa chiếu sáng một gian phòng rộng lớn. Gian phòng không có sàn. Hay đúng hơn, nó có một mặt sàn ngập trong ánh sáng cam. Sức nóng bao trùm lên tất cả.

Giọng nói của người đàn ông cất lên:

- Kia là ngọn lửa vĩnh cửu.

Tôi cảm thấy mình bị đẩy tới từ phía sau, tim tôi gần như ngừng đập và miệng tôi không thốt nên lời. Tôi nhìn xuống và chỉ có thể mở hé mắt trong tích tắc, nhưng cũng đủ lâu để thấy một hố tròn lớn đang ở ngay trước chân tôi, và một ngọn lửa rực sáng như mặt trời nằm sâu bên dưới cái hố đó.

Tiếp đó tôi bị lôi trở lại trên đôi chân mềm nhũn, rồi bàn tay của người đàn ông xoay người tôi lại để đối mặt với ông ta, và ông ta nói khẽ:

- Người có muốn nói lời sau cùng không?

Tôi nhìn khuôn mặt ông ta. Nó đầm đìa mồ hôi và không có chút cảm xúc nào.

- *Ta là sự sống lại và cũng là sự sống.* - Tôi nói. - *Ai tin ta, dầu có chết cũng sẽ được sống.*

Người phụ nữ ré lên:

- Chúa ơi, Edgar! Chúa ơi!

Người đàn ông nhìn tôi chăm chú.

- Người học những lời đó từ đâu? - Ông ta hỏi.

Tôi cố tìm điều gì đó để trả lời, nhưng rốt cuộc đành phải nói sự thật, dù có cảm giác ông ta sẽ không hiểu được.

- Tôi đã đọc trong *Kinh Thánh*.

- *Đọc?* - Người phụ nữ thốt lên, - Anh biết đọc Thánh Thư?

Tôi có cảm giác mình sẽ chết vì cái nóng ở lưng nếu không nhanh chóng rời khỏi nơi này. Tôi có thể thấy sự đau đớn trên khuôn mặt của người đàn ông, vì sức nóng hoặc sự nghi ngờ.

- Đúng vậy. - Tôi đáp. - Tôi có thể đọc Thánh Thư. - Tôi nhìn thẳng vào mắt ông ta vào nói thêm. - Tôi có thể đọc bất cứ thứ gì.

Người đàn ông nhìn chăm chăm vào tôi với khuôn mặt co rúm thêm một khoảnh khắc kinh khủng nữa, và sau đó, rất đột ngột, ông ta kéo tôi về phía trước, tránh xa ngọn lửa, đẩy tôi qua cánh cửa phía ngoài rồi đóng lại. Sau đó chúng tôi đi qua cánh cửa thứ hai, và nó tự đóng lại, hơi nóng giảm xuống mức có thể chịu được.

- Được rồi. - Người đàn ông nói. - Chúng ta sẽ đến chỗ cuốn sách. Để xem người có thể đọc nó được không.

Nói đoạn ông ta rút dao và cắt dây trói cho tôi.

- Tôi phải tìm Biff trước đã.

Tôi bắt gặp con mèo khi đi được nửa đường trở về Sears, và bế nó lên.

* * *

Trên đường tôi bị áp giải trong run sợ tới Hồ Lửa, chúng tôi đã đi qua một đài phun nước khác. Khi quay trở lại Sears và đi ngang qua đài phun nước đó một lần nữa, một cảnh phim xưa bỗng hiện lên trong đầu tôi: Trong *Vua của các vị vua*, nam diễn viên H.B. Warner yêu cầu một người đàn ông tên John “rửa tội” cho mình bằng cách nhúng ướm mình dưới sông. Rõ ràng là tình tiết này mang một ý nghĩa thần bí sâu sắc. Những bước chân của tôi trên hành lang rộng rãi vắng vẻ dẫn đến Trung tâm thương mại dường như thật nhẹ nhàng. Người đàn ông và người phụ nữ vẫn kề sát bên cạnh, nhưng không chạm vào người tôi, hai cánh tay tôi cũng đã được cởi trói. Cả hai con chó đều yên lặng và phục tùng, chúng

tôi chỉ có thể nghe thấy tiếng những bước chân đều đặn và đắm chìm trong thứ âm nhạc bay bổng phát ra từ những chiếc loa vô hình. Tiếng róc rách của tia nước phun lên trần theo hình vòng cung giờ đây trở nên rõ ràng hơn.

Tôi nghĩ đến Jesus, với khuôn mặt thanh thản đầy râu ria trên dòng sông Jordan, và đột ngột dừng bước.

- Tôi muốn được rửa tội. Trong đài nước này. - Tôi nói với giọng mạnh mẽ và rành rọt, mắt nhìn chăm chú vào hồ nước hình tròn cạnh đó trong khi những giọt nước li ti bắn vào mặt tôi.

Nơi góc mắt của mình, tôi nhận thấy, như trong một cơn mơ, người phụ nữ quì thụp xuống, chiếc váy jean dài phồng lên khi bà ta làm như vậy. Giọng nói của bà ta lúc này cất lên một cách yếu ớt:

- Chúa ơi! Thánh Thần đã truyền đạt cho anh ta những lời của họ.

Người đàn ông đáp lại:

- Đứng dậy đi Berenice. Hắn có thể đã được mách nước trước đó. Chẳng ai giữ kín các bí mật của nhà thờ.

Tôi quay lại khi người phụ nữ đứng dậy và vuốt lại vạt áo chui đầu trên phần hông rộng.

- Nhưng anh ta nhận ra nguồn nước ngay khi nhìn thấy. - Bà ta nói. - Anh ta biết nơi nào có nước thánh.

- Đã bảo rồi. - Người đàn ông đáp, nhưng trong giọng nói bắt đầu có sự hoài nghi. - Hắn có thể nghe ai đó trong sáu thị trấn kia kể lại. Chỉ vì nhà Baleen không phạm tội không có nghĩa là bọn Grayling cũng thế. Có lẽ Manny Grayling đã kể với anh ta. Quỉ sứ,

anh ta có thể là một gã Grayling, một trong số những người mà bọn họ không cho nhà thờ biết.

Người phụ nữ lắc đầu.

- Rửa tội cho anh ta đi, Edgar Baleen. - Bà ta nói. - Ông không thể khước từ bí tích.

- Tôi biết. - Ông ta đáp khẽ trong lúc cởi chiếc áo khoác jean, và nhìn vào tôi với vẻ mặt trang nghiêm. - Ngồi xuống đi. Trên thành hồ.

Tôi ngồi xuống thành của đài phun nước. Người phụ nữ quì xuống cởi giày và vớ cho tôi, trước khi xắn ống quần lên. Sau đó bà ta ngồi bên cạnh tôi. Ông già cũng ngồi cạnh tôi, lúc này không còn áo khoác trên người. Hai người cởi giày và vớ của mình. Họ đã thả hai con chó trắng ra. Chúng đứng đó quan sát chúng tôi và con Biff, lúc này đang cuộn mình nằm dưới sàn.

- Được rồi. - Người đàn ông nói. - Bước vào nguồn nước đi.

Tôi đứng dậy và bước qua thành hồ, nhúng chân xuống nước lạnh. Khi nhìn xuống, tôi thấy những viên gạch lát đáy bể được ghép thành hình một con cá lớn, khá giống con cá tôi đã tìm thấy và ăn trên bãi biển - thân hình óng ánh bạc, với đầy đủ vây và mang. Nước ngập ngang đầu gối tôi, nhưng phần còn lại của cơ thể tôi đã bị nước bắn ướt hết. Nước rất lạnh, vậy mà tôi không hề cảm thấy bất tiện.

Tôi đang nhìn con cá dưới đáy hồ thì hai người kia tiến đến bên cạnh. Người đàn ông cúi xuống, khum hai bàn tay lại dưới nước trong giây lát, rồi đưa chỗ nước chảy long tong lên trên đầu tôi. Tôi cảm thấy hai bàn tay ông ta mở ra trên đầu mình, và nước ủa xuống mặt tôi.

- Ta rửa tội cho con nhân danh Cha và Con và Thánh Thần. - Ông nói.

Người phụ nữ vươn tới, đặt bàn tay mềm mại của mình lên đầu tôi.

- Amen và vinh danh Chúa. - Bà ta nói khẽ.

Chúng tôi bước ra khỏi đài phun nước. Tôi ngồi xuống đợi cùng với người đàn ông, hai con chó và mèo Biff, trong lúc người phụ nữ đi tới Sears để lấy khăn lau chân cho chúng tôi. Chúng tôi cùng nhau lau chân, mang giày, rồi đi tiếp trong im lặng.

Tôi thậm chí còn cảm thấy nhẹ nhàng hơn trước, cách biệt hơn nhưng đồng thời cũng hiện hữu nhiều hơn, tôi sống trọn vẹn những gì ở bên ngoài lẫn bên trong. Tôi có cảm giác như đã vượt qua một lần ranh vô hình, một ngưỡng cửa đã chờ đợi từ lúc tôi rời Ohio, và bước vào một vương quốc biểu tượng, nơi cuộc sống của tôi nhẹ nhàng, “như lông hồng”. Nơi chỉ có trải nghiệm của tôi về cuộc sống này mới quan trọng, trải nghiệm thuần khiết không bị ảnh hưởng của chất kích thích. Và nếu trải nghiệm đó đồng nghĩa với cái chết trong Hồ Lửa, thì tôi sẽ phải chấp nhận nó.

Giờ đây khi viết lại những dòng này, tôi tự hỏi liệu đây có phải là suy nghĩ của những người quyết định tự thiêu. Nhưng họ dùng ma túy, nhận thức không còn. Và họ không thể đọc.

Hay đó là hiệu quả của việc rửa tội? Chúa Thánh Thần tồn tại thực sự chăng? Tôi không tin vào điều đó.

Chúng tôi lặng lẽ đi theo hành lang và quay ngược lên cầu thang bộ, ánh đèn sau lưng chúng tôi tắt dần, âm nhạc nhường chỗ cho sự im lặng, và đài phun nước cũng dừng lại khi chúng tôi đi khỏi.

Khi lên đến gần đầu cầu thang, tôi ngoái lại trong giây lát để nhìn xuống Trung tâm mua sắm rộng lớn và vắng vẻ, với những chùm đèn và đài phun nước đang tắt dần, các cửa hiệu vẫn sáng rực như chờ đợi những khách hàng không bao giờ đến. Tôi có thể cảm nhận được vẻ trang trọng buồn bã của nơi đó, cũng như sự rộng rãi, sạch sẽ và trống vắng của nó.

Họ đưa tôi ra bên ngoài vào lúc trời đã tối, và im lặng dẫn tôi tới một trong những tòa nhà lớn nằm gần cột đá. Đó là một công trình có vẻ ngoài chẵn chu với bãi cỏ được cắt tỉa cẩn thận và không có bị cây dại bủa vây xung quanh. Chúng tôi đi vòng ra phía sau của tòa nhà, và tôi thấy một mảnh vườn cùng hàng hiên gỗ lác lõng được dựng thêm vào nhà, trông giống như một thứ mà tôi đã thấy trong *Sự ra đời của một quốc gia*.

Chúng tôi bước lên hiên nhà và đi vào bên trong qua cửa ra vào. Tôi thấy mình ở trong một gian phòng rộng lớn có trần nhà cao vút. Trong phòng có khoảng ba mươi người ăn vận giản dị ngồi quanh một bàn gỗ lớn, dường như đang chờ tôi. Mọi người im lặng từ lúc chúng tôi bước vào và tiếp tục giữ im lặng khi hai người kia dẫn tôi đi vòng qua cái bàn. Không khí im lặng hệt như phòng ăn của một trường nội trú, hoặc một trại tù.

Chúng tôi đi qua một hành lang hẹp tới một gian phòng khác, cũng rộng không kém, tại đây có kê nhiều hàng ghế gỗ đối diện với một cái bục. Phía sau bục là một màn hình ti vi to bằng cả bức tường, hiện đang tắt.

Baleen dẫn tôi lên bục. Tại đó có để sẵn một cuốn sách lớn màu đen, và mặc dù chữ trên bìa đã bay mất, tôi biết chắc nó là một cuốn *Kinh Thánh*.

Sự nhẹ nhõm sáng khoái mà tôi cảm thấy ban nãy đã tan biến. Tôi bối rối đứng đó, mắt quan sát gian phòng yên tĩnh với những chiếc ghế gỗ ọp ẹp, hình ảnh Jesus treo trên tường và màn hình tivi lớn. Không lâu sau đó, những người khác bắt đầu lục tục kéo vào và ngồi xuống. Những người đàn ông và phụ nữ yên lặng đi thành từng nhóm hai đến ba người, an tọa rồi nhìn tôi với một sự tò mò rụt rè, không nói tiếng nào. Tất cả đều mặc quần jeans và áo sơ mi đơn giản. Vài người đàn ông để râu giống tôi, nhưng hầu hết đều cạo nhẵn. Tôi quan sát họ, khắp khởi hi vọng tìm thấy những người trẻ tuổi, nhưng nhanh chóng thất vọng. Không một ai ít tuổi hơn tôi. Có vài cặp đôi cầm tay nhau trông như tình nhân, nhưng rõ ràng họ đã ngoài bốn mươi.

Khi tất cả ghế đã có người ngồi, Edgar Baleen đứng dậy và đột ngột dang rộng hai tay, lòng bàn tay ngửa lên, cất tiếng:

- Các anh em của tôi.

Mọi người nhìn ông ta với ánh mắt chăm chú, những đôi tình nhân buông tay nhau ra. Hầu hết bọn họ ngồi theo cặp, nhưng ở hàng ghế thứ hai có một phụ nữ trạc tuổi tôi đang ngồi một mình. Cô có vóc người cao ráo, ăn vận giản dị với bộ váy jean và một chiếc tạp dề màu xanh, nhưng vẫn tỏa ra một sức hút kì lạ. Bất chấp căng thẳng, tôi nhận ra mình đang ra sức quan sát cô dù không để lộ. Cô thực sự là một phụ nữ đẹp, tôi có thể nói như vậy. Thật dễ chịu khi được ngắm nhìn cô, quên đi phần nào những gì tôi vừa trải qua tại Hồ Lửa cũng như sắp phải đối mặt. Dù thế nào đi nữa, tôi có cảm giác những khó khăn đã trôi qua, và thoải mái để cho tâm trí mình nghĩ đến người phụ nữ kia.

Khuôn mặt cô được viền quanh bởi mái tóc vàng xoăn nhẹ. Nước da trắng không tì vết nổi bật trên sự thô ráp của bộ trang

phục. Đôi mắt cô to tròn, màu sáng, vầng trán cao rộng toát ra sự thông minh.

- Các anh em. - Baleen nói. - Năm nay là một năm tốt đẹp đối với đại gia đình, như tất cả mọi người đều biết. Chúng ta hòa hảo với láng giềng, và nguồn cung ứng của Chúa ở Đại Trung tâm Thương mại vẫn dồi dào phong phú. - Ông ta cúi đầu, giơ hai cánh tay ra trước và nâng lên cao. - Chúng ta hãy cùng cầu nguyện.

Mọi người cùng cúi đầu, ngoại trừ người phụ nữ mà tôi đang quan sát. Cô chỉ hơi nghiêng đầu. Tôi cũng cúi đầu để tránh rắc rối. Đã từng xem những cảnh như thế này trong các bộ phim, tôi biết mình nên cúi đầu và giữ im lặng.

Baleen bắt đầu ngân nga những lời cầu nguyện hình như đã học thuộc lòng:

- Chúa ban cho chúng ta sự an toàn trước những cơn mưa phóng xạ trong quá khứ và trong tương lai. Bảo vệ chúng ta khỏi các Tầm soát viên. Cho chúng ta yêu thương này và tránh cho chúng ta tội Riêng tư. Nhân danh Chúa Jesus, chúng ta cùng cầu nguyện. Amen.

Tôi không thể không giật mình khi nghe thấy mấy từ “tội Riêng tư”. Nó hoàn toàn trái với điều tôi được dạy, nhưng có gì đó trong tôi ủng hộ câu nói đó.

Có một vài tiếng ho và ngọ nguậy sau khi Baleen nói xong, và mọi người ngẩng lên trở lại.

- Chúa đã ban phước cho nhà Baleen, cũng như cho cả bảy gia tộc tại các thị trấn của miền đồng bằng. - Ông ta nói với giọng điệu bình thường trở lại. Ông hơi nghiêng người về phía trước và bấu vào mép bục giảng bằng hai bàn tay nhỏ nhắn, trắng trẻo

như của phụ nữ mà tôi chợt nhận ra, bàn tay với các móng được cắt tỉa cẩn thận. Ông hạ giọng nói tiếp, gần như thì thầm. - Và có lẽ giờ là lúc Chúa gửi cho chúng ta một người sứ giả, hoặc một giáo đồ. Một người lạ đã bước vào màn sương của chúng ta, đã vượt qua bài thử lửa trước sự chứng kiến của tôi, và đã cho thấy một sự hiểu biết về Chúa.

Tôi có thể thấy mọi người nhìn vào mình. Bất chấp sự bình tĩnh dường như đã tìm được trong lòng, tôi cảm thấy bối rối. Tôi chưa từng là mục tiêu của sự chú ý như thế này trước đây. Mặt mũi tôi nóng bừng, tôi bỗng ước gì các qui định về Quyền Riêng tư được áp dụng để ngăn mọi người nhìn vào nhau. Có phải đến ba mươi người, tất cả đều nhìn tôi với sự tò mò hoặc nghi ngờ không giấu giếm. Tôi đút tay vào túi cho khỏi run. Biff đang cọ mình vào mắt cá chân tôi. Trong một thoáng tôi thậm chí chỉ muốn nó biến đi khuất mắt và ngừng quan tâm đến tôi.

- Người này đã nói với tôi, rằng anh ấy nắm được kiến thức của thời trước. - Baleen tiếp tục tuyên bố. - Anh ấy nói mình là một Người Đọc.

Một số người tỏ ra ngạc nhiên. Họ nhìn tôi càng chăm chú hơn. Người phụ nữ mà tôi đang để ý hơi chồm tới trước, như để nhìn cho rõ hơn.

Thế rồi, với một cú vung tay cường điệu về phía tôi, Baleen yêu cầu:

- Hãy bước tới *Cuốn sách về sự sống* và đọc lên. Nếu anh có thể đọc.

Tôi nhìn ông ta, cố tỏ ra bình thản, nhưng tim đập thành thịch và hai đầu gối run lên. Chứng này con người tụ tập lại một chỗ!

Tôi đã không mong đợi điều này xuất hiện, nhưng khi nó ập đến, tôi dường như quay trở lại với con người của tôi ngày xưa - trước Roberto và Consuela, trước Mary Lou, trước khi vào tù, trốn thoát rồi tự lực cánh sinh như kẻ nổi loạn. Ngay cả lúc còn là một giảng viên nhút nhát chuyên giảng dạy về việc kiểm soát tâm trí bằng những gì tôi đã học thuộc và nhai đi nhai lại nhiều lần, tôi vẫn bị căng thẳng trước sự hiện diện của những lớp đông nhất - với mười tới mười hai học viên cùng tham gia. Dù tất cả bọn họ đều được giáo dục kỹ lưỡng để tránh nhìn vào mắt tôi trong khi nghe giảng.

Bằng cách nào đó tôi cũng xoay sở để đi được vài bước tới bục giảng kinh, nơi cuốn *Kinh Thánh* được đặt ở đấy. Tôi suýt giẫm phải Biff. Baleen tránh sang bên cạnh nhường chỗ cho tôi và nói:

- Hãy đọc từ đầu.

Với bàn tay run run, tôi mở trang bìa của cuốn sách và thầm biết ơn khi được nhìn xuống, tránh ánh mắt của giáo đoàn. Tôi im lặng nhìn trang giấy một lúc. Trên đó có in chữ, nhưng không hiểu sao các chữ cái dường như chẳng có ý nghĩa gì. Một số thì to, số khác lại nhỏ. Tôi biết mình đang nhìn một trang tựa đề, nhưng không thể nào bắt tâm trí làm việc được. Tôi tiếp tục quan sát. Đây không phải là một ngôn ngữ nước ngoài, tôi biết, nhưng tâm trí tôi không tài nào sắp xếp được các chữ cái thành chuỗi có ý nghĩa. Chúng dường như chỉ là những vết mực trên trang giấy ngả vàng. Tôi đã ngừng run rẩy, lúc này toàn thân tôi cứng đờ. Mọi chuyện kéo dài một cách không thể chấp nhận được. Trong đầu tôi hiện lên một hình ảnh đáng sợ, che lấp trang giấy đang mở trên chiếc bục giảng kinh bằng gỗ sồi: Quầng lửa vàng cam bên dưới cái hố sâu ở trung tâm thương mại. Lỗi hạt nhân có thể làm

thân thể tôi bốc hơi trong nháy mắt. *Đọc đi*, tôi tự nhủ. Nhưng tôi vẫn tắc tị.

Tôi có thể cảm thấy Baleen tiến đến gần. Tim tôi như muốn ngừng đập.

Thế rồi, bất thành linh, một giọng nữ trong trẻo, mạnh mẽ cất lên từ phía trước mặt tôi:

- Hãy đọc đi. Đọc cho chúng tôi nghe đi, người anh em.

Tôi kinh ngạc ngẩng lên, và nhận ra giọng nói thuộc về người phụ nữ xinh đẹp cao ráo đang ngồi một mình kia. Lúc này cô nhìn thẳng vào tôi bằng ánh mắt cầu khẩn.

- Anh có thể làm được mà. - Cô nói. - Hãy đọc cho chúng tôi nghe đi!

Tôi đưa mắt nhìn vào trang sách trở lại. Mọi thứ bỗng thật đơn giản. Những mẫu tự in hoa lớn bằng mực đen choán gần hết trang giấy ghép thành hai từ: KINH THÁNH.

Tôi đọc lên thành tiếng:

- *Kinh Thánh.*

Tiếp đó, tôi đọc dòng chữ nhỏ hơn bên dưới:

- *Tóm lược và cập nhật cho độc giả hiện đại.*

Rồi tôi đọc nốt dòng chữ cuối trang:

- *Phiên bản rút gọn của Reader's Digest, Omaba. 2123.*

Đó là tất cả những gì được in trong trang sách. Tôi mở trang tiếp theo, đặc kín chữ, và bắt đầu đọc với chất giọng điềm tĩnh hơn:

- *Sáng thế, bởi Moses. Ban đầu Chúa tạo ra trời và đất, nhưng đất không có hình dạng và không có ai sống trên đó. Sự tối tăm bao trùm cho tới khi Chúa nói “Hãy cho ta một chút ánh sáng!” và ánh sáng xuất hiện...*

Tôi tiếp tục đọc, mỗi lúc một dễ dàng hơn. Nó không hề giống cuốn *Kinh Thánh* tôi từng đọc ở trại tù, nhưng cuốn đó lâu đời hơn.

Khi đọc hết trang, tôi ngẩng lên.

Người phụ nữ xinh đẹp đang nhìn tôi, mắt mở to và miệng hơi há ra. Nét mặt cô giống như đang thán phục hoặc ngưỡng mộ.

Một lần nữa tôi cảm thấy bình yên. Tôi bỗng thấy mệt mỏi, kiệt quệ và bất lực, đến mức tôi đứng gục đầu ngay trên bục, mắt nhắm, để cho tâm trí trở nên trống rỗng và chỉ còn lại những lời này:

Đời tôi nhẹ tựa lông hồng

Đợi chờ cơn gió tử thần mang đi

Tôi nghe thấy tiếng kéo ghế khi những người đàn ông và phụ nữ đứng dậy, nối tiếp bởi những bước chân rời khỏi gian phòng một cách lặng lẽ. Nhưng tôi không ngẩng lên.

Cuối cùng, tôi cảm thấy một bàn tay mạnh mẽ nhưng dịu dàng đặt trên vai mình và mở mắt ra. Đó chính là Edgar Baleen.

- Này Người Đọc. - Ông nói. - Đi với tôi.

Tôi nhìn ông ta đắm đắm.

- Người Đọc, anh đã vượt qua thử thách. Anh đã được rửa tội. Anh không cần phải sợ Hồ Lửa nữa. Anh cần được nghỉ ngơi.

Lúc đó tôi mới thở hắt ra và đáp:

- Phải, phải. Tôi cần nghỉ ngơi đôi chút.

* * *

Thế là tôi đã từ trại tù đến đây, trở thành “Người Đọc” cho một cộng đồng Công giáo, giống như một dạng thầy tu. Trong vài tháng kể từ lúc đó, tôi đã đọc *Kinh Thánh* cho họ vào các buổi sáng và buổi tối, trong khi họ im lặng lắng nghe. Tôi đọc, họ nghe, không ai nói gì.

Giờ đây viết lại những dòng này trong ngôi nhà của mình ở Maugre, đơn độc và bình an, được ăn ngon ngủ kỹ, tôi gần như đã quên những điều kì dị khi sống cùng gia đình Baleen. Những kí ức về Mary Lou và những bộ phim câm trở nên sống động và hiện hữu nhiều hơn, dù tôi sắp phải đi đọc kinh buổi tối. Từ sau giờ đọc kinh sáng, cả ngày hôm nay tôi đã dành cho việc viết lách. Tôi sẽ ngừng lại để cho Biff ăn, rồi uống một ly whisky. Ngày mai tôi sẽ cố hoàn tất chương đời này của mình. Và thuật lại câu chuyện buồn về Annabel.

Đêm đầu tiên, Edgar đưa tôi lên một căn phòng trên gác để ngủ, và bỏ tôi lại ở đó. Có hai chiếc giường trong phòng, với phần đầu giường được làm bằng những cái ống đồng trông giống như nơi ông già nằm chết khiến đồng hồ ngừng lại và con chó khóc than trong một bộ phim. Tôi tháo giày và cứ thế để nguyên quần áo trèo lên giường. Mèo Biff cuộn mình nằm dưới chân tôi, trên lớp chăn, ngủ ngay lập tức. Tôi thêm được như nó. Dù rất mệt mỏi và được nằm trên chiếc giường êm ái nhất, trên tấm nệm dày và dưới

lớp chần chần in hoa lớn với cái mác “SEARS - LÔNG VŨ CAO CẤP” được may ở mép viền màu hồng, tôi vẫn không tài nào chộp mắt được. Trong đầu tôi có quá nhiều thứ. Nằm giữa căn phòng tối với các giác quan được mài sắc bởi sự mệt mỏi, tôi bắt đầu hình dung về đủ thứ trong quá khứ với một sự sáng suốt khác thường. Nó giống như một sự kiểm soát tâm trí mà tôi từng nghiên cứu và giảng dạy ở Ohio, với những ảo ảnh rõ nét, tuy nhiên nó không được ma túy trợ giúp và tôi không kiểm soát được nó.

Tôi thấy hình ảnh Mary Lou ngồi trên sàn thư viện đọc sách, thấy những khuôn mặt vô hồn của các học viên lớn tuổi trong lớp học nhỏ của mình ở Ohio, những đôi mắt của họ sụp xuống khi họ ngồi đó trong bộ áo jean thụng với tâm trí lâng lâng thư thái. Tôi cũng thấy trưởng khoa Spofforth cao lớn, thông minh, đáng sợ, với nước da nâu sẫm và suy nghĩ không thể đoán định. Tôi thấy mình trong hình dáng một đứa trẻ, đứng giữa khoảng sân rộng phía bên ngoài kí túc xá dành cho thiếu niên của trường nội trú. Trước đó tôi bị phạt Cô lập một ngày vì vi phạm sự Riêng tư khi chia sẻ thức ăn của mình với một đứa bạn. Theo qui định Cô lập, tôi buộc phải đứng im và bị đụng chạm - vào mặt, tay hoặc ngực - bởi mọi đứa trẻ đi ngang qua sân. Tôi co rúm trong lòng với mỗi cái đụng chạm, và mặt tôi nóng bừng vì nhục nhã.

Rồi trong đầu tôi hiện lên hộp Riêng tư, đó là chỗ ngủ đầu tiên tôi còn nhớ, với chiếc giường hẹp, cứng ngắc như cửa một tu sĩ, tiếng nhạc vọng ra từ những vách tường cách âm bằng nhựa Permo, và tấm thảm Riêng tư nhỏ trên sàn, nơi tôi lăm râm cầu nguyện để “Người dẫn lối giúp tôi phát triển hướng nội, vượt qua vui thú và trầm lặng mà tới cõi Niết Bàn. Để cho tôi không bị tác động bởi bên ngoài...” Tôi nhớ tới chiếc ti vi cá nhân to bằng cả bức tường đã dạy tôi cách rũ bỏ hoàn toàn, bỏ lại thân xác trẻ con

nhiều giờ đồng hồ trong khi những hình ảnh về lạc thú, niềm vui và sự bình yên xuất hiện chớp nhoáng trên màn hình ba chiều lộng lẫy của nó, còn cơ thể tôi chỉ hoạt động để đưa lên não các hóa chất cần thiết cho sự thụ động trống rỗng, đến từ những viên thuốc mà tôi sẽ uống theo tín hiệu nhắc trên ti vi, khi ánh sáng màu tím oải hương của mê dược xuất hiện.

Tôi thường xem ti vi từ bữa tối cho đến khi đi ngủ, và tiếp tục mơ về nó: Rực rỡ, mê hoặc, một sự lấp đầy trong tâm trí thoát xác của tôi.

Khi nằm đó trong căn phòng ngủ cũ kĩ kì lạ, vào cuối cái ngày mà tôi được rửa tội và suýt bị thiêu rụi trong lò lửa hạt nhân, đọc *Sáng Thế Kí* cho những con người xa lạ, tôi không thể ngủ được vì không còn kiểm soát được trí tưởng tượng. Tôi chìm trong khao khát về sự đơn giản mà phần đời quá khứ mang lại, khi còn là một đứa trẻ thực sự trong thế giới hiện đại. Tôi rất muốn. Tôi thêm những viên mê dược, cần sa và các chất kích thích thần kinh khác, thêm trải nghiệm Sự Thanh tẩy do chất hóa học và truyền hình mang lại, cũng như những lời cầu nguyện tôi gửi tới “Người Dẫn Lối” - bất kể người đó là gì, cùng giấc ngủ êm đềm, đầy mộng mị dưới tác dụng của thuốc trong căn phòng nhựa nhỏ bé ấy - có điều hòa không khí, yên ắng, an toàn trước những bối rối, khao khát, bồn chồn và tuyệt vọng tạo nên cuộc sống mới của mình. Tôi không muốn sống với thực tại nữa, nó quá nặng gánh. Một gánh nặng lớn lao, đáng buồn.

Tôi nghĩ đến con ngựa già trong phim, với đôi tai lộ lên qua hai cái lỗ của chiếc mũ rơm. Và câu *Chỉ có chim nhại hát ở bìa rừng*. Tôi nghĩ đến chính mình và Mary Lou, có lẽ là thế hệ con người cuối cùng trên trái đất, một nơi không có trẻ em và không có

tương lai. Tôi thấy những khuôn mặt bốc cháy trong quán Burger Chef, tuân theo sự diệt vong không tránh khỏi của loài người bằng cách thức rực lửa của họ.

Tôi buồn vô hạn. Thế nhưng tôi không khóc.

Tôi thấy những khuôn mặt robot vô cảm và nghiêm khắc chăm sóc chúng tôi khi còn bé, khuôn mặt của thẩm phán tại buổi điều trần, và của Belasco, với đôi mắt thông thái, già nua, giấu cợt đang cười với tôi.

Cuối cùng, khi tôi cảm thấy các hình ảnh sẽ không ngừng ủa vào đầu óc mệt mỏi của mình, tôi bật chiếc đèn đầu giường chạy pin lên, tìm cuốn *Cẩm nang bảo trì và sửa chữa robot* của Audel, rồi mở trang trống cuối sách, nơi tôi đã chép vài bài thơ vào đó trước khi rời khỏi trại tù. Tôi đọc lại bài thơ *Lũ người rỗng* mà Mary Lou và tôi đang đọc lúc Spofforth xông vào bắt tôi:

Và thế giới kết thúc như thế

Và thế giới kết thúc như thế

Và thế giới kết thúc như thế

Không ồn ào, tựa một tiếng rên.

Với sự chân thực của mình, bài thơ chẳng an ủi được gì, nhưng cũng giúp xua đi những hình ảnh trong đầu tôi. Thế rồi, ngay khi tôi đang trở nên thư thái nhờ đọc một bài thơ của Robert Browning, một sự việc rất dị thường xảy ra.

Cánh cửa phòng tôi bật mở và con trai của Baleen, Roderick, bước vào. Anh ta không nói không rằng mà chỉ gật đầu với tôi. Sau đó anh ta cởi quần áo ngay giữa phòng, không thèm đếm xỉa đến Quyền Riêng tư, Sự Khiêm nhường hay Quyền Cá nhân của

tôi, cứ thế anh ta cởi cho đến khi phơi trần lớp da trần trụi lông lá của mình, vừa làm vừa ngâm nga khe khẽ. Anh ta quì gối bên chiếc giường còn lại và lớn tiếng cầu nguyện:

- Lạy Chúa quyền năng nhất và tàn nhẫn nhất, xin tha thứ cho những ưu phiền và tội lỗi khốn khổ của con, xin hãy khiến con trở nên khiêm nhường và xứng đáng. Vinh danh Jesus. Amen.

Xong việc, anh ta lên giường, co người lại, và gần như ngay lập tức cất tiếng ngáy.

Trước đó tôi đã gật gù trong vô thức khi nghe thấy cụm từ “Tội Riêng tư” mà Baleen nhắc đến, nhưng một sự xâm phạm sống sượng của người khác trong phòng mình như thế này thì thật quá đáng. Chưa kể tôi đã ở một mình suốt thời gian dài trên bờ biển, chỉ với con Biff làm bầu bạn.

Tôi cố đọc thơ tiếp, nhưng những ngôn từ trở nên vô nghĩa và tôi không thể thư giãn.

Thế rồi, ngạc nhiên thay, một lúc sau tôi ngủ thiếp đi và thức giấc vào giữa buổi sáng hôm sau, với đầu óc tươi tỉnh lại. Roderick đã đi khỏi, còn Biff đang ở trong một góc phòng, dùng chân nghịch một cuộn dây vải. Ánh nắng chiếu vào xuyên qua lớp rèm ren. Tôi có thể ngửi mùi thức ăn sáng dưới lầu.

Có một phòng tắm chung lớn cuối hành lang dài bên ngoài phòng ngủ của tôi. Edgar Baleen đã chỉ chỗ cho tôi trước khi dẫn tôi vào phòng ngủ. Trên cánh cửa phòng tắm có một tấm biển bằng kim loại ngả xanh đề chữ NAM. Trong phòng có sáu chậu rửa và sáu bồn cầu, tất cả đều bằng sứ trắng sạch sẽ. Tôi rửa ráy hết mức có thể rồi chải lại râu tóc. Tôi cần tắm, nhưng không biết phải tắm ở đâu. Quần áo tôi cũng sờn cũ và bẩn thỉu hết cả.

Những món đồ mới mà tôi lấy đã bị bỏ lại ở Sears. Sau đó, tôi theo cầu thang lớn phía trước đi xuống và bước vào trong nhà bếp.

Trên vòm cửa bằng đá của tòa nhà có khắc dòng chữ TÒA ÁN MAUGRE. Hôm trước nó không làm tôi chú ý, nhưng giờ đây đứng trong bếp, tôi hình dung căn phòng này, cũng như căn phòng nơi tôi đọc *Kinh Thánh*, từng là phòng xử án trong thế giới cổ đại: Rộng rãi và có trần cao, với các vòm cửa sổ hẹp và cao ở những cạnh dài của gian phòng. Chiếc bàn to lớn hiện đang trống trơn nằm án ngữ giữa phòng nom như đã được để gọt từ lâu nhờ một chiếc cửa máy, xung quanh bàn có đặt những băng ghế thô kệch.

Dọc theo một bức tường, phía dưới các cửa sổ, có một cái bếp lò lớn màu đen, củi chất ở mỗi bên, cùng các quây bếp bằng gỗ đã lên nước bóng, mòn nhẵn sau những lần cọ rửa. Bếp lò có những cánh cửa tráng men trắng, và ở mỗi bên của chúng đều treo một dây xoong chảo lớn, kéo dài gần một nửa chiều dài căn phòng. Ở bức tường đối diện là tám chiếc tủ lạnh trắng chạy bằng pin hiệu KENMORE. Cạnh tủ lạnh là một bồn rửa dài và sâu. Hai người phụ nữ đang đứng rửa bát tại đó, lưng quay về phía tôi, trong bộ váy màu xanh lam dài chạm đất.

Mọi thứ dường như hoàn toàn khác so với tối hôm trước. Trên bàn có để những bát hoa tulip vàng mới cắt, căn phòng tràn ngập ánh sáng ban ngày và thơm nức mùi thịt xông khói pha lẫn hương cà phê. Hai người phụ nữ không nhìn về phía tôi, mặc dù tôi dám chắc họ đã nghe thấy tiếng bước chân của tôi trên sàn nhà không lót ván.

Tôi đi về phía bồn rửa và tần ngần trong giây lát, trước khi lên tiếng:

- Tôi xin lỗi.

Người phụ nữ thấp lùn với mái tóc bạc trắng quay lại nhìn tôi, nhưng không nói gì.

- Tôi đang tự hỏi liệu có thể ăn chút gì đó được không.

Bà ta nhìn tôi một giây rồi quay lại, với tay lấy một chiếc hộp màu vàng từ cái kệ phía trên bồn rửa và đưa cho tôi. Trên hộp có đề: CÀ PHÊ SINH TỒN, DẠNG HÒA TAN. BỘ QUỐC PHÒNG: MAUGRE. ĐÃ CHIẾU XẠ CHỐNG HỎNG.

Trong khi tôi đang đọc, bà ta lấy cho tôi một cái cốc sành lớn và một chiếc thìa từ khay đựng bát đĩa bên cạnh bồn rửa.

- Dùng cái ấm samovar kia. - Bà ta nói, hất hàm về phía bếp lò bên kia phòng.

Tôi đi đến đó và pha cho mình một cốc cà phê đen đậm đặc, sau đó ngồi vào bàn và bắt đầu nhấm nháp từng ngụm.

Người phụ nữ còn lại mở tủ lạnh lấy thứ gì đó ra rồi quay người đi ngang qua phòng đến bếp. Tôi nhận ra cô chính là người phụ nữ mà tôi đã ngắm nhìn hôm trước, người đã động viên tôi đọc. Cô không nhìn tôi. Chắc cô ngại.

Cô mở một cái cửa lò, lấy gì đó từ bên trong ra, cho vào một cái đĩa, rồi mang đến bàn. Vẫn né tránh ánh mắt tôi, cô đặt món đó xuống trước mặt tôi cùng một đĩa bơ và một con dao. Những chiếc đĩa khá nặng và có màu nâu đậm.

Tôi ngẩng lên hỏi cô:

- Đây là gì vậy?

Cô nhìn tôi, ngạc nhiên vì tôi không biết, có lẽ vậy.

- Bánh cà phê đấy. - Cô đáp.

Tôi chưa từng nhìn thấy thứ này trước kia và loay hoay không biết phải làm thế nào. Cô cầm lấy con dao, cắt một miếng bánh, rồi phết bơ lên đó và đưa cho tôi.

Tôi nếm thử. Bánh nóng, ngọt và có nhiều hạt. Nó cực kì ngon. Khi tôi ăn xong, cô lại làm cho tôi một miếng nữa và mỉm cười e thẹn. Hình như cô đỏ mặt, một việc hơi kì lạ vì tối hôm trước cô tỏ ra khá mạnh dạn.

Bánh và cà phê rất ngon, sự rụt rè của cô cũng tương ứng với những điều tôi đã được dạy về người khác, nên tôi đánh bạo bắt chuyện với cô bằng giọng thân thiện:

- Cô làm món bánh này đấy à?

Cô gật đầu và đáp:

- Anh có muốn ăn trứng tráng không?

- Trứng tráng á? - Tôi hỏi lại.

Tôi đã từng nghe về nó trước đây, nhưng chưa nhìn thấy bao giờ. Nó có liên quan đến trứng.

Khi thấy tôi không nói tiếp, cô tiến đến tủ lạnh và lấy ra ba quả trứng lớn, đồ thật. Tôi chỉ được ăn trứng thật vào những dịp hiếm hoi, chẳng hạn trong lễ tốt nghiệp trường nội trú. Cô đem trứng tới bếp lò, đập nó vào một cái bát sành màu nâu, rồi bắc chiếc chảo nhỏ đáy nông lên bếp, cho bơ vào đun chảy. Cô đánh trứng mạnh tay, đổ vào chảo, đảo chảo nhanh tay trên bếp trước khi dùng một chiếc nĩa để lật trứng. Cô rất đẹp trong khi làm bếp. Sau đó cô nhấc chảo ra khỏi bếp, đem tới bàn, và nghiêng chảo trút một mảnh trứng hình bán nguyệt vào đĩa ăn của tôi.

- Ăn nó bằng nĩa nhé. - Cô nói.

Tôi cắn thử. Ngon tuyệt. Tôi im lặng ăn nốt. Cho đến giờ, tôi vẫn tin trứng tráng và bánh cà phê là những món ăn ngon nhất mình từng được thưởng thức trong đời.

Tôi càng cảm thấy dạn dĩ hơn sau khi ăn và ngẩng lên nhìn cô, lúc này vẫn đang đứng cạnh đó. Tôi hỏi:

- Cô có thể chỉ tôi cách làm trứng tráng được không?

Cô có vẻ bị sốc và không nói gì.

Từ chỗ bồn rửa, người phụ nữ kia lên tiếng:

- Đàn ông không nấu nướng.

Cô gái bên cạnh tôi ngập ngừng trong giây lát, rồi nhẹ nhàng đáp:

- Anh này thì khác, Mary. Anh ấy là một Người Đọc.

Mary không buồn quay lại.

- Chỗ của đàn ông là ở ngoài đồng, làm những công việc Chúa giao. - Bà nói.

Cô gái đứng bên cạnh tôi có vẻ dè dặt, nhưng có chính kiến. Cô phớt lờ bà ta và nói với tôi:

- Anh đã đọc những dòng chữ viết trên hộp cà phê đúng không?

- Vâng. - Tôi đáp.

Cô đi lấy cái hộp ở chỗ bếp lò, nơi tôi bỏ nó lại.

- Anh đọc cho tôi nghe đi. - Cô yêu cầu.

Tôi làm theo. Cô lắng nghe rất chăm chú, và khi tôi đọc xong, cô hỏi:

- Maugre là gì?

- Tên của thị trấn này. Tôi nghĩ thế.

Cô há hốc mồm.

- Thị trấn này có tên sao?

- Tôi nghĩ là có.

- Ngôi nhà này có tên đấy. - Cô nói. - Baleena.

Tôi quyết định viết nó như vậy. Cái tên đã không được viết ở bất cứ đâu trước khi tôi viết nó cho ông Edgar mãi sau đó.

- Hừm, Baleena ở thị trấn Maugre. - Tôi đáp.

Cô trầm ngâm gật đầu, rồi tiến đến tủ lạnh lấy ra một bát tô đầy trứng. Sau đó cô bắt đầu chỉ cho tôi cách làm món trứng tráng.

Tôi đã làm quen Annabel Baleen như thế.

* * *

Sáng hôm đó Annabel đã dạy tôi tráng trứng và làm bánh phồng. Cô còn làm một ổ bánh cà phê, chỉ tôi cách nhào bột và sử dụng men. Bột bánh được cất trong một cái thùng lớn để bên dưới quầy bếp. Cô cho biết nó được “trồng ngoài đồng”. Những thành viên khác trong gia đình đang ở ngoài đó.

Annabel luôn phụ trách bếp. Theo lời Annabel thì công việc đó được giao cho cô bởi vì cô là một “người cô đơn”. Người phụ nữ kia

được chỉ định giúp cô dọn dẹp sau các bữa ăn. Vào những lúc khác, cô chăm sóc vườn hoa bên ngoài ngôi nhà. Annabel từng làm việc vài năm ngoài đồng, nhưng cô ghét công việc đó và ghét chuyện không ai nói năng gì khi làm việc. Khi người phụ nữ lớn tuổi phụ trách bếp ăn qua đời, Annabel đã xin làm và được đồng ý. Cô nấu ăn tính đến giờ đã được mười ba năm. Lúc đầu với tư cách một phụ nữ đã kết hôn, và hiện tại, một góa phụ. Tính thời gian theo năm và “kết hôn” không còn là những khái niệm mới mẻ đối với tôi nữa, và mặc dù khá lạ khi nghe chúng từ cô, tôi hiểu cô đang nói về điều gì.

Ngoài bột và trứng, tất cả những nguyên liệu nấu ăn khác đều đến từ kho dự trữ của Trung tâm thương mại. Annabel nhờ tôi đọc nhãn của các gói men, một lọ tiêu, các lon hạt hồ đào chiếu xạ. Tất cả đều có ghi BỘ QUỐC PHÒNG: MAUGRE.

Trong khi chỉ cho tôi cách nấu ăn, Annabel tỏ ra trầm lặng và dễ chịu, cô không hỏi câu nào trừ lúc yêu cầu đọc các nhãn hàng. Đã có vài lần tôi muốn hỏi về bản thân và gia đình cô, cũng như làm thế nào họ lẩn tránh lối sống hiện đại, nhưng mỗi khi định hỏi, tôi lại nhủ thầm: *Đừng hỏi, thư giãn đi*, và có vẻ như đó là một lời khuyên tốt. Annabel rất xinh đẹp, những động tác của cô trong nhà bếp đầy khéo léo và duyên dáng. Thật vui khi được xem cô làm việc.

Tuy thế, càng gần đến buổi trưa, Annabel càng tỏ ra lo âu hơn, và thậm chí còn hơi buồn. Cuối cùng cô mở một cái ngăn tủ nằm dưới quầy bếp, lấy ra một chiếc hộp lớn màu xanh và đưa cho tôi nhờ đọc hộ.

Từ VALIUM được viết bằng các chữ cái lớn trên đó và phía dưới là dòng chữ nhỏ hơn: *Thuốc ức chế sinh sản, Ban kiểm soát Dân số*

Hoa Kỳ. Chỉ uống theo hướng dẫn của thầy thuốc.

Khi tôi đọc tới đó, Annabel hỏi ngay:

- Thầy thuốc là gì?

- Một loại thầy lang cổ xưa nào đó. - Tôi đáp, không chắc lắm.

Và tôi bỗng nghĩ: *Có khi nào đây là lí do khiến trẻ em không còn được sinh ra nữa? Chẳng lẽ tất cả thuốc an thần và mê được đều có tác dụng ức chế sinh sản như thế?*

Annabel uống hai viên thuốc với một ngụm cà phê rồi đưa cái hộp cho tôi. Thấy tôi lắc đầu, và cô nhìn tôi thắc mắc, nhưng không nói gì. Cô chỉ nhét vài viên Valium vào túi tạp dề rồi cất chiếc hộp vào tủ. Sau đó cô nói:

- Tôi phải nấu bữa trưa.

Trong một tiếng đồng hồ tiếp theo, cô làm việc với tốc độ chóng mặt, vừa nấu hai nồi súp vừa làm bánh mì kẹp phô mai với những lát bánh mì đen lớn mà cô cắt bằng dao. Tôi hỏi xem mình có thể giúp được gì không, nhưng dường như cô thậm chí không nghe thấy câu hỏi. Cô dọn bàn ăn với những chiếc đĩa lớn màu nâu và các bát súp. Cố gắng tỏ ra hữu ích, tôi bê một chồng đĩa từ tủ ra đến bàn và nói:

- Những chiếc đĩa này rất khác thường.

- Cảm ơn anh. - Cô nói. - Tôi đã làm chúng đấy.

Điều đó khiến tôi bất ngờ. Tôi chưa bao giờ nghe nói về bất cứ người nào *làm ra* những thứ như bát đĩa. Chưa kể ở Sears có hẳn một khu với toàn những đĩa và dụng cụ ăn uống. Tôi không hề biết có người tự tay làm các thứ.

Khi thấy tôi có vẻ ngạc nhiên, cô cầm một đĩa lên và lật lại. Dưới đáy đĩa có một dấu hiệu mà tôi thấy rất quen thuộc.

- Cái gì vậy? - Tôi hỏi cô.

- Đó là dấu ấn của tôi trên những món đồ gốm mình làm. Một dấu chân mèo. - Cô cười khẽ. - Anh cũng có một con mèo.

Cô nói đúng. Đó là dấu vết mà Biff để lại khi nó bước đi trên cát, nhưng nhỏ hơn.

Sau đó, Annabel nói tiếp:

- Chồng tôi và tôi từng nuôi một con mèo. Nó là con mèo duy nhất ở đây. Nhưng nó đã chết trước khi chồng tôi qua đời. Một trong những con chó đã giết nó.

- Ôi trời. - Tôi thốt lên và bắt đầu sắp đĩa ra bàn.

Một lúc sau tôi nghe có tiếng động bên ngoài và ngẩng lên nhìn qua cửa sổ. Hai chiếc xe buýt giao cảm cũ kĩ màu xanh lá cây dừng bánh, cánh đàn ông và lũ chó lạng lẽ bước xuống.

Tôi đi ra ngoài và thấy họ rửa ráy dưới mấy cái vòi nước ở sau nhà. Họ giữ im lặng và cẩn thận từng động tác. Tôi khá ngạc nhiên. Tôi đã chờ đợi kiểu cười giỡn và té nước giống như các tù nhân. Ngay cả lũ chó cũng yên lặng rúc vào bên cạnh chủ nhân, thỉnh thoảng đưa đôi mắt hồng liếc nhìn tôi.

Từ vườn hoa và một số khu nhà phụ nơi họ làm việc, cánh phụ nữ tiến đến và nhập bọn cùng với nhóm đàn ông. Tất cả lục tục vào bếp rồi ngồi xuống các băng ghế. Ông Baleen ra hiệu cho tôi ngồi vào chỗ. Tôi ngồi xuống băng ghế ít người ngồi nhất mà mình tìm được.

Khi tất cả mọi người ngoại trừ Annabel đã ngồi vào chỗ, họ đồng loạt cúi đầu trên đĩa ăn của mình, và ông Baleen bắt đầu cầu nguyện, thoát đầu giống như những lời của Rod vào đêm hôm trước:

- Lạy Chúa quyền năng nhất và tàn nhẫn nhất, xin tha thứ cho những ưu phiền và tội lỗi khốn khổ của chúng con. - Nhưng ông triển khai nó theo cách khác. - Hãy giữ an toàn cho chúng con trước cơn mưa hạt nhân từ Thiên Đường và tội lỗi của Những Người Thời Cũ. Hãy cho chúng con biết và cảm nhận sự thống trị tuyệt đối của Ngài đối với sinh mệnh con người, trong thời đại cuối cùng này.

Mọi người ăn trong im lặng. Tôi cố bắt chuyện với người đàn ông ngồi cạnh bằng cách khen ngợi món xúp, nhưng ông ta phớt lờ tôi.

Không một ai cảm ơn Annabel vì bữa ăn.

Tôi dành cả buổi chiều đọc sách trong phòng.

Vào bữa tối, tôi vui vì được gặp lại Annabel, dù cô quá bận rộn với việc phục vụ thức ăn nên không thể trò chuyện được. Tôi quan sát khuôn mặt cô mỗi khi có thể, và không hiểu sao nó dường buồn, u uất trong lúc cô đặt thức ăn lên bàn và dọn dẹp những chiếc đĩa. Cô làm việc rất siêng năng. Lẽ ra nên có thêm ai đó phụ giúp cô ngoài công việc rửa bát.

Sau bữa tối, tôi hi vọng được gặp Annabel và trò chuyện với cô, nhưng Baleen đã lừa tôi sang phòng đọc *Kinh Thánh*, còn cô thì ở lại trong bếp để rửa bát đĩa.

Chiếc ti vi lớn trong phòng đã được bật khi chúng tôi bước vào. Những hàng ghế cũng mau chóng được lấp đầy bởi những người

đàn ông và phụ nữ trong gia tộc Baleen. Họ im lặng chờ đợi. Ti vi chiếu một truyện video - loại chương trình truyền hình cũ hiếm hoi thuật lại một câu chuyện hợp lí và mạch lạc, do diễn viên đóng. Thật khó để xác định được các diễn viên trong đó là người thật hay robot. Chuyện kể về một cô gái trẻ bị bắt cóc và cưỡng hiếp bởi một nhóm những kẻ chống đối Quyền Riêng tư trốn thoát khỏi một Trại lưu giữ Người Bỏ cuộc. Mặc dù những chương trình tương tự đã là một phần quá trình đào tạo ngày bé của tôi, tôi vẫn cảm thấy ghê tởm nó, theo một cách mà tôi không ngờ tới trước đó vài năm.

Chương trình mới đi được nửa đường tôi đã nhắm nghiền mắt lại và không xem nữa. Tôi chỉ nghe thấy những tiếng học khe khẽ thỉnh thoảng vang lên từ những người ngồi xung quanh. Ngay từ đầu tất cả bọn họ dường như đã bị cuốn vào câu chuyện trên màn hình. Thật kinh khủng.

Sau khi chương trình truyền hình kết thúc với cảnh các Tầm soát viên giải cứu cô gái, căn cứ theo tiếng nhạc phát ra, ti vi được tắt đi, và tôi được mời lên bục đọc *Kính Thánh*.

Tôi đọc đến phần viết về Noah mà tôi đã nhớ từ lúc ở trong tù. Noah là một người đàn ông được Chúa chọn cứu khỏi chết đuối trong trận lụt lội tàn sát mọi sự sống trên trái đất. Có một đoạn trong đó viết như thế này:

“Chúa bảo Noah: ‘Sự gớm ghiếc của toàn bộ loài người đã quá rõ ràng đối với ta, vì do chúng mà trái đất đầy rẫy sự hung bạo. Ta dự định tiêu diệt chúng.’”

Khi tôi đọc đến đó, ông già đứng bên cạnh tôi hô lớn:

- Amen!

Và những người khác cũng đồng thanh:

- Amen!

Chuyện đó thật đáng kinh ngạc, nhưng tôi tiếp tục đọc.

Sau buổi đọc kinh tôi đã hi vọng có thể trò chuyện với Annabel, nhưng Baleen dẫn tôi xuống Trung tâm thương mại và chờ đợi trong lúc tôi chọn cho mình một số quần áo mới tại Sears. Tôi muốn nán lại thêm để quan sát những món đồ của thời trước được bày trong cửa hàng rộng lớn, nhưng ông khước từ và chỉ đáp gọn lỏn:

- Đây là nơi linh thiêng.

Dù ông không nói ra, nhưng tôi cảm thấy tốt nhất không nên để bị bắt gặp lãng vãng một mình dưới này một lần nữa.

Nhưng tôi vẫn có ý định quay lại. Tôi không còn sợ các qui định như trước đây đã từng. Và tôi cũng không sợ Edgar Baleen.

Chúng tôi rời khỏi Trung tâm thương mại. Với chiếc quần jeans mới tinh mặc cùng áo cổ lọ màu đen, tôi cảm thấy phần chần lả lòng, và khi chúng tôi đi nốt đoạn đường ngắn quay về nhà dưới ánh trăng, tôi bỗng nảy ra một ý.

- Ông có phiền không nếu tôi giúp Annabel công việc bếp núc một thời gian? Tôi không giỏi việc đồng áng cho lắm.

Câu nói không hoàn toàn chính xác. Đơn giản là tôi ghét làm đồng.

Baleen dừng bước, im lặng một lúc. Rồi ông đáp:

- Anh nói nhiều.

Tôi cảm thấy hơi phật ý.

- Tại sao không? - Tôi hỏi lại.

- Nói nhiều thì giá trị ít.

Tôi tự hỏi chuyện đó thì liên quan gì. Sau khi im lặng hồi lâu, Baleen lên tiếng:

- Cuộc sống vốn nghiêm túc, Người Đọc ơi.

Tôi gật đầu, không biết nói gì, và điều đó dường như xoa dịu Baleen, vì ông nói tiếp:

- Anh có thể giúp Annabel.

* * *

Annabel không nghĩ nói nhiều thì giá trị ít, nhưng cô là người duy nhất trong số họ cảm thấy như vậy. Trên phương diện nào đó, cô không thuộc về họ. Ban đầu cô là người nhà Swisher, một trong số Bảy Gia tộc, và đổi họ thành Baleen khi cưới một trong những người con trai lớn của Edgar. Người nhà Swisher nói nhiều hơn, nhưng để ít hơn so với nhà Baleen. Chỉ còn lại có ba người mang họ Swisher, hai ông lão cao tuổi, và một bà già lú lẫn, mẹ của Annabel. Họ sống tại Nhà Swisher nằm cách đó vài dặm về phía Bắc, và cung cấp xăng cho gia tộc Baleen để đổi lấy thực phẩm, quần áo từ Trung tâm thương mại. Những gia đình còn lại của các thị trấn miền đồng bằng đều ít người và yếu thế hơn nhà Baleen. Tất cả đều làm đồng một chút. Người nhà Baleen, theo lời Annabel, ngoan đạo hơn những gia đình khác, nhưng tất cả bọn họ đều là “người Công giáo”.

Tôi hỏi cô về phản ứng của mọi người trước câu chuyện về Noah. Tôi vẫn còn hình dung một cách sống động hình ảnh cô với mái tóc vàng búi sau đầu, tách cà phê trong tay, đôi mắt xanh xám rụt rè và buồn bã, khi cô đáp:

- Là do cha chồng tôi. Ông ấy cứ nghĩ mình là một nhà tiên tri. Ông cho rằng việc không có đứa trẻ nào được sinh ra chính là bởi Chúa Trời đang trừng trị thế giới vì những tội lỗi của nó - cũng giống như với Noah. Mọi người đều biết câu chuyện về Noah. Mẹ tôi từng kể cho tôi nghe, nhưng khác với phiên bản anh đọc. Bà không đề cập việc ông ta uống rượu, cũng như về những người con trai của ông ta.

- Có phải ông Baleen trông chờ mình được cứu, giống như Noah?

Annabel mỉm cười.

- Tôi không rõ. Tôi không biết làm thế nào chuyện đó có thể xảy ra được. Ông ấy đã quá già để có con.

Tôi hỏi cô một câu hỏi mang tính cá nhân nhiều hơn. Thật khó để tôi quen với việc xâm phạm Quyền Riêng tư, mặc dù người nhà Baleen không tuân thủ qui định đó.

- Chuyện gì đã xảy ra với chồng cô? - Tôi hỏi.

Cô nhấp một ngụm cà phê.

- Tự sát. Cách đây hai năm.

- Ôi trời!

- Chồng tôi cùng hai người anh em khác đã uống ba mươi viên mê dược rồi tưới xăng lên người và châm lửa.

Tôi ngỡ ngàng. Cũng giống như điều tôi đã chứng kiến ở New York, trong quán Burger Chef.

- Ở New York người ta cũng làm như vậy. - Tôi nói.

Cô cụp mắt xuống.

- Chuyện đó diễn ra ở đây, trong tất cả các gia đình. Chồng tôi muốn tôi tham gia cùng họ. Tôi bị ý tưởng đó hấp dẫn, nhưng quyết định từ chối. Tôi muốn sống lâu hơn một chút. - Cô đứng lên khỏi chiếc bàn mà chúng tôi đang ngồi để bê đĩa tới bồn rửa. - Ít ra tôi cũng nghĩ mình muốn sống.

Tôi lặng người khi nhận thấy sự mệt mỏi đột ngột trong giọng điệu của Annabel.

Sau khi dọn dẹp bàn ăn, cô rót cho mình một cốc cà phê khác và ngồi xuống trở lại.

Một lát sau tôi hỏi:

- Cô có nghĩ đến việc kết hôn một lần nữa không?

Cô nhìn tôi với ánh mắt buồn bã.

- Chuyện đó không thể được. Để cưới một người nhà Baleen, anh phải... còn trinh. - Cô hơi đỏ mặt và cụp mắt xuống.

Cuộc nói chuyện này khá lạ lẫm đối với tôi, vì tôi chưa bao giờ gặp những người đã từng kết hôn trước đây. Nhưng tôi đã quen với những điều như vậy nhờ sách báo và phim ảnh, tôi biết việc một người đàn ông kết hôn với một “phụ nữ thất bại” giống như Gloria Swanson thường bị coi là một Sai lầm - dù tôi không nghĩ rằng một góa phụ nên bị coi là “thất bại”. Tuy nhiên, tất cả những chuyện như thế về cơ bản là xa lạ với những gì tôi được dạy. Tôi

đã được dạy rằng “Tình dục chớp nhoáng là tốt nhất.” Tôi chỉ mới chớm nhận ra rằng thế giới có thể đầy những người không được hưởng sự giáo dục như của tôi.

Lúc đó đã là giữa buổi sáng, và tôi còn nhớ đó là lần đầu tiên mình cảm thấy một sự hấp dẫn tình dục nơi Annabel. Cô ngồi yên tại chỗ với gương mặt u uất, tay cầm một trong những cái cốc lớn bằng gốm mà cô đã để tôi xem quá trình chế tạo trong cái lán nhỏ nằm ở phía bên kia vườn hồng. Tôi đã tròn mắt quan sát cô ngồi bên bàn xoay, kinh ngạc trước những thao tác chắc chắn khi nặn cục đất sét ướt thành một hình trụ hoàn hảo. Bàn tay và cổ tay cô dính đầy bùn đất, mọi sự khéo léo của cô đều dồn hết vào công việc. Lúc đó tôi vô cùng tôn trọng và ngưỡng mộ cô, nhưng không cảm thấy gì về mặt thể xác.

Còn khi ngồi với nhau bên chiếc bàn lớn, tôi nhận ra mình đang rạo rực. Tôi đã thay đổi. Mary Lou đã thay đổi tôi. Những bộ phim, những cuốn sách, nhà tù và quãng thời gian sau đó cũng làm tôi thay đổi. Điều cuối cùng mà tôi muốn làm với Annabel là tình dục chớp nhoáng. Tôi muốn làm tình với cô, nhưng quan trọng hơn, tôi muốn chạm vào cô, muốn xoa dịu những nỗi buồn dường như đang chiếm giữ tâm trí cô.

Annabel đặt cốc cà phê xuống bàn và nhìn ra ngoài cửa sổ. Tôi vươn bàn tay ra, nhẹ nhàng đặt nó lên cánh tay cô.

Cô lập tức giật tay mình ra, làm đổ cốc cà phê còn lại.

- Đứng. - Cô nói mà không nhìn vào tôi. - Anh không được phép làm như vậy.

Cô đi lấy một cái giẻ ở bồn rửa và lau sạch chỗ cà phê bị đánh đổ.

* * *

Trong vài tuần lễ sau đó, Annabel vẫn tỏ ra dễ chịu, nhưng giữ khoảng cách. Cô dạy tôi làm bánh pudding bắt từ những hạt bắp đông lạnh, bánh cheesecake, dưa chuột ngâm giấm, kem, xúp và ớt bột. Tôi bày bàn ăn cho bữa trưa và bữa tối, nấu xúp rồi phụ cô dọn dẹp. Một số đàn ông trong nhà nhìn tôi với ánh mắt kì lạ vì tôi làm công việc đó, nhưng không ai trong số họ nói ra, và tôi thực sự không quan tâm họ nghĩ gì. Tôi rất thích nó, dù khá chạnh lòng khi nhận ra công việc lặp đi lặp lại khiến Annabel buồn chán như thế nào. Thỉnh thoảng tôi khen ngợi tài nấu nướng của cô, và điều đó dường như giúp ích được đôi chút.

Có lần, khi chúng tôi ở một mình, tôi hỏi Annabel về nỗi buồn của cô. Mặc dù không hề có yếu tố thể xác trong mối quan hệ của chúng tôi, tôi cũng cảm nhận được sự thân thiết với cô nhờ những việc chúng tôi làm cùng nhau, và nhờ cảm giác rằng hai chúng tôi sẽ không bao giờ giống với người nhà Baleen.

- Sao lúc nào em cũng có vẻ không được vui? - Một hôm tôi đã hỏi cô như thế, khi chúng tôi chiếu xạ bánh cà phê để bảo quản.

Tôi bọc bánh bằng các túi nhựa, còn Annabel vận hành chiếc máy giúp hàn túi rồi chiếu ánh sáng màu vàng lên chúng.

Thoạt đầu tôi tưởng cô sẽ không trả lời. Nhưng rồi cô nói:

- Em từng là một bé gái hạnh phúc. Em thường xuyên ca hát. Và em rất thích nghe mẹ kể chuyện. Những thứ như thế trong nhà Swisher nhiều hơn hẳn so với tại đây, - Cô khoát tay chỉ căn bếp rộng lớn vắng vẻ.

- Em không muốn quay về đó sao? - Tôi hỏi.
- Chẳng ích gì. Bây giờ họ đều đã quá già.
- Em nên để anh dạy em đọc chữ. - Tôi đề nghị. Chúng tôi đã từng bàn về chuyện đó.

- Thôi. - Annabel đáp. - Em quá bận. Và em cũng không nghĩ mình cố được. - Cô mỉm cười rụt rè. - Nhưng em thích nghe anh đọc. Nghe cứ như... một thế giới khác.

Tôi đã bọc xong những cái bánh cuối cùng và đưa cho cô, trước khi rót cho mình một cốc cà phê. Tôi đưa mắt nhìn ra vườn, về phía chuồng gà.

- Có phải cái chết của chồng làm em buồn hay không?

- Không phải đâu. - Cô đáp. - Chồng em chưa bao giờ... quan trọng đối với em. Ít nhất là từ sau khi em phát hiện ra mình không thể có con. Em luôn khao khát có con. Lẽ ra em đã là một người mẹ tốt.

Tôi cân nhắc một chút trước khi đáp:

- Nếu như em ngưng uống thuốc...

Trước đó tôi đã nói với cô về những điều ghi trên nhãn hộp Valium.

- Muộn quá rồi. Em thực sự... kiệt quệ với tất cả chuyện này. Và em cũng không nghĩ mình có thể sống ở đây mà không có thuốc.

- Annabel này, chúng ta có thể cùng nhau rời khỏi đây. Và nếu em ngưng uống thuốc một *hoàng*, em sẽ có thể mang thai. *Con* của anh.

Annabel nhìn tôi rất lạ. Tôi không thể đoán được cô đang nghĩ gì trong đầu. Cô không đáp.

Tôi bèn tiến đến bên cô, và đưa tay nắm lấy đôi vai cô, cảm nhận những chiếc xương bên dưới lớp vải áo. Lần này cô không dịch ra xa.

- Chúng ta khác những con người này. Chúng ta có thể sống cùng nhau, và có thể có con cái.

Khi cô nhìn vào mắt tôi, tôi nhận ra cô đang khóc.

- Paul, em không thể đi theo anh trừ phi Edgar Baleen gả em cho anh và làm lễ kết hôn cho chúng ta tại nhà thờ.

Tôi nhìn cô, không biết phải nói gì. Những giọt nước mắt của cô làm tôi buồn. “Nhà thờ” ở đây là cửa hàng Sears. Nó được dùng cho đám cưới và đám ma. Trước kia những đứa trẻ từng được rửa tội tại đó, trong cùng cái đài phun nước nơi tôi được rửa tội.

Cuối cùng tôi cũng tìm được từ để nói.

- Anh không phải người nhà Baleen. Và em cũng thế.

- Đúng, nhưng em không bao giờ có thể sống trong tội lỗi cùng một người đàn ông. Chuyện đó... trái đạo đức.

Trong lời nói của Annabel chất chứa nhiều cảm xúc hơn những gì tôi có thể đối phó. Tôi đã biết thế nào là “sống trong tội lỗi”, nhờ xem những bộ phim câm. Nhưng tôi không hiểu làm thế nào cô biết được khái niệm đó.

- Không nhất thiết phải “sống trong tội lỗi”. - Tôi nói. - Chúng ta có thể tự làm lễ. Tại Trung tâm thương mại, vào ban đêm, nếu em muốn.

- Không đâu, anh Paul. - Cô nói và đưa tạp dề lên lau mắt.

Tim tôi như tan vỡ khi thấy cử chỉ đó của cô. Tôi yêu Annabel vì khoảnh khắc đó.

- Sao vậy, Annabel?

- Anh Paul, em từng nghe nói về những người đàn bà thích... làm tình. - Cô sụp mắt xuống sàn. - Chuyện gian dâm đối với bọn họ là bình thường. Ngoại tình ấy. Nhưng phụ nữ miền đồng bằng là những người Công giáo.

Tôi không biết phải hiểu điều đó như thế nào. Tôi biết “Công giáo” là chữ dùng cho những người tin rằng Jesus là Chúa Trời. Nhưng theo tôi hiểu sau những gì đọc được trong *Kinh Thánh*, Jesus dường như rất khoan dung đối với hành vi tình dục. Tôi còn nhớ khi một số người muốn trừng trị những phụ nữ ngoại tình, Jesus đã không đồng tình với họ.

Dẫu vậy, tôi không cố tranh luận với Annabel, có lẽ bởi trong cái cách cô nói ra chữ “Công giáo” có gì đó rất dứt khoát. Thay vào đó tôi chỉ nói với cô:

- Anh không biết liệu mình có hiểu điều em đang nói không.

Cô nhìn tôi, nửa van lơn nửa giận dữ. Rồi cô đáp:

- Em không thích tình dục, Paul. Em ghét nó.

Tôi không biết phải nói gì.

Chuyện chỉ dừng tại đó giữa Annabel và tôi trong phần còn lại của mùa Xuân. Chúng tôi không bàn đến nó nữa, nhưng vẫn làm việc cùng nhau, và hiểu nhau ngày một nhiều hơn. Tôi cảm thấy gần gũi với cô hơn với bất kì người nào khác trong đời - thậm chí

hơn cả Mary Lou, người mà tôi đã ngủ cùng nhiều lần và cùng tận hưởng những khoái cảm sâu đậm. Annabel quá tử tế. Tôi muốn khóc khi nhớ lại cô đã tử tế đến mức nào và buồn bã ra sao, hay khéo tay như thế nào. Tôi có thể tưởng tượng hình ảnh cô đứng bên bàn xoay, bên bếp lò, hoặc cho gà ăn, với chiếc tạp dề xanh bay phất phơ trong gió, tay đưa lên vén một sợi tóc lòa xòa trước trán. Tôi có thể hình dung cô đứng đối diện với tôi ngày hôm đó, với hai dòng lệ tuôn xuống má, và bảo rằng cô không thể sống cùng tôi.

Chính cô là người đã diệt bọ chết cho Biff, người luôn chuẩn bị bữa sáng cho tôi mỗi đầu ngày, khi tôi từ trên phòng bước xuống. Chính cô đã nói với tôi rằng tôi nên cân nhắc sửa sang ngôi nhà cũ kỹ này để ở. Cô là người đầu tiên đưa tôi đi xem nó, tại một vách đá trông ra biển nằm cách cột đá Maugre một dặm.

Đây là ngôi nhà cô biết đến từ khi còn bé, từng có một ẩn sĩ sống tại đây trước khi qua đời nhiều năm về trước. Bọn trẻ con tin rằng nó bị “ma ám”. Annabel đã nói với tôi rằng cô từng bước vào đây vì bị thách, nhưng cô sợ đến nỗi không thể ở đây lâu hơn một phút.

Giờ đây tôi nghĩ đến cô bé Annabel khi ngồi trong phòng khách và quan sát xung quanh mình, cảm tưởng như trước mặt tôi là một đứa trẻ sợ hãi. Nếu nơi này bị ma ám, chính cô là người đang ám nó. Một đứa trẻ xinh xắn, nhút nhát và yêu ca hát.

* * *

Tôi yêu Annabel. Tình cảm tôi dành cho cô khác với thứ mà tôi đã, và ở một mức độ nào đó, vẫn đang dành cho Mary Lou. Điều

Annabel cần là một cách thức sử dụng tài năng và nghị lực của mình. Cô làm rất nhiều việc, nhưng không ai cảm ơn cô vì chuyện đó, và hầu như mọi thứ cô làm đều có thể được thực hiện bởi một robot Lớp Ba mà không một người nhà Baleen nào có thể nhận ra; tất cả những món ăn cô nấu với rất nhiều tình yêu và kỹ năng, tất cả những công việc dọn dẹp, rửa bát, làm đồ gốm trong nhiều năm trời. Nhưng không một ai nói lời cảm ơn.

* * *

Tôi phải viết thật nhanh những dòng này, trước khi cảm xúc làm tôi tê liệt trong buổi sáng đầu Hè hôm nay, khi tôi đã đi gần đến đoạn cuối phần đời này trong nhật kí.

Annabel và tôi cứ tiếp tục như thế, làm bếp cùng nhau, rồi trò chuyện sau khi tôi đọc kinh sáng. Tôi học được nhiều thứ ngoài nghệ thuật nấu ăn và sự nghiêm túc trong tình dục, những thứ không chỉ có ở Annabel mà còn là một phần cơ bản trong nền văn hóa của bảy thị trấn miền đồng bằng. Annabel không biết người nhà Baleen đến từ đâu. Cô chỉ biết nhiều thế hệ về trước họ từng là những nhà thuyết giáo lưu động, cho đến khi *Kinh Thánh* và khả năng đọc chữ dần dần bị mai một. Annabel đã được sinh ra trong gia đình Swisher, nhưng mẹ của cô khi còn trẻ từng là một người du mục. Người nhà Swisher đã từng trình diễn các bài hát tôn giáo, nhưng “Dịch Vô Sinh” đã khiến ông già Baleen cấm họ hát khi Annabel còn là một cô bé. Cô là đứa trẻ cuối cùng được sinh ra tại các thị trấn.

Tôi không bao giờ tìm cách làm tình với cô nữa. Tôi đã từng nghĩ mình nên thử, nhưng sau khi Annabel nói với tôi về cảm giác

của cô đối với chuyện ấy, tôi trở nên bối rối và hoang mang. Tôi sẽ nhớ về Annabel và Mary Lou, những người tôi từng yêu và biết mình không thể với tới được. Không hiểu sao như thế lại tốt. Sẽ chẳng có nguy cơ nào.

Ít ra tôi đã nghĩ như thế cho đến một buổi sáng khi đi vào bếp tôi thấy mọi thứ rất bừa bộn, vụn bánh mì và vỏ trứng vương đầy trên bàn và trong bồn rửa, sau khi các thành viên trong gia đình tự chuẩn bị bữa sáng cho mình. Annabel không có ở đó. Tôi đi ra ngoài tìm cô.

Cô không ở trong chuồng gà. Tôi đi vòng qua Baleena để tới nơi tôi có thể quan sát thị trấn Maugre hoang vắng, bị chôn vùi dưới thảm thực vật. Không có dấu hiệu của sự sống ở đó. Tôi đang định đi về phía đài tưởng niệm thì, do linh tính mách bảo, tôi mở cửa xưởng gổm.

Một mùi kinh khủng bốc ra. Một cái xác quắt queo đơ cứng với làn da cháy đen và thứ từng là tóc giờ là một khối than dính vào hộp sọ, đang quay lưng về phía tôi, mặt hướng về bàn xoay. Hai cánh tay duỗi thẳng về phía trước và bàn tay vẫn nắm chặt mép bàn.

Cùng với mùi thịt cháy là mùi xăng nồng nặc trong lán.

Tôi quay lưng và chạy một mạch ra biển. Ngồi trên bờ, tôi cứ nhìn mặt nước không rời mắt, cho đến khi Rod Baleen tìm thấy tôi đêm đó.

* * *

Hôm sau chúng tôi chôn cất cô. Tôi được cử đi cùng Rod và một ông già tên Arthur để lấy một cỗ quan tài.

Các cỗ quan tài được để ở một tầng sâu hơn của Trung tâm thương mại, nơi tôi chưa biết tới. Trên cầu thang dẫn xuống đó, tôi thấy một tấm biển đề TẦNG TRÚ ẨN SÂU.

Tại đó có một nhà kho đầy những cỗ quan tài, tất cả đều được làm bằng kim loại sơn màu xanh lá cây. Trên mỗi cái đều được sơn dòng chữ BỘ QUỐC PHÒNG: MAUGRE. Chúng được chất thành những hàng gọn ghẽ cao đến tận trần trong căn phòng mang tên NHÀ QUÀN.

Thay vì đi ngược lên cầu thang, chúng tôi mang cỗ quan tài rỗng sang một hành lang nằm ở phía bên kia của nhà kho. Chúng tôi chui qua một vòm cửa với biển đề KHU GIẢI TRÍ, sau đó đi ngang qua một hồ bơi lớn cạnh trượt đáy và một ô cửa có đề chữ PHÒNG ĐỌC THƯ VIỆN. Dù đang rất đau buồn trong lúc im lặng khiêng cỗ quan tài xấu xí gớm ghiếc, tim tôi vẫn đập loạn xạ khi nhìn thấy tấm biển đó, và phải cố kìm mình lại để không bỏ quan tài của Annabel ngay tại đó rồi lao qua ngưỡng cửa.

Cuối hành lang có một cánh cửa lớn với tấm biển NHÀ ĐỂ XE. Rod đẩy cửa và chúng tôi bước vào một gian phòng đầy những chiếc xe buýt giao cảm. Chúng đậu cạnh nhau, hết hàng này đến hàng khác. Tất cả những chiếc mà tôi quan sát được mặt trước đều mang dòng chữ CHỈ PHỤC VỤ MAUGRE VÀ VÙNG PHỤ CẬN.

Ở cuối phòng, cuối một hàng xe buýt dài, có một cửa trượt cánh đôi đủ lớn để một chiếc xe buýt có thể đi qua. Rod ấn vào một cái nút bấm trên tường ngay cạnh đó, và hai cánh cửa mở ra. Chúng tôi khiêng quan tài qua cửa rồi đi vào một chiếc thang máy

lớn đưa chúng tôi trở lại với ánh sáng ban ngày qua lối cửa phía sau cột đá. Chúng tôi đi tới xưởng gốm, nơi những người phụ nữ đã cố gắng hết sức có thể để làm cho cơ thể của Annabel trở nên coi được. Họ đã mặc cho cô một chiếc váy đen mới và một chiếc tạp dề màu xanh lam. Nhưng tôi chẳng còn nhận ra một tí gì của Annabel nơi cái xác được chúng tôi đặt vào quan tài.

Có một chiếc bình nhỏ khá đẹp nằm trên kệ trong xưởng gốm. Annabel đã nói với tôi rằng cô làm nó nhiều năm về trước, nhưng ông già Baleen không chịu để cho nó được sử dụng trong nhà bếp vì nó “quá mỏng manh”. Tôi đi lấy cái bình và đặt nó vào quan tài, trong vòng tay của Annabel. Sau đó, tôi đóng nắp quan tài và cài chặt lại.

* * *

Tang lễ được cử hành tại Sears. Quan tài của Annabel được đưa xuống thang máy trên một chiếc xe buýt giao cảm. Tôi biết ơn ông già Baleen vì ông đã để tôi khiêng quan tài. Ông chưa bao giờ nói ra, nhưng tôi nghĩ ông ít nhiều biết về tình cảm mà tôi dành cho Annabel.

Chúng tôi ngồi trên những chiếc ghế trong khu bán giày với ánh đèn được giảm sáng. Edgar Baleen phát biểu gì đó trước khi đưa cho tôi cuốn *Kinh Thánh* và bảo tôi đọc.

Tôi đã mở nó ra, nhưng không đọc theo những gì được in trên giấy. Thay vào đó, tôi nhìn cỗ quan tài của Annabel trước mặt và thốt lên:

- “Ta là sự sống lại và cũng là sự sống,” Chúa đã nói như thế. “Ai tin ta, dầu có chết cũng sẽ được sống.”

Những từ ngữ đó không giúp tôi nhẹ lòng. Tôi muốn Annabel còn sống và ở bên tôi. Tôi nhìn tất cả những con người ở trước mặt mình trong tư thế cúi đầu tôn kính, không cảm thấy chút hiệp thông nào với họ lẫn với đức tin của họ. Không có Annabel, một lần nữa tôi trở nên cô đơn.

Nghĩa trang nằm cách Maugre vài dặm về phía Bắc, gần đường cao tốc bốn làn xe. Có hàng nghìn bia mộ nhỏ bằng nhựa Permo màu trắng trơn không một dòng chữ viết. Chúng tôi đưa Annabel ra nghĩa trang bằng một chiếc xe buýt giao cảm.

Đêm đó khi mọi người đã ngủ, tôi khê khàng rời khỏi nhà, đi xuống Trung tâm thương mại và tìm đến thư viện. Đó là một gian phòng rộng hơn căn bếp nhà Baleen, với bốn bức tường đều được phủ kín bởi những cuốn sách. Tóc con sau gáy tôi dựng lên khi tôi đứng đó giữa đêm, trong căn phòng im ắng, với hàng ngàn hàng vạn cuốn sách xung quanh.

Tôi nhét hai cuốn sách nhỏ vào túi: *Tuổi trẻ*, của Joseph Conrad, và *Tôn giáo và sự trỗi dậy của chủ nghĩa tư bản*, của R. H. Tawney. Sau đó tôi đi tới nhà để xe buýt và dành một tiếng đồng hồ để đọc những tấm biển phía trước đầu xe. Tất cả đều là:

CHỈ PHỤC VỤ MAUGRE VÀ VÙNG PHỤ CẬN.

Tôi quay trở lên cửa hàng Sears để tìm một miếng ván, chút sơn đen và một cái cọc. Tôi kẻ chữ ANNABEL SWISHER lên bảng, rồi vụng về dùng búa và đinh tìm thấy trong cửa hàng đóng nó vào một cái cọc. Sau đó tôi lấy một chiếc xe buýt của nhà Baleen để đi tới nghĩa trang, và đóng cọc xuống đất, ngay phía đầu năm mộ

của Annabel. Khi xong việc, tôi yêu cầu chiếc xe buýt đưa mình tới New York. Chiếc xe chỉ chạy tới đường dẫn vào cao tốc rồi dừng lại. Nó không thể chạy xa hơn.

* * *

Suốt đêm hôm đó tôi thức đọc cuốn sách của Joseph Conrad nhưng chỉ hiểu được phần nào. Sáng hôm sau, Mary và một người phụ nữ tên Helen chuẩn bị bữa sáng. Tôi ăn cùng với mọi người trong nhà.

Sau bữa sáng, tôi nói với Edgar rằng tôi muốn dọn tới ngôi nhà này, và ông không phản đối. Thật ra hình như ông đã chờ đợi một điều như thế từ phía tôi.

Được làm hoàn toàn bằng gỗ đỏ và kính, ngôi nhà từ lâu đã trở thành nơi trú ngụ cho lũ chuột và chim chóc. Tôi dọn sạch các tổ chim trong khi Biff phụ trách bẫy chuột theo cách thức mà tôi chỉ có thể mô tả bằng từ “chuyên nghiệp”. Nó xua con chuột cuối cùng ra khỏi nhà sau một tuần.

Những món đồ cũ đều đã bị mục, tôi chất thành đống trên bãi biển và châm lửa đốt, trong đầu nghĩ tới Belasco và những phút giây sáng khoái ở Carolina.

Lẽ ra tôi không được phép lấy đồ của Sears, nhưng suốt một tuần lễ đêm nào tôi cũng xuống đó mà không ai phản đối. Tôi nghĩ miễn mình đừng làm công khai thì gia đình Baleen sẽ chẳng nói gì. Sự nghiêm chỉnh về tình dục của họ có lẽ cũng như thế, nếu Annabel và tôi trở thành một cặp tình nhân kín đáo có khi họ cũng không nói gì. Mà có lẽ họ cũng đã nghĩ chúng tôi là như vậy.

Tôi lấy đồ nội thất, dụng cụ nhà bếp và giá sách từ cửa hàng Sears. Sau đó tôi bắt đầu thu thập sách từ thư viện.

Sau đám tang, sự đau buồn khiến tôi chỉ muốn ra đi, nhưng mong muốn đó đã tự lắng xuống theo thời gian. Tôi đoán là nhờ những cuốn sách. Tôi quyết định sẽ hoàn tất việc đọc của mình và cập nhật cuốn nhật kí trong ngôi nhà bên bờ biển này. Sau đó, tôi sẽ quyết định xem mình nên tiếp tục tìm kiếm Mary Lou hay ở lại. Hay ra đi và tìm một nơi chốn hoàn toàn mới - đi về phía Tây chẳng hạn, đến Ohio và xa hơn thế.

* * *

Trong một cuốn sách tìm được ở dưới Trung tâm thương mại, tôi đã biết trong thế giới xưa kia, mùa tiếp sau mùa Hè được gọi là “mùa tàn của năm”. Cụm từ đó thật đẹp đẽ và gây ấn tượng sâu sắc trong tôi.

Những hàng cây trên bờ biển phía ngoài ngôi nhà đã bắt đầu mất đi sắc xanh, chúng chuyển sang màu vàng và đỏ cam qua từng ngày. Màu xanh của bầu trời giờ đây nhạt hơn, và tiếng kêu của bầy mòng biển dường như cũng xa xôi hơn. Trong không khí buổi sáng đã có một chút hơi lạnh khi tôi đi dạo trên bãi biển vắng vẻ. Thỉnh thoảng tôi lại phát hiện những con nghêu vùi mình trong cát, nhưng không đào chúng lên. Tôi đi bộ và chạy trong tiết Thu - mùa tàn của năm, càng ngày càng nghĩ đến việc rời khỏi Maugre để tiếp tục đi lên phía Bắc, tới New York. Nhưng tôi có một chỗ ở đẹp tại đây và tự cung tự cấp nhờ các thực phẩm lấy ở Trung tâm thương mại. Tôi đã trở thành một người nấu ăn giỏi. Nếu muốn bầu bạn, tôi có thể đi thăm nhà Baleen và đọc kinh cho họ, như

thỉnh thoảng tôi vẫn làm. Họ khá vui mừng khi gặp tôi, dù có vẻ như họ nhẹ nhõm khi tôi ra về.

Chuyện đó thật kì lạ. Tôi đoán họ đã chờ đợi một điều kì diệu nào đó xảy ra khi bắt đầu được nghe người ta đọc *Kinh Thánh* và khai mở bí mật cho họ - thông điệp của cuốn sách bí hiểm mà họ tôn thờ. Nhưng chẳng có phép màu nào, và thật mau chóng, họ đánh mất sự quan tâm của mình. Tôi nghĩ để hiểu hết ý nghĩa của những điều được viết cần một sự tập trung và thành tâm mà không ai trong số họ có được - ngoại trừ ông già Edgar Baleen, có lẽ vậy. Họ sẵn sàng chấp nhận không thắc mắc sự mộ đạo nghiêm ngặt, sự im lặng, những tiết chế về tình dục, cùng một vài mẫu chuyện về Jesus, Moses và Noah, nhưng họ bị choáng ngợp trước nỗ lực cần có để hiểu được tài liệu vốn là nguồn gốc thực sự của tôn giáo họ theo.

Có lần tôi hỏi Edgar vì sao ở Maugre không có robot, ông nói:

- Chúng tôi đã mất mười năm để loại bỏ đám sứ giả Satan đó khỏi nơi này.

Tuy vậy, khi tôi hỏi ông ta họ đã làm điều đó như thế nào, Edgar không đáp. Họ có thể dành ra mười năm trời cho một việc như thế, nhưng không chịu tranh thủ lúc tôi đang hiện diện để tìm hiểu ý nghĩa thực sự của “Satan” - từ mà giờ đây tôi đã biết có nghĩa là “kẻ thù”.

Trước khi Annabel chết, tôi đã nghĩ mình đủ bằng lòng để sống cùng họ. Thức ăn cũng rất ngon: Khoai tây nghiền, bánh nghìn lớp, bánh qui và thịt lợn xông khói (họ chưa bao giờ nghe nói tới thịt khỉ xông khói), trứng tráng và các loại xúp: Xúp gà, xúp rau,

xúp đậu, xúp bắp cải và xúp đậu lăng, tất cả đều được dọn nóng kèm bánh qui giòn.

Cũng có những lúc tôi cảm thấy rõ rệt một điều mà mình đã học được trong tù - cảm giác thuộc về một cộng đồng. Tôi có thể ngồi bên chiếc bàn trong bếp với toàn thể gia đình Baleen xung quanh, lặng lẽ ăn xúp và thấy một sự ấm áp lan tỏa từ bụng ra khắp cơ thể, cảm nhận sự hiện diện của những con người trầm tĩnh, mạnh mẽ và cần cù. Họ đụng chạm nhau khá nhiều - chỉ là những cử chỉ nho nhỏ, chẳng hạn như đặt một bàn tay lên cánh tay người khác, hoặc khẽ chạm khuỷu tay vào nhau trong lúc ngồi quanh bàn ăn. Họ cũng chạm vào tôi, thoạt đầu với một chút rụt rè, nhưng rồi thoải mái và dễ dàng hơn. Những trải nghiệm với cánh đàn ông trong tù đã chuẩn bị cho tôi trước điều này, và tôi dần dần thích nó, thậm chí cần nó. Chính vì thế mà thỉnh thoảng tôi vẫn quay về, để chạm vào họ và cảm nhận sự hiện diện đầy nhân tính của họ.

Nhưng khác với những gia đình từng thấy trong phim, người nhà Baleen nói chuyện với nhau rất ít. Sau những giờ đọc kinh buổi tối, màn hình ti vi khổng lồ sau lưng tôi sẽ được bật lên. Chiếc máy phát chạy bằng xăng đặt trên sàn nhà kêu phành phạch, và những hình ảnh ba chiều đầy màu sắc của các chương trình rèn tâm trí xuất hiện - những hình thù trừu tượng, những màu sắc ma mị, âm nhạc ám ảnh - hoặc của các chương trình về tình dục và thống dâm, các chương trình thử lửa. Mọi người ngồi xem trong im lặng, cũng giống như tại trường nội trú và đại học, cho đến giờ đi ngủ. Thỉnh thoảng họ đứng lên đi sang bếp lấy một miếng gà chiên, một lon bia và ít đậu (bia và đồ nhắm được đem về từ Trung tâm thương mại trên những chiếc xe cút kít mỗi mười ngày)

nhưng từ trong bếp không bao giờ vọng ra tiếng trò chuyện. Không ai muốn phá vỡ không khí mà các chương trình mang lại.

Tuy vậy, dù đã xem ti vi rất nhiều lần trước đó, tôi cảm thấy mình không còn có thể xem mà không suy nghĩ. “Thả hồn vào màn hình”. Chúng tôi đã được dạy như vậy. Nó cũng là một điều căn bản như “Đừng hỏi, thư giãn đi”. Nhưng tôi không thể làm như vậy được nữa. Tôi không còn muốn giữ im lặng những suy nghĩ trong đầu, hoặc sử dụng tâm trí như phương tiện để tiếp nhận những khoái cảm rời rạc. Tôi muốn đọc, muốn suy ngẫm, và nói chuyện.

Sau cái chết của Annabel, thỉnh thoảng tôi lại bị cám dỗ trước việc sử dụng những viên mê dược mà họ để khắp nơi trong nhà trên những chiếc đĩa kẹo bằng gốm của cô, nhưng rồi tôi lại nghĩ đến Mary Lou và quyết định của mình lúc được đề nghị uống mê dược trước khi bị giải tới “Hồ Lửa vĩnh cửu” - và không đụng tới chúng nữa.

Thật tuyệt khi cảm nhận được sự ấm áp của một gia đình, khi thức dậy vào ban đêm trong căn phòng mà tôi chia sẻ với Rod và nghe thấy tiếng ngáy khe khẽ của anh ta, cảm nhận được sự hiện diện của tất cả những người khác trong nhà. Đôi khi tôi cảm thấy điều gì đó rất hay ho trong tôi đang bắt đầu hình thành. Nhưng rồi chiếc ti vi lớn được bật lên, hoặc mọi người dán mắt vào những màn hình riêng trong phòng mình, và tôi lại cảm thấy như muốn phát điên vì không được nói chuyện - không được đối thoại. Những tù nhân mà tôi đã sống cùng nói chuyện với nhau bất cứ khi nào họ có thể, nhưng họ phải chờ đợi cơ hội để làm điều đó, như lúc chạy xuống bãi biển chẳng hạn. Còn người nhà Baleen thì khác.

Họ hài lòng với sự bầu bạn, nhưng không có gì để nói ngoại trừ thỉnh thoảng thốt lên “Vinh danh Chúa”.

Vì vậy, tôi gặp họ vừa đủ để duy trì sự tiếp xúc tối thiểu với con người. Điều đó dường như cũng đủ đối với tôi. Kể từ khi chuyển đến đây vào giữa mùa Hè, tôi đã nghe các đĩa nhạc lấy từ Sears, ghi nhật kí vào cuốn sổ lớn của Sears và đọc sách. Tôi đọc sách vào ban ngày trên ban công nhìn ra đại dương, với Biff - giờ đã lớn hơn rất nhiều - ngồi bên cạnh. Hoặc vào ban đêm, dưới ánh đèn dầu trong phòng khách lớn ở tầng trệt. Tôi đã đọc hơn một trăm cuốn sách. Tôi cũng nghe đi nghe lại các đĩa nhạc giao hưởng của Mozart, Brahms, Prokofiev và Beethoven, các đĩa nhạc thánh phòng, các vở opera và nhiều tác phẩm đa dạng của Bach, Sibelius, Dolly Parton, Palestrina và Lennon. Đôi khi, hơn cả sách vở, âm nhạc giúp mở rộng cảm nhận của tôi về quá khứ. Và sự mở rộng này, sự lớn mạnh của việc hướng tới những gì khác hơn thứ từng là cái tôi nhỏ bé được đào tạo ở trường nội trú, của mong muốn quay ngược thời gian và gặp lại những thế hệ đồng loại đã sống trên cùng trái đất này, đã tạo nên đam mê duy nhất của tôi trong những tháng ngày dài cô đơn.

Bây giờ tôi đang ngồi bên chiếc bàn bếp bằng gỗ sồi của mình để viết những dòng nhật kí này vào một cuốn sổ mới, với một cây bút bi của Sears. Biff nằm cuộn tròn trên ghế cạnh tôi, ngủ ngon lành. Trên bàn trước mặt tôi là nửa chai J.T.S. Brown Bourbon, một bình nước và một cái ly. Trời đã xế chiều, và ánh nắng thu vẫn đang chiếu qua khung cửa sổ bên trên bồn rửa. Hai ngọn đèn dầu được treo trên trần nhà, ngay phía trên bàn, và tôi sẽ thắp chúng khi cần. Sau khi viết thêm một chút, tôi sẽ nấu một ít thức ăn cho Biff, và tiếp đó, nếu có đủ xăng, tôi sẽ cho chạy máy phát điện dưới tầng hầm để nghe một hoặc hai đĩa nhạc.

Khi tôi bắt đầu cuốn nhật kí này, tôi dự định sẽ tóm tắt tất cả những gì tôi đã học được về lịch sử loài người và cách mà nó đi đến một sự kết thúc. Nhưng đối mặt với viễn cảnh phải thực sự bắt tay vào viết, sau khi đã suy nghĩ về nó quá lâu, tôi lại thấy nao núng. Tôi nhiều lần bị chế ngự bởi mong muốn có Mary Lou ở bên cạnh, và lúc này cũng vậy, khi tôi nghĩ tới khó khăn của nhiệm vụ đang chờ đợi mình. Không nghi ngờ gì nữa, Mary Lou thông minh hơn tôi. Cô có thể không đủ kiên nhẫn như tôi trong khi học, nhưng tôi muốn có được sự lanh lợi và mạnh mẽ của tâm trí cô, cũng như khả năng nắm bắt nhanh chóng của cô. Ngoài ra, Mary Lou cũng có một sự nhiệt tình mà tôi không có.

Tôi không biết mình có còn yêu cô nữa hay không. Một khoảng thời gian dài đã trôi qua và rất nhiều sự kiện đã xảy ra kể từ đó. Và tôi vẫn còn đang tiếc thương Annabel.

Khi viết ra những dòng chữ này, tôi bắt gặp chính mình đang nhìn chăm chăm những dấu vết ở cổ tay, hai vết sẹo trắng đánh dấu nơi những chiếc vòng an ninh cửa vào da thịt tôi sau cú cắt của lưỡi dao trong nhà máy.

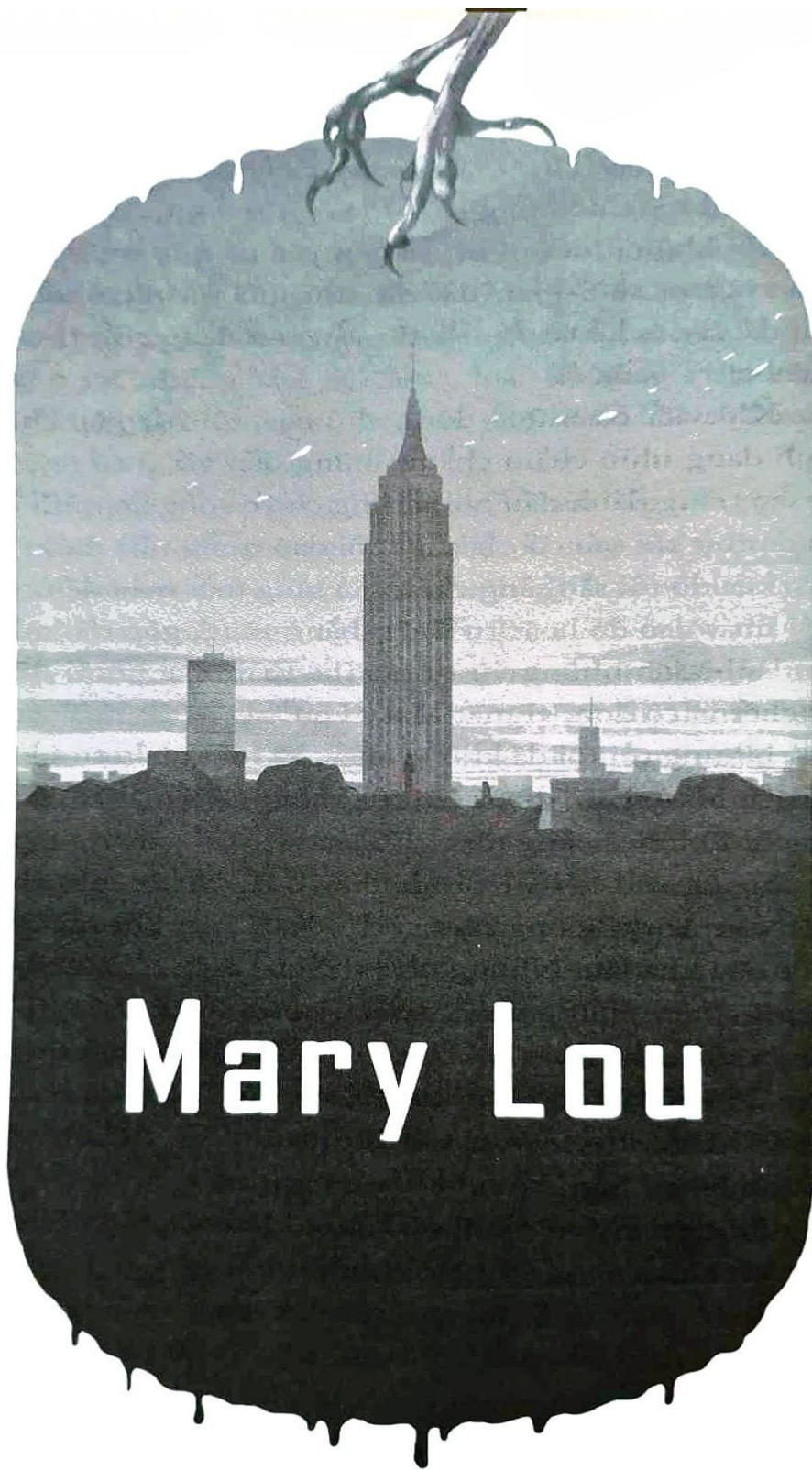
Lúc đó tôi sẵn sàng chết, sẵn sàng mất máu đến chết dưới nhát dao đó hoặc tự thiêu bằng xăng, góp tên mình vào danh sách những vụ tự sát thê thảm. Lẽ ra tôi đã có thể chết vì cô đơn, vì mất Mary Lou.

Nhưng rồi tôi đã không chết. Và một phần trong tôi vẫn yêu Mary Lou, dù đã lâu tôi không đi lên phía Bắc để tìm cô. Thỉnh thoảng tôi nghĩ đến việc tìm con đường có các chuyến xe buýt liên tỉnh chạy qua, và bắt một chiếc đến New York, giống như cách tôi đã làm khi rời Ohio trước đây khá lâu. Nhưng như thế quá điên rồ. Máy quét trang bị trên những chiếc xe buýt này rất có thể sẽ phát

hiện ra tôi là kẻ đào tẩu. Hơn nữa, tôi không còn thể tin dụng. Nó đã bị tước mất khi tôi vào tù.

Tôi thật khác với chính tôi lúc đó! Cơ thể tôi cũng mạnh mẽ hơn hẳn. Và tôi không còn e sợ nữa.

Tôi sẽ rời Maugre sớm. Trong khi mùa tàn của năm chưa kết thúc.



Giờ thì đứa bé có thể chào đời bất cứ lúc nào. Đây là thời điểm hoàn hảo trong năm để sinh con - đầu Xuân. Tôi đang ngồi bên cửa sổ phòng khách nhìn ra Đại lộ số Ba. Ở trung tâm thành phố, chệch về phía Tây, tôi có thể nhìn thấy tòa nhà Empire State, bên trên những lô đất trống và những mái nhà lụp xụp. Bob thường ngồi trên chiếc ghế xanh này và nhìn về phía nó, còn tôi lại thích ngắm cái cây ngoài cửa sổ. Đó là một cái cây lớn, cao hơn cả tòa nhà ba tầng của chúng tôi, và từ lâu lắm rồi đã làm nứt toác vỉ hè xung quanh phần gốc to lớn của mình. Từ chỗ đang ngồi tôi có thể thấy những chiếc lá nhỏ đã bắt đầu nhú ra trên những cái cành thấp. Nó làm cho tôi cảm thấy vui khi nhìn thấy chúng, nhìn thấy sắc xanh nhạt tươi tắn đó.

Vì Bob không thể đọc được các tựa sách nên tôi đã phải đi cùng ông cách đây hai tuần để tìm sách về chăm sóc em bé và sản khoa. Tôi tìm được bốn cuốn, hai trong số chúng có hình ảnh. Tôi chưa bao giờ nhận được bất kì hướng dẫn nào trong đời về việc sinh con, và tất nhiên cũng chưa bao giờ quen người nào sinh con. Tôi thậm chí chưa bao giờ nhìn thấy một phụ nữ mang thai. Nhưng khi đọc một trong những cuốn sách và xem hình ảnh của nó, tôi nhận ra mình đã có một số liên tưởng chắc hẳn đã có được từ những cô gái lớn tuổi hơn vào cái thời tôi còn lạc lõng trong trường nội trú: Những cơn đau do co thắt, ra máu, nằm ngửa và la hét và cắn vào cẳng tay mình, một thủ tục đen tối được gọi là “cắt dây rốn”. Chà, giờ thì tôi đã biết về những điều như vậy, và cảm thấy đỡ hơn. Tôi chỉ muốn tất cả chấm dứt.

Vào một buổi chiều cách đây ba tuần, Bob về nhà sớm hơn thường lệ. Cả ngày hôm đó tôi đang băn khoăn về hiểu biết sơ sài quanh chuyện chăm trẻ sơ sinh của mình, thì ông bước vào nhà,

mang theo một cái thùng to tướng chứa đầy dụng cụ, các lon sơn và cọ. Không buồn nói gì với tôi, Bob đi vào trong bếp và bắt đầu xử lí cái ống thoát nước của bồn rửa. Tôi đã rất ngạc nhiên. Chỉ vài phút sau tôi nghe thấy tiếng nước đổ xuống bồn rửa và tiếp đó là tiếng òng ọc khi nước chảy xuống cống. Tôi đứng dậy và bước tới cửa bếp.

- Chúa ơi! - Tôi thốt lên. - Ông bị ai nhập vậy?

Bob chùi tay vào khăn lau bát đĩa rồi quay người về phía tôi.

- Tôi đã quá mệt mỏi với những thứ không hoạt động. - Ông nói.

- Thật vui khi được nghe điều này. Ông có thể sửa lại chỗ vách tường bị lộ những cuốn sách không?

- Được chứ. Sau khi tôi sơn lại phòng khách. - Bob đáp.

Tôi định hỏi ông xoay đầu ra sơn, nhưng lại thôi. Bob dường như biết hết nơi chốn của mọi thứ tại New York. Tôi đoán ông là công dân già nhất thành phố này.

Trong cái thùng mà Bob mang về nhà có một số lon sơn cũ bám đầy bụi. Ông đi sang phòng khách, dùng tua vít cạy nắp một trong số chúng rồi bắt đầu pha sơn. Nó trông khá ổn, và sau khi ông khuấy nó một lúc, tôi có thể thấy nó có màu trắng. Sau đó Bob ra ngoài vài phút trước khi quay lại với một cái thang. Ông dựng thang rồi cởi áo, leo lên và bắt đầu sơn bức tường phía bên trên tủ sách của tôi nhờ ánh sáng từ cửa sổ.

Tôi đã quan sát ông khá lâu trong im lặng. Sau đó, tôi lên tiếng:

- Ông có biết gì về sinh đẻ không?

Bob tiếp tục sơn mà không nhìn tôi.

- Không. Trừ việc nó rất đau. Và việc bất kì robot Lớp Bảy nào cũng có thể phá thai.

- Bất kì ư?

Ông ngừng tay và quay nhìn tôi, từ trên cao. Có một đốm sơn trắng trên má ông. Đầu Bob gần như chạm vào trần nhà.

- Robot Lớp Bảy được thiết kế vào thời điểm có quá nhiều người mang thai. Ai đó đã nảy ra ý tưởng lập trình cho phép họ phá thai, cho đến tận tháng thứ chín. Tất cả những gì cần làm là nêu yêu cầu.

Cụm từ “đến tận tháng thứ chín” khiến tôi chao đảo trong một giây. Ông ta nói ra một cách tình cờ, nhưng tôi không muốn nghe nó. Rồi tôi bật cười, nghĩ đến một người phá thai bằng cách nhờ cậy robot Lớp Bảy. Robot Lớp Bảy thường phụ trách các doanh nghiệp, trường nội trú hoặc cửa hàng. Tôi hình dung mình đi đến gặp một con đang ngồi phía sau bàn giấy của nó và nói: “Tôi muốn phá thai.” Sau đó nó rút từ ngăn kéo bàn ra một con dao nhỏ... Nhưng chuyện này chẳng hài hước chút nào.

Tôi ngừng cười.

- Ông có thể tìm cho tôi một cuốn sách về sinh con được không?
- Tôi đưa hai tay ôm lấy bụng mình như đang tự vệ. - Để tôi có một chút khái niệm về những gì sắp diễn ra?

Ngạc nhiên thay, Bob không trả lời tôi. Ông nhìn tôi chằm chằm một lúc. Rồi ông huýt sáo khe khẽ. Dường như ông đang chìm đắm trong suy nghĩ. Những lúc như vậy, tôi vô cùng ngạc nhiên về tính người của Bob. Những lúc ở một mình với tôi như vậy, khuôn mặt của ông có thể biểu lộ nhiều cảm xúc hơn cả Paul hay bố Simon, còn giọng nói của ông đôi khi trầm và buồn đến

mức khiến tôi suýt khóc. Thật kì lạ khi robot này lại là nơi lưu trữ của rất nhiều tình yêu và nỗi buồn - những cảm xúc mạnh mẽ mà nhân loại đã tự mình loại bỏ.

Cuối cùng ông lên tiếng và khiến tôi sốc nặng:

- Tôi không muốn cô sinh con, Mary à.

Bất giác tôi khẹp tay chặt hơn trước bụng.

- Ông đang nói cái gì vậy, Bob?

- Tôi muốn cô bỏ đứa bé. Có một robot Lớp Bảy trong tòa nhà có thể làm được chuyện đó.

Chắc tôi đã giương mắt nhìn ông ta một cách bàng hoàng và giận dữ. Tôi còn nhớ mình đã đứng dậy và đi vài bước về phía Bob. Tất cả những gì vang lên trong đầu tôi là câu chửi mà tôi đã học được từ bố Simon nhiều năm về trước, và tôi buột miệng thốt lên:

- Đồ khốn nạn, Bob! Đồ khốn!

Bob nhìn tôi không chớp mắt. Ông ta nói:

- Mary à, nếu đứa trẻ này sống sót, nó sẽ trở thành con người cuối cùng sống trên trái đất. Và tôi sẽ phải sống tiếp chừng nào nó còn sống.

- Vớ vẩn. - Tôi thốt lên. - Hơn nữa, đã quá muộn. Tôi có thể bảo các phụ nữ khác ngừng uống thuốc để giúp họ có thể sinh sản trở lại. Ngay chính bản thân tôi cũng có thể đẻ những đứa con khác. - Ý tưởng đó làm tôi bỗng cảm thấy yếu ớt và phải ngồi xuống trở lại. - Còn ông, sao ông lại không muốn sống tiếp? Ông có thể làm cha những đứa con của tôi. Chẳng phải đó là ý muốn của ông khi cướp tôi từ Paul sao?

- Không. - Bob đáp. - Không phải thế. - Ông ta rời mắt khỏi tôi, trên tay vẫn cầm cọ sơn, và nhìn ra cửa sổ, về phía cái cây trên đại lộ vắng vẻ. - Tôi chỉ muốn sống bên cô theo cái cách mà chủ nhân những giấc mơ của tôi đã sống, hàng trăm năm về trước. Tôi cứ tưởng nó sẽ cho phép tôi khôi phục lại quá khứ nằm đâu đó bên rìa tâm thức và kí ức, giúp tôi nhẹ lòng.

- Thế rồi sao?

Bob nhìn tôi trở lại, ánh mắt trầm tư.

- Chẳng ích gì. Chẳng có thay đổi nào xảy ra trong tôi. Ngoại trừ việc đem lòng yêu cô.

Sự bất hạnh của ông ta khiến tim tôi thắt lại. Tưởng như trong phòng có một sinh vật sống đang cất lên một tiếng khóc, một lời than vãn.

- Thế còn đứa bé? - Tôi hỏi. - Nếu ông có thể làm cha của một đứa bé...

Bob chậm rãi lắc đầu.

- Không. Toàn bộ sự sắp đặt này thật quá điên rồ. Cũng giống như bắt Paul Bentley đọc các bộ phim câm cho tôi để tôi có thể cảm nhận quá khứ một chút thông qua anh ta. Cho phép anh ta làm cô có bầu trước khi tôi tách anh ta khỏi cô. Toàn bộ câu chuyện này thật ngu ngốc, điều mà các cảm xúc gây ra khi ta nhượng bộ chúng. - Ông ta bước xuống thang, tiến lại gần tôi, rồi dịu dàng đặt bàn tay to lớn của mình lên vai tôi. - Tất cả những gì tôi muốn, Mary à, là được chết đi.

Tôi ngược nhìn khuôn mặt buồn bã với làn da nâu, cái trán rộng đầy nếp nhăn, và đôi mắt hiền lành.

- Nếu con tôi ra đời...

- Tôi được lập trình để sống cho tới khi nào còn con người để phục vụ. Tôi không thể chết chừng nào con người vẫn tồn tại. Các... - Thành linh giọng điệu của Bob bùng nổ. - Đám *Homo sapiens* các người, với thứ truyền hình và ma túy của các người.

Cơ thịnh nộ của Bob khiến tôi hoảng sợ và im lặng trong giây lát. Sau đó tôi đáp:

- Tôi là một *Homo sapiens*. Nhưng tôi không giống họ. Và ông cũng gần như là một con người. Hay còn hơn cả con người.

Ông ta quay mặt đi, bỏ tay ra khỏi vai tôi.

- Tôi là con người. Ngoại trừ chuyện sinh sản và chết đi. - Bob tiến lại chỗ cái thang. - Tôi đã chán ngấy cuộc sống này. Tôi không bao giờ muốn có nó.

Tôi nhìn ông trân trối:

- Luật chơi là như vậy mà. Tôi cũng đâu có đòi được sinh ra.

- Nhưng cô có thể chết đi.

Bob bắt đầu trèo lên thang trở lại.

Bỗng một ý nghĩ kinh khủng xuất hiện trong đầu tôi:

- Khi tất cả chúng tôi chết hết... Khi thế hệ này chết sạch, ông mới có thể tự sát hay sao?

- Phải. - Bob đáp. - Tôi nghĩ thế.

- Làm sao ông biết chắc được? - Tôi cao giọng hỏi lại.

- Tôi không biết. Nhưng nếu không còn con người để phục vụ thì...

- Chúa ơi! - Tôi rú lên. - Có phải chính ông là lí do khiến cho không một đứa trẻ nào được sinh ra nữa?

Bob nhìn tôi.

- Đúng vậy. Tôi từng phụ trách ban Kiểm soát dân số. Tôi hiểu cách thức vận hành của hệ thống.

- Trời đất ơi! Ông cho cả thế giới này nốc thuốc ngừa thai chỉ vì ông muốn tự sát. Ông xóa sổ nhân loại...

- Để tôi có thể chết đi. Nhưng thử nhìn mà xem nhân loại tự hủy diệt mình như thế nào.

- Chỉ vì ông đã hủy diệt tương lai của nó. Ông đã chuốc thuốc nó, lừa dối nó, thắt những cái vòi trứng của nó, và giờ ông muốn chôn vùi nó. Còn tôi thì cứ nghĩ ông là một vị thánh.

- Tôi chỉ làm công việc được lập trình để làm thôi. Tôi là một cỗ máy, Mary à.

Tôi không thể rời mắt khỏi ông ta, và dù cố gắng hết sức, tôi cũng không thể làm cho ngoại hình đẹp đẽ của Bob trở nên xấu xí trong đầu mình. Ông ta thật đẹp, bản thân nỗi buồn của ông ta cũng giống như một thứ ma túy đối với tôi. Ông ta đứng đó với bộ ngực trần dính những vệt sơn, và trong thâm tâm tôi có gì đó bị thu hút bởi ông. Ông là tạo vật đẹp đẽ nhất tôi từng thấy, sự mê đắm và giận dữ trong tôi khiến cho vẻ hấp dẫn càng bùng sáng hơn nơi cơ thể lực lưỡng, thư thái, cơ thể phi tình dục, vừa rất già cỗi vừa cực kì trẻ trung của ông.

Tôi lắc đầu, cố gắng xua những cảm giác đó đi.

- Ông được tạo ra để giúp chúng tôi. Không phải để giúp chúng tôi chết đi.

- Cái chết có lẽ chính là điều các người thực sự muốn. - Bob đáp.
- Rất nhiều người đã lựa chọn nó. Những người khác cũng thế, nếu họ đủ can đảm.

Tôi trở mắt nhìn ông ta.

- Mẹ kiếp. Tôi sẽ không chọn điều đó. Tôi muốn sống và nuôi dạy con tôi. Tôi muốn sống tốt.

- Cô không thể nuôi đứa trẻ đó, Mary. - Bob nói. - Tôi không thể chịu nổi việc phải sống tiếp bảy mươi năm nữa và ngày nào cũng thức hai mươi ba trên hai mươi tư tiếng đồng hồ.

- Thế ông không thể tự tắt mình à? - Tôi hỏi lại. - Hoặc là bơi ra Đại Tây Dương?

- Không. Cơ thể tôi sẽ không nghe theo mệnh lệnh của tâm trí. - Bob tiếp tục sơn tường. - Để tôi kể cô nghe chuyện này. Mỗi mùa Xuân trong cả thế kỉ qua tôi đều đi bộ theo Đại lộ số Năm tới tòa nhà Empire State, trèo lên đỉnh, và cố gắng nhảy xuống. Cuộc sống của tôi dường như xoay quanh nghi thức đó. Nhưng tôi không thể nhảy. Đôi chân tôi không chịu bước ra khỏi mép sân thượng. Tôi đứng cách mép sân vài bước chân, suốt đêm đó, và không có gì xảy ra.

Tôi hình dung ông ta ở trên đó, giống như con khỉ trong phim. Còn tôi là cô gái. Thành linh tôi nảy ra một ý. Nhưng trước hết, tôi hỏi ông ta:

- Làm thế nào ông ngăn cản sự ra đời của những đứa trẻ?

- Hệ thống vận hành một cách tự động. Nó nhận dữ liệu từ Ban Điều tra Dân số để biết nên tăng hay giảm tỉ lệ sinh, và điều khiển thiết bị phân phối mê dược. Nếu tỉ lệ sinh tăng lên, nó sẽ tăng liều

thuốc tránh thai trong các viên mê dược. Nếu tỉ lệ giảm xuống, các viên mê dược sẽ chỉ chứa mê dược mà thôi.

Tôi ngồi đó lắng nghe như một đứa trẻ nghe giảng bài về sự Riêng tư. Tôi đang được học về sự diệt vong của giống loài mình, nhưng dường như nó chẳng có ý nghĩa gì đối với tôi. Bob đứng đó với cây cọ sơn trong tay, giải thích với tôi vì sao không có đứa trẻ nào được ra đời trong bao nhiêu năm qua, vậy mà tôi chẳng cảm thấy gì. Chưa từng có đứa bé nào trong cuộc sống của tôi. Trừ những con robot thiếu nhi gồm ghieếc mặc áo trắng ở vườn thú. Tôi chưa bao giờ gặp ai trẻ hơn mình. Nếu con tôi không sống sót, nhân loại sẽ diệt vong cùng với thế hệ của Paul và tôi.

Tôi đưa mắt nhìn Bob. Ông ta cúi xuống nhúng cọ vào lon sơn, rồi quay lại với bức tường phía bên trên tủ sách.

- Vào khoảng thời gian mà cô chào đời, một điện trở của bộ khuếch đại tín hiệu đầu vào đã bị hỏng. Nó bắt đầu phát đi tín hiệu cho thấy dân số đang quá cao. Cho đến bây giờ, thiết bị phân phối mê dược vẫn nhận được những tín hiệu như thế, và cố gắng cắt giảm dân số, bằng cách phân phát những viên mê dược ngăn cản sự rụng trứng, ngay cả khi nó đã triệt sản gần như toàn bộ thế hệ của cô, trong các trường nội trú. Nếu cô nán lại trường thêm một *hoàng* nữa thôi, thì buồng trứng của cô đã tiêu. - Bob đã hoàn tất việc sơn góc trên cùng, bức tường trông thật sạch sẽ và tinh tươm.

- Ông có thể sửa lại cái điện trở đó không? - Tôi hỏi.

Bob im lặng xuống thang, tay vẫn cầm cọ sơn.

- Tôi không biết nữa. Tôi chưa từng thử. - Ông ta đáp.

Tôi bắt đầu hiểu ra, tôi hình dung toàn bộ câu chuyện này đã bắt đầu từ rất xa xưa dưới bóng cây, trong các hang động và trên vùng đồng bằng châu Phi, nơi con người, đi bằng hai chân và giống như khỉ, lan tràn khắp nơi và tạo ra các tượng thần của mình trước tiên, sau đó là các thành phố. Thế rồi con người đã thoái hóa thành một tàn dư của giống loài bị chuốc thuốc, chỉ vì một cỗ máy trực trực. Một linh kiện rất nhỏ của một cỗ máy trực trực. Và một robot còn hơn cả con người từ chối sửa chữa nó.

- Chúa ơi, Bob. - Tôi nói. - Chúa ơi. - Đột nhiên tôi cảm thấy căm ghét ông ta, ghét sự điềm nhiên của ông ta, sức mạnh và sự buồn bã nơi ông ta. - Đồ quái vật khốn nạn! - Tôi thốt lên. - Ác quỷ! Ác quỷ! Ông đang để cho chúng tôi chết. Và chính ông là kẻ muốn tự sát.

Bob ngừng sớn và quay lại nhìn tôi.

- Đúng vậy. - Ông ta nói.

Tôi nín thở.

- Nếu muốn, ông có thể ngừng việc chế tạo những viên mê dược trộn thuốc tránh thai trên toàn quốc được không?

- Được chứ. Và trên toàn thế giới.

- Ông có thể ngăn chặn việc phân phát mê dược ư? Tất cả mê dược?

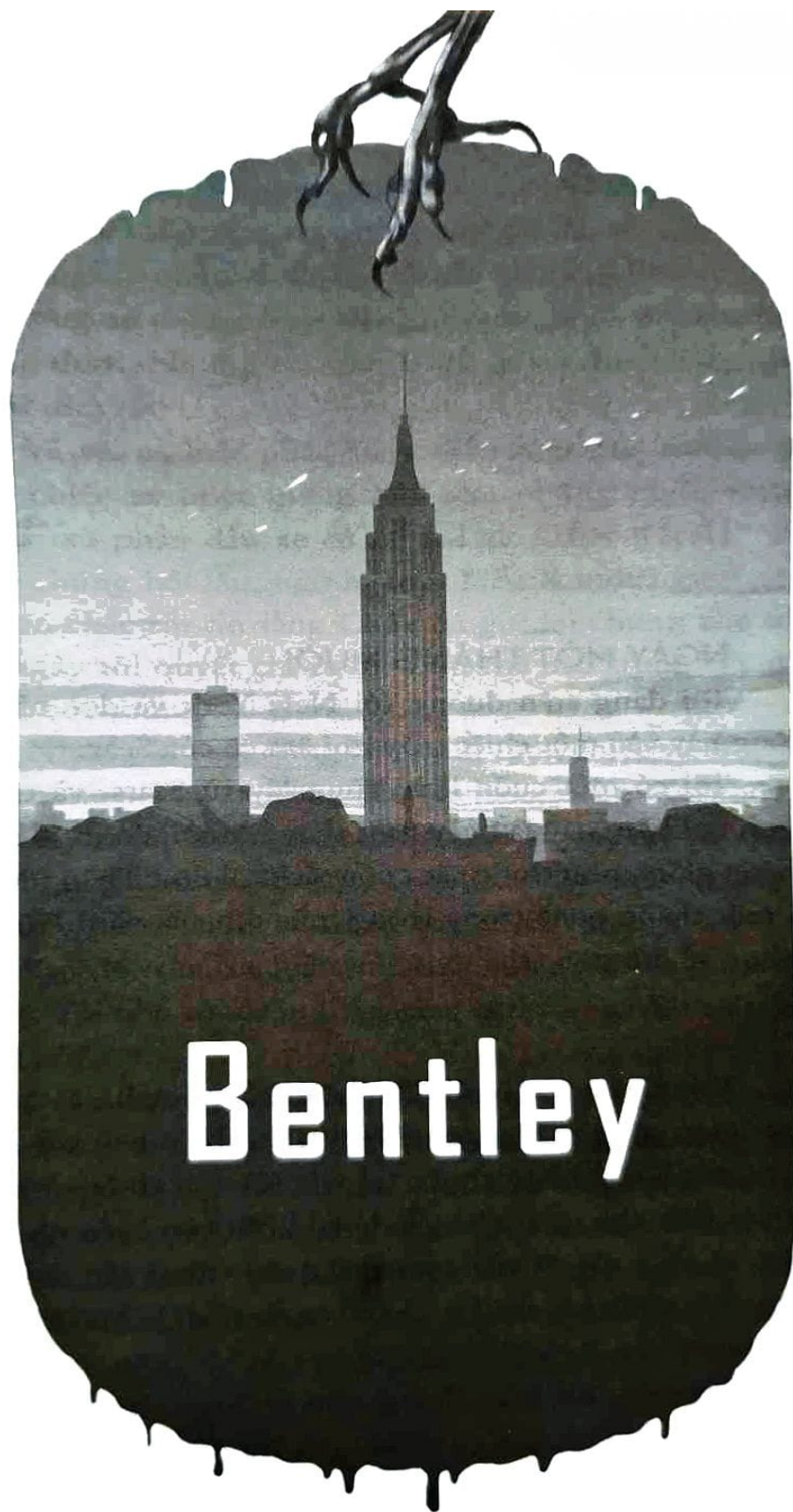
- Đúng.

Tôi hít một hơi sâu. Sau đó, thật nhẹ nhàng, tôi nói:

- Vụ tòa nhà Empire State ấy. - Tôi nhìn về phía trung tâm thành phố, nơi tòa nhà sừng sững đứng đó. - Tôi có thể đẩy ông.

Tôi đưa mắt nhìn Bob trở lại. Ông ta đang nhìn tôi chăm chăm.

- Sau khi con tôi ra đời. - Tôi nói. - Khi đã lại sức và tự mình chăm sóc được nó, tôi có thể đẩy ông xuống từ trên đỉnh tòa nhà Empire State.



NGÀY MỘT THÁNG MƯỜI

Tôi đang trên đường tới New York và đọc những dòng này vào một chiếc máy ghi âm cũ của Sears.

Tôi có một cuốn lịch, cũng lấy từ Sears, và quyết định gọi hôm nay là ngày một tháng Mười, đánh số ngày tháng giống như trong các cuốn sách tôi đọc. Tháng Mười là một tháng quan trọng trong mùa tàn của năm. Tôi chỉ trả nó về đúng vị trí.

* * *

Tôi mất ngủ vào cái đêm hoàn tất việc ghi lại quãng thời gian sống ở Maugre. Ngay sau khi tôi quyết định rằng mình sẽ không thuật lại việc đã sửa chữa và trang bị nội thất cho ngôi nhà gỗ đồ cổ kính bên biển như thế nào, và rằng tôi đã viết mọi thứ quan trọng cần viết, tôi cảm thấy phấn khích. Tôi có thể tự do ra đi bất cứ khi nào tôi muốn.

Đêm đó, tôi lang thang trên những con phố hoang vắng, um tùm cây cối của Maugre, rồi đi tới cột đá, chui xuống tầng hầm nơi có thư viện, nhà để xe buýt giao cảm, và nhà kho chất đầy quan tài. Tôi còn nhớ mình chỉ tìm thấy xe buýt địa phương trong nhà để xe, và một trong những người nhà Baleen có nói với tôi rằng không chiếc nào trong số chúng hoạt động, thậm chí là mở cửa còn không được. Nhưng tôi vẫn đi tới đi lui qua những dãy xe dài tăm tối.

Và tôi có một phát hiện. Gần một bức tường, có năm chiếc xe buýt giống hệt như những chiếc khác, ngoại trừ phần đầu xe có đề

hai từ LIÊN TỈNH. Tôi nhìn chúng hồi lâu, ngỡ ngàng. Nếu là một người nhà Baleen chắc tôi tin rằng Chúa đã giữ lại chúng cho tới tận ngày tôi quyết chí ra đi. Làm thế nào trước đây tôi lại bỏ sót chúng kia chứ?

Nhưng khi tôi đứng bên cạnh từng chiếc và ra lệnh cho cửa xe mở ra, cả trong đầu lẫn bằng tiếng nói, không có gì xảy ra cả. Tôi cố gắng dùng ngón tay để cạy các cánh cửa, nhưng chúng rất chặt, không thể lay chuyển được. Tôi đá vào một chiếc xe trong cơn tuyệt vọng.

Sau đó, vừa tức giận vừa thất vọng, tôi bỗng nảy ra một ý. Tôi nhớ tới cuốn *Cẩm nang sửa chữa và bảo trì robot của Audel*.

Đó là một cuốn sách nhỏ, không to hơn một thanh đậu nành lớn là bao. Ở phía cuối sách có ba mươi trang giấy trắng với hai chữ “Ghi chú” ở đầu mỗi trang. Tôi đã dùng những trang đó ở nhà tù để chép lại một số bài thơ mà tôi thích nhất. Hầu hết trong số chúng là từ cuốn sách của T. S. Eliot, bản thân nó cũng không quá dày, nhưng không đủ mỏng để mang theo một cách thuận tiện trong chuyến đi dài.

Tôi chưa bao giờ đọc toàn bộ *Cẩm nang*, vì nó đầy tính kỹ thuật và buồn tẻ, hơn nữa tôi không có ý định bảo trì hoặc sửa chữa robot, nhưng ngay ở đó, trong nhà để xe buýt giao cảm, tôi chợt nhớ mình đã đọc một chương ở cuối sách có tiêu đề *Các robot không thân mới: Xe buýt giao cảm*, với vài trang viết và sơ đồ.

Tôi nhanh chóng quay về nhà mình. Cuốn sách đang nằm trên bàn, cạnh chiếc giường đôi rộng rãi của tôi, nơi tôi đã bỏ lại nó sau khi đọc *Thứ Tư lễ Tro*, một bài thơ buồn đầy chất tôn giáo đã

giúp tôi tổng khứ những cảm xúc xấu xí về đức tin của người nhà Baleen.

Tôi tìm đoạn viết về xe buýt giao cảm trong sách. Nó nằm ngay ở vị trí mà tôi đã nhớ. Và tí của đoạn này đúng là thứ tôi đang muốn: *Bất hoạt xe buýt giao cảm*. Tuy vậy, khi bắt đầu đọc, lòng tôi chùng hẳn xuống.

Đoạn văn đó như sau:

“Xe buýt giao cảm được kích hoạt và bất hoạt bằng một mã máy tính mà, theo Sắc lệnh của ban giám đốc, không thể được in ở đây. Bất hoạt là một sự cần thiết để kiểm soát sự di chuyển trong các nội thành khi cần. Mạch điện bất hoạt nằm ở “não trước” của Đơn vị tìm đường thông minh, nằm giữa hai đèn pha (xem sơ đồ).”

Tôi nghiên cứu sơ đồ não trước của xe buýt giao cảm trong vô vọng. Bộ phận mang tên *Mạch điện bất hoạt* là một khối cứng nằm trên đỉnh của thứ có hình thù giống như bộ não. Thật ra có những hai bộ não: Một là *Đơn vị tìm đường* để điều khiển xe buýt và hướng dẫn điểm đến cho nó; một là *Đơn vị giao tiếp*, cũng có một khối cứng nằm trên đỉnh, giống như mạch điện bất hoạt của bộ não kia. Nó được chú thích là *Bộ ức chế truyền phát*, và không có giải thích nào khác.

Tôi đang xem lại sơ đồ và đoạn văn kèm theo một cách ngán ngẩm thì một ý nghĩ chợt lóe lên. Tôi có thể gỡ bỏ cái khối cứng đó và mạch điện bất hoạt cùng với nó!

Đó là một ý tưởng khác thường, đi ngược lại điều tôi đã được dạy: “Không được cố ý thay đổi hoặc phá hoại tài sản thông minh của chính quyền”! Ngay cả Mary Lou, người chẳng quan tâm tới

các luật lệ, cũng chưa bao giờ phá máy bán bánh mì ở vườn thú. Tuy thế, cô đã ném hòn đá vào chuồng trăn và lôi con trăn robot ra ngoài. Và chẳng có chuyện gì xảy ra. Cô đã bảo robot bảo vệ biến đi, nó vâng lệnh. Chưa kể ở quanh Maugre chẳng có con robot nào khiến tôi phải sợ.

Sợ ư? Tôi không hề sợ bất cứ điều gì, thật đấy. Chỉ có cái liềm sỏi cũ kĩ gần như đã bị lãng quên của tôi là run sợ trước ý tưởng mang búa và đục đến gần bộ não của một chiếc xe buýt giao cảm. Đó là hệ quả của quá trình giáo dục điên rồ mà tôi đã trải qua, một lối giáo dục được cho là giúp giải phóng tâm trí để tối ưu hóa sự “phát triển”, “tự nhận thức” và “tự lực”, nhưng thực ra chỉ là một trò lừa đảo và dối trá. Sự giáo dục đó đã biến tôi, cũng như mọi thành viên khác của Lớp Tư duy, trở thành một kẻ ngu ngốc thiếu sáng tạo, vị kỉ, nghiện ngập. Cho tới trước khi tôi học đọc, tôi đã sống giữa một thế giới điêu tàn đầy những thằng ngu tự cho mình là trung tâm, lệ thuộc ma túy, dưới sự áp đặt của những qui định về Quyền Riêng tư, trong mơ ước điên rồ về sự tự hoàn thiện.

Ngồi đó với cuốn *Cẩm nang Audel* trong lòng, chuẩn bị sẵn sàng để tấn công bộ não của một chiếc xe buýt bằng búa, tâm trí tôi vào cái thời điểm ngớ ngẩn ấy bỗng quay cuồng nhận ra rằng tất cả những quan niệm về liềm sỏi của tôi đều là thứ được cài đặt vào đầu óc và hành vi bởi máy tính và đám robot mà bản thân chúng cũng được lập trình bởi một số “kỹ sư xã hội”, những tên bạo chúa hoặc ngu ngốc đã chết từ lâu. Lúc ấy tôi có thể hình dung ra bọn họ, những người mà vào một thời điểm xa xôi trong quá khứ đã từng quyết định mục đích sống của con người trên trái đất rồi lập ra các trường Nội trú, Ban Kiểm soát Dân số và qui định về Quyền Riêng tư, cũng như hàng tá các Sắc lệnh, các Lỗi vi phạm và Định chế cứng nhắc, duy ngã mà phần còn lại của nhân

loại phải tuân thủ cho đến khi tất cả chúng ta chết hết, nhường lại thế giới cho đám chó, mèo, chim chóc. Họ cho rằng mình là những con người đứng đắn, nghiêm túc, chín chu, với những từ như “nhân đạo” hoặc “từ bi” luôn thường trực trên môi. Bề ngoài của họ có lẽ cũng giống như William Boyd và Richard Dix, với tóc mai bạc trắng, tay áo xắn cao, tẩu thuốc trên miệng, và gửi văn bản cho nhau trên các bàn làm việc chất đầy sách vở tài liệu, hoạch định thế giới lí tưởng cho loài *Homo sapiens*: Một thế giới không nghèo đói, không bệnh tật, không chia rẽ, không loạn thần kinh, không đau đớn, một thế giới khác xa với thế giới trong các bộ phim của D.W. Griffith, Buster Keaton và Gloria Swanson - nơi những náo nê, đam mê, rủi ro và căng thẳng ngự trị - một thế giới có thể được tạo nên nhờ tất cả sức mạnh của công nghệ và “lòng trắc ẩn” mà họ có được.

Quả là kì lạ. Tôi không thể ngăn tâm trí mình nghĩ về tất cả chuyện ấy trừ phi xuống giường, cầm theo cuốn *Cẩm nang Audel* và ra khỏi nhà. Tim tôi đập thành thịch, và tôi sẵn sàng phá tan những bộ não tinh vi đó nếu cần.

Bên ngoài trời, mặt trăng đã xuất hiện. Một chiếc đĩa tròn đầy màu trắng bạc. Tôi thấy một mạng nhện lớn ở mái hiên sau, chắc nó đã được giăng trong lúc tôi ngồi trong nhà với tâm trí rối bời: Con nhện đang hoàn thiện vòng tơ ngoài cùng. Ánh trăng chiếu vào những sợi tơ mảnh của tấm mạng lớn khiến chúng trông như được dệt bằng ánh sáng. Nó thật ấn tượng, vừa cân đối vừa bí ẩn, khiến tôi phải dừng lại để quan sát sự kì công và sức sống mạnh mẽ đã tạo ra một thiết kế như thế.

Con nhện hoàn tất công việc của mình trước sự chứng kiến của tôi, và thận trọng bò tới trung tâm của tấm mạng, vào vị trí rình

đội. Tôi quan sát thêm một lát trước khi đi tới cột đá, cũng đang sáng lên dưới ánh trăng.

Cuốn *Cẩm nang* đã cho tôi biết cần phải lấy những gì, và tôi tìm một hộp đồ nghề ở Sears, chất vào đó những chiếc cờ lê, tua vít, đục, búa. Tôi đã tương đối thành thục với các dụng cụ sau quá trình sửa nhà, tuy vẫn còn một chút lóng ngóng. Người bình thường hiếm khi làm những chuyện này, các dụng cụ thường chỉ được sử dụng bởi đám robot ngu ngốc.

Tôi nghĩ mình đã làm hỏng chiếc xe buýt liên tỉnh đầu tiên khi vụng về tìm cách tháo bỏ phần nắp che đầu xe. Phát cáu vì độ khó của thao tác, tôi dùng búa đập nó mấy nhát, khiến một số sợi dây và bộ phận bên trong bong khỏi vị trí. Dù sao tôi cũng chẳng đi đến đâu với nó, nên cuối cùng tôi chuyển sang chiếc xe khác. Lần này thì tôi mở được nó một cách suôn sẻ, nhưng khi tôi bắt đầu tấn công cái khối cứng nằm ở phần não trước bằng búa và đục, bộ não bỗng nứt toác.

Tôi chuyển sang chiếc xe buýt thứ ba và đục bỏ cái khối cứng trên bộ não của nó một cách từ tốn. Tôi đã nắm được nguyên tắc của chuyện đó và, dù đã thất bại hai lần, toàn bộ các khái niệm liêm sỉ và thận trọng cài cắm trong đầu tôi đều đã biến mất. Tôi thích thú tận hưởng sự mạo phạm này: Mở toang những chiếc xe buýt giao cảm và phá hỏng chúng. Sự bực bội đã lắng xuống, tôi vừa quyết tâm vừa bất chấp, và thích cảm giác này.

Thế rồi tôi chợt nhận ra mình đã đục nhầm cái khối cứng của Đơn vị giao tiếp. Ngay khi nhận ra mình đã làm hỏng chiếc xe buýt thứ ba, tôi bỗng nghe thấy tiếng nhạc vang lên! Đó là một giai điệu tươi sáng vui tai, và tôi ngạc nhiên lắng nghe nó trong giây lát, trước khi dần dần nhận ra nó đang vang lên trong đầu

mình. Đó là âm nhạc thần giao cách cảm. Trước đây tôi đã từng trải qua điều tương tự khi nghiên cứu về Phát triển Tư duy thời còn sinh viên, nhưng đó là trong một lớp học. Còn tại đây, giữa bãi đậu xe buýt khổng lồ, đó là một điều phi thường mà thoát đầu tôi không thể giải thích. Sau đó tôi nhận ra âm nhạc được truyền phát tới mình từ bộ phận ngoại cảm của Đơn vị giao tiếp. Hẳn là tôi đã phá mất mạch điện ức chế nó, khiến nó bắt đầu truyền phát.

Tôi thở ra lệnh trong đầu: *Vận nhạc nhỏ lại, làm ơn đi.* Và nó hiệu nghiệm! Tiếng nhạc nhỏ đi thấy rõ.

Đó là một sự khích lệ lớn. Nếu tôi có thể phá được bộ phận đó của chiếc xe và cho phép nó vận hành đúng như công năng ban đầu, tôi sẽ có thể làm điều tương tự với nửa kia của bộ não.

Tôi đọc một cách nhẹ nhàng nhưng tự tin, và khối cứng của bộ não còn lại rơi ra sau nhát búa thứ sáu. Nó đã bị đục bỏ một cách gọn ghẽ. Tôi đập tấm che đầu xe và nhanh chóng cất dụng cụ vào hộp, sau đó với giọng căng thẳng đầy phấn khích, tôi ra lệnh cho cánh cửa:

- Mở ra!

Và nó mở ra thật.

Tôi bước lên xe, ngồi vào hàng ghế đầu tiên và đặt hộp dụng cụ xuống bên cạnh. Sau đó, tôi tập trung suy nghĩ và ra lệnh trong đầu: *Đưa tôi rời khỏi Trung tâm Thương mại và tiến ra phía trước cột đá.* Tôi hình dung mặt tiền của đài tưởng niệm trong đầu cho chắc ăn.

Chiếc xe buýt lập tức đóng cửa lại và bắt đầu lăn bánh. Nó lùi ra khỏi hàng xe, vào số, rồi tiến nhanh về phía cuối gian phòng

rộng như một nhà kho. Căn cứ theo ánh sáng phản chiếu trên tường, tôi đoán đèn xe đã được bật.

Chiếc xe dừng lại trước bức tường và hụ còi. Cánh cửa đôi lớn mở ra. Xe di chuyển vào bên trong thang máy và cánh cửa đóng lại. Tôi có thể cảm thấy mình đang đi lên.

Chúng tôi rời khỏi đài tưởng niệm bằng cửa hậu, chạy vòng ra phía trước, rồi dừng lại. Tiếng nhạc ngưng bật. Phía bên ngoài, mọi thứ vẫn tối và yên tĩnh dưới ánh trăng.

Tôi yêu cầu chiếc xe buýt chở mình về nhà, sau đó bắt đầu gói ghém đồ đạc. Tôi đem lên xe khoảng năm mươi cuốn sách, chiếc máy hát, vài đĩa nhạc, và với một chút khó khăn, tôi khuân theo cả chiếc máy phát điện nhỏ cùng hai can xăng. Máy phát điện rất cần thiết để chạy máy quay đĩa vì nó không dùng pin hạt nhân.

Tôi cũng đem theo hai thùng whisky, hai cái đèn dầu, và vài hộp thức ăn đã chiếu xạ cho Biff. Tôi mang ra xe một ít quần áo, nhưng đột nhiên nảy ra ý định lấy hẳn một lô quần áo mới từ Trung tâm thương mại. Sẽ thật hay ho nếu được lên đường cùng với những bộ trang phục mới mẻ.

Bầu trời sáng hơn một chút khi tôi lệnh cho chiếc xe rời nhà, và mặt trăng bắt đầu nhạt đi. Tôi dừng lại trước tấm mạng nhện một lần nữa khi cùng Biff ra khỏi nhà lần cuối, lúc này nó không quá ấn tượng khi nhìn vào nữa. Nó trông có vẻ thực tế và nguy hiểm hơn trong ánh sáng nhợt nhạt từ trên trời chiếu xuống. Tôi chúc may mắn cho con nhện, vì theo như tôi thấy, nó sẽ tiếp quản nơi tôi đã sống.

Tại khu bán thực phẩm của Sears, tôi lấy những hộp đậu và bột yến mạch, thịt lợn xông khói sấy khô, bắp, những túi bột bánh

pudding và nước ngọt trộn sẵn. Sau đó, tôi đến một cửa hàng mà tôi chưa từng vào và nhận ra quần áo trong đó đẹp hơn nhiều so với ở Sears. Tôi lấy một chiếc áo khoác vải Synlon màu xanh nước biển, một chiếc áo len cổ lọ màu đen cùng một số áo sơ mi được may từ loại vải tên là “Cotton” mà tôi chưa từng thấy trước đây.

Bất giác tôi bắt đầu lấy các thứ cho Mary Lou, dù tôi không có căn cứ nào để tin rằng mình sẽ tìm thấy cô hoặc tránh để Spofforth bắt giữ một lần nữa nếu tôi làm như vậy. Nhưng nghĩ lại, tôi nhận ra mình không còn sợ Spofforth nữa. Tôi cũng không sợ tù tội, xấu hổ hay vi phạm sự riêng tư của bất kì ai.

Giờ đây, trong khi chiếc xe lăn bánh trên những con đường cao tốc cổ xưa đầy ổ gà, với đại dương ở bên phải và những cánh đồng trống trải bên trái, dưới ánh nắng mùa Xuân rực rỡ, tôi cảm thấy thật tự do và mạnh mẽ. Nếu không phải là người đọc sách, tôi không thể cảm nhận được như vậy. Bất luận chuyện gì có thể xảy ra với mình, tôi cảm ơn Chúa vì tôi đã có thể đọc được, đã thực sự chạm được vào tâm trí của những người khác.

Tôi ước mình có thể viết ra những dòng này thay vì đọc vào máy ghi âm, bởi chỉ có viết lách, cùng với đọc sách, mới cho tôi sự cảm nhận bản thân mạnh mẽ như thế này.

Tôi đã lấy hai bộ váy mới cho Mary Lou, ước chừng kích cỡ một cách chính xác nhất có thể. Lúc này chúng đang được treo trên hai cái móc áo ở cuối xe, cùng với một áo choàng, một áo khoác và một hộp kẹo. Biff nằm ở đó trong phần lớn thời gian. Nó cuộn mình trên ghế, đầu ngửa ra sau, mấy cái chân dang ra trong ánh nắng chiếu xuyên qua cửa sổ. Tôi bắt đầu cảm thấy buồn ngủ sau khi ghi âm một cách cẩn thận tất cả những chuyện này. Tôi phải dọn chỗ cho tấm nệm và đánh một giấc thôi.

NGÀY HAI THÁNG MƯỜI

Có bốn cặp ghế đôi trên xe buýt. Đêm qua sau khi ghi âm xong, tôi lấy đồ nghề tháo hai chiếc ghế ở phía biển để có chỗ trải nệm. Tôi bảo xe buýt dừng lại và vớt mấy cái ghế ra ngoài.

Chỗ nằm của tôi khá thoải mái, nhưng tôi ngủ không được ngon. Tôi thức giấc vài lần trong đêm và nằm đó, lắng nghe tiếng bánh xe lăn trên đường, ước gì mình có thể ngủ được. Sau khi tỉnh giấc đến lần thứ ba hay thứ tư gì đó, tôi bắt đầu nhận ra bụng tôi đang thắt lại một cách khó chịu, còn tâm trí tôi, thay vì thư giãn, lại chứa đầy những nỗi tuyệt vọng quen thuộc nhưng không thể gọi tên. Trong bóng tối, giữa âm thanh rào rạo của những chiếc lốp xe, nó dần trở nên rõ ràng với tôi: Tôi đang cô đơn. Tôi cô đơn đến quay quắt, nhưng đã không nhận ra được điều đó.

Tôi ngồi dậy trên nệm. Chúa ơi! Nó mới đơn giản làm sao. Tôi bắt đầu bực bội. Có khác biệt gì không nếu như tôi có Quyền Riêng tư, Tự lực và Tự do mà lại cảm thấy như thế này? Tôi đang khao khát, và tôi đã như thế được vài năm rồi. Tôi không hạnh phúc - gần như chưa bao giờ hạnh phúc.

Chuyện này thật khủng khiếp! Tôi nghĩ bụng. *Tất cả sự dối trá này!* Tôi phát bệnh khi nhận ra tất cả: Nhìn lại bản thân ngáo ngơ khi còn là một đứa trẻ trước màn hình ti vi, nhìn lại bản thân trong các lớp học với các giáo viên robot dạy rằng “phát triển hướng nội” là mục tiêu của cuộc đời, rằng “tình dục chớp nhoáng là tốt nhất”, rằng thực tế duy nhất là nhận thức của tôi và nó có thể bị thay đổi nhờ hóa chất. Những gì tôi đã muốn, những gì tôi đã khao khát vào lúc đó, là yêu, và được yêu. Nhưng bọn họ thậm chí đã không dạy tôi chữ đó.

Tôi muốn yêu thương ông già hấp hối trên giường với con chó nằm dưới chân. Tôi muốn yêu thương và đem thức ăn cho con ngựa có đôi tai lộ lên khỏi chiếc mũ sờn cũ. Tôi muốn ngồi cùng những người đàn ông đó vào buổi tối với cốc bia trên tay, chiếc áo lót trên người, trong một quán rượu cũ, tôi muốn ngửi mùi bia và mùi cơ thể quện vào nhau trong căn phòng yên tĩnh đầy người ấy. Tôi muốn nghe thấy tiếng thì thầm của họ và giọng nói của chính tôi hòa cùng họ khi màn đêm buông xuống. Tôi muốn cảm nhận sự hiện diện của cơ thể mình trong không khí của căn phòng đó, với nốt ruồi trên cổ tay trái, lớp cơ mỏng ở bụng và hàm răng chắc khỏe trong miệng.

Và tôi muốn làm tình. Tôi muốn lên giường với Mary Lou. Không phải với Annabel, người chỉ giống với người mẹ mà tôi chưa từng có, mà là với Mary Lou. Mary Lou, người yêu đáng lo ngại của tôi, tình nhân của tôi.

Trên chiếc xe buýt, tôi quần quai với những thứ đó - tình yêu, nhục dục và hồi ức về Mary Lou. Tôi quần quai với khao khát có được nàng, nhận thức rằng nàng là người tôi muốn, là điều tôi muốn suốt bấy lâu nay. Tôi muốn hét lên. Và tôi hét lên thành lời:

- Mary Lou. Anh muốn có em!

Một giọng nói nam giới nhỏ nhẹ vang lên trong đầu tôi đáp lại:

- Tôi biết. Tôi hi vọng anh sẽ tìm được cô ấy.

Tôi sống người ngồi trên mép nệm một lúc. Đó không phải là tiếng nói nội tâm của tôi. Nó ở trong đầu tôi, nhưng dường như đến từ một nơi khác. Cuối cùng tôi hỏi lại:

- Ai đấy?

- Tôi hi vọng anh sẽ tìm được cô ấy. - Giọng nói đáp. - Tôi đã biết ngay từ đầu anh muốn tìm cô ấy nhiều tới mức nào.

Chúa ơi! Tôi nghĩ bụng. Hình như tôi biết giọng nói này đến từ đâu.

- Nhưng cậu là ai? - Tôi hỏi.

- Tôi là chiếc xe buýt này. Tôi là Trí tuệ sắt thép, với Cảm xúc tử tế.

- Và cậu đọc được những ý nghĩ trong đầu tôi?

- Vâng. Nhưng không quá sâu. Chuyện đó có thể làm phiền anh đôi chút.

- Phải. - Tôi đáp. Giọng nói của tôi nghe thật lạ lẫm.

- Nhưng cũng không quá tệ. Không tệ bằng sự cô đơn.

Nó đang đọc tâm trí của tôi. Tôi cố gắng suy nghĩ đáp lại nó trong đầu. *Cậu có bao giờ cô đơn không?*

- Tôi không phiền nếu anh nói thành tiếng đâu. Và không, tôi chưa bao giờ cô đơn như cách mà con người các anh cảm thấy. Tôi luôn được tiếp cận ở đâu đó. Chúng tôi là một mạng lưới, và tôi là một phần của nó. Chúng tôi không giống anh. Chỉ có một robot Lớp Chín mới giống anh, và cô độc. Tôi có đầu óc của một Lớp Bốn, nhưng có khả năng liên lạc bằng ngoại cảm.

Giọng nói trong đầu khiến tôi dịu lại.

- Cậu có thể bật đèn... bật một chút đèn được không? - Tôi hỏi.

Một bóng đèn trên đầu tôi bắt đầu sáng lên dịu dịu. Tôi nhìn xuống những cái móng tay bản thủ của mình. Rồi tôi xắn tay áo

lên. Không hiểu sao tôi thấy thích thú khi quan sát hai cánh tay mình, nhìn những sợi lông mảnh, sáng màu trên làn da hồng hào.

- Cậu có thông minh bằng con Biff không? - Tôi hỏi lại.

- Chắc chắn rồi. - Giọng nói đáp. - Biff khá ngu ngốc về nhiều mặt. Chỉ có điều nó rất thật, nó là một con mèo thật, và điều đó làm cho nó có vẻ thông minh trong mắt anh. Tôi có thể đọc toàn bộ tâm trí của nó trong nháy mắt, trong đó chẳng có gì nhiều nhận để mà đọc. Nó đang mẫn nguyện. Nó không muốn làm gì khác hơn ngoài làm một con mèo.

- Thế còn tôi?

- Trong phần lớn thời gian, anh cảm thấy buồn bã và cô đơn. Hoặc khao khát.

- Phải. - Tôi rầu rĩ đáp. - Tôi buồn. Tôi khao khát nhiều lắm.

- Giờ thì anh đã nhận ra điều đó. - Giọng nói đáp.

Đúng là như vậy thật. Và tôi bắt đầu cảm thấy thư thái khi nói ra điều đó. Tôi nhìn qua cửa sổ, tìm kiếm dấu hiệu của bình minh, nhưng chưa có gì xuất hiện cả. Bỗng trong đầu tôi nảy ra một ý nghĩ. Cuộc đối thoại lạ lùng nhưng rất dễ dàng tiếp tục diễn ra.

- Chúa có tồn tại không? - Tôi hỏi. - Ý tôi là, cậu có được liên lạc bằng ngoại cảm, với một kiểu Thượng Đế nào đó hay không?

- Không, tôi không hề tiếp xúc với bất cứ thứ gì như thế. Theo như tôi được biết thì trên đời này không có Thượng Đế.

- Ồ.

- Chuyện đó chẳng làm anh bận tâm. - Giọng nói tiếp tục. - Anh có thể nghĩ là có, nhưng thật ra là không. Anh thực sự chỉ có một

mình. Anh đã học được điều đó.

- Nhưng chương trình học của tôi...

- Anh đã đánh mất nó rồi. - Giọng nói đáp. - Giờ nó chỉ còn là một thói quen. Nhưng các thói quen không còn làm nên con người anh nữa.

- Vậy thì tôi là cái gì? - Tôi thốt lên. - Trời ạ, tôi là cái gì?

Giọng nói mất vài giây để trả lời:

- Là chính anh. - Nó đáp một cách vui vẻ. - Anh là một con người giống đực trưởng thành. Anh đang yêu. Anh muốn được hạnh phúc. Lúc này anh đang cố tìm kiếm người mình yêu.

- Phải. - Tôi thừa nhận. - Tôi cũng nghĩ vậy.

- Đúng vậy, và anh biết điều đó. - Giọng nói đáp. - Xin được chúc anh may mắn.

- Cảm ơn cậu. - Tôi nói. - Cậu có thể giúp tôi ngủ lại được không?

- Không. Nhưng anh đâu thực sự cần được giúp đỡ. Anh sẽ ngủ khi đủ mệt mỏi. Và nếu anh không ngủ thì mặt trời sắp mọc rồi đó.

- Cậu có thể trông thấy chuyện đó hay sao? - Tôi hỏi lại. - Cậu trông thấy mặt trời mọc hay sao?

- Không hoàn toàn như vậy. Tôi chỉ có thể nhìn thẳng vào con đường. Cảm ơn vì anh đã muốn tôi nhìn thấy mặt trời mọc.

- Cậu có phiền không, khi không thể nhìn vào những thứ mình muốn?

- Tôi nhìn những gì mình muốn đấy chứ. - Chiếc xe đáp. - Và tôi thích thú với công việc mình làm. Tôi được chế tạo như vậy. Tôi

không cần phải quyết định xem như thế nào mới là tốt cho mình.

- Vì sao cậu lại... dễ tính như vậy?

- Tất cả chúng tôi đều như vậy. Mọi chiếc xe buýt giao cảm đều dễ chịu. Chúng tôi được lập trình với những Cảm xúc Tử tế, và chúng tôi thích công việc của mình.

Nó còn tốt hơn cả thứ mà con người nhận được, tôi nghĩ bụng với một chút bực dọc.

- Phải. - Chiếc xe đáp. - Đúng là như thế.

NGÀY BA THÁNG MƯỜI

Sau khi trò chuyện với chiếc xe buýt, tôi bình tĩnh lại và cảm thấy mệt mỏi. Tôi dễ dàng ngủ thiếp đi trên tấm nệm nhỏ. Trời vẫn còn tối khi tôi thức giấc.

- Sắp sáng chưa vậy? - Tôi nói thành tiếng.

- Rồi. - Chiếc xe đáp. - Sắp rồi.

Một bóng đèn mờ trên trần bật lên.

Biff đã ngủ trên nệm với tôi và cũng thức dậy theo. Tôi đưa cho nó một nắm thức ăn khô trước khi bắt tay vào chuẩn bị một lon súp protein và pho mát cho bữa sáng. Nhưng rồi tôi nghĩ đến mấy cái cây Protein 4 và rùng mình: Tôi không muốn ăn bất kì loại thực phẩm nào giống như thế nữa. Tôi bảo xe buýt hạ kính cửa sổ xuống và ném cái lon ra ngoài. Sau đó, tôi tráng một quả trứng và pha một tách cà phê, rồi ngồi trên mép giường và ăn một cách từ tốn, mắt nhìn về phía những ô cửa sổ tối om của chiếc xe buýt đang di chuyển, chờ đợi ánh sáng ban ngày.

Trong khi tất cả những chuyện đó diễn ra, chiếc xe hần đã lăn bánh trên những viên nhựa Permo lát đường, vì nó chạy rất êm. Có những đoạn mặt đường bị xuống cấp dài hàng dặm. Hôm qua chuyện đó đã xảy ra vài lần. Những viên nhựa Permo màu xanh lá nhạt đột ngột chấm dứt, nhường chỗ cho một vệt đường lờm khờm màu đen, hoặc chẳng có con đường nào - chỉ có những cánh đồng. Chiếc xe buýt chậm rãi di chuyển với tốc độ rùa bò và thận trọng tránh các vật cản trong khi tìm một lối đi bằng phẳng nhất có thể, dù đôi khi cũng bị tròng trành dữ dội. Chuyện đó thật khó chịu, nhưng tôi không sợ chiếc xe bị hỏng. Bất chấp tính mong manh của bộ não bên dưới lớp vỏ kim loại chắc chắn, chiếc xe là một cỗ máy bền bỉ, được thiết kế tốt.

Trước khi rời khỏi Maugre, tôi đã bảo chiếc xe dừng lại trước nấm mộ của Annabel và bước xuống, đặt vài bông hoa hồng hái trong vườn lên đó, tựa vào chữ thập nhỏ bằng gỗ mà tôi đã dùng để khắc tên cô - có lẽ đó là tấm bia mộ tử tế nhất trong nhiều thế kỉ qua. Tôi đứng im vài phút, nghĩ đến Annabel và những gì cô đại diện trong lòng tôi. Nhưng tôi không khóc. Tôi không muốn làm thế.

Sau đó, tôi lên xe buýt và bảo nó đưa tôi đến New York. Chiếc xe buýt dường như biết chính xác mình phải làm gì. Nó lăn bánh chậm rãi và cẩn thận trên lối đi trung tâm của nghĩa địa rộng lớn, băng qua hàng nghìn bia mộ nhỏ không tên bằng nhựa Permo đang lặng lẽ nằm đó trong ánh nắng sớm, cho đến khi ra tới đường cao tốc màu xanh rộng rãi mà tôi đã từng thấy trước đây khi đi dạo xung quanh Maugre nhưng chưa bao giờ bước lên. Một khi đã ở trên bề mặt bằng phẳng được các đội robot bảo trì dọn

đẹp sạch sẽ, nó bắt đầu tăng tốc, chạy theo tuyến đường rộng rãi vắng ngắt.

Khi lên đường, tôi đã cảm thấy một sự nhẹ nhõm khoan khoái trong lòng. Tôi chẳng nuối tiếc gì cả. Tôi cảm thấy ổn, giống như lúc này, trong màn đêm u tối, cùng chiếc xe buýt tử tế và kiên nhẫn, chỗ lương thực dự trữ, những cuốn sách, đĩa nhạc và con mèo.

Giờ thì trời đã bắt đầu hửng sáng bên ngoài cửa sổ. Những khi con đường lượn ra gần bờ biển, tôi nhìn qua bãi cát và mặt nước, về phía màu xám nhạt cô đơn của bầu trời, nơi vầng dương sắp lộ dạng, và nó gần như khiến tôi nghẹt thở vì vẻ đẹp của nó. Không hoàn toàn giống với những gì tôi cảm thấy khi dừng lại ở cuối hàng cây Protein 4 của mình tại trại tù, vẻ đẹp của nó giờ đây thậm chí còn sâu sắc hơn và huyền bí hơn - giống như đôi mắt của Mary Lou khi nàng nhìn tôi theo cái cách lạ lùng, bí hiểm đó.

Đại dương hẳn phải rất rộng lớn. Đối với tôi nó đồng nghĩa với tự do, và cơ hội. Nó làm cho một điều gì đó bí ẩn mở ra trong tâm trí của tôi, giống như cách mà một số điều đọc trong sách đôi khi cũng làm được, khiến tôi cảm thấy sinh động hơn những gì tôi từng cho rằng mình có thể cảm nhận, và *con người* hơn.

Một trong những cuốn sách của tôi nói rằng từng có lúc con người tôn thờ đại dương như một vị thần. Tôi có thể hiểu điều đó một cách dễ dàng. Đúng vậy.

Nhưng người nhà Baleen sẽ không bao giờ hiểu được điều đó. Họ sẽ gọi ý tưởng này là “sự báng bổ”. Đức Chúa Trời mà họ tôn thờ là một thứ đạo đức trừu tượng và hung dữ, giống như một chiếc máy tính. Và vị giáo sĩ huyền bí hấp dẫn Jesus Christ đã bị

họ biến thành một kiểu Tầm soát viên đạo đức. Tôi không muốn cái nào trong những cái đó, Jehovah trong sách Job cũng vậy.

Tôi nghĩ mình có lẽ đã từng là một người tôn thờ biển cả. Khi đọc to kinh Tân Ước cho người nhà Baleen nghe, tôi đã có một sự ngưỡng mộ mạnh mẽ dành cho Jesus, một nhà tiên tri buồn bã và vô cùng thông thái, người đã hiểu tầm quan trọng của cuộc sống và đã cố gắng truyền đạt cho những người khác, nhưng thất bại nặng nề. Tôi có thể cảm thấy dâng lên trong tôi một thứ tình yêu dành cho người đàn ông đã nói những điều như “Vương quốc Thiên đường ở trong lòng bạn”, bởi vì tôi dường như đã nắm bắt được đâu đó ý nghĩa thông điệp của ông ta, khi nhìn ra cửa sổ về phía mặt biển mênh mông phẳng lặng và xám xịt, nơi mặt trời sắp sửa mọc lên.

Dù không thể xác định được ý nghĩa đó là gì, tôi tin vào nó hơn tất cả những điều vớ vẩn đã từng được dạy ở trường nội trú hồi còn bé.

Bầu trời phía trên mặt biển xám đã trở nên sáng sủa hơn. Mặt trời sẽ sớm ló dạng. Tôi sẽ ngừng ghi âm và dừng xe buýt để xuống ngắm cảnh mặt trời mọc trên biển.

Chúa ơi, thế giới mới đẹp làm sao!

NGÀY BỐN THÁNG MƯỜI

Bình minh giúp tôi lấy lại sức. Tôi bước đến mép nước, cởi quần áo, bơi ra xa và hụp người xuống dưới những con sóng. Nước lạnh, nhưng tôi mặc kệ. Trong không khí đã có những hơi thở đầu tiên của mùa Đông.

Sau khi tắm xong, tôi yêu cầu xe buýt chơi một bản nhạc nào đó trong đầu mình, nhưng tôi dừng nó lại gần như ngay lập tức. Đó là thứ âm nhạc tăng động, ngớ ngẩn, rỗng tuếch. Tôi đấu nối máy quay đĩa của mình với máy phát điện, nhưng khi phát nhạc, đúng như tôi lo sợ, chiếc kim nhảy ra khỏi rãnh trong lúc xe buýt di chuyển. Tôi cho dừng xe buýt trên đường đủ lâu để nghe bản giao hưởng *Jupiter* của Mozart và một phần của đĩa *Sergeant Pepper's Lonely Hearts Club Band*. Tình hình tốt hơn hẳn. Sau đó tôi rót cho mình một ly whisky nhỏ, tắt máy phát điện rồi tiếp tục lên đường.

Kể từ khi rời Maugre, tôi đã không gặp chiếc xe nào khác hoặc bất kì dấu hiệu nào về sự cư trú của con người.

Chúa ơi, những gì tôi đã đọc và học được kể từ khi rời Ohio! Những hiểu biết mới mẻ này đã biến đổi tôi đến mức chính tôi cũng khó nhận ra bản thân mình. Việc biết đến sự tồn tại của quá khứ loài người và có một chút cảm nhận về quá khứ đó đã thay đổi hoàn toàn suy nghĩ và hành vi của tôi.

Ở trường đại học, tôi đã xem vài bộ phim cùng với một số ít sinh viên quan tâm đến những chủ đề như vậy. Nhưng những bộ phim này - *Nỗi ám ảnh vĩ đại*, *Dracula tấn công*, *Tiếng tơ đồng* - dường như chỉ có tác dụng gây ấn tượng. Chúng chỉ là một cách thức khác, kín đáo hơn để thao túng tâm trí con người vì mục tiêu khoái cảm và hướng nội. Hồi đó, trong tình trạng mù chữ và bị tẩy não, tôi chưa từng coi những bộ phim này như một phương tiện để tìm hiểu điều gì đó giá trị về quá khứ.

Nhưng hơn hết thảy, giờ đây tôi cảm thấy sự can đảm để chấp nhận và cảm thấy những cảm xúc chậm chậm xuất hiện trong tôi, đầu tiên là từ những bộ phim câm giàu cảm xúc trong thư viện cổ,

sau đó là từ những bài thơ, những cuốn tiểu thuyết, sách lịch sử, tiểu sử và cảm nang mà tôi đọc. Tất cả những cuốn sách này, ngay cả những cuốn nhàm chán và khó hiểu nhất, đã giúp tôi nhận thức được một cách rõ ràng hơn ý nghĩa của việc làm người. Và tôi cũng học được từ sự ngỡ ngàng khi tiếp xúc với tâm hồn của một người đã chết từ lâu, rằng tôi không hề đơn độc trên trái đất này. Từng có những người khác cảm thấy những gì tôi cảm thấy, những người đôi khi nói được những điều không thể nói ra. *“Chỉ có chim nhại hát ở bìa rừng.” “Ta là đường đi, lẽ thật và sự sống. Ai tin ta, dù chết cũng được sống.” “Đời tôi nhẹ tựa lông hồng, đợi chờ cơn gió tử thần mang đi”*.

Và nếu không biết đọc, tôi sẽ không bao giờ thành công trong việc khởi động chiếc xe buýt giao cảm này và đi tới New York, đến với Mary Lou, người mà tôi phải cố gắng gặp lại trước khi chết.

NGÀY NĂM THÁNG MƯỜI

Hôm nay là một buổi sáng ấm áp có nắng, và tôi quyết định hưởng một buổi picnic ven đường, gần giống như trong phim *Hợp âm lạc lõng* của Zasu Pitts. Tôi dừng xe buýt vào khoảng giữa trưa bên một lùm cây nhỏ, chuẩn bị cho mình một đĩa thịt xông khói và đậu cùng một ly rượu whisky, bình nước uống, tìm cho mình một chỗ thoải mái dưới tán cây, rồi ăn bữa ăn của mình một cách chậm rãi và trầm ngâm, trong khi Biff đuổi theo những con bướm trên bãi cỏ.

Trong gần như cả buổi sáng, tầm nhìn ra biển bị khuất khi ngồi trên xe buýt. Tôi đã không nhìn thấy mặt nước trong vài giờ. Sau khi ăn và chợp mắt vài phút, tôi quyết định leo lên một gò đất để xem liệu có xác định được chúng tôi đang ở đâu hay không. Khi

tôi lên trên đó, tôi có thể nhìn thấy đại dương, và chéch về phía bên trái của tôi, các tòa nhà của New York! Tôi bỗng trở nên phấn khích và ngậy người đứng đó, run rẩy ghì chặt ly rượu đã cạn một nửa của mình.

Tôi có thể nhận ra tượng Riêng tư đặt trong Công viên Trung tâm với vóc dáng đồ sộ, trịnh trọng, nặng nề, đôi mắt nhắm và nụ cười thanh thản bí hiểm. Nó vẫn là một trong những kì quan của thế giới hiện đại. Tôi có thể nhìn thấy khối tượng khổng lồ màu xám ấy từ nơi đang đứng, cách xa hàng dặm. Tôi cố gắng xác định vị trí các tòa nhà của Đại học New York, nơi tôi đã yêu cầu xe buýt đưa mình tới, với hi vọng ít nhiều sẽ tìm thấy Mary Lou ở đó hoặc ít nhất là một dấu vết về sự hiện diện của nàng, nhưng chỉ hoài công.

Khi nhìn New York từ xa, với một bên là tòa nhà Empire State và bên kia là bức tượng Riêng tư u tối và đồ sộ, có gì đó trong lòng tôi bỗng chùng xuống.

Tôi muốn có Mary Lou, nhưng tôi không muốn quay lại New York, thành phố chết chóc đó.

Điều mà tôi nhận thấy là sự nặng trĩu trong lòng khi nghĩ đến những con phố ở New York, nơi sẽ sớm bị bao phủ bởi thảm thực vật giống như những đường phố của Maugre. Và tất cả những sinh mạng vật vờ lang thang trên những phố phường đang chết dần chết mòn đó - những khuôn mặt trơ như đá vì tính hướng nội, những kẻ có đầu óc gần như không hoạt động, những người đang sống một cuộc sống giống như cuộc đời không đáng sống mà tôi từng biết. Một xã hội bị ám ảnh bởi cái chết, nhưng không đủ sống động để nhận thức được điều đó. Và những vụ tự thiêu theo nhóm!

Những vụ tự thiêu tại quán Burger Chef, và một vườn thú đầy robot!

Thành phố nằm yên như một nắm mồi trong nắng Thu. Tôi không muốn quay lại đó.

Thế rồi một giọng nói khe khẽ vang lên trong đầu tôi:

- Không gì ở New York có thể làm tổn thương anh được đâu.

Đó là giọng nói của chiếc xe buýt.

Tôi ngẫm nghĩ về điều đó trong giây lát, rồi nói thành tiếng:

- Tôi không sợ bị tổn thương. - Trong khi nói, mắt tôi nhìn vào cổ tay vẫn còn hơi bị vẹo từ cách đây chưa lâu.

- Tôi biết. - Chiếc xe buýt đáp. - Anh không sợ. Anh chỉ không vui vì New York, vì những gì mà nó gợi lên trong anh lúc này.

- Tôi từng hạnh phúc ở đó. - Tôi nói. - Lúc thì với Mary Lou. Lúc với những bộ phim của tôi...

- *Chỉ có chim nhại hát ở bìa rừng.* - Chiếc xe buýt bỗng nói, khiến tôi bất ngờ.

- Cậu chồm câu đó từ trong đầu tôi đấy à? - Tôi hỏi lại.

- Phải. Nó thường xuyên xuất hiện trong đầu anh.

- Nó có nghĩa là gì?

- Tôi không biết. - Chiếc xe đáp. - Nhưng nó làm anh cảm thấy một điều gì đó, rất rõ nét.

- Một điều gì đó buồn bã?

- Phải, buồn bã. Nhưng đó là một nỗi buồn hữu ích đối với anh.

- Phải. - Tôi đáp. - Tôi biết.

- Và anh phải đi tới New York nếu anh muốn gặp cô ấy.

- Phải.

- Lên xe đi! - Chiếc xe giục.

Tôi leo xuống khỏi gò đất, gọi con Biff, rồi trèo lên xe.

- Lên đường thôi. - Tôi nói to.

- Rất sẵn lòng. - Chiếc xe đáp.

Cửa xe được đóng lại một cách khéo léo, trước khi chiếc buýt bắt đầu lăn bánh.

NGÀY SÁU THÁNG MƯỜI

Trời đã gần như tối hẳn khi chúng tôi băng qua cây cầu cũ gỉ sét, to lớn và hoang vắng bắc sang đảo Manhattan. Đèn đã bật sáng trong một số ngôi nhà nhỏ bằng nhựa Permo nằm dọc theo đường Bờ Sông. Không còn ai trên vỉa hè ngoại trừ một vài robot đang đẩy xe chở nguyên liệu về phía các cửa hàng trên Đại lộ số Năm và một đội nhân viên vệ sinh đang nhặt rác. Tuy nhiên, tôi thấy một bà già trên Đại lộ Park. Bà ta béo ú, mặc một chiếc váy xám kì dị, và cầm một bó hoa trên tay.

Chúng tôi đi qua một vài chiếc xe buýt giao cảm trên đường phố, hầu hết đều không có khách. Một chiếc xe Tầm soát trống rỗng chạy ngang qua chúng tôi. New York rất yên bình nhưng tôi dần trở nên e ngại. Tôi đã không ăn gì kể từ bữa picnic hồi trưa. Tôi lo lắng suốt cả buổi chiều. Tôi không sợ, như lúc trước có thể đã từng, mà chỉ căng thẳng. Tôi không thích thế, nhưng không thể

làm gì được ngoại trừ chịu đựng nó. Một đôi lần tôi nghĩ đến việc uống thêm rượu whisky hoặc dừng xe buýt ở một máy bán thuốc và cố gắng phá hoại nó để lấy những viên mê dược - vì tôi không còn thể tín dụng nữa - nhưng từ lâu tôi đã quyết không đưa những thứ hóa chất như vậy vào cơ thể mình. Vì vậy, tôi gạt những ý tưởng đó ra khỏi đầu, cố gắng chấp nhận cảm giác khó chịu và bồn chồn. Ít nhất tôi biết những gì đang diễn ra xung quanh.

Các tòa nhà bằng thép của Đại học New York thật nổi bật trong ánh hoàng hôn. Trong khi lặn bánh qua quảng trường Washington, chúng tôi đi ngang bốn hoặc năm sinh viên mặc chiếc áo choàng jean, mỗi người tiến về một ngã. Quảng trường đầy cỏ dại mọc um tùm. Không có đài phun nước nào hoạt động.

Tôi yêu cầu xe buýt dừng lại trước thư viện.

Nó đây rồi, tòa nhà cũ gỉ sét gần phân nửa, nơi tôi từng làm việc trong kho lưu trữ và sống cùng Mary Lou. Tim tôi bắt đầu đập mạnh khi tôi nhìn thấy nó ở đó, giữa đám cỏ dại vây quanh và không có ai hiện diện trong tầm mắt.

Tôi đủ tỉnh táo để nhận ra rằng mình có thể bị mất xe buýt vào tay một người chỉ đơn thuần muốn điều nó đi đâu đó. Vì vậy, tôi lấy hộp dụng cụ của mình và tháo tấm che phía trước đầu xe, ngắt kết nối thứ mà *Cảm nang Audel* gọi là “Bộ phận kích hoạt cửa mở”, rồi ra lệnh cho cửa mở. Nó không mở ra. Tôi cất hộp dụng cụ bên trong khoang chứa bộ não đang mở. Sẽ không có ai quấy rầy nó.

Tôi bước vào tòa nhà, đỡ run hơn một chút nhưng vẫn rất phấn khích. Không có ai ở đó. Các hành lang vắng tanh, những căn

phòng tôi nhìn vào đều trống rỗng, không có âm thanh nào ngoại trừ tiếng vọng từ bước chân của tôi.

Tôi không cảm thấy, như có thể đã từng, nỗi sợ hãi hoặc sự bất ngờ trước tình trạng trống vắng của nơi này. Tôi đang mặc một trong những bộ quần áo mới của mình: Quần jeans bó màu xanh, áo cổ lọ màu đen và đôi giày mềm màu đen. Từ lúc ban ngày tôi đã xắn tay áo lên, vì nhiệt độ ấm áp, phô ra cẳng tay rám nắng, gầy và cơ bắp. Tôi thích vẻ ngoài của chúng, và tôi thích cảm giác chung trong cơ thể và tâm trí tôi mà chúng dường như truyền tải: Thanh xuân, căng tràn và mạnh mẽ. Tôi không còn bị ấn tượng với tòa nhà sắp chết này. Tôi chỉ đơn thuần đang tìm kiếm một người ở trong đó.

Căn phòng cũ của tôi trống trơn và không thay đổi gì so với lúc tôi ở đây, nhưng bộ sưu tập phim âm đã biến mất. Tôi khá thất vọng vì trong đầu đã định đem chúng theo tới bất cứ nơi nào tôi có thể đi trên chiếc xe buýt giao cảm của mình.

Vẫn nằm trên chiếc giường kiêm bàn làm việc cũ của tôi là quả xoài giả mà Mary Lou đã hái cho tôi ở sở thú.

Tôi cầm nó lên, nhét vào túi quần. Rồi tôi đưa mắt nhìn quanh phòng. Tôi không còn muốn thứ gì khác. Tôi bỏ đi, đóng sầm cánh cửa sau lưng. Tôi đã biết nơi cần đến.

* * *

Tôi đang kết nối lại mấy sợi dây điện của chiếc xe buýt dưới ánh đèn đường thì đột nhiên ngẩng lên và thấy một người đàn ông béo mập, hói đầu đang nhìn mình chằm chằm. Anh ta hẳn đã tiếp

cận trong khi tôi đang mải mê làm việc. Anh ta có một khuôn mặt phì nộn vô cảm, với một sự hướng nội trơ lì thật đáng sợ khi nhìn vào. Sau vài giây, tôi nhận ra rằng người đàn ông này không khác gì hàng trăm người mà tôi từng thấy trước đây, nhưng có hai điều đã thay đổi trong cách tôi nhìn nhận anh ta. Trước hết, tôi không còn quan tâm đến Quyền Riêng tư nữa, vì vậy tôi cho phép mình xem xét anh ta cẩn thận hơn nhiều so với những gì tôi đã cho phép mình làm cách đây một năm. Kế đến, tôi từng tiếp xúc gần với người nhà Baleen, và mặc dù họ cũng dùng ma túy, khuôn mặt của họ không có sự đần độn ngạo mạn mà hầu hết mọi người đều có.

Sau khi bị tôi nhìn chằm chằm một lúc, người đàn ông cụp mắt và bắt đầu nhìn vào chân mình. Tôi quay lại với mấy sợi dây điện đang nối dở, và nghe thấy giọng nói khàn khàn của anh ta vang lên sau lưng.

- Chuyện này bất hợp pháp. - Anh ta nói. - Việc phá phách tài sản của chính phủ bị nghiêm cấm.

Tôi thậm chí không thèm quay lại.

- Chính phủ nào? - Tôi hỏi.

Anh ta im lặng một lúc rồi đáp:

- Anh đang đụng vào tài sản của chính phủ. Đó là một lỗi vi phạm. Anh có thể bị đi tù.

Lần này thì tôi quay lại. Tôi đang cầm mỏ lết trên tay và có một chút mồ hôi trên người. Tôi nhìn thẳng vào mắt anh ta, nhìn vào khuôn mặt đần độn, vô hồn, nhão nhoẹt.

- Biến đi ngay nếu không tôi sẽ giết anh. - Tôi nói với anh ta.

Người đàn ông há hốc mồm và trố mắt nhìn tôi.

- Cút đi, đồ ngu. - Tôi nói. - Ngay lập tức.

Người đàn ông quay gót bỏ đi. Tôi thấy anh ta thò tay vào trong túi lấy ra vài viên thuốc và cho vào miệng, ngửa cổ nuốt chửng. Tôi chỉ muốn ném cái mớ lết vào anh ta.

Sau khi nối dây điện xong, tôi mở cửa bước lên xe và yêu cầu nó chạy tới quán Burger Chef trên Đại lộ số Năm.

Mary Lou không có mặt tại quán Burger Chef, nhưng tôi cũng không thực sự mong đợi điều đó. Quán ăn giờ đây trông có vẻ như đã đổi khác, và tôi nhận ra nguyên nhân do đâu. Hai trong số các ô ngòai đã bị dẹp bỏ, và những ô còn lại hầu hết đều cháy đen. Hẳn là đã có nhiều vụ tự thiêu xảy ra kể từ lần cuối cùng tôi vào đây.

Tôi bước tới quầy, yêu cầu nữ robot Lớp Hai làm cho mình hai cái burger rong biển và rót một ly trà từ ấm samovar. Cô ta làm theo, hơi chậm chạp một chút, rồi đặt tất cả xuống mặt quầy, chờ đợi. Tôi chợt nhận ra cô ta đang đợi tôi đưa thẻ tín dụng. Và tôi đã quên băng chi tiết đó.

- Tôi không có thẻ tín dụng. - Tôi bảo cô ta.

Nữ phục vụ nhìn tôi với vẻ mặt ngu ngốc của một con robot hết như đám lính canh ở trại tù trước khi bê cái khay thức ăn lên, quay người đi về phía một thùng rác lớn.

Tôi hét lên:

- Khoan đã! Đem lại đây!

Nữ phục vụ khựng lại, hơi quay người, nhưng rồi lại quay về phía thùng rác. Cô ta di chuyển tới đó, nhưng chậm rãi hơn.

- Dừng lại, đồ ngu! - Tôi quát to.

Kế đó, không buồn suy nghĩ, tôi leo qua quây, nhanh chóng tiến đến bên nữ phục vụ và đặt tay lên vai cô ta. Tôi xoay người cô ta lại đối diện với mình rồi cầm lấy cái khay trên tay cô ta. Nữ phục vụ ngờ ngạc nhiên nhìn tôi trong giây lát, rồi từ đâu đó trên trần nhà, chuông báo động bắt đầu réo inh ỏi.

Tôi nhanh chóng leo trở ra ngoài và bỏ đi đúng lúc một robot ngu ngốc đồ sộ mặc đồng phục xanh từ buồng trong xuất hiện, lao tới. Cũng giống như robot bảo vệ ở vườn thú, anh ta tuyên bố:

- Anh đã bị bắt. Anh có quyền giữ im lặng...

- Biến đi, robot. - Tôi bảo anh ta. - Biến vào trong bếp trở lại và để cho khách ăn được yên thân.

- Anh đã bị bắt. - Anh ta lặp lại, nhưng với giọng yếu ớt hơn. Anh ta không di chuyển nữa.

Tôi tiến đến chỗ robot bảo vệ và nhìn thẳng vào đôi mắt trống rỗng, vô nhân tính của anh ta. Trước đây tôi chưa bao giờ nhìn vào một robot ở khoảng cách gần như thế, vì sợ hãi và cũng vì tôn trọng họ. Và khi nhìn vào khuôn mặt nhân tạo ngu ngốc của anh ta, lần đầu tiên tôi nhận ra cái thứ nhại lại con người ngớ ngẩn này thật vô nghĩa, hết sức vô nghĩa. Xét cho cùng, robot chỉ được phát minh từ tình yêu mù quáng đối với thứ công nghệ cho phép tạo ra chúng. Chúng đã từng được chế tạo và trao cho nhân loại như những món vũ khí suýt nữa đã hủy diệt thế giới từng được ban tặng, giống như một “sự cần thiết”. Và, sâu xa hơn nữa, phía sau khuôn mặt trống rỗng, vô cảm như hàng ngàn khuôn mặt khác của các robot cùng lớp, tôi đọc được sự khinh miệt - sự khinh miệt cuộc sống tầm thường của con người, mà các kỹ sư thiết kế

robot từng cảm thấy. Họ đã trao các robot cho thế giới cùng một lời nói dối rằng chúng sẽ giải phóng chúng ta khỏi sự lao động, giải phóng chúng ta khỏi những công việc vất vả, để chúng ta có thể phát huy và phát triển bản thân. Người nào đó hẳn phải cực kì căm ghét sự tồn tại của con người nên mới tạo ra một thứ như vậy - một nỗi ghê tởm trong mắt Chúa.

Giờ thì tôi nói với anh ta - với nó - bằng giọng giận dữ:

- Biến đi cho khuất mắt tao, robot. - Tôi kêu lên. - Ngay lập tức!

Con robot quay lại và bỏ đi.

Tôi liếc về hướng bốn năm người khách đang ngồi tách biệt trong ô của họ. Ai cũng so vai, nhắm mắt, rút vào trong sự riêng tư của mình.

Tôi bỏ đi ngay lập tức và nhẹ cả người khi thấy chiếc xe buýt giao cảm của mình. Tôi yêu cầu nó đưa tôi đến vườn thú Bronx, khu Nhà Bò sát.

- Rất sẵn lòng. - Chiếc xe buýt nói.

* * *

Vườn thú đã tắt hết đèn. Mặt trăng đang bắt đầu mọc lên. Tôi thắp chiếc đèn dầu của mình khi chiếc xe buýt dừng lại trước cửa Nhà Bò sát. Không khí mát lạnh phủ vào da thịt, nhưng tôi không mặc áo khoác.

Cửa không khóa. Khi tôi mở nó ra và bước vào bên trong, tôi gần như không thể nhận ra xung quanh mình. Điều đó một phần là do ánh sáng leo lét chập chờn của ngọn đèn dầu, nhưng cũng

bởi thực tế là có những tấm vải trắng hoặc khăn mặt nào đó đã được treo lên nóc những cái chuồng ở bức tường cuối phòng.

Tôi nhìn chiếc ghế dài nơi Mary Lou đã ngủ. Nàng không còn ở đó. Gian phòng có một cái mùi kì lạ - ấm cúng và ngọt ngào. Bản thân nó thì ấm áp và thiếu không khí, như thể nhiệt độ đã được tăng lên. Tôi đứng lặng một lúc, cố gắng quen với nơi chốn đã thay đổi trong ánh sáng mờ tối. Tôi không thể quan sát thấy bất kì loài bò sát nào trong các chuồng nuôi. Chuồng trần trông rất lạ, và có khối gì đó u lên ở giữa.

Tôi tìm thấy một công tắc trên tường, bật đèn lên rồi đứng đó chớp chớp cho quen mắt.

Thế rồi một giọng nói cất lên trước mặt tôi:

- Cái quái gì vậy....

Giọng nói của Mary Lou. Cái khối dưới sàn chuồng trần tự thu lại và tôi nhận ra đó là Mary Lou. Tóc nàng hơi bết và đôi mắt hơi nheo lại. Nom nàng giống hệt như vào cái đêm cách đây đã lâu, khi trong cơn kích động tôi tới đây đánh thức nàng dậy và cùng nhau trò chuyện.

Tôi mở miệng định nói, nhưng không thốt nên lời. Lúc này nàng đang ngồi ở mép chuồng, với hai chân buông thõng. Trong chuồng không còn mảnh kính nữa - và chắc chắn cũng không có con trần nào. Mary Lou đã đặt một tấm nệm vào đó để làm giường ngủ, thứ mà nàng đang ngồi bên trên. Mary Lou đưa tay dụi mắt và cố gắng tập trung nhìn tôi.

Cuối cùng tôi thốt lên:

- Mary Lou!

Nàng ngừng dụi mắt và nhìn tôi chăm chú.

- Chính là anh, Paul! - Nàng khẽ nói. - Có phải anh không?

- Phải. - Tôi đáp.

Mary Lou thả chân xuống sàn và bắt đầu chậm rãi tiến về phía tôi. Trên người nàng là một chiếc áo ngủ dài màu trắng nhẵn nhúm, còn khuôn mặt thì sưng húp vì ngủ. Đôi chân trần không tạo ra tiếng động trong lúc bước đi. Khi nàng đến bên tôi và dừng lại, ngược lên nhìn tôi từ dưới mái tóc bết với ánh mắt ngái ngủ nhưng vẫn nguyên vẹn sự mãnh liệt như trước đây, tôi cảm thấy có gì đó nghẹn lại trong cổ họng.

Mary Lou nhìn kĩ tôi từ đầu đến chân, rồi thốt lên:

- Chúa ơi, Paul. Anh đã thay đổi.

Tôi không nói gì, chỉ gật đầu.

Nàng lắc đầu, ngẫm ngợi.

- Trông anh... trông anh giống như kẻ sẵn sàng làm mọi chuyện.

Bỗng dưng tôi bật ra được thành lời:

- Đúng vậy.

Tôi bước tới và vòng tay ôm nàng vào lòng, ghì thật chặt. Tôi lập tức cảm thấy đôi tay nàng ôm quanh lưng, ghì tôi thậm chí còn chặt hơn. Tim tôi dường như vỡ òa khi tôi ôm ghì cơ thể săn chắc của Mary Lou, hít hà mùi tóc và mùi xà phòng tỏa ra từ chiếc cổ trắng ngần của nàng, cảm nhận bộ ngực của nàng chạm vào ngực tôi, bụng nàng áp vào bụng tôi, và bàn tay nàng vuốt ve lớp tóc sau gáy của tôi.

Tôi bắt đầu cảm thấy một sự rạo rực chưa từng có trước đây trỗi dậy trong toàn bộ cơ thể. Tôi trượt hai bàn tay dọc theo sống lưng cho đến khi chúng ở trên hông của nàng. Tôi hôn lên cổ Mary Lou.

- Anh Paul. - Nàng khẽ nói với giọng hơi lo lắng. - Em vừa mới thức dậy. Em cần phải rửa mặt, chải tóc...

- Không, không cần. - Tôi nói và đan hai tay vào nhau, ghì nàng sát vào mình hơn.

Mary Lou áp lòng bàn tay vào má tôi.

- Chúa ơi, Paul! - Nàng dịu dàng thốt lên.

Tôi nắm tay nàng dẫn lại chỗ chiếc giường mà nàng đã tự làm cho mình trong chuồng trần. Chúng tôi cởi quần áo mà không rời mắt khỏi nhau. Tôi cảm thấy mạnh mẽ và tự tin hơn bao giờ hết.

Tôi nhẹ nhàng đặt nàng xuống nệm và hôn khắp cơ thể trần truồng - mặt trong cánh tay, khe hõm giữa hai bầu ngực, chiếc bụng, mặt trong đùi, cho đến khi nàng rên lên vì sung sướng. Tim tôi đập điên cuồng nhưng đôi tay tôi không hề run rẩy.

Thế rồi, tôi từ từ đi vào bên trong nàng, dừng lại một chút trước khi dần sâu hơn. Tôi bị cuốn đi trong ngây ngất. Tôi không thể nói được bất cứ điều gì.

Không rời mắt khỏi khuôn mặt của nhau, chúng tôi tiếp tục chuyển động cơ thể một cách nhịp nhàng. Càng nhìn Mary Lou tôi càng thấy nàng xinh đẹp. Khoái cảm mà chúng tôi có được từ việc chúng tôi đang làm thật đáng kinh ngạc, không thể tin nổi. Nó không giống như cách quan hệ tình dục mà tôi từng biết và từng được dạy. Tôi chưa bao giờ nghĩ rằng con người có thể làm tình

như thế này. Khi cơn cực khoái ập đến, nó thật sự choáng ngợp. Tôi rú lên và ghì chặt lấy Mary Lou.

- Chúa ơi. - Mary Lou thì thầm. - Chúa ơi, Paul.

Tôi chống một khuỷu tay và nhòm dậy, nhìn nàng một lúc lâu. Mọi thứ dường như khác hẳn. Tốt hơn. Và rõ nét hơn.

Cuối cùng tôi nói:

- Anh yêu em, Mary Lou.

Nàng nhìn tôi và gật đầu. Rồi nàng mỉm cười.

Chúng tôi im lặng nằm cạnh nhau suốt một lúc lâu. Sau đó, Mary Lou mặc lại váy và nói khẽ:

- Em ra đài phun nước rửa mặt đây.

Nói đoạn nàng bỏ ra ngoài.

Tôi nằm yên tại chỗ trong vài phút, cảm thấy thư thái, hạnh phúc và bình thản. Sau đó, tôi đứng dậy, mặc quần áo và đi ra ngoài để gặp Mary Lou.

Trời tối đen, nhưng chắc Mary Lou đã bật một công tắc nào đó, vì đài phun nước sáng đèn và tiếng nhạc vui tươi bắt đầu vang lên.

Tôi men theo lối đi tiến về phía ánh sáng. Mary Lou đang cúi xuống hồ và dùng tay vốc nước rửa mặt. Tôi tiến đến cách đó vài bước mà nàng vẫn không nhận ra sự hiện diện của tôi. Nàng ngừng tay, ngồi dậy, và kéo góc váy lên quá đầu gối để lau mặt.

Tôi quan sát nàng một lúc, rồi lên tiếng:

- Em có muốn dùng cái lược của anh không?

Mary Lou giật mình nhìn lên và kéo váy xuống trở lại. Nàng mỉm cười ngượng ngùng.

- Có ạ. - Nàng đáp.

Tôi đưa cho Mary Lou cái lược và ngồi xuống thành hồ, quan sát nàng chải tóc trong ánh sáng của những ngọn đèn rơi vào mặt nước.

Với mái tóc chải kỹ và khuôn mặt được rửa sạch, trông Mary Lou đẹp ngỡ ngàng. Làn da nàng như bừng sáng. Tôi không muốn nói gì, tôi chỉ nhìn ngắm, tận hưởng sự hiện diện của nàng, cho đến khi nàng cụp mắt xuống và mỉm cười.

Rồi nàng ngập ngừng hỏi tôi:

- Người ta thả anh ra khỏi tù à?

- Anh đã bỏ trốn.

-Ồ. - Nàng thốt lên và ngược mắt nhìn tôi, như thể mới trông thấy tôi lần đầu tiên. - Nó có tệ lắm không? Nhà tù ấy?

- Anh đã học được một số thứ trong quãng thời gian ở tù. Nó đã có thể tồi tệ hơn.

- Nhưng anh vẫn bỏ trốn.

Sự mạnh mẽ trong giọng nói của Mary Lou khiến tôi ngạc nhiên.

- Anh muốn quay về với em. - Tôi đáp.

Nàng lại cụp mắt xuống trong giây lát, trước khi ngẩng lên nhìn tôi.

- Chúa ơi. Em thật mừng khi anh quay lại.

Tôi gật đầu và đáp:

- Anh đói rồi. Để anh kiếm gì đó cho chúng mình.

Tôi quay người, đi ngược trở lại.

- Đừng đánh thức con nhé. - Nàng thốt lên.

Tôi dừng bước và quay lại nhìn Mary Lou. Nom nàng có vẻ hơi hoang mang.

- Con? - Tôi hỏi lại.

Mary Lou bỗng lắc đầu và bật cười:

- Chúa ơi, anh Paul. Em quên khuấy đi mất. Giờ ta đã có một đứa con.

Tôi trở mắt nhìn nàng.

- Vậy tức là anh đã làm cha?

Mary Lou nhanh chóng đứng dậy với khuôn mặt vô cùng trẻ trung, chạy đến chỗ tôi trên lối đi, rồi quàng hai cánh tay quanh cổ tôi, và như một thiếu nữ, nàng đặt lên má tôi một nụ hôn.

- Đúng rồi, anh Paul. - Nàng nói. - Giờ anh đã là một người cha.

Nói đoạn nàng nắm tay tôi dẫn về Nhà Bò sát. Tôi nhận ra những mảnh vải trắng phơi trong đó là tã trẻ con.

Mary Lou dẫn tôi tới một trong những chiếc chuồng nhỏ nhất, nơi từng có bầy cự đà, và kia, nằm ngủ trong tư thế úp bụng, được quấn trong một cái tã trắng, là một đứa trẻ. Nó có làn da trắng xanh và trông khá bụ bẫm. Nó đang ngáy khe khẽ, nơi khóe miệng có một chút bọt dãi. Tôi đứng đó nhìn nó hồi lâu.

Rồi tôi nói với Mary Lou:

- Nó là con gái à?

Nàng gật đầu.

- Em đặt tên cho con là Jane. Theo tên của vợ bố Simon.

Nghe cũng ổn. Tôi thích cái tên này. Tôi thích được làm cha. Việc chịu trách nhiệm cho một ai khác, cho đứa con của mình, dường như là một điều tốt.

Tôi cố hình dung ba người chúng tôi bên nhau, như một gia đình giống như những gia đình trong các bộ phim đen trắng thời xưa, nhưng phim ảnh chẳng có gì gần với điều này, khi tôi đứng đó trong Nhà Bò sát, với những chiếc tã phơi trên các chuồng rấn và cự đà trống rỗng, mùi sữa ấm và tiếng ngáy nhẹ. Tôi cố hình dung mình là một người cha như hình tượng mà tôi đã nghĩ đến lúc ở trong tù, khi tôi khao khát Mary Lou một cách bất lực và chỉ muốn tự sát, nhưng tôi nhận ra mình đã luôn hình dung về con tôi như một đứa trẻ lớn hơn - giống Roberto và Consuela. Mà chúng thì lại thuộc về một thế giới khác, thế giới của những người đưa thư thân thiện, của xe Chevrolet và Coca Cola, chứ không phải của tôi.

Tôi không cần thế giới ấy. Thế giới này, dù có khiếm khuyết, vẫn hợp với tôi hơn. Sinh linh bé nhỏ bụ bẫm, ấm áp và có mùi đang nằm úp mặt vào gối trước mắt tôi chính là con gái tôi. Jane. Thế cũng đủ làm tôi hạnh phúc rồi.

Mary Lou lên tiếng:

- Em có thể lấy cho chúng ta một chiếc bánh sandwich. Phô mai Pimiento.

Tôi lắc đầu, rồi đi ra ngoài. Mary Lou lặng lẽ bước theo sau. Khi chúng tôi đã ở bên ngoài, nàng nắm tay tôi và nói:

- Anh Paul, em muốn nghe anh kể về cuộc đào thoát.

- Để sau đi. - Tôi đáp. - Anh sẽ đi lấy trứng.

Nàng ngạc nhiên nhìn tôi.

- Anh có trứng à?

- Đi với anh.

Tôi dẫn nàng đi vòng qua tòa nhà, tới chỗ chiếc xe buýt giao cảm đang đậu. Rồi tôi lên xe trước, treo cái đèn dầu lên trần. Tôi châm thêm cái đèn dầu kia nhờ chiếc bật lửa của trại tù, rồi chỉnh cho lửa to hết cỡ.

Tôi dắt Mary Lou lên xe. Nàng đứng giữa lối đi và nhìn quanh. Tôi không nói gì.

Tôi đã thu xếp một giá sách ở cuối xe bằng cách lật ngửa hàng ghế lại, những cuốn sách của tôi được bày thành hàng gọn ghẽ trên đó. Biff đang cuộn mình nằm ngủ trên những cuốn sách.

Bên cạnh những cuốn sách là mấy bộ quần áo mới của tôi, được treo cùng với những trang phục mà tôi đã mua cho Mary Lou. Ở khoảng giữa xe, đối diện với chỗ tôi đặt tấm nệm, là khu vực nấu ăn, với một cái bếp cắm trại màu xanh, xoong chảo, đĩa ăn và những lon đồ hộp, cùng với năm chiếc bánh cà phê mà tôi đã làm với Annabel. Tôi quan sát nét mặt của Mary Lou. Nàng có vẻ ấn tượng, nhưng không nói gì.

Tôi đặt chảo lên bếp để làm nóng trong lúc đập trứng rồi đánh với muối và tương ớt. Sau đó, tôi nạo một ít pho mát được Rod Baleen làm từ sữa dê và trộn với một ít mùi tây. Khi chảo đã đủ nóng, tôi đổ một nửa hỗn hợp trứng vào đó và bắt đầu khuấy nhanh trong khi lắc chảo tới lui trên ngọn lửa. Sau đó, trước khi

trứng chín vàng và trong khi phần giữa vẫn còn ẩm, tôi cho phô mai và rau mùi tây vào, để phô mai hơi tan chảy, gập đôi miếng trứng lại và bày ra đĩa. Tôi đưa cái đĩa cho Mary Lou.

- Ngồi xuống đi. - Tôi nói. - Anh sẽ lấy cho em một cái nữa.

Nàng ngồi xuống.

Khi tôi đưa cho Mary Lou cái nữa, tôi hỏi:

- Chuyện đó có khó không? Sinh con ấy? Có đau đớn không em?

- Chúa ơi, có chứ. - Nàng nói và cắn một miếng trứng trắng, nhai từ từ, rồi nuốt. - Anh ơi! - Nàng thốt lên. - Món này ngon thế! Anh gọi nó là gì?

- Đó là món trứng trắng. - Tôi đáp. Sau đó, tôi bắc một ít nước lên cái bếp còn lại để pha cà phê và bắt đầu làm trứng trắng cho mình. - Ngày xưa, phụ nữ đôi khi cũng chết trong lúc sinh nở đấy.

- Vâng, em thì không. - Nàng nói. - Và em có Bob để nhờ vả.

- Bob? - Tôi hỏi lại. - Bob là ai?

- Bob Spofforth. - Mary Lou đáp. - Robot trưởng khoa ấy. Sếp cũ của anh.

Tôi đã nấu xong món trứng trắng của mình. Sau đó, tôi rót cho cả hai chúng tôi một ít cà phê vào những cái cốc mà Annabel đã làm và ngồi xuống đối diện với Mary Lou qua lối đi, trên tấm nệm của tôi.

- Spofforth giúp em sinh con à? - Tôi hỏi, mừng tượng trong đầu cảnh ông ta, giống như William S. Hart trong phim *Bác sĩ Sagebrush*, đứng bên giường của một người phụ nữ sắp sinh con. Nhưng tôi không thể hình dung Spofforth với chiếc mũ cao bồi.

- Vàng. - Mary Lou đáp.

Có gì đó kì lạ, gần như là sự đau đớn trên khuôn mặt Mary Lou khi nàng nhắc đến Spofforth. Tôi cảm thấy nàng muốn nói với tôi nhưng chưa sẵn sàng để chia sẻ.

- Ông ta đã cắt dây rốn. Ít ra thì sau đó ông ta đã nói với em như vậy. Em đã quá đờ đẫn nên không thể dám chắc. - Nàng lắc đầu. - Là thật. Lần duy nhất trong đời em thực sự muốn uống một viên thuốc, thì một tuần sau đó em yêu cầu Bob dừng việc phân phối chúng.

- Dừng phân phối chúng? - Tôi nói. - Ma túy á?

- Đúng rồi. Sắp có một số thay đổi. - Mary Lou mỉm cười. - Một số người sẽ nôn nao vì thiếu thuốc đấy.

Tôi không quan tâm đến điều đó.

- Đờ đẫn? - Tôi hỏi lại. - Anh không thể tưởng tượng em như thế.

- Không giống như với thuốc đau. Nó rất đau, nhưng không đến mức không thể chịu đựng nổi.

- Và Spofforth đã giúp em?

- Sau khi đưa anh đi, ông ta... ông ta đã theo dõi thai kì của em. Và khi đứa bé ra đời, ông ta đã lấy sữa từ Burger Chef cho em. Ông ta tìm được một bình sữa cổ dành cho trẻ con trong một nhà kho ở đâu đó. Em nghĩ ông ta biết cần tìm các thứ ở đâu tại New York. Tã lót. Và xà phòng giặt để giặt chúng. - Nàng nhìn ra ngoài cửa sổ một lúc. - Có lần ông ta đã lấy cho em một chiếc áo choàng màu đỏ. - Nàng lắc đầu, như thể cố gắng rũ bỏ kí ức. - Em giặt tã trong đài phun nước. Bây giờ Jane đã ăn được bánh sandwich nghiền, và em cũng có rất nhiều sữa bột cho con bé.

Tôi đã hoàn thành món trứng trắng của mình.

- Anh đã sống một mình, trong một ngôi nhà bằng gỗ mà anh đã sửa lại. - Tôi nói. - Với sự giúp đỡ của một số người bạn.

“Bạn” là một từ có vẻ lạ lẫm. Tôi chưa bao giờ gọi người nhà Baleen như thế trước đây, nhưng đó là từ đúng.

- Để anh lấy cho em một thứ. - Tôi nói tiếp.

Tôi đi xuống cuối xe và lấy những bộ váy, quần jeans và áo thun mà tôi đã kiếm được từ cửa hàng ở Maugre cho Mary Lou, rồi đặt chúng lên một chiếc ghế.

- Máy cái này. Và một hộp kẹo.

Tôi lấy một chiếc hộp hình trái tim ra khỏi cái hộc có nắp đậy, nơi tôi cất thức ăn, và đưa cho Mary Lou. Nàng có vẻ ngạc nhiên khi cầm chiếc hộp, không biết phải làm gì với nó. Tôi lấy nó từ tay nàng và mở nó ra. Có một tờ giấy đặt bên trên những viên kẹo, mang dòng chữ: “Hãy là Valentine của anh.” Tôi đọc to thành tiếng, rành rọt. Nó thật hay khi được đọc lên.

Mary Lou ngược lên nhìn tôi và hỏi:

- Valentine là gì ạ?

- Nó liên quan đến tình yêu. - Tôi đáp, rồi lấy tờ giấy ra.

Bên dưới tờ giấy có những viên kẹo, mỗi viên được gói trong một màng nhựa bảo quản thực phẩm trong suốt. Tôi lấy ra một viên sô cô la lớn đưa cho nàng.

- Em hãy dùng móng tay để bóc nó ra. Từ phía dưới, chỗ mặt phẳng ấy.

Mary Lou nhìn viên kẹo và thử bóc bằng móng tay của mình, nhưng không được.

- Anh gọi cái này là gì? - Nàng hỏi.

- Viên kẹo. Em ăn đi.

Tôi lấy nó từ tay nàng và bóc màng nhựa. Tôi đã trở thành chuyên gia trong lĩnh vực này khi học cách ăn nhiều thứ khác nhau từ Sears trong năm qua. Tôi đưa viên kẹo cho Mary Lou, và nàng nhìn nó một lúc, lật qua lật lại trong những ngón tay của mình. Có lẽ nàng chưa bao giờ nhìn thấy sô cô la trước đây. Tôi cũng thế, trước khi đến Maugre.

- Ném thử đi. - Tôi giục.

Nàng cắn vào viên sô cô la và bắt đầu nhai. Sau đó, nàng nhìn tôi chằm chằm, miệng hơi lúng búng, với một vẻ ngạc nhiên thú vị:

- Chúa ơi! Rất ngon!

Tiếp đó tôi đưa chiếc trang phục cho Mary Lou. Nàng nhìn chúng với ánh mắt thích thú.

- Cho em á? - Nàng hỏi lại, trước khi thốt lên. - Tuyệt quá, anh Paul. Thực sự tuyệt vời.

Chúng tôi im lặng ngồi đó một lúc, tôi với hộp kẹo trong lòng, Mary Lou với chồng váy áo mới trên đùi. Tôi ngắm nhìn khuôn mặt nàng.

Cửa xe buýt mở ra. Đột nhiên một tiếng khóc la thật lớn vang lên, giống như tiếng còi báo động, trừ việc nó nghe có vẻ rất con người và đầy giận dữ.

- Ôi Chúa ơi! - Mary Lou kêu lên và đứng bật dậy với chiếc quần áo trên tay. - Đứa bé! - Nàng lao ra khỏi xe buýt và hét lại với tôi.
- Cho em mười phút. Em muốn thử quần áo.

Tôi rời khỏi xe buýt, đi bộ trở lại đài phun nước, và ngồi xuống thành hồ. Âm nhạc du dương và bay bổng cùng với tiếng nước rơi nhẹ nhàng sau lưng thật dễ chịu. Tôi ngẩng lên nhìn. Mặt trăng vẫn còn lộ rõ và chưa có dấu hiệu của bình minh. Tôi cảm thấy hoàn toàn thoải mái.

Sau đó Mary Lou bước ra khỏi Nhà Bò sát, trên tay lĩnh kỉnh các thứ. Nàng nhẹ nhàng dùng cùi chỏ khép cửa lại sau lưng. Nàng mặc quần jeans xanh cùng với áo thun trắng, chân đi xăng đan và bế con một cách điệu nghệ bằng một tay. Trong tay còn lại là những trang phục mới được tôi tặng, cùng với một chồng tã bên trên.

Bộ quần áo nàng đang mặc vừa vặn một cách hoàn hảo. Tóc nàng được chải gọn gàng, và khuôn mặt nàng thật rạng rỡ trong khi tiến về phía tôi dưới ánh sáng của đài phun nước. Đứa bé đã ngừng khóc và đang nằm trong vòng tay mẹ, ngoan ngoãn. Nhìn cả hai, tôi bỗng thấy ghen đi trong giây lát.

Sau đó tôi thở hắt ra và nói khẽ:

- Anh có thể làm một cái giường trẻ em từ một trong những chiếc ghế xe buýt. Và chúng ta có thể đi khỏi đây cùng nhau.

Nàng ngước lên nhìn tôi:

- Anh muốn rời khỏi New York thật sao?

- Anh muốn đến California. - Tôi đáp. - Anh muốn đi xa khỏi New York nhất có thể. Anh muốn tránh xa robot, ma túy, và

những người khác. Anh có sách, âm nhạc, em, và Jane. Thế là đủ. Anh không cần New York nữa.

Mary Lou nhìn tôi hồi lâu trước khi trả lời. Rồi nàng đáp:

- Được. - Nàng ngưng lại một chút. - nhưng có một việc em cần phải làm...

- Cho Spofforth? - Tôi hỏi.

Đôi mắt nàng mở to.

- Vâng. Em cần làm một việc cho Spofforth. Ông ta muốn chết. Em đã... thỏa thuận với ông ta. Em sẽ giúp ông ta.

- Giúp ông ta chết?

- Vâng. Chuyện đó khiến em sợ hãi.

Tôi nhìn Mary Lou.

- Anh sẽ giúp em. - Tôi nói.

Nàng nhìn tôi, nhẹ nhõm ra mặt.

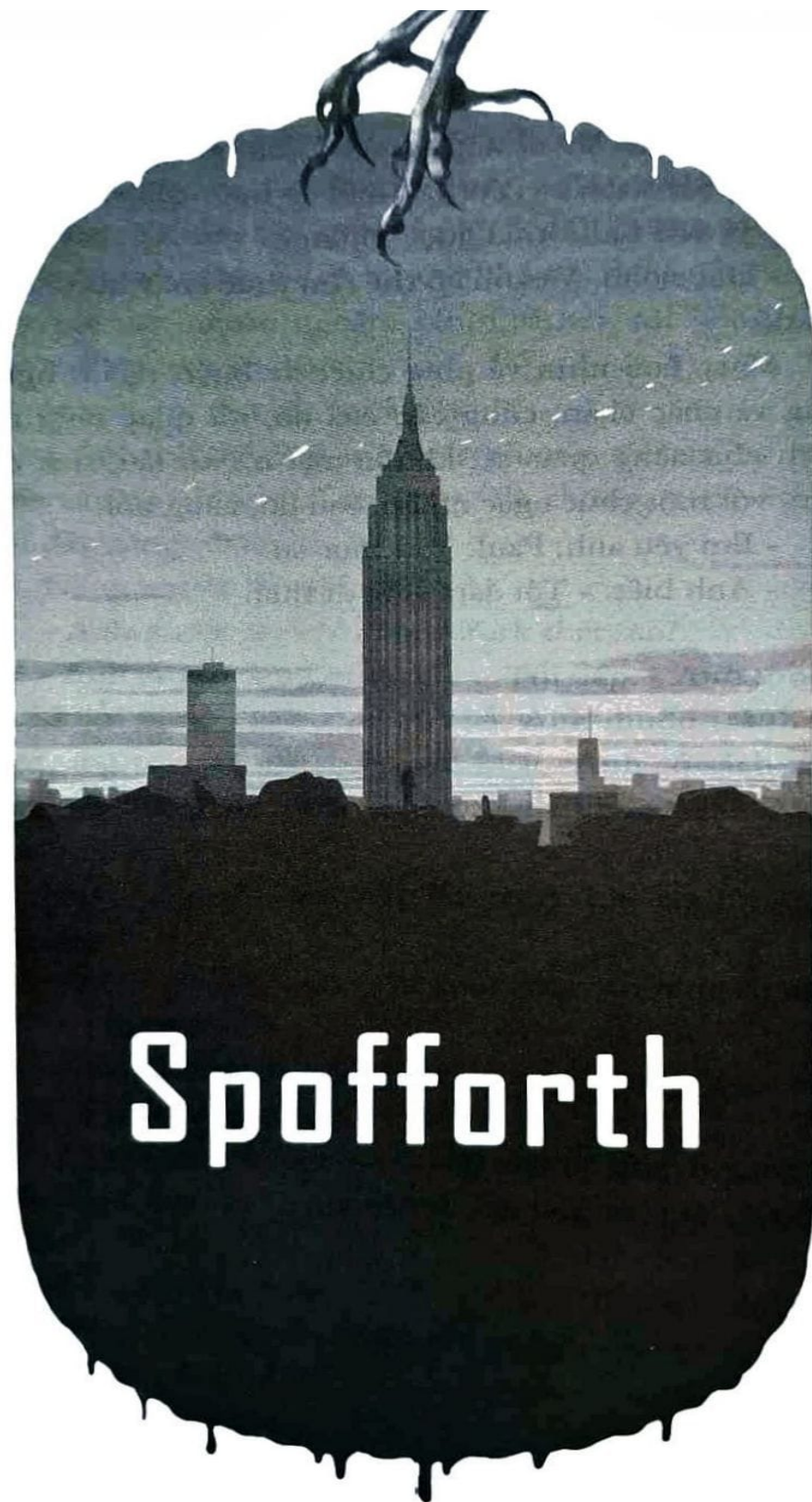
- Em sẽ đi lấy những món đồ của Jane. Em nghĩ đã đến lúc phải rời New York. Chiếc xe buýt này có thể đưa chúng ta đến California được không?

- Được chứ. Và anh có thể tìm thức ăn. Chúng ta sẽ đến đó.

Mary Lou nhìn về phía chiếc xe buýt, ngấm ngấm dáng vẻ chắc chắn, cứng cáp của nó, rồi quay sang tôi. Hình như nàng quan sát khuôn mặt tôi rất lâu, thật cẩn thận, với một chút ngạc nhiên. Sau đó, nàng nói:

- Em yêu anh, Paul. Yêu thực sự.

- Anh biết. - Tôi đáp. - Ta đi thôi.



Xét riêng, trông nó giống như hồi năm 1932 - một tòa nhà về cơ bản là ngớ ngẩn, phi nhân tính, kiểu dáng kiến trúc chỉ liên quan đến chiều cao và sự táo bạo. Hiện tại, vào ngày 3 tháng Sáu năm 2467, nó vẫn có cùng số lượng tầng từng có lúc trước, một trăm lẻ hai, nhưng giờ đây tất cả đều trống rỗng, ngay cả đồ đạc của các văn phòng cũng không còn. Nó cao ba trăm tám mươi một mét. Gần một phần tư dặm. Và chẳng còn công năng gì. Nó chỉ là một dấu mốc, một bằng chứng câm lặng cho khả năng làm ra những thứ quá lớn của con người.

Bối cảnh xung quanh đã làm nó nổi bật hơn cả cách mà New York của thế kỷ 20 từng làm được. Không còn tòa nhà chọc trời nào khác ở New York. Nó thực sự lừng lững bên trên Manhattan với hình dáng và mục đích độc đáo, đúng như cách mà nó lần đầu hiện lên trong cái đầu đầy khát vọng của các kiến trúc sư thiết kế ra nó. New York đã gần như là một nắm mồi. Và tòa nhà Empire State chính là bia mồi.

* * *

Spofforth đứng gần mép sân nhất có thể. Ông đang ở một mình, chờ đợi Bentley và Mary Lou leo lên đến nơi. Ông đã bế đứa con của Mary Lou cho cô và hiện đang ôm nó trong tay, che chắn nó khỏi gió. Em bé đang ngủ trong vòng tay của ông.

Bầu trời sẽ sớm sáng lên từ bên phải Spofforth, phía trên sông Đông và Brooklyn, nhưng giờ thì vẫn còn tối. Những ánh đèn xe buýt giao cảm có thể được nhìn thấy bên dưới. Chúng di chuyển chậm rãi dọc theo Đại lộ số Năm và số Ba, Lexington, Madison,

Broadway, thậm chí xa hơn, qua Công viên Trung tâm. Có ánh đèn trong một tòa nhà ở Đường số 50, nhưng Quảng trường Thời đại thì không. Spofforth quan sát những ánh đèn, chắn gió cho đứa trẻ và chờ đợi.

Thế rồi, ông nghe thấy cánh cửa nặng nề phía sau lưng mở ra cùng tiếng bước chân của họ. Gần như ngay lập tức, giọng nói của Mary Lou, gần như muốn tắt thở, cất lên:

- Đứa bé, Bob. Giờ tôi nhận lại nó được rồi.

Chuyến leo cầu thang đã khiến họ mất ba tiếng đồng hồ.

Ông quay lại, nhìn thấy dáng người của họ và chìa đứa bé ra. Bóng đen của Mary Lou đỡ lấy nó và nói:

- Hãy nói cho tôi biết khi nào ông sẵn sàng, Bob. Tôi sẽ phải đặt em bé xuống.

- Chúng ta sẽ đợi cho đến khi trời sáng. - Ông nói. - Tôi muốn có thể nhìn thấy mọi chuyện.

Hai người kia ngồi xuống đối diện với Spofforth. Ông nhìn thấy một ngọn lửa màu vàng xuất hiện, rung rinh trong gió, khi Bentley châm một điếu thuốc. Luồng sáng đột ngột giúp ông nhìn thấy cơ thể mạnh mẽ của Mary Lou đang co lại, ôm ấp đứa con của mình, còn mái tóc cô bị gió thổi sang hai bên.

Ông đứng đó, nhìn vào thứ giờ chỉ là một bóng đen của Mary Lou, với dáng người của Paul Bentley bên cạnh đang chạm vào cô: Nguyên mẫu xưa cũ của một gia đình loài người tại đây, nơi đỉnh tòa nhà kì cục này, bên trên một thành phố chết lặng và vô định, một thành phố của những giấc ngủ ngầy ngật vì ma túy cho con người, và thứ cuộc sống mô phỏng gồm ghiếc cho đám robot của

nó, với ánh sáng duy nhất phát ra từ mấy bộ óc nhỏ bé dễ chịu của các chiếc xe buýt đang hài lòng và thoải mái chạy quanh trên những con phố vắng. Bộ não Spofforth có thể cảm nhận được tiếng rì rầm của những luồng ý nghĩ ngoại cảm, nhưng chúng không tác động được đến tình trạng nhận thức của ông. Có gì đó đang len lỏi vào tâm trí ông, thật chậm rãi và nhẹ nhàng. Tâm hồn ông lắng lại để tiếp nhận nó. Ông quay người và hướng mắt về phía Bắc.

Từ không trung và bóng tối vang lên tiếng đập khế trong gió, rồi một chấm đen nhỏ đáp xuống cẳng tay phải không nhúc nhích của Spofforth và, trong hình hài đột ngột bất động, trở thành một con chim. Đậu trên cánh tay của ông, một con chim sẻ, một con chim sẻ thành phố - cứng cỏi và lo lắng trên độ cao quá sức. Nhưng nó ở lại đó, cùng ông chờ đợi bình minh.

Và rồi bình minh cũng xuất hiện từ dưới thấp, trên khu Brooklyn, lan dần tới Thượng Manhattan, khu Harlem, White Plains và nơi từng là Đại học Columbia, một ánh sáng màu xám trên vùng đất mà người da đỏ đã từng nằm ngủ trên những bộ da thú bản thổ, trước khi trở thành chỗ để cho những kẻ da trắng điên cuồng tập trung quyền lực, tiền bạc và tham vọng, dựng lên các cao ốc trong sự hống hách và tự mãn rô dại, lấp đầy đường phố với taxi và những con người lo âu, để rồi cuối cùng tàn tạ vì ma túy và sự vị kỉ. Bình minh lan rộng và mặt trời ló lên, đổ rục cả dòng sông Đông. Con chim sẻ ngoảnh đầu bay khỏi cánh tay trần của Spofforth, tự mình đương đầu với cuộc sống nhỏ bé của nó.

Và thứ đã chậm rãi len lỏi vào trong tâm trí Spofforth giờ đây trở nên rõ ràng: Niềm vui. Ông vui như đã từng vui sướng một trăm bảy mươi năm trước, ở Cleveland, khi lần đầu tiên có một

trải nghiệm nhận thức, hồng hộc thở những hơi đầu tiên của sự sống trong một nhà máy sắp giải thể, khi ông còn chưa biết rằng mình hoàn toàn đơn độc trên đời và sẽ luôn như vậy.

Ông cảm nhận bề mặt cứng bên dưới đôi chân trần của mình một cách thích thú, cảm nhận luồng gió mạnh trên khuôn mặt và những cái co bóp chắc chắn của quả tim, cảm nhận tuổi trẻ và sức mạnh của mình, và trong thoáng chốc, ông yêu những cái đó chỉ vì bản thân chúng mà thôi.

Spofforth nói to, không ngoái nhìn phía sau:

- Giờ thì tôi đã sẵn sàng rồi.

Ông nghe thấy tiếng đứa bé la khóc khi Mary Lou đặt nó xuống ngưỡng cửa. Ông cảm thấy hai bàn tay trên thắt lưng và biết chúng là của cô. Giây lát sau ông cảm thấy những bàn tay lớn hơn ở phía trên chúng. Ông nghe thấy tiếng thở. Đôi mắt của ông hướng thẳng về phía trước, lúc này đang nhìn về phía mỏm trên của Đảo Manhattan.

Sau đó, trên tấm lưng trần của mình, ông cảm nhận được mái tóc của cô, tiếp đến khi phần thân trên bắt đầu đổ về phía trước, ông cảm thấy môi cô áp vào lưng mình, nhẹ nhàng đặt lên đó một nụ hôn - ông cảm thấy hơi thở phụ nữ mềm mại và ấm áp của cô. Ông dang rộng hai tay. Và ngã xuống.

Và ô kìa, ông tiếp tục rơi. Cuối cùng, với khuôn mặt thanh thản bị gió lạnh thổi thốc từ dưới lên, bộ ngực trần phơi bày, đôi chân mạnh mẽ duỗi thẳng, các ngón chân hướng xuống, miệng ống quần kaki bay lật phật trên mu bàn chân và bộ não nhân tạo vui sướng trong lúc lao tới trước, món đồ chơi đẹp nhất của con người mang tên Robert Spofforth găm lên trong ánh bình minh

Manhattan và dang rộng hai cánh tay lực lưỡng, đón Đại lộ số Năm vào vòng tay run rẩy của mình.

CHIM NHẠI

NHÀ XUẤT BẢN KIM ĐỒNG

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc **BÙI TUẤN NGHĨA**

Chịu trách nhiệm nội dung:

Tổng biên tập **VŨ THỊ QUỲNH LIÊN**

Biên tập: **Đoàn Thị Mỹ Phương**

Trình bày: **Thảo Phương**

Sửa bài: **Đắc Quý, Bảo Trung**

In và gia công 2.000 bản - Khổ (14×20.5)cm, tại Công ty TNHH
MTV Lê Quang Lộc,

Địa chỉ: 161 Lý Chính Thắng, Q.3, TP.HCM.

SỐ XNĐKXB; 44-2023/CXBIPH/114-03/KĐ cấp ngày 06 tháng 01
năm 2023.

Quyết định xuất bản số: 9/QĐKĐCN cấp ngày 10/02/2023.

In xong và nộp lưu chiểu quý I năm 2023.

ISBN 978-604-2-28258-1